

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRUNG THÀNH

XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRUNG THÀNH

**XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC
Mã số: 9310204

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. GS.TS. LẠI QUỐC KHÁNH

2. TS. TRẦN THỊ HỘI

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, luận án là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, consisting of a large, stylized 'N' followed by a horizontal line and some smaller, less distinct strokes.

Nguyễn Trung Thành

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	7
1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	7
1.2. Đánh giá chung về kết quả những công trình đã công bố và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu.....	22
Chương 2: LÝ LUẬN CHUNG VỀ XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM	29
2.1. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến luận án.....	29
2.2. Cách tiếp cận đạo đức công dân của Hồ Chí Minh	37
2.3. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức công dân	42
Chương 3: THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	73
3.1. Thành tựu chủ yếu và nguyên nhân.....	73
3.2. Những hạn chế chủ yếu và nguyên nhân.....	113
3.3. Những vấn đề đặt ra trong xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay	136
Chương 4: NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI	142
4.1. Những yếu tố tác động đến xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam trong bối cảnh mới	142
4.2. Yêu cầu xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam trong bối cảnh mới	148
4.3. Giải pháp xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam trong bối cảnh mới	153
KẾT LUẬN	197
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	199
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	200
PHỤ LỤC	211

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết đầy đủ	Chữ viết tắt
Chủ nghĩa xã hội	CNXH
Chính trị quốc gia	CTQG
Đạo đức công dân	ĐĐCD
Kinh tế - xã hội	KT-XH
Nhà xuất bản	NXB
Xã hội chủ nghĩa	XHCN

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 3.1. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về những thành tựu trong xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay	73
Bảng 3.2. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về kết quả thực hiện các phương thức xây dựng ĐĐCD Việt Nam hiện nay.....	85
Bảng 3.3. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về mức độ chuyển biến của ý thức ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay.....	99
Bảng 3.4. Hiểu biết pháp luật của công dân Việt Nam (so sánh trong 2 năm 2012 và 2015)	102
Bảng 3.5. Kết quả thu ngân sách Nhà nước của ngành thuế từ 2011 - 2023	107
Bảng 3.6. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về mức độ hạn chế về xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay.....	114
Bảng 3.7. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về mức độ nghiêm trọng của những suy thoái về ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay.....	123
Bảng 3.8. Nhận thức của công dân Việt Nam về vai trò của Hiến pháp trong năm 2012 và 2015.....	126
Bảng 3.9. Biết về Hiến pháp - So sánh 2012 - 2015	126
Bảng 3.10. Thống kê tình hình vi phạm pháp luật ở Việt Nam trong 3 năm 2021, 2022, 2023	127

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Trang

Biểu đồ 3.1. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về mức độ hạn chế, bất cập của chính sách, pháp luật	118
Biểu đồ 3.2. Đánh giá của cán bộ, đảng viên về mức độ tạo lập môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh.....	119
Biểu đồ 3.3. Đánh giá của người dân về mức độ tạo lập môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh.....	119
Biểu đồ 3.4. Mức độ tìm hiểu thông tin của người dân.....	124
Biểu đồ 3.5. Mức độ tìm hiểu thông tin pháp luật của người dân.....	125

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xã hội dân chủ, ngoài việc hoàn thiện thể chế nhà nước nhằm bảo đảm và phát huy cao nhất quyền làm chủ của nhân dân thì nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD có vai trò đặc biệt quan trọng. Bởi vì, khi ĐĐCD được nâng cao sẽ giúp cho việc tuân thủ những thiết chế xã hội của công dân giảm dần tính cưỡng chế. Mọi công dân khi đó sẽ tự giác, tự nguyện tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; việc thực hiện các yêu cầu của pháp luật và các yêu cầu của xã hội ngoài pháp luật sẽ trở thành nhu cầu, thành động cơ bên trong mỗi công dân. Đồng thời, nâng cao ĐĐCD còn tạo điều kiện cho mọi công dân được giải phóng hoàn toàn năng lực làm chủ, góp phần bảo đảm sự phát triển hài hòa, bền vững của xã hội dân chủ. Đạo đức công dân là nền tảng tinh thần định hướng, dẫn dắt công dân hướng tới những giá trị dân chủ mới, đề kháng với những biểu hiện phi dân chủ thông qua cơ chế sàng lọc, lựa chọn của cả cộng đồng theo những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức chung nhất. Tuy nhiên, ĐĐCD không phải là thuộc tính cá nhân bẩm sinh của mỗi người và không phải hình thành một lần là xong mà là kết quả của một quá trình giáo dục, rèn luyện và tự tu dưỡng lâu dài, liên tục, bền bỉ gắn với điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. Vì vậy, quá trình chuyển hóa các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD thành những phẩm chất cá nhân cần được đặt trong chiến lược tổng thể về xây dựng đạo đức, trong đó nhấn mạnh vai trò của gia đình, nhà trường, xã hội và sự tự giác tu dưỡng, rèn luyện của công dân.

Xây dựng ĐĐCD là tư tưởng cơ bản, nhất quán, xuyên suốt trong toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh. Người coi xây dựng ĐĐCD là một chiến lược cách mạng trọng yếu, nhiệm vụ chính trị trung tâm, cấp bách song song với các nhiệm vụ cấp bách khác của chế độ dân chủ nhân dân. Vì vậy, ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập” [89, tr.7] và yêu cầu mọi công dân phải “giữ đúng đạo đức công dân” [94, tr.258]. Theo Người, để thực hiện thắng lợi chiến lược cách mạng trên, Nhà nước phải tạo mọi điều kiện thuận lợi, thiết lập mọi cơ chế, chính sách bảo đảm để Nhân dân được hưởng thụ đầy đủ, kịp thời những thành quả cách mạng đã giành được và thực sự phát huy cao nhất quyền làm chủ của mình. Đồng thời, Người cũng mong muốn mọi công dân phải thường xuyên được giáo dục, rèn luyện và tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống, về phẩm chất công dân, để làm tròn bổn phận người chủ đất nước. Những

chỉ dẫn của Người về xây dựng ĐĐCD có ý nghĩa lý luận, thực tiễn sâu sắc, là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho việc hoạch định đường lối xây dựng đạo đức xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ cách mạng.

Trên cơ sở kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh xây dựng ĐĐCD, từng bước hiện thực hóa tư tưởng của Người trong công cuộc xây dựng chế độ mới XHCN. Thông qua đó, các chuẩn mực ĐĐCD dần được hình thành, củng cố và phát triển góp phần xây dựng nền tảng tinh thần xã hội. Nhờ đó, ý thức và hành vi đạo đức tốt đẹp của công dân ngày càng phổ biến và mang tính tự giác cao. Tuy nhiên, vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD ở nước ta tại một số thời điểm chưa được quan tâm đúng mức, còn thiếu đồng bộ và hiệu quả chưa cao; tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD chưa được vận dụng sáng tạo vào điều kiện thực tiễn đất nước trong từng giai đoạn cách mạng. Đặc biệt, dưới tác động của nhiều yếu tố, nhất là tác động từ toàn cầu hóa và mặt trái kinh tế thị trường đã làm nảy sinh một số biểu hiện tiêu cực, suy thoái nghiêm trọng về đạo đức, lối sống. Một bộ phận không nhỏ công dân bất chấp luật pháp, đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những phẩm chất cao quý của con người Việt Nam đã tìm cách né tránh trách nhiệm, vun vén lợi ích cá nhân, chà đạp lên lợi ích cộng đồng, đối lập với những chuẩn mực ĐĐCD, cần được kiên quyết, kiên trì ngăn chặn và đẩy lùi.

Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã và đang đặt ra yêu cầu cấp bách cần tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD. Nhiệm vụ trọng tâm là nhận thức đầy đủ thực trạng và bài học kinh nghiệm trong xây dựng ĐĐCD làm cơ sở xác lập hệ giá trị ĐĐCD phù hợp với định hướng phát triển đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới. Trong đó, cần nhấn mạnh đến yêu cầu phát huy vai trò của Đảng, Nhà nước trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện xây dựng ĐĐCD; kết hợp giữa xây dựng đạo đức với ngăn chặn, đẩy lùi biểu hiện suy thoái đạo đức; xây dựng môi trường ĐĐCD trong sạch, lành mạnh trên cơ sở kết hợp phát huy vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội với vai trò tự giác rèn luyện đạo đức của mỗi công dân; chú trọng kết hợp đề cao trách nhiệm nêu gương ĐĐCD của cán bộ, đảng viên với sự chủ động tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của thế hệ công dân trẻ. Bên cạnh đó, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD cần gắn chặt với yêu cầu đổi mới hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng “Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả”; thực hiện có hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực, phát huy vai trò giám sát của Nhân dân đối với thực trạng ĐĐCD trong xã hội.

Xuất phát từ những yêu cầu khách quan, cấp thiết cả về phương diện lý luận và thực tiễn, tôi lựa chọn vấn đề: ***“Xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sĩ ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD, luận án vận dụng vào việc đánh giá thực trạng, xác định yêu cầu và đề xuất giải pháp cơ bản nhằm đẩy mạnh xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài; chỉ ra những kết quả đạt được và những khoảng trống cần tiếp tục làm sáng tỏ.
- Làm rõ một số khái niệm công cụ, đồng thời hệ thống hóa, khái quát hóa những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD.
- Phân tích, đánh giá thực trạng xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay trên cơ sở kiên định, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Dự báo nhân tố tác động, đề xuất yêu cầu và giải pháp nhằm đẩy mạnh xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD và vận dụng tư tưởng đó trong xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD, được thể hiện trong các bài nói, bài viết, thư từ và hoạt động chỉ đạo thực tiễn của Người; đồng thời xem xét quá trình Đảng và Nhà nước vận dụng tư tưởng đó vào thực tiễn xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay.

- Về không gian: Luận án khảo sát thực tiễn xây dựng ĐĐCD trong phạm vi cả nước, đồng thời lựa chọn ba địa bàn tiêu biểu, đại diện cho ba vùng miền Bắc - Trung - Nam để nghiên cứu chuyên sâu, đối chiếu, so sánh, gồm: Hà Nội (trung tâm chính trị, hành chính quốc gia, có mức độ đô thị hóa cao), Nghệ An (địa phương giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, có sự đan xen giữa nông thôn và đô thị) và Thành phố Hồ Chí

Minh (trung tâm kinh tế - xã hội năng động nhất, chịu tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng).

- Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu quá trình vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam từ sau Đại hội VI (1986) đến nay, trong đó nhấn mạnh giai đoạn từ 2011 đến 2025, khi Đảng và Nhà nước ban hành, triển khai Cương lĩnh 2011 và nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, về phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được triển khai trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về đạo đức, ĐĐCD, phát triển văn hóa, con người và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Đồng thời, luận án kế thừa có chọn lọc kết quả nghiên cứu thuộc ngành Hồ Chí Minh học, đặc biệt trên các lĩnh vực: đạo đức xã hội; xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm nền tảng, kết hợp các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn, bao gồm:

- Chương 1: Sử dụng các phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp tài liệu để đánh giá tình hình nghiên cứu và định hình khung lý thuyết.

- Chương 2: Sử dụng các phương pháp hệ thống hóa, khái quát hóa, lịch sử và lôgic để làm rõ quá trình hình thành và phát triển nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD.

- Chương 3: Sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp để hệ thống hóa cơ sở thực tiễn; phân tích các văn kiện, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các tài liệu khoa học có liên quan đến xây dựng ĐĐCD.

Phương pháp điều tra xã hội học: Luận án xây dựng 2 mẫu phiếu điều tra, bao gồm: Mẫu phiếu cho cán bộ, đảng viên gồm 30 tiêu chí và mẫu phiếu cho người dân gồm 30 tiêu chí. Luận án tiến hành khảo sát ở 03 địa phương điển hình (Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh), với 770 phiếu cho cả hai đối tượng. Kết quả thu được 770 phiếu hợp lệ (trả lời đầy đủ 30 tiêu chí). Để phân tích, tổng hợp số liệu điều tra khảo sát, luận án sử dụng phương pháp xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS.

Phương pháp so sánh - đối chiếu dùng để đối chiếu giữa nhận thức và hành vi ĐĐCD hiện nay với chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh; giữa các vùng, các nhóm xã hội khác nhau nhằm rút ra tính phổ biến và đặc thù.

- Chương 4: Sử dụng phương pháp dự báo nhân tố tác động; phân tích, tổng hợp, diễn dịch và suy luận logic để xác định yêu cầu, giải pháp mang tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước trong kỷ nguyên mới.

5. Những đóng góp mới của luận án

- Hệ thống hóa các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, qua đó xác định khoảng trống khoa học và định vị hướng tiếp cận riêng của luận án.

- Góp phần hệ thống hóa, luận giải sâu sắc những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD; làm rõ tính khoa học, cách mạng và nhân văn của tư tưởng đó.

- Làm rõ mối liên hệ giữa xây dựng ĐĐCD với yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- Đánh giá khách quan thực trạng xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

- Dự báo các nhân tố tác động, đề xuất yêu cầu và giải pháp thiết thực, có giá trị tham khảo trong hoạch định chính sách và triển khai nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Luận án góp phần nghiên cứu chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực xây dựng ĐĐCD. Trên cơ sở khái quát hóa, hệ thống hóa và luận giải toàn diện các quan điểm của Hồ Chí Minh trên các khía cạnh chủ yếu như: mục tiêu, nội dung, phương thức xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam.

- Luận án khẳng định tính cách mạng, khoa học và nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD. Đồng thời, luận án làm sáng tỏ mối quan hệ biện chứng giữa xây dựng ĐĐCD với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn cho việc quán triệt, triển khai thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án góp phần cung cấp luận cứ khoa học nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đối tượng công dân về nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay. Trên cơ sở phân tích thực trạng, dự báo nhân tố tác động và đề xuất yêu cầu, giải pháp, luận án góp phần gợi mở những định hướng quan trọng nhằm tăng cường giáo dục, rèn luyện, phát huy vai trò tích cực, tự giác của công dân trong tu dưỡng, rèn luyện ĐĐCD.

- Kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu, giảng dạy và tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh ở các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đồng thời, luận án cung cấp căn cứ thực tiễn giúp các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch hành động cụ thể trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho các đối tượng thuộc quyền quản lý.

- Luận án góp phần cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW, Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII “về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”, trong đó nhấn mạnh yêu cầu nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ công dân.

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm: phần mở đầu, 4 chương (11 tiết), kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đạo đức và xây dựng đạo đức ở Việt Nam

Cuốn sách *“Đạo đức và pháp luật trong triết lý phát triển ở Việt Nam”* [74] do tác giả Vũ Khiêu (chủ biên, 2000) là công trình nghiên cứu chuyên sâu về vai trò của đạo đức và pháp luật trong tiến trình phát triển xã hội Việt Nam. Tác giả làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa hai yếu tố này: “Đạo đức và pháp luật là hai hình thức điều chỉnh hành vi xã hội có quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau trong sự vận động của đời sống cộng đồng” [74, tr.15]. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp đạo đức và pháp luật: “Không chỉ đề cao đạo đức cách mạng mà còn nhấn mạnh vai trò của pháp luật như một yếu tố không thể thiếu để xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” [74, tr.102]. Tác giả đã đưa ra những cảnh báo về tình trạng suy thoái đạo đức hiện nay: “Sự suy thoái đạo đức trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là cảnh báo nghiêm khắc...” [74, tr.134].

Một công trình nghiên cứu chuyên khảo khác là cuốn sách *“Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội”* [146] do tác giả Huỳnh Khải Vinh (chủ biên, 2001) là kết quả xã hội hóa từ đề tài khoa học cấp Nhà nước KHXH.04-03. Tác giả luận giải sâu sắc về mối quan hệ giữa đạo đức, lối sống và chuẩn giá trị xã hội trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công trình nhấn mạnh: “Lối sống là sự biểu hiện cụ thể của đạo đức trong đời sống thường nhật; lối sống đúng đắn góp phần củng cố các giá trị đạo đức xã hội” [146, tr.47] và khẳng định: “Chuẩn giá trị xã hội không chỉ là thước đo hành vi đạo đức, mà còn là yếu tố định hướng lối sống, xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước” [146, tr.78]. Đồng thời, trước những thách thức hiện nay như phân hóa giàu nghèo, lối sống thực dụng, tác giả cảnh báo: “Việc giữ gìn và phát triển hệ giá trị đạo đức truyền thống đang chịu nhiều áp lực” [146, tr.101] và nhấn mạnh giải pháp: “Cần bắt đầu từ giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội theo hướng nhất quán, hệ thống” [146, tr.129].

Đáng chú ý, cuốn sách *“Về giáo dục đạo đức cách mạng trong cán bộ, đảng viên hiện nay: Thực trạng và giải pháp”* [109] do tác giả Đào Duy Quát (chủ biên, 2004) tập trung phân tích cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên với tư cách là lực lượng nòng cốt trong xây dựng đạo đức xã hội. Công trình nhấn mạnh: “Đạo đức cách mạng là nền tảng tinh thần của người cán bộ, đảng viên; suy thoái đạo đức là nguy cơ dẫn tới tha hóa quyền lực và mất niềm tin của nhân dân” [109, tr.52]. Từ đó, tác giả kiến nghị: “Giáo dục đạo đức phải đi đôi với tự rèn luyện và nêu gương trong hành động” [109, tr.89].

Ở một hướng tiếp cận khác, công trình “*Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay - Vấn đề và giải pháp*” [116] của tác giả Nguyễn Duy Quý (chủ biên, 2006) đã nghiên cứu toàn diện về thực trạng đạo đức xã hội Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, từ đó đưa ra hệ thống giải pháp mang tính chiến lược. Trên cơ sở phân tích sâu sắc mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, tác giả nhấn mạnh: “Đức trị là nền tảng, pháp trị là công cụ... trong đó đạo đức giữ vai trò định hướng” [116, tr.89] và bảo đảm sự phù hợp giữa định hướng xây dựng đạo đức gắn với định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Về nền tảng tư tưởng, tác giả khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng là kim chỉ nam cho việc rèn luyện con người mới xã hội chủ nghĩa” [116, tr.105]. Nghiên cứu này cũng chỉ rõ nguyên nhân của thực trạng xuống cấp đạo đức đó là: “mặt trái cơ chế thị trường và sự buông lỏng giáo dục đạo đức” [116, tr.134], đồng thời nhấn mạnh: “Giáo dục đạo đức cần toàn diện, liên tục từ gia đình đến xã hội” [116, tr.151].

Tiếp cận dưới góc độ văn hóa, cuốn sách “*Văn hóa đạo đức ở nước ta hiện nay - Vấn đề và giải pháp*” [48] do Lê Quý Đức, Hoàng Chí Bảo (đồng chủ biên, 2007) đã tập trung phân tích khái niệm, đặc trưng và vai trò của văn hóa đạo đức, chỉ rõ một số biểu hiện xuống cấp đạo đức trong của đời sống đạo đức hiện nay. Đồng thời, tác giả đã lý giải nguyên nhân từ tác động mặt trái của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và những hạn chế trong giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc. Khi bàn về khái niệm văn hóa đạo đức, tác giả cho rằng: “Văn hóa đạo đức là một thành tố của văn hóa tinh thần xã hội, thể hiện trình độ đạo đức của một cộng đồng (bao gồm tổng thể các giá trị, chuẩn mực, khuôn mẫu biểu tượng của đạo đức cộng đồng). Chúng được đem vào vận động trong đời sống cộng đồng nhờ vào các thiết chế xã hội - văn hóa được thể hiện ở hành vi đạo đức của cá nhân, nhóm và cộng đồng” [48, tr.24]. Khi đánh giá về những tác động tiêu cực, tác giả chỉ rõ: “Ảnh hưởng tiêu cực của chủ nghĩa cá nhân và sự suy thoái nhân tính trong quan niệm sống và lối sống đang có chiều hướng gia tăng trong xã hội ở các tầng lớp, các đối tượng khác nhau” [48, tr.101].

Tiếp nối hướng tiếp cận trên, cuốn sách “*Xây dựng đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” [64] của tác giả Trịnh Duy Huy (2009) là công trình nghiên cứu chuyên sâu về những thách thức và định hướng xây dựng đạo đức trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay. Tác giả làm rõ mối quan hệ giữa đạo đức và kinh tế, nhấn mạnh rằng: “Phát triển kinh tế không thể tách rời với phát triển đạo đức - chính đạo đức là nhân tố điều tiết hành vi, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững” [64, tr.45]. Tác giả cảnh báo về những biểu hiện tha hóa đạo đức do tác động mặt trái của kinh tế thị trường, đồng thời đề xuất các giải pháp xây dựng đạo đức mới trên cơ sở kế thừa giá trị truyền thống và vận dụng tư tưởng Hồ

Chí Minh về đạo đức. Tác giả khẳng định: “Muốn xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, trước hết phải xây dựng một hệ giá trị đạo đức phù hợp với thời đại” [64, tr.98].

Một đóng góp khác là cuốn sách chuyên khảo “*Đạo đức công chức trong thực thi công vụ*” [18] do Ngô Thành Can (chủ biên, tái bản lần thứ ba có sửa đổi, bổ sung, 2020). Công trình đã trình bày hệ thống các vấn đề lý luận về đạo đức công vụ, các chuẩn mực đạo đức trong thực thi công vụ, mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong hoạt động công vụ; đồng thời phân tích thực trạng đạo đức công chức hiện nay và đề xuất phương hướng, giải pháp xây dựng đạo đức công chức ở Việt Nam. Khi bàn về “xây dựng đạo đức công chức”, tác giả cho rằng: “xây dựng đạo đức công chức là quá trình tác động đến các chủ thể công chức nhằm hình thành và hoàn thiện ở họ những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức đúng đắn, phù hợp” [18, tr.98]. Đồng thời, trong chương 5, công trình đã nhấn mạnh đến các vấn đề xây dựng đạo đức công chức với 06 chuẩn mực và 03 nguyên tắc. Đặc biệt, khi đề xuất các giải pháp chủ yếu xây dựng đạo đức công chức, tác giả đã đưa ra nhiều kiến nghị quan trọng như: “*Đẩy mạnh giáo dục đạo đức công chức*” [18, tr.311], “*xây dựng hệ chuẩn mực đạo đức công chức nhằm tiến tới xây dựng Luật Đạo đức công chức*” [18, tr.316].

Ở bình diện nghiên cứu rộng hơn, cuốn sách “*Xây dựng đạo đức xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới*” [81] do Lê Văn Lợi, Trần Thị Thu Hiền (đồng chủ biên, 2021) tiếp cận vấn đề đạo đức xã hội trên ba lĩnh vực chủ đạo: kinh tế, chính trị và văn hóa - xã hội. Trên từng lĩnh vực, các tác giả đã phân tích rõ thực trạng, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong xây dựng đạo đức xã hội trên từng lĩnh vực, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tác động của cách mạng Công nghiệp 4.0. Công trình cũng đưa ra những phương hướng, quan điểm và giải pháp cụ thể nhằm xây dựng nền đạo đức xã hội tiến bộ, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong giai đoạn mới. Khi bàn về “đạo đức xã hội”, tác giả chỉ rõ: “đạo đức là những giá trị, chuẩn mực, quy tắc, nguyên tắc ứng xử chung của một cộng đồng người trong những giai đoạn lịch sử cụ thể, được các thành viên trong cộng đồng đó tôn trọng và tự nguyện thực hiện” [81, tr.16]. Trên cơ sở đó, công trình đưa ra quan niệm: “Xây dựng đạo đức xã hội là quá trình tạo lập những giá trị đạo đức tốt đẹp, phù hợp với tồn tại xã hội mới, làm cho những giá trị ấy từng bước trở thành cái phổ biến, giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội” [81, tr.17].

Trong suốt gần 60 năm hoạt động lý luận, thực tiễn và lãnh đạo cách mạng, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Những quan điểm chỉ đạo của người đứng đầu Đảng được tập hợp trong cuốn sách “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” (2024) [143]. Đây không chỉ là nguồn tư liệu quý báu đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển

nền văn hóa Việt Nam mà còn định hướng cho sự phát triển văn hóa - con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Một nội dung nổi bật xuyên suốt nhiều bài viết là quan điểm nhất quán và sâu sắc của cố Tổng Bí thư về vai trò của đạo đức trong đời sống văn hóa. Theo đó, đạo đức không chỉ là chuẩn mực cá nhân mà còn là trụ cột của nền văn hóa dân tộc, là động lực và mục tiêu phát triển bền vững. Từ đó, cố Tổng Bí thư khẳng định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước” [143, tr.38].

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ đảng viên ở Việt Nam hiện nay*” [47] do Nguyễn Tài Đông (chủ nhiệm, 2022), thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, là một nghiên cứu có giá trị cả về lý luận và thực tiễn. Đề tài đã hệ thống hóa khái niệm, nội hàm và đặc điểm của xây dựng Đảng về đạo đức; đồng thời chỉ rõ vai trò then chốt của nhiệm vụ này trong nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, nhất là khi toàn Đảng triển khai Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Trên cơ sở khảo sát thực trạng, nhóm nghiên cứu chỉ ra nhiều hạn chế như tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống ở một bộ phận đảng viên, sự thiếu gương mẫu và thiếu tu dưỡng thường xuyên. Từ đó, công trình đề xuất bốn nhóm giải pháp: (1) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đảng viên về đạo đức cách mạng; (2) Hoàn thiện hệ thống chuẩn mực đạo đức trong Đảng; (3) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; (4) Kết hợp giáo dục, rèn luyện với nêu gương và kỷ luật Đảng.

Ở một hướng tiếp cận khác, đề tài khoa học cấp Bộ “*Sự xuống cấp đạo đức xã hội hiện nay - vấn đề và giải pháp*” [27] do Trần Sỹ Dương (chủ nhiệm, 2016), thuộc Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tập trung vào hiện tượng mang tính thời sự đó là sự xuống cấp đạo đức xã hội. Bằng việc phân tích thực trạng, luận giải nguyên nhân và hệ lụy, công trình đã đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, góp phần giữ ổn định và phát triển bền vững đất nước. Đáng chú ý, đề tài đưa ra quan niệm: “Đạo đức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội của cộng đồng người xác định và là phương thức điều chỉnh hành vi của các cá nhân thuộc cộng đồng” [27, tr.27].

Một diễn đàn học thuật tiêu biểu khác là Hội thảo khoa học cấp quốc gia “*Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới*” [7], tổ chức ngày 29/11/2022. Đây là sự kiện học thuật quan trọng nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIII về phát triển con người và văn hóa. Các tham luận trong Kỷ yếu Hội thảo đã tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xác lập hệ giá trị quốc gia, văn hóa, gia đình, đồng thời nhấn mạnh vai trò của chuẩn mực đạo đức con người Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Trong đó, tác giả Hồ Sĩ Quý với tham luận “*Về vấn đề xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam*” khẳng định: “Với lĩnh vực đạo đức, bản thân đạo đức đã là tổ hợp phức tạp của

các chuẩn mực có chức năng điều khiển hành vi, dẫn dắt thái độ, đánh thức lương tâm của con người. Các chuẩn mực đạo đức, bằng một phương thức rất đặc thù là thông qua tâm thức cộng đồng, thái độ cộng đồng, dư luận cộng đồng và xã hội... để điều khiển hành vi con người” [7, tr.34].

Tiếp nối tinh thần đó, Hội thảo khoa học cấp quốc gia “*Xây dựng chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*” [8], do Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với nhiều cơ quan tổ chức ngày 19/5/2023. Các tham luận trình bày trong Kỷ yếu Hội thảo đã làm rõ nhiều khía cạnh lý luận và thực tiễn về chuẩn mực đạo đức cách mạng trong điều kiện mới, đặc biệt là trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn với yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đồng thời, nhấn mạnh vai trò nêu gương và tự rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, coi đó là nhiệm vụ then chốt trong việc xây dựng đạo đức cách mạng. Đặc biệt, tham luận của tác giả Mai Đức Ngọc và Trần Thị Minh Tuyết về “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng*” đã chỉ rõ: “Hồ Chí Minh xem xét các chuẩn mực đạo đức trong các mối quan hệ lớn: Với tự mình thì phải cần, kiệm, liêm, chính; với công việc thì phải chí công vô tư; với Tổ quốc và nhân dân thì phải trung - hiếu; với con người thì phải yêu thương; với nhân loại thì phải có tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung...” [8, tr.38].

Dưới góc độ nghiên cứu chuyên ngành, tác giả Lê Thị Thủy (2000) với luận án tiến sĩ triết học “*Vai trò của đạo đức với sự hình thành nhân cách người Việt Nam trong điều kiện đổi mới hiện nay*” [136] đã làm sáng tỏ mối quan hệ nội tại giữa đạo đức và nhân cách, tạo cơ sở khoa học để luận giải vai trò của đạo đức trong quá trình hình thành nhân cách con người Việt Nam. Tác giả đề xuất nhiều giải pháp nhằm nâng cao vai trò của đạo đức trong việc xây dựng nhân cách hài hòa, toàn diện. Cùng hướng nghiên cứu này, tác giả Phạm Thị Khánh (2023) với luận án tiến sĩ triết học “*Giáo dục lòng nhân ái cho con cái của gia đình Việt Nam hiện nay*” [136] đã phân tích các yếu tố tác động đến việc giáo dục lòng nhân ái trong gia đình, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong bối cảnh hiện đại.

Trong khi đó, giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ Việt Nam được nhiều tác giả quan tâm, tiêu biểu như tác giả Mai Thị Dung với luận án “*Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*” [24]. Luận án đã làm rõ vai trò và lượng hóa nội dung giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống cho thế hệ trẻ Việt nam hiện nay. Phân tích thực trạng của việc giáo dục

giá trị đạo đức truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống cho thế hệ trẻ Việt nam hiện nay. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay, góp phần xây dựng lối sống mới cho thế hệ trẻ, tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững của đất nước. Nguyễn Thị Hoài với luận án “*Giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay*” [58] đã làm rõ được một số vấn đề lý luận giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay: nội hàm khái niệm giáo dục đạo đức cho sinh viên, bối cảnh hội nhập quốc tế với nhiều thời cơ và thách thức đặt ra yêu cầu phải giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội, nội dung giáo dục, hình thức, phương pháp và điều kiện đảm bảo cho giáo dục đạo đức. Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội, chỉ ra nguyên nhân của thực trạng và những vấn đề đặt ra trong giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Đề xuất ba phương hướng chính và một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Ngoài ra, trên các tạp chí chuyên ngành cũng có nhiều bài viết đáng chú ý. Tác giả Đỗ Thanh Hải (2017) trong bài viết “*Giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay*” [54] đã chỉ ra thực trạng, nguyên nhân và đề xuất biện pháp xử lý hài hòa mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường. Trong khi đó, tác giả Trần Văn Bính (2018) với bài viết “*Thử đi tìm nguyên nhân của sự xuống cấp về đạo đức*” [12] nhấn mạnh tình trạng suy thoái đạo đức đã trở thành hiện tượng mang tính toàn cầu, từ đó phân tích nguyên nhân và đưa ra định hướng ngăn chặn. Tiếp cận dưới góc độ chuyên ngành, tác giả Bùi Hoài Sơn (2019) qua bài viết “*Ngăn chặn sự xuống cấp đạo đức trong xã hội: Tiếp cận từ văn hóa*” [117] đã tiếp cận vấn đề từ góc độ văn hóa, chỉ rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan của sự xuống cấp, đồng thời đề xuất giải pháp phù hợp với bối cảnh hiện nay.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng đạo đức công dân ở Việt Nam

Tác giả Đinh Xuân Lâm (2001) trong cuốn sách “*Giá trị trường tồn của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong lòng nhân loại tiến bộ*” [75] đã làm nổi bật nhân cách, tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh như một “lời giải” cho bài toán đạo đức nhân loại. Theo tác giả, giá trị tư tưởng đạo đức của Người không chỉ mang tính dân tộc mà còn góp phần “phục hưng” và “cải tạo” cả một thời đại. Trong con mắt nhân loại tiến bộ, Hồ

Chí Minh hiện lên là tấm gương sáng ngời về nhân cách: trọn đời yêu nước, thương dân, gắn bó với nhân dân lao động, với Đảng và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Nghiên cứu về đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh, tác giả Nguyễn Thế Thắng (2002) có cuốn sách *“Tìm hiểu tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh”* [134]. Trên cơ sở kế thừa những thành tựu nghiên cứu của những người đi trước, tác giả đã bổ sung, cụ thể hóa, hệ thống hóa và hoàn thiện thêm nội dung cơ bản về nguồn gốc, bản chất tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng đó trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Điểm nổi bật trong cuốn sách là tác giả đã làm rõ tính chất cách mạng trong đạo đức Hồ Chí Minh qua việc phân tích sự khác nhau giữa đạo đức cũ và đạo đức mới, tính kế thừa và đổi mới trong đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh. Ngoài những chuẩn mực đạo đức cách mạng cơ bản như: trung với nước, hiếu với dân; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, tác giả nêu những chuẩn mực khác như: nhân, nghĩa, trí, dũng, tín; học tập không mệt mỏi; đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; bốn phương vô sản đều là anh em. Với cách tiếp cận như vậy, tác giả đã làm sáng tỏ nội dung đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh.

Từ kết quả của đề tài khoa học cấp Nhà nước KX.02.01, cuốn sách *“Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam”* [51] do Đại tướng Võ Nguyên Giáp (chủ biên, 2003) đã đề cập đến nhiều quan điểm cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. Trong phần thứ hai, chương VII, các tác giả bàn về những nội dung cơ bản trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh: vị trí, vai trò của đạo đức cách mạng; những chuẩn mực đạo đức chung và cụ thể với từng đối tượng; cũng như con đường, phương pháp tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng.

Cuốn sách *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức”* [25] do Đinh Xuân Dũng (chủ biên, 2008) là một công trình có giá trị trong việc hệ thống và làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. Cuốn sách không chỉ tập hợp các nghiên cứu, bài viết của lãnh đạo Đảng, Nhà nước và giới học giả, mà còn trực tiếp giới thiệu những tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh cùng những câu chuyện sinh động về tấm gương đạo đức của Người. Nhờ đó, công trình mang lại cái nhìn toàn diện, vừa có cơ sở lý luận, vừa gắn với thực tiễn đời sống, góp phần khẳng định vai trò nền tảng của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng và trong việc bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức của con người Việt Nam hiện nay.

Khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức như một thành tố quan trọng, giữ vai trò nền tảng, biểu hiện đặc trưng nổi trội về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tác giả Lại Quốc Khánh (2009) trong cuốn sách *“Biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”* [68] đã nhấn mạnh rõ sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là kết quả của một quá trình biện chứng khách quan, trong đó vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam mang tính quyết định. Tác giả đặc biệt coi trọng

phẩm chất đạo đức cách mạng của Đảng, coi đó là nền tảng để bảo đảm sự thống nhất giữa lý tưởng và hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tác giả khẳng định: xây dựng Đảng về đạo đức chính là khởi điểm quan trọng trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính từ nền tảng đạo đức của Đảng, các giá trị đạo đức xã hội được hình thành và phát triển, góp phần thúc đẩy sự nghiệp cách mạng và xây dựng XHCN ở Việt Nam.

Trong khi đó, tác giả Hoàng Anh (2009) với cuốn sách *“Mãi mãi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* [1] đã tập hợp, giới thiệu những nội dung cốt lõi trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh như: “trung với nước, hiếu với dân”; “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”; “yêu thương, tin tưởng con người”; “sống có tình, có nghĩa”; “tinh thần quốc tế trong sáng”. Thông qua các bài nói, bài viết và những câu chuyện cảm động về cuộc đời Hồ Chí Minh, cuốn sách góp phần khơi gợi ý chí phấn đấu, học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Tiếp cận dưới góc độ văn hóa, tác giả Trần Văn Bính (2010) trong cuốn sách *“Di sản Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức”* [11] tiếp tục khẳng định những giá trị tinh thần mà Hồ Chí Minh để lại. Tác phẩm nhấn mạnh di sản văn hóa - đạo đức Hồ Chí Minh không chỉ là nền tảng cho việc hình thành và phát triển hệ giá trị văn hóa, đạo đức Việt Nam mang đậm bản sắc dân tộc, mà còn mang tính hiện đại, có khả năng thích ứng với yêu cầu của thời đại. Đồng thời, cuốn sách coi đó là tài sản tinh thần vô giá, có ý nghĩa định hướng trong việc giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức và xây dựng con người Việt Nam mới, là nguồn lực để các thế hệ hôm nay và mai sau học tập, noi theo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tác giả Vũ Khiêu có nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc về tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, tiêu biểu kể đến: Cuốn sách *“Hồ Chí Minh - ngôi sao sáng mãi trên bầu trời Việt Nam”* [72] xuất bản năm 2014 đã khắc họa Hồ Chí Minh là một nhân cách lớn, hội tụ trên nhiều phương diện: nhà tư tưởng, nhà văn hóa và nhà đạo đức. Cuốn sách đã làm nổi bật hình tượng Hồ Chí Minh vừa là lãnh tụ cách mạng kiệt xuất, “tận trung với nước, tận hiếu với dân”, gắn bó máu thịt với Nhân dân, vừa là biểu tượng văn hóa mang tầm thời đại, vĩ đại nhưng gần gũi, hiện đại mà vẫn thấm đượm truyền thống. Bằng cách tiếp cận ấy, công trình góp phần làm sáng tỏ chiều sâu nhân cách Hồ Chí Minh, khẳng định giá trị bền vững của tư tưởng và đạo đức của Người đối với lịch sử dân tộc và văn hóa nhân loại. Trong khi đó, với cuốn sách *“Hồ Chí Minh - chân dung một tâm hồn và trí tuệ vĩ đại”* [52] xuất bản 2015 đã dành nhiều tâm huyết để phác họa một bức chân dung toàn diện về Hồ Chí Minh. Công trình không chỉ khái quát cuộc đời, sự nghiệp cách mạng, mà còn đi sâu làm sáng tỏ những phương diện nổi bật trong tư tưởng, đạo đức và văn hóa của Người. Với lập luận chặt chẽ, ngôn ngữ trong sáng và hệ thống tư liệu phong phú, tác giả đã khẳng định Hồ Chí Minh là hiện thân của một nhân cách vĩ đại nhưng vô cùng giản dị,

là kết tinh rực rỡ của truyền thống yêu nước, văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu và nâng tầm các giá trị tinh hoa nhân loại. Đặc biệt, ở phần hai, tác giả tập trung phân tích sâu sắc những giá trị cốt lõi trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, làm nổi bật một tâm hồn cao đẹp, trong sáng, giàu lòng nhân ái, chan chứa tình yêu thương con người. Qua đó, tác giả không chỉ khẳng định vai trò, vị trí của Hồ Chí Minh trong lịch sử dân tộc và cách mạng Việt Nam, mà còn làm rõ tầm vóc thời đại của Người.

Với hướng tiếp cận tác phẩm cụ thể của Hồ Chí Minh, tác giả Phạm Ngọc Anh (chủ biên, 2014) trong cuốn sách *“Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh qua tác phẩm Đạo đức cách mạng”* [4] đã làm sáng tỏ giá trị của tác phẩm *“Đạo đức cách mạng”*. Cuốn sách tập hợp nhiều bài viết, bài tham luận có giá trị, đã tập trung phân tích giá trị lý luận của tác phẩm *“Đạo đức cách mạng”*, qua đó khẳng định những quan điểm cốt lõi của Hồ Chí Minh về vai trò, nội dung và yêu cầu rèn luyện đạo đức đối với mỗi cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Đồng thời, các tác giả còn chỉ ra ý nghĩa thực tiễn to lớn của tác phẩm trong công tác giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, gắn với yêu cầu xây dựng Đảng về đạo đức và rèn luyện nhân cách con người Việt Nam hiện nay. Trên nền tảng đó, công trình đề xuất việc vận dụng sáng tạo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh để nâng cao chất lượng học tập và làm theo tấm gương của Người trong bối cảnh mới.

Nghiên cứu dưới góc độ văn hóa, trong công trình *“Văn hóa đạo đức Hồ Chí Minh”* [10] tác giả Hoàng Chí Bảo (2016) khẳng định đạo đức Hồ Chí Minh không chỉ là một hệ thống tư tưởng mang tính lý luận, mà còn là hiện thân sinh động trong chính cuộc đời và hành động thực tiễn của Người. Tác giả đã làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò then chốt của đạo đức trong sự nghiệp cách mạng, xác định những chuẩn mực cơ bản, phương pháp tu dưỡng, rèn luyện cũng như yêu cầu đạo đức đối với từng đối tượng xã hội. Đặc biệt, qua việc phân tích hai tác phẩm cuối đời của Hồ Chí Minh là *“Sửa đổi lối làm việc”* và *“Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”*, tác giả khẳng định đây chính là sự kết tinh cao nhất và minh chứng sống động cho triết lý đạo đức Hồ Chí Minh với tư cách là một hệ giá trị có sức định hướng bền vững đối với công tác xây dựng Đảng, rèn luyện cán bộ, đảng viên và giáo dục con người Việt Nam trong thời kỳ mới..

Trong công trình *“Góp phần tìm hiểu tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* [133] của tác giả Mạch Quang Thắng (2017) tập trung làm sáng tỏ và khẳng định hệ giá trị trường tồn trong di sản tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Tác giả chỉ ra rằng: đạo đức Hồ Chí Minh không chỉ là sự kết tinh của lòng nhân ái bao la, tinh thần *“trung với nước, hiếu với dân”*, mà còn được thể hiện qua những chuẩn mực căn bản như cần - kiệm - liêm - chính, chí công vô tư và tinh thần quốc tế trong sáng. Bên cạnh đó, công trình

nhấn mạnh quan điểm xuyên suốt của Hồ Chí Minh về việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức như một quá trình suốt đời, coi đây là nguyên tắc căn bản để mỗi cán bộ, đảng viên và mọi công dân không ngừng hoàn thiện nhân cách, phụng sự Tổ quốc và Nhân dân. Nhờ đó, tác phẩm góp phần khẳng định tính toàn diện, bền vững và giá trị định hướng thực tiễn to lớn của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong sự nghiệp xây dựng con người và xã hội Việt Nam hiện nay.

Tiếp cận dưới góc độ tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, cuốn sách *“Học tập đạo đức Bác Hồ”* (tái bản lần thứ năm, 2020) [73] tác giả Vũ Khiêu đã khắc họa sâu đậm tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thông qua những mẫu chuyện cảm động, chân thực và sinh động trải dài trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Chính cách tiếp cận này giúp người đọc vừa tiếp thu được những luận điểm cơ bản về tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, vừa có những trải nghiệm cảm xúc sâu sắc, tạo động lực thiết thực để học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người trong bối cảnh hiện nay.

Bên cạnh các công trình sách chuyên khảo, nhiều hội thảo khoa học cũng đã tiếp cận, làm sáng tỏ giá trị tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh từ nhiều góc độ khác nhau. Tiêu biểu là Hội thảo khoa học cấp quốc gia *“60 năm tác phẩm Đạo đức cách mạng - giá trị lý luận và thực tiễn đối với công tác xây dựng Đảng hiện nay”* [60] do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tuyên giáo Trung ương tổ chức ngày 21/12/2018. Các tham luận trình bày trong Kỷ yếu Hội thảo đã tập trung phân tích toàn diện giá trị của tác phẩm *“Đạo đức cách mạng”* trên nhiều phương diện. Đặc biệt, tham luận *“Thực hiện đoàn kết, thống nhất trong đảng trong tác phẩm đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh”*, tác giả Nguyễn Thị Kim Dung nêu rõ: “Đạo đức là nguồn nuôi dưỡng, là nền tảng của người cách mạng, bởi vì muốn làm cách mạng thì trước hết người cán bộ phải có cái tâm trong sáng, cái đức cao đẹp đối với giai cấp công nhân, đối với nhân dân lao động và cả dân tộc [60, tr.128]. Khẳng định *“Vai trò của xây dựng Đảng về đạo đức trong tác phẩm Đạo đức cách mạng”* tham luận của tác giả Trần Thị Hợi cho rằng: “Đạo đức là yếu tố làm nên sức mạnh của Đảng, tạo ra sự hấp dẫn của Đảng đối với quần chúng và làm cho Đảng trở thành một đảng chân chính, vĩ đại” [60, tr.157].

Dưới góc độ nghiên cứu chuyên ngành, tác giả Đào Thị Trang (2018) với luận án tiến sĩ *“Giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong xây dựng lối sống cho sinh viên Việt Nam hiện nay”* [140] đã tập trung khảo cứu vai trò, nội dung và những yếu tố tác động đến quá trình giáo dục đạo đức cho sinh viên. Luận án không chỉ phân tích thực trạng giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong môi trường đại học, mà còn đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, góp phần định hướng lối sống lành mạnh, tích cực

cho thế hệ trẻ. Kết quả nghiên cứu của công trình mang ý nghĩa thiết thực, hướng đến giải quyết những vấn đề cấp bách trong giáo dục đạo đức sinh viên trong bối cảnh hiện đại.

Trong khi đó, nghiên cứu xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả Trần Thị Hợi (2019) với luận án tiến sĩ *“Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay”* [62] đã làm rõ nhiều vấn đề lý luận như: vị trí, vai trò, nội dung, giải pháp xây dựng Đảng về đạo đức, đồng thời khẳng định giá trị to lớn trong tư tưởng của Người. Trên cơ sở đó, luận án soi chiếu vào thực tiễn nhằm đánh giá đầy đủ thành tựu, hạn chế, những vấn đề đặt ra và đề xuất phương hướng, giải pháp xây dựng Đảng về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc biệt, luận án đã chỉ rõ nội dung *“Xây dựng những chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên”* thể hiện ở sáu nội dung: xây dựng phẩm chất tuyệt đối trung thành, kiên định lý tưởng cách mạng, đặt lợi ích của Đảng, của đất nước và nhân dân lên trên hết; là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; là nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm; là hết lòng yêu thương con người; là tinh thần quốc tế trong sáng và xây dựng bản lĩnh chống lại chủ nghĩa cá nhân...

Ngoài các công trình sách và luận án, nhiều bài viết trên báo, tạp chí cũng tiếp cận tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh từ những góc độ khác nhau. Tác giả Nguyễn Thu Huyền (2017) trong bài viết *“Đạo đức Hồ Chí Minh định hướng giá trị đạo đức trong thời đại mới”* [65] khẳng định đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức cách mạng, mang bản chất của người cộng sản mẫu mực, gắn bó chặt chẽ với chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Tác giả Nguyễn Cúc (2020) với bài báo *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng”* [23] khái quát vai trò, các chuẩn mực đạo đức cách mạng và đề xuất những giải pháp vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc rèn luyện, nâng cao đạo đức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay. Trong khi đó, tác giả Lê Thị Hằng (2024) với bài báo *“Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh soi sáng, định hướng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay”* [56] nhấn mạnh Hồ Chí Minh vừa là người đặt nền móng cho nền đạo đức cách mạng mới, vừa là tấm gương đạo đức mẫu mực, với di sản tinh thần tiếp tục soi sáng, định hướng cho công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và bồi đắp những giá trị đạo đức mới của xã hội Việt Nam.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng đạo đức công dân ở Việt Nam

Một số công trình tiêu biểu đã đi sâu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong thực tiễn giáo dục, rèn luyện và xây dựng đạo đức cho các đối tượng công dân hiện nay. Tác giả Phạm Văn Nhuận (2008) trong cuốn sách *“Giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong Quân đội hiện*

nay” [106] đã tập trung phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; đồng thời, phân tích yêu cầu và giải pháp giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng và tấm gương đạo đức của Người trong Quân đội hiện nay. Trong đó, tác giả nhấn mạnh: “Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một hệ thống các quan điểm cơ bản và toàn diện về vị trí, vai trò, nội dung đạo đức mới, đạo đức cách mạng Việt Nam với hệ thống các chuẩn mực đạo đức cơ bản của con người Việt Nam trong thời đại mới, những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới và những yêu cầu mới trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của người cách mạng” [106, tr.11].

Tiếp nối hướng nghiên cứu trên, tác giả Nguyễn Thị Hoài Phương (2014) với cuốn sách *“Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay”* [107] đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về đạo đức cách mạng và sự vận dụng của Đảng ta hiện nay. Khi bàn về vai trò đạo đức cách mạng, công trình khẳng định rõ: “Đạo đức cách mạng không chỉ là cái gốc của người cách mạng, mà đạo đức cách mạng còn là động lực mạnh mẽ để người cách mạng “đi đến cái trí”. Và khi đã có cái trí, hiểu biết về khoa học, về chủ nghĩa Mác - Lênin, về đường lối, phương pháp cách mạng thì cái đức chính là cái đảm bảo cho người cách mạng giữ vững được chủ nghĩa mà mình đã giác ngộ và tin tưởng” [107, tr.20]. Trên cơ sở đó, Đảng ta vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng vào thực tiễn công tác xây dựng Đảng, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên theo những nguyên tắc: Rèn luyện đạo đức là công việc phải tiến hành kiên trì, suốt đời trong thực tiễn; Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức; Xây dựng đạo đức mới, đấu tranh với những biểu hiện phi đạo đức.

Trước thực trạng suy thoái đạo đức của cán bộ, đảng viên hiện nay, tác giả Nguyễn Xuân Trung (2020) nhấn mạnh yêu cầu cần tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong cuốn sách *“Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng vào phòng, chống suy thoái đạo đức của cán bộ, đảng viên trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”* [144]. Cuốn sách đã khái quát vai trò của đạo đức cách mạng và những phẩm chất đạo đức cách mạng cơ bản theo tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích những bối cảnh tác động và những yêu cầu đặt ra đối với việc phòng, chống suy thoái đạo đức của cán bộ, đảng viên, giúp nhận diện những biểu hiện này; từ đó đưa ra những giải pháp để đấu tranh phòng, chống suy thoái đạo đức của cán bộ, đảng viên trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Trong dòng chảy nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, các hội thảo khoa học quốc gia là diễn đàn quan trọng để tiếp tục phát triển lý luận và gắn kết với tổng kết thực tiễn. Tiêu biểu là Hội thảo khoa học *“Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc*

tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Đảng về đạo đức hiện nay” [6] do Ban Chủ nhiệm Đề tài KX.02.11/21-25 tổ chức ngày 04/5/2024. Với hơn 30 tham luận trong Kỷ yếu Hội thảo, cùng nhiều ý kiến trao đổi trực tiếp trong Hội thảo đã làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về đạo đức, đồng thời phân tích sự phát triển nhận thức của Đảng ta về vai trò và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công tác xây dựng Đảng về đạo đức qua các giai đoạn lịch sử. Các tham luận không chỉ góp phần nhận diện nội hàm khái niệm xây dựng Đảng về đạo đức mà còn đề xuất phương pháp nghiên cứu, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới. Từ đó, Hội thảo khẳng định ý nghĩa lý luận và thực tiễn của việc tiếp tục phát huy di sản tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, coi đây là cơ sở để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, thúc đẩy phát triển hệ thống chính trị, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Ở bình diện nghiên cứu chuyên ngành, nhiều luận án tiến sĩ đã tập trung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức đối với việc hình thành nhân cách và lối sống cho các đối tượng công dân cụ thể, nhất là đối tượng sinh viên. Tác giả Nguyễn Thị Thủy (2000) với luận án tiến sĩ triết học *“Giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay”* [137] đã làm rõ vai trò, thực trạng giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đối với sự hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam. Từ đó, luận án đề xuất một số phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho đối tượng này trong bối cảnh mới hiện nay. Trong khi đó, tác giả Lê Thị Vân Anh (2014) với luận án tiến sĩ *“Giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng vùng Tây Bắc trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh”* [2] đã tập trung làm rõ nội dung giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên; phân tích vai trò, ưu thế của môn Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc giáo dục đạo đức cho đối tượng này; đồng thời khảo sát, đánh giá thực trạng đạo đức và công tác giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh tại các trường đại học, cao đẳng vùng Tây Bắc. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh trong giảng dạy môn học này và tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng tính khả thi, hiệu quả của các biện pháp đã nêu.

Tiếp tục góc độ nghiên cứu trên, luận án tiến sĩ triết học của Đào Thị Trang (2018) với nhan đề *“Giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong xây dựng lối sống cho sinh viên Việt Nam hiện nay”* [140] đã tập trung phân tích vai trò và thực trạng của việc giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh đối với quá trình hình thành và phát triển lối sống của sinh viên trong bối cảnh hiện nay. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra, luận án đề xuất các phương hướng cùng một số giải pháp chủ yếu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh trong xây

dựng lối sống cho sinh viên Việt Nam. Tác giả Lương Thị Thúy Nga, “*Giáo dục đạo đức hồ chí minh cho sinh viên Đại học Thái nguyên hiện nay*”, luận án tiến sĩ chuyên ngành Hồ Chí Minh học [104]. Nghiên cứu đã đưa ra nội dung giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên, một đối tượng cụ thể trong xã hội. Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên Đại học Thái Nguyên, chỉ ra được những ưu điểm và hạn chế, bất cập trong giáo dục đạo đức để có giải pháp kịp thời nâng cao chất lượng giáo dục. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên Đại học Thái Nguyên hiện nay, giúp cho các cấp ủy Đảng, các tổ chức, đoàn thể nâng cao nhận thức, tích cực, chủ động trong công tác giáo dục đạo đức, góp phần ổn định tình hình chính trị, tư tưởng trong nhà trường. Tác giả Phạm Đức Lương (2020) với luận án tiến sĩ triết học “*Giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cho sinh viên Trường Đại học Cảnh sát nhân dân hiện nay*” [82] đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cho cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân. Trên cơ sở đó, vận dụng vào đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cho sinh viên Trường Đại học Cảnh sát nhân dân hiện nay.

Trên các báo, tạp chí chuyên ngành có nhiều bài viết liên quan đến vấn đề vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và ĐĐCD ở Việt Nam, tiêu biểu như:

Tác giả Võ Thị Phương Thủy (2007) với bài viết “*Đạo đức công dân*” [138] đã khái quát những tư tưởng cơ bản và tấm gương ĐĐCD của Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tác giả soi chiếu vào thực tiễn và chỉ ra một số biểu hiện suy thoái về đạo đức công dân của cán bộ, đảng viên. Đồng thời chỉ rõ, những lời dạy và tấm gương nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất đáng cho mỗi chúng ta suy nghĩ và soi mình. Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” hiện nay là dịp để cho mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên giữ các chức vụ cao tự soi vào mình và suy ngẫm. Trong khi đó, tác giả Phùng Văn Mùi (2010) với bài viết “*Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức công dân*” [103] đã lý giải về tầm quan trọng, nội dung xây dựng đạo đức công dân cho các đối tượng, nhất là cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ. Đồng thời, chỉ rõ thực trạng suy thoái đạo đức như nạn tham ô, tham nhũng, lãng phí của công đang trở thành những vấn đề nhức nhối của xã hội. Trên cơ sở đó, tác giả đặt ra yêu cầu: Mỗi chúng ta tự soi lại mình từ cách sống, làm việc, học tập, tu dưỡng, phấn đấu sao cho xứng đáng với đạo đức truyền thống của dân tộc và trách nhiệm, nghĩa vụ của một công dân, để góp phần xây dựng đất nước theo mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng đất nước ta “*sánh vai với các cường quốc năm châu*” Như Bác Hồ hằng mong muốn.

Trong khi đó, tiếp cận đạo đức công dân dưới góc độ một bộ phận cấu thành đạo đức mới, bài viết “*Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - nền tảng tinh thần cho xây dựng nền*

đạo đức mới trong hiện tại và tương lai ở Việt Nam” [108] của tác giả Lý Việt Quang (2017) đã khẳng định: Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là cơ sở để đội ngũ cán bộ, đảng viên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, xây dựng những nguyên tắc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của con người Việt Nam hiện đại và là cơ sở để xây dựng những nguyên tắc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của con người Việt Nam hiện đại. Tác giả Đỗ Hoàng Linh (2019) với bài viết “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề đạo đức cách mạng*” [80] đã khẳng định: Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc rèn luyện đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên, bởi “Có đạo đức cách mạng thì mới hy sinh tận tụy với cách mạng, mới lãnh đạo được quần chúng, đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn”. Đồng thời, khẳng định, ở mỗi giai đoạn cách mạng Chủ tịch Hồ Chí Minh lại bổ sung những tiêu chuẩn đạo đức cho phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn để giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên hướng đến hoàn thiện tư cách đạo đức của người cách mạng chân chính.

Nhằm làm sáng tỏ giá trị to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, bài viết “*Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào việc xây dựng các chuẩn mực đạo đức cách mạng*” [69] của tác giả Lại Quốc Khánh, Phạm Thị Thúy Vân (2019) đã tập trung phân tích cách Hồ Chí Minh kế thừa và phát triển sáng tạo những luận điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin về đạo đức cách mạng trong điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể của Việt Nam. Tác giả khẳng định rõ ràng, Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu lý luận về vai trò của đạo đức trong cách mạng vô sản mà còn xác lập hệ thống các chuẩn mực đạo đức phù hợp với văn hóa và truyền thống dân tộc như: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung với nước, hiếu với dân; yêu thương con người, sống có nghĩa, có tình. Qua đó, bài viết khẳng định giá trị nền tảng và tính thời sự sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng đạo đức cách mạng và phát triển con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Bài viết “*Giá trị bền vững của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh*” [145] của tác giả Trần Minh Trường, Ngô Thị Hào (2023) khẳng định: Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - hệ giá trị được chắt lọc, bổ sung và phát triển từ các giá trị tốt đẹp của đạo đức truyền thống dân tộc và nhân loại; được soi sáng bởi thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, vì thế có giá trị phổ quát và mang tính bền vững. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trở thành sức mạnh to lớn làm nên thắng lợi của cách mạng Việt Nam, đồng thời, góp phần vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ của nhân loại. Bài viết cũng làm sáng tỏ: Để xây dựng đạo đức Việt Nam mới, Hồ Chí Minh nêu ra những nguyên tắc và phương pháp cơ bản để định hướng cho sự rèn luyện của mỗi người và định hướng cho sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời, các tác giả cũng đề cập đến việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong giai đoạn hiện nay.

Cùng với những kết quả nghiên cứu vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung trong đó có bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nói riêng được nhiều nhà khoa học, nhà lãnh đạo, quản lý quan tâm, tiêu biểu như: Tác giả Lê Trung Kiên (2021) với bài viết *“Luận chứng phản bác những luận điệu xuyên tạc, sai trái hiện nay về hình ảnh và tư tưởng Hồ Chí Minh”* [67]. Bài viết khẳng định: Tấn công trực diện vào những vấn đề cốt lõi thuộc nền tảng tư tưởng của Đảng ta, nhất là xuyên tạc về cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh luôn là âm mưu, thủ đoạn thâm độc, nham hiểm của các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra những luận cứ phản bác quan điểm sai trái, thù địch trên nhiều nội dung tư tưởng của Người. Trong khi đó, bài viết *“Bảo vệ bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức”* [63] của tác giả Trần Thị Hoi (2023) đã góp phần nhận diện âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trong việc xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. Từ giá trị nền tảng và sự lan tỏa của tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với nhân dân Việt Nam và bạn bè thế giới, bài viết khẳng định bản chất cách mạng, khoa học, nhân văn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, bác bỏ các luận điệu xuyên tạc của các thế lực phản động, thù địch.

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ NHỮNG CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá chung về kết quả những công trình đã công bố

Nghiên cứu xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay được nhiều nhà khoa học, nhà lãnh đạo, quản lý bước đầu quan tâm, với nhiều công trình nghiên cứu có liên quan, được tiếp cận từ nhiều khía cạnh và ở các mức độ, cấp độ nghiên cứu khác nhau. Đây là nguồn tư liệu quan trọng, cung cấp cách nhìn toàn diện, đa chiều và là cơ sở để luận án lựa chọn hướng nghiên cứu phù hợp. Qua khảo sát tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, có thể rút ra một số kết quả như sau:

** Về lý luận*

Một là, nghiên cứu về đạo đức và xây dựng đạo đức ở Việt Nam

Các công trình nghiên cứu đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về xây dựng đạo đức xã hội ở Việt Nam. Nội dung nghiên cứu trải rộng trên nhiều nhóm đối tượng, thuộc các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động và độ tuổi khác nhau, từ cán bộ, công chức, viên chức, trí thức, doanh nhân, lực lượng vũ trang đến học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên... Nhiều công trình tập trung phân tích, hệ thống hóa các quan điểm nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về đạo đức và xây dựng đạo đức xã hội.

Quá trình nghiên cứu về đạo đức và xây dựng đạo đức ở Việt Nam, các công trình đã trình bày có hệ thống những khái niệm cốt lõi như: đạo đức, đạo đức cách mạng, đạo đức xã hội, ĐĐCD, chuẩn mực đạo đức... với những phân tích sâu sắc, toàn diện từ nhiều góc độ tiếp cận như triết học, chính trị học, xã hội học, đạo đức học, giáo dục học,... Thông qua những khái niệm công cụ này là tiền đề để xây dựng khung lý thuyết phù hợp và khảo sát, đánh giá đúng thực trạng đạo đức và xây dựng đạo đức ở Việt Nam. Đồng thời cung cấp cơ sở khoa học quan trọng trong công tác giáo dục, xây dựng đạo đức phù hợp với những yêu cầu và giải pháp cụ thể trên từng góc độ nghiên cứu.

Hai là, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam

Các công trình nghiên cứu đã chỉ ra nguồn gốc hình thành, vị trí, vai trò, những chuẩn mực đạo đức cơ bản, các nguyên tắc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, bản chất, đặc điểm tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức. Về nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, các công trình đã làm rõ: nguồn gốc truyền thống đạo đức dân tộc, tinh hoa đạo đức phương Đông (tư tưởng đạo đức Nho giáo, Phật giáo, Học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn), tinh hoa đạo đức phương Tây (tư tưởng của Thiên Chúa giáo, tư tưởng dân chủ), tư tưởng đạo đức Mác - Lênin,... Bên cạnh những chuẩn mực đạo đức chung nhất của con người Việt Nam, với từng đối tượng công dân cụ thể, Hồ Chí Minh chỉ ra các chuẩn mực đạo đức phù hợp với đặc điểm ngành nghề, lứa tuổi... Quá trình phân tích những chuẩn mực đạo đức này, các công trình đã khái quát những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực có liên quan đến ĐĐCD. Đồng thời, các công trình cũng chỉ ra các nguyên tắc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức như: Nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức; xây đi đôi với chống; tu dưỡng đạo đức suốt đời.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng ĐĐCD còn được thể hiện sâu đậm trong tấm gương đạo đức sáng ngời của Người. Do đó, các công trình đã tập trung khắc họa sâu đậm tấm gương thực hành đạo đức của Hồ Chí Minh trong thực tiễn và khẳng định sự thống nhất chặt chẽ giữa tư tưởng và tấm gương đạo đức như một chỉnh thể thống nhất, có quan hệ hữu cơ, biện chứng. Đồng thời, các công trình đã khẳng định giá trị to lớn, sức hấp dẫn mãnh liệt đối với nhân dân Việt Nam và nhân loại tiến bộ trên thế giới. Trên cơ sở đó, khẳng định sự cần thiết, nội dung, biện pháp đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đối với các nhóm đối tượng công dân Việt Nam khác nhau.

Ba là, nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam

Nhóm công trình này đã tập trung nghiên cứu việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và ĐĐCD đối với nhiều nhóm đối tượng công dân khác nhau trong xã

hội như: cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên, phụ nữ, thanh niên, lực lượng vũ trang, giáo viên,... Mỗi công trình đều bám sát đặc điểm, vai trò và yêu cầu đạo đức của từng nhóm đối tượng trong bối cảnh mới, từ đó đưa ra những luận cứ lý luận và thực tiễn xác đáng làm cơ sở để xác định phương hướng, nội dung và giải pháp xây dựng đạo đức phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Các công trình không chỉ khẳng định vai trò định hướng, dẫn dắt của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc hình thành và phát triển các chuẩn mực đạo đức, mà còn nhấn mạnh tính đặc thù trong vận dụng ở từng lĩnh vực, từng môi trường hoạt động khác nhau. Ví dụ, với cán bộ, đảng viên, trọng tâm là đạo đức cách mạng, tinh thần phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; với học sinh, sinh viên là giáo dục lý tưởng sống, bồi dưỡng nhân cách, tinh thần hiếu học và ý thức trách nhiệm xã hội;... Tuy nhiên, dù dưới góc độ tiếp cận hoặc đối tượng nghiên cứu nào, điểm chung của các công trình nghiên cứu đều tập trung khẳng định rõ yêu cầu mới của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và ĐĐCD trong thực tiễn.

** Về thực trạng*

Các công trình nghiên cứu đã bước đầu tiến hành đánh giá khách quan thực trạng xây dựng đạo đức nói chung và xây dựng đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam nói riêng. Nhiều công trình đã đưa ra các nhận định sâu sắc, có hệ thống, với tư liệu thực tế và số liệu minh họa phong phú, đáng tin cậy. Một số nghiên cứu đã chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến việc xây dựng đạo đức trong điều kiện hiện nay như: nhận thức về vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội tiếp tục được nâng cao trong các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân; nhiều chuẩn mực đạo đức truyền thống và đạo đức cách mạng tiếp tục được gìn giữ và phát huy; công tác giáo dục đạo đức được quan tâm hơn trong nhà trường, gia đình và xã hội; các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai sâu rộng, tạo sức lan tỏa tích cực trong đời sống xã hội.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế đáng lo ngại, như: một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và Nhân dân có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa, thờ ơ, vô cảm trước những vấn đề xã hội, thiếu trách nhiệm với cộng đồng diễn ra ngày càng phổ biến, đặc biệt trong giới trẻ; một số giá trị đạo đức truyền thống có nguy cơ mai một hoặc bị lệch chuẩn trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Ngoài ra, công tác giáo dục đạo đức còn mang tính hình thức, thiếu chiều sâu và chưa theo kịp sự phát triển của xã hội hiện đại và yêu cầu xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam.

Các công trình cũng chỉ ra nguyên nhân của thực trạng trên trên cả phương diện khách quan và chủ quan. Về khách quan, đó là ảnh hưởng tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và tác động của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội; sự gia tăng của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, và các giá trị phi đạo đức trong một bộ phận xã hội. Về chủ quan, đó là sự thiếu gương mẫu của một bộ phận cán bộ, đảng viên; công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong giáo dục đạo đức còn chưa đồng bộ, hiệu lực quản lý nhà nước trên lĩnh vực này chưa cao; việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng về xây dựng đạo đức chưa thực sự sát với thực tiễn; nhận thức và trách nhiệm của một bộ phận cấp ủy, chính quyền địa phương và người dân về vai trò của đạo đức còn hạn chế.

Đặc biệt, có nhiều công trình đi sâu phân tích biểu hiện của sự suy thoái đạo đức, lối sống; những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Từ đó đặt ra nhiều vấn đề đáng chú ý đối với việc định hướng giá trị ĐĐCD. Đây chính là những căn cứ thực tiễn quan trọng, có giá trị tham chiếu để luận án kế thừa, tiếp tục làm rõ đặc điểm, xu hướng vận động và những vấn đề nổi bật trong thực trạng xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay.

** Về yêu cầu, giải pháp, kiến nghị:*

Các công trình nghiên cứu đã tập trung phân tích các nhân tố tác động đến quá trình xây dựng đạo đức nói chung, xây dựng đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, đặc biệt là tác động của bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường và những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Trên cơ sở đó, nhiều công trình đã đề xuất những phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong việc nâng cao đạo đức xã hội, xây dựng chuẩn mực đạo đức mới phù hợp với yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước. Nhiều công trình đã đưa ra các kiến nghị có tính khả thi cao, là những gợi mở cả về lý luận và thực tiễn quan trọng trong quá trình quán triệt, triển khai chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Đáng chú ý, một số công trình nhấn mạnh yêu cầu gắn kết việc giáo dục, rèn luyện đạo đức với xây dựng văn hóa chính trị, với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; coi đây là điều kiện then chốt để nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và uy tín của Đảng trước Nhân dân. Bên cạnh đó, các giải pháp được đề xuất cũng hướng mạnh vào việc phát huy vai trò của từng chủ thể: từ sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đến tính tự giác tu dưỡng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đề cao vai trò của gia đình, nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội trong giáo dục, bồi dưỡng đạo đức cho các đối tượng công dân, nhất là thế hệ trẻ. Nhiều công trình đã đưa ra kiến nghị xây dựng đạo đức phải gắn

liền với đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, thù địch, cũng như các biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống trên nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa “xây” và “chống”, lấy xây dựng là cơ bản, lâu dài, chống là quan trọng, cấp bách.

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở kế thừa và phát triển những kết quả nghiên cứu đã đạt được, luận án xác định một số khoảng trống về lý luận và thực tiễn cần tiếp tục làm rõ như sau:

** Về lý luận*

Một là, số lượng các công trình nghiên cứu có liên quan trực tiếp đến đề tài luận án rất khiêm tốn, chủ yếu tiếp cận vấn đề xây dựng đạo đức cho một hoặc một nhóm đối tượng công dân cụ thể. Vì vậy, cách tiếp cận ĐĐCD từ nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh còn khá mờ nhạt và chưa trở thành trọng tâm trong các công trình đã công bố. Bên cạnh đó, quá trình khái quát cơ sở lý luận trong các công trình nghiên cứu chủ yếu tập trung làm rõ về xây dựng đạo đức nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng nói riêng. Do đó, luận án sẽ tập trung khai thác sâu khía cạnh tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD với tư cách là hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội giữ vai trò nền tảng trong điều chỉnh nhận thức, thái độ và hành vi của công dân trong đời sống xã hội.

Hai là, mặc dù một số công trình có đề cập đến khái niệm ĐĐCD, nguyên tắc, quy tắc và chuẩn mực ĐĐCD song đa phần chỉ dừng lại ở mức độ khái lược, chủ yếu nhằm minh họa cho những luận điểm về giáo dục chính trị, phát triển văn hóa hoặc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Do đó, luận án sẽ tập trung hệ thống hóa và luận giải một cách đầy đủ, toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD, với các quan điểm cơ bản như: mục tiêu, chủ thể, nội dung, phương thức xây dựng ĐĐCD. Quá trình phân tích, luận giải các quan điểm này, luận án sẽ tuân thủ nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử, cụ thể nhằm khắc họa sâu sắc giá trị lý luận và thực tiễn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD, đồng thời, quán triệt đầy đủ yêu cầu tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng của Người trong bối cảnh mới hiện nay.

Ba là, mối quan hệ giữa ĐĐCD và Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là một mối quan hệ mang tính biện chứng, là chìa khóa để làm sáng tỏ mục tiêu, nội dung, phương thức xây dựng ĐĐCD. Một mặt, nhà nước pháp quyền cần một nền ĐĐCD làm nền tảng để bảo đảm cho sự tự giác tuân thủ pháp luật, đề cao trách nhiệm và nghĩa vụ công dân; mặt khác, ĐĐCD chỉ có thể được khơi dậy, phát triển và lan tỏa mạnh mẽ khi được đặt trong một môi trường thể chế pháp lý minh bạch, công bằng và dân chủ. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu vắng các công trình tiếp cận mối quan hệ này dưới góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh. Do đó, luận án sẽ tập trung làm rõ hơn mối quan hệ này, xem đó là một trong những trọng điểm nghiên cứu nhằm góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay.

Bốn là, trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân đang triển khai thực hiện chủ trương “xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới”, việc làm rõ hệ giá trị, chuẩn mực ĐĐCD trở thành một yêu cầu cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Hệ chuẩn mực ĐĐCD không thể tách rời, mà luôn gắn liền với hệ giá trị, chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Vì vậy, luận án xác định nhiệm vụ trên là một nội dung cốt lõi, góp phần cụ thể hóa chủ trương lớn của Đảng trong chiến lược phát triển con người và văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

** Về thực trạng*

Phần lớn các công trình liên quan đến luận án đã tiến hành khảo sát thực trạng xây dựng đạo đức trên các bình diện như: đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; đạo đức nghề nghiệp của từng đối tượng công dân, nhất là thế hệ trẻ... Các nghiên cứu này thường tập trung vào hiện tượng cụ thể, nhóm đối tượng đặc thù hoặc lĩnh vực chuyên biệt (giáo dục, lãnh đạo, quản lý,...), với quy mô và mức độ khảo sát khác nhau tùy theo mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của từng công trình. Tuy nhiên, một khoảng trống đáng kể trong các nghiên cứu hiện nay là việc thiếu vắng khảo sát chuyên biệt và đánh giá có hệ thống về thực trạng xây dựng ĐĐCD với tư cách là một loại hình đạo đức xã hội có tính phổ quát, nền tảng và gắn với tư cách, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân. Các chuẩn mực ĐĐCD như: yêu nước, tôn trọng pháp luật, trách nhiệm với công việc chung, bảo vệ Tổ quốc... thường được đề cập hoặc lồng ghép trong các chuẩn mực đạo đức xã hội nhưng chưa được khảo sát, đánh giá một cách trực diện, nhất quán dưới góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh.

Chính vì vậy, luận án xác định cần tiếp cận vấn đề này một cách tổng thể và có chiều sâu, thông qua việc khảo sát, đánh giá toàn diện thực trạng xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, luận án không chỉ đánh giá thực trạng mà còn làm rõ nguyên nhân, chỉ ra các xu hướng biến đổi, các mâu thuẫn nổi lên trong quá trình xây dựng ĐĐCD trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Những nhận định, đánh giá này sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án xác định yêu cầu và giải pháp khả thi, phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn Việt Nam đương đại.

** Về yêu cầu, giải pháp, kiến nghị*

Nhiều công trình đã đưa ra phương hướng và các giải pháp nhằm nâng cao đạo đức xã hội, giáo dục đạo đức cho từng đối tượng công dân cụ thể. Tuy nhiên, việc xây dựng hệ thống giải pháp mang tính nền tảng, lâu dài, gắn với việc hình thành và phát triển ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn hạn chế cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Phần lớn các giải pháp trong các công trình hiện có dừng lại ở mức định hướng chung như: tăng

cường giáo dục đạo đức, đẩy mạnh nêu gương, phát huy vai trò của các chủ thể xây dựng ... nhưng chưa đi vào làm rõ cơ sở lý luận mang tính nền tảng tư tưởng, đặc biệt là tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD để làm chỗ dựa cho hệ giải pháp có tính khả thi.

Từ nhận thức trên, luận án xác định mục tiêu không chỉ dừng lại ở việc hệ thống quá tư tưởng, lý luận mà sẽ xây dựng các yêu cầu, giải pháp có cơ sở khoa học vững chắc, mang tính khả thi cao được rút ra từ lý luận và thực tiễn xây dựng ĐĐCD. Những yêu cầu và giải pháp này sẽ được luận giải trên nền tảng tư tưởng và tấm gương ĐĐCD của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhấn mạnh đến các phương thức xây dựng phù hợp với bối cảnh và yêu cầu của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

Tiểu kết chương 1

Chương 01 của luận án đã tiến hành khảo cứu tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài “Xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay”. Từ đó, luận án tổng quan ba vấn đề chủ yếu: Nghiên cứu về đạo đức và xây dựng đạo đức ở Việt Nam; nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng ĐĐCD; Nghiên cứu vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam. Kết quả tổng quan theo các hướng nghiên cứu trên đã cung cấp những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng, góp phần định hình hệ khái niệm, xác lập những nội dung cốt lõi về tư tưởng Hồ Chí Minh và phản ánh thực trạng xây dựng đạo đức ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu mới dừng lại ở việc phân tích dưới góc độ giáo dục, xây dựng đạo đức xã hội nói chung hoặc tiếp cận theo đối tượng công dân cụ thể, chưa có công trình nào khảo cứu chuyên sâu, toàn diện và hệ thống về xây dựng ĐĐCD với tư cách là một phạm trù mang tính chính trị - pháp lý và văn hóa rộng lớn dưới góc nhìn tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh đất nước đang tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ sự nghiệp đổi mới toàn diện và hội nhập sâu rộng. Vì vậy, luận án không chỉ có ý nghĩa tiếp nối và kế thừa các kết quả nghiên cứu đi trước, mà còn định hướng mở rộng không gian học thuật, làm rõ nội hàm lý luận, thực tiễn và những vấn đề đặt ra trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh, qua đó đóng góp mới về mặt lý luận và gợi mở những định hướng vận dụng khả thi trong bối cảnh hiện nay.

Chương 2

LÝ LUẬN CHUNG VỀ XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

2.1.1. Khái niệm đạo đức công dân

* Đạo đức

Con người không thể tồn tại và phát triển một cách biệt lập mà luôn gắn bó với đời sống cộng đồng. Trong quá trình sống, con người tất yếu phải tham gia vào các mối quan hệ đa dạng: giữa người với người, giữa con người với xã hội và với tự nhiên. Việc điều chỉnh hành vi trong các mối quan hệ đó, trong những điều kiện cụ thể khác nhau, đòi hỏi con người phải tuân theo những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực nhất định do xã hội xác lập và thừa nhận, nhằm bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung. Những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đó chính là đạo đức.

Danh từ “đạo đức” theo tiếng La tinh là Mos - lễ thói (morolia) - nghĩa là có liên quan với lễ thói, đạo nghĩa. Còn “luân lý” được xem như đồng nghĩa với đạo đức có gốc từ tiếng Hy Lạp là ethicos - lễ thói, tập tục. Khi nói đến đạo đức là nói đến lễ thói và tập tục, biểu hiện mối quan hệ nhất định giữa người với người trong sự giao tiếp với nhau hàng ngày. Sau này người ta thường phân biệt hai khái niệm: Moral là đạo đức, còn ethicos là đạo đức học; theo tiếng Nga “*nravstvennost*” bắt nguồn từ “*nrav*” có ý nghĩa là tập quán đạo đức, còn trong tiếng Đức “*sittlichkeit*” bắt nguồn từ “*sitten*” cũng có nghĩa là tập quán. Như vậy, dù ở các dân tộc khác nhau thì đạo đức đều gắn với phong tục, tập quán. Đạo đức là một hiện tượng xã hội phản ánh quan hệ xã hội hiện thực, hình thành từ chính đời sống hiện thực của con người. Tính nhân loại phổ biến của đạo đức biểu hiện ở những giá trị đạo đức tiên tiến đúng như Ph.Ăngghen đã khái quát: sự tiến bộ đã đưa tới “một đạo đức thực sự có tính người, đứng trên những đối lập giai cấp và trên mọi hời ức về những đối lập ấy” [83, tr.137].

Tùy theo từng lĩnh vực, các nhà khoa học định nghĩa đạo đức dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong *Từ điển triết học* có nêu: “Đạo đức là một trong những hình thái ý thức xã hội, một chế định xã hội thực hiện chức năng điều chỉnh hành vi của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội không trừ lĩnh vực nào” [128, tr.156]. Theo *Đại từ điển tiếng Việt*: “Đạo đức là phép tắc về quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân với tập thể, xã hội” [147, tr.595]. Từ cách tiếp cận nêu trên, luận án quan niệm: *Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh và đánh giá hành vi, cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và*

quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề đạo đức có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành, củng cố và phát triển nhân cách con người, nhất là đội ngũ cán bộ cách mạng. Tư tưởng của Người về đạo đức không chỉ được thể hiện đậm nét trong các tác phẩm lý luận, bài viết, bài nói mà còn được minh chứng sinh động và thuyết phục bằng chính tấm gương suốt đời tu dưỡng và thực hành đạo đức. Theo Người, đạo đức được biểu hiện cả ở khía cạnh ý thức đạo đức, hành vi đạo đức và quan hệ đạo đức song chủ yếu ở khía cạnh ý thức đạo đức, nhất là việc đề ra các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội. Từ những chỉ dẫn của Người, có thể khái quát: *Đạo đức là hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội có chức năng điều chỉnh nhận thức, hành vi và cách ứng xử của con người một cách tự giác, tự nguyện trong mối quan hệ với chính mình, với người khác, với công việc và với thế giới tự nhiên, nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của con người và thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.*

** Công dân*

Khái niệm “công dân” phản ánh mối quan hệ pháp lý đặc thù giữa nhà nước với một số cá nhân nhất định trong phạm vi một quốc gia. So với khái niệm “cá nhân”, “công dân” có phạm vi hẹp hơn, bởi không phải mọi cá nhân sinh sống trong một quốc gia đều là công dân của quốc gia đó. Trong thực tế, bên cạnh công dân còn có người nước ngoài và người không có quốc tịch. Tùy thuộc vào góc độ tiếp cận và lĩnh vực nghiên cứu, các học giả đưa ra những cách hiểu và định nghĩa về “công dân” khác nhau. Theo *Đại từ điển tiếng Việt*, công dân “là người dân có quyền lợi và nghĩa vụ của một nước” [147, tr.455]. Công dân là con người trong quan hệ chính trị - pháp lý với nhà nước, quan hệ đó được thiết lập trên cơ sở quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia. Theo *Từ điển luật học*, công dân là “người dân của một nước dân chủ, có chủ quyền, nhà nước xác định một người cụ thể là công dân là xác định sự phụ thuộc về mặt pháp lý của người đó đối với nhà nước” [127, tr.107].

Khái niệm “công dân” gắn liền với khái niệm “quốc tịch”, bởi công dân là người có quốc tịch của một quốc gia nhất định. Quốc tịch thể hiện mối quan hệ pháp lý đặc thù và mang tính hai chiều giữa cá nhân với nhà nước, thể hiện qua quyền và nghĩa vụ cơ bản được quy định trong Hiến pháp, pháp luật. Đối với Việt Nam, công dân là người mang quốc tịch Việt Nam và quốc tịch là căn cứ duy nhất để xác định tư cách công dân. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013, tại Điều 17, quy định rõ: “Công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam” [111, tr.7].

Khái niệm “công dân” có mối liên hệ mật thiết với khái niệm “dân chủ”. Căn cứ vào quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp, có thể đánh giá

được mức độ dân chủ của một xã hội. Trong tiến trình phát triển lịch sử nhân loại, sự xuất hiện của chế định công dân đánh dấu một bước chuyển mang tính cách mạng, làm thay đổi căn bản địa vị chính trị - pháp lý của con người, từ thân phận “thần dân” lệ thuộc tuyệt đối vào nhà vua, trở thành “công dân” trong chế độ nhà nước dân chủ. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, người nô lệ hoàn toàn bị tước đoạt các quyền tự do, dân chủ, đặc biệt là quyền lực chính trị, bị coi như tài sản có thể mua bán. Bước sang chế độ phong kiến, nhà nước chủ yếu đặt ra các nghĩa vụ đối với thần dân, trong khi quyền lợi của họ nếu có cũng chỉ là sự ban phát mang tính đặc ân. Chỉ đến xã hội tư bản, chế định công dân mới chính thức được xác lập, cùng với đó là sự thừa nhận một số quyền cơ bản của con người. Tuy nhiên, trên thực tế, các quyền này chủ yếu phục vụ cho lợi ích của thiểu số giai cấp thống trị. Hồ Chí Minh khẳng định rõ: “Dưới sự thống trị của đế quốc và phong kiến, nhân dân chỉ có nghĩa vụ, như nộp sưu đóng thuế, đi lính đi phu mà không có quyền lợi” [93, tr.264]. Quyền con người và công dân lần đầu tiên được xác lập và thực thi đầy đủ, thực chất dưới chế độ XHCN. Đó là một chế độ xã hội ưu việt đã “biến người nô lệ thành người tự do” [97, tr.652]. Từ cách tiếp cận trên đây, luận án quan niệm: *Công dân là những cá nhân mang quốc tịch của một quốc gia, có các quyền và nghĩa vụ theo các quy định pháp luật của quốc gia đó.*

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, một người được công nhận là công dân Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện nhất định, như: sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam, có cha mẹ là công dân Việt Nam; trường hợp có cha hoặc mẹ là người nước ngoài thì được lựa chọn quốc tịch; một số cá nhân khác có thể xin nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của pháp luật. Theo đó, có thể hiểu: *Công dân Việt Nam là người mang quốc tịch Việt Nam, được hưởng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.*

Trong xã hội dân chủ, công dân và nhà nước là hai chủ thể có quan hệ hữu cơ, tương hỗ, “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng; nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường” [89, tr.64]. Do đó, sự vận hành hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước một phần rất quan trọng phụ thuộc vào trách nhiệm thực thi quyền và nghĩa vụ của công dân. Tuy nhiên, để công dân tự nguyện, tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đòi hỏi phải có sự tham gia điều chỉnh cả các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức. Từ cách tiếp cận trên, luận án quan niệm: *Đạo đức công dân là những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh nhận thức, hành vi, cách ứng xử của công dân trong mối quan hệ với nhà nước (bao gồm cả quyền và nghĩa vụ); phản ánh sâu sắc tính thời đại, tính dân tộc, tính giai cấp; được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống, sức mạnh của dư luận xã hội và pháp luật.* Khái niệm trên chỉ ra những vấn đề cơ bản sau đây:

Một là, ĐĐCD là những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh nhận thức, hành vi của công dân trong quan hệ với nhà nước

Nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD vừa thể hiện thực chất, vừa thể hiện đặc trưng của ĐĐCD. Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, ĐĐCD phản ánh tồn tại xã hội. Tuy nhiên, ĐĐCD không phản ánh một cách trực tiếp các điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội mà phản ánh gián tiếp các điều kiện sinh hoạt vật chất đó thông qua việc điều chỉnh quan hệ lợi ích giữa công dân với nhau, giữa cá nhân công dân với nhà nước. Sự điều chỉnh về mặt đạo đức các quan hệ lợi ích được thực hiện thông qua việc công dân tự nguyện thực hiện các yêu cầu của xã hội và nhà nước. Các yêu cầu đạo đức của xã hội và nhà nước đối với công dân biểu hiện dưới hình thức các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức. Các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD vừa xác định khuôn mẫu cho hoạt động của công dân, vừa là tiêu chí đánh giá các hành vi đạo đức. Đồng thời, nó có vai trò quan trọng trong định hướng nhận thức và hành vi của mọi công dân như là điều kiện bảo đảm sự phát triển tự do của mỗi công dân và toàn xã hội. Các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực này được đề ra hoàn toàn không phải là do ý muốn chủ quan của một cá nhân nào trong xã hội mà nó phải đại diện cho ý chí, nguyện vọng của số đông công dân và phải phù hợp với trình độ, cũng như định hướng phát triển dân chủ của xã hội.

Ở khía cạnh khác, việc thực hiện các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD bao giờ cũng song hành với việc thực hiện các nguyên tắc đạo đức của người cầm quyền. Nói tới ĐĐCD là nói tới mối quan hệ tác động qua lại giữa công dân với nhà nước. Nhà nước quy định quyền, nghĩa vụ cho mọi đối tượng công dân trong xã hội và chính bản thân đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước cũng chịu sự quy định của các nguyên tắc, chuẩn mực đó. Tính ràng buộc đó đòi hỏi nhà nước phải tự đề ra cho mình những quy tắc ứng xử phù hợp. Không phải là tấm gương mẫu mực về đạo đức được biểu hiện thông qua đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, nhà nước không thể thuyết phục công dân tự giác thực hiện các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội do mà mình đặt ra.

Hai là, ĐĐCD phản ánh sâu sắc tính thời đại, tính dân tộc và tính giai cấp

Tính thời đại của ĐĐCD được thể hiện ở chỗ: ĐĐCD được nảy sinh và phụ thuộc vào cơ sở KT-XH. Nói cách khác, nội dung các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD là biểu hiện của trình độ phát triển nhất định của những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, của cơ sở kinh tế. Việc khẳng định tính quy định của cơ sở kinh tế đối với ĐĐCD cho phép nhìn nhận sự biến đổi của ĐĐCD theo sự biến đổi của cơ sở kinh tế. Phân tích mối quan hệ giữa cơ sở kinh tế với kiến trúc thượng tầng mà trong đó đạo đức là một yếu tố của nó, C.Mác viết: “Cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng” [83, tr.15]. Ph.Ăngghen khi bàn về tính thời đại của đạo đức đã chỉ rõ: “Từ dân tộc này sang dân tộc khác, từ thời đại này sang thời đại khác,

những quan niệm về thiện ác đã biến đổi nhiều đến mức chúng thường trái ngược hẳn nhau” [83, tr.125].

Cùng với tính thời đại, ĐĐCD có tính dân tộc. Ở mỗi nhà nước khác nhau, các chuẩn mực ĐĐCD cũng khác nhau, tùy thuộc vào thể chế chính trị của nhà nước, điều kiện địa lý và trình độ KT-XH biến đổi qua các thời kỳ lịch sử khác nhau. Mặt khác, nội dung và diễn biến của ĐĐCD gắn liền với những bước thăng trầm của lịch sử mỗi dân tộc, chịu sự chi phối bởi các hình thái ý thức xã hội khác như: chính trị, triết học, tôn giáo, nghệ thuật... Đồng thời, những đổi thay về chế độ chính trị, tổ chức nhà nước đều tác động sâu sắc đến ĐĐCD, đem lại cho nó những nội dung mới. Nói cách khác, đạo đức nói chung, ĐĐCD nói riêng trước hết phải là sản phẩm của dân tộc, phù hợp với tâm lý, ý thức dân tộc.

Đạo đức công dân thể hiện tính giai cấp sâu sắc. Đây là tính chất đặc trưng biểu hiện bản chất xã hội của ĐĐCD. Với tính cách là một bộ phận của ý thức xã hội, ĐĐCD phản ánh và khẳng định quan hệ lợi ích giữa công dân với nhà nước. Đạo đức giúp mỗi công dân biết cách giải quyết hài hòa mối quan hệ lợi ích với nhà nước phù hợp với bản chất của nhà nước. Trong xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp, nhà nước luôn quy định rõ quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Các quyền và nghĩa vụ công dân luôn phản ánh và phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị. Điều đó giải thích vì sao, giai cấp thống trị nhà nước luôn sử dụng đạo đức như một công cụ để thực hiện sự thống trị giai cấp của mình. Tuy nhiên, dưới chế độ XHCN, lợi ích của giai cấp và dân tộc về cơ bản thống nhất với nhau đó chính là điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức... Khi bàn về bản chất giai cấp của đạo đức nói chung, Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: “Xã hội đã vận động trong những sự đối lập giai cấp, hoặc nó biện hộ cho sự thống trị và lợi ích của giai cấp thống trị, hoặc là, khi giai cấp bị trị đã trở nên khá mạnh thì nó tiêu biểu cho sự nổi dậy chống lại sự thống trị nói trên và tiêu biểu cho lợi ích tương lai của những người bị áp bức” [83, tr.137].

Ba là, ĐĐCD thể hiện cụ thể trong việc giải quyết mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ công dân

Trong xã hội dân chủ, ĐĐCD được biểu hiện cụ thể trong việc giải quyết mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ công dân. Một người được coi là có ĐĐCD khi giải quyết hài hòa mối quan hệ trên, thậm chí phải tự giác, tự nguyện hy sinh quyền và lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của tập thể, của quốc gia, dân tộc. Khi bàn đến vấn đề “Đạo đức là gì trong nhà nước chính trị?”, nhà tư tưởng người Pháp S.L.Montesquieu đã khẳng định: Đạo đức trong chính thể cộng hòa: “Đó là lòng yêu nền cộng hòa, đó là tình cảm chứ không phải là một chuỗi kiến thức” [101, tr.65]. Tiếp tục làm rõ quan hệ giữa tình cảm đạo đức và thể chế chính trị, ông cho rằng: “Lòng yêu mến nền cộng hòa trong chính thể dân chủ chính là

lòng yêu dân chủ. Lòng yêu dân chủ lại là lòng yêu sự bình đẳng không những yêu vì quyền lợi mà yêu cả về nghĩa vụ” [101, tr.66]. J.J.Rousseau trong tác phẩm “Khế ước xã hội” đã quan niệm: Mỗi cá nhân riêng lẻ có tư cách công dân “trong khi họ tham gia vào quyền lực tối cao”, và sẽ ở thân phận Thần dân “trong khi họ phục tùng luật pháp nhà nước” [66, tr.43]. Quan niệm trên đây một mặt khẳng định địa vị pháp lý của công dân trong chế độ cộng hòa, mặt khác khẳng định trách nhiệm đạo đức của mỗi cá nhân trong việc thực thi quyền và nghĩa vụ của mình với nhà nước.

Đạo đức công dân là một chỉnh thể thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ công dân, không một công dân nào chỉ có quyền mà không có nghĩa vụ và ngược lại. Vì thế, căn cứ vào việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân chúng ta có thể đánh giá phẩm chất ĐĐCD của mỗi cá nhân. Trong xã hội XHCN, công dân vừa là đối tượng quản lý của nhà nước, vừa là chủ thể của quyền lực nhà nước. Công dân với tư cách là cộng đồng là chủ thể tối cao của quyền lực đồng thời với tư cách cá nhân phải phục tùng sự quản lý, điều hành của nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật. Tuy nhiên, tính hiện thực trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân được xem xét trên nhiều phương diện, trong đó có hai phương diện cơ bản đó là quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật. Ở Việt Nam, tại Điều 15, Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, quy định rõ: “Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân” [130, tr.6]. Như vậy, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân hoàn toàn không phải là sự ban phát của nhà nước đối với công dân, càng không phải dựa trên ý muốn chủ quan của các nhà làm luật mà nó được xác định trên cơ sở điều kiện cụ thể của đời sống xã hội trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Bốn là, ĐĐCD được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống, sức mạnh của dư luận xã hội và pháp luật

Đạo đức công dân được lan tỏa, thâm nhập vào các đối tượng công dân theo nhiều cách thức, biện pháp khác nhau. Đó là sự tự giác nhận thức quyền và nghĩa vụ của mình thông qua tác động của niềm tin, truyền thống và sức mạnh dư luận xã hội. Bằng nhiều phương thức, công cụ khác nhau (như: các phương tiện thông tin đại chúng, các phong trào hoạt động xã hội...), nhà nước tham gia điều chỉnh, định hướng việc củng cố các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đó trong thực tiễn xã hội.

Bên cạnh đó, việc thực hiện các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD được thực hiện thông qua vai trò điều chỉnh của pháp luật. Ở trường hợp này, tuân thủ pháp luật vừa là một nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD, vừa là phương tiện để tổ chức thực hiện các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức đó đối với toàn xã hội. Khi bàn về vấn đề này, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “đối với những kẻ ngoan cố không chịu sửa đổi thì chính quyền phải

dùng phép luật. Phép luật là phép luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân” [94, tr.258].

2.1.2. Khái niệm xây dựng đạo đức công dân

Trong đời sống xã hội, khái niệm “xây dựng” thường được hiểu là quá trình tạo lập, hình thành một chỉnh thể có tổ chức, định hướng, vận động theo những nguyên lý, quy luật và mục tiêu xác định. Theo *Từ điển Tiếng Việt*, “xây dựng” là “làm cho hình thành một cộng đồng, một chỉnh thể về xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa theo đường lối, chủ trương nhất định” [147, tr.1096]. Từ cách tiếp cận trên, có thể hiểu: *Xây dựng đạo đức công dân là tổng thể các hoạt động có tổ chức và kế hoạch của các chủ thể xã hội, hướng tới củng cố, phát triển, hoàn thiện hệ thống nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức công dân và bảo đảm để hệ thống đó trở thành nền tảng tinh thần chủ đạo, định hướng cho các quan hệ xã hội, đồng thời góp phần giữ vững sự ổn định, phát triển bền vững của đời sống chính trị - xã hội đất nước.*

Xây dựng ĐĐCD không phải là hoạt động nhất thời, tự phát của một cá nhân hay một nhóm đối tượng công dân trong xã hội, mà đó là tổng thể nhiều hoạt động của các chủ thể, có mục tiêu nhất quán, xuyên suốt, được tổ chức chặt chẽ, khoa học theo một kế hoạch chung thống nhất, với những chủ trương, biện pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả phù hợp với từng đối tượng công dân và yêu cầu nhiệm vụ ở từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nội dung nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động xây dựng ĐĐCD là củng cố, phát triển, hoàn thiện hệ thống những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD và bảo đảm cho nó trở thành nền tảng tinh thần chủ đạo trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước. Chính vì vậy, hoạt động này cũng quy định tính chất lâu dài, khó khăn, phức tạp của nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD. Do đó, nó đòi hỏi phải có lộ trình, bước đi, biện pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn từng giai đoạn lịch sử, nhất là trình độ dân chủ của từng quốc gia.

Xây dựng ĐĐCD là một trong những nội dung quan trọng và có tính xuyên suốt trong toàn bộ sự nghiệp và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Quan điểm của Người về xây dựng ĐĐCD không chỉ được thể hiện nhất quán trong các tác phẩm lý luận, bài nói, bài viết mà còn được thực hành sinh động trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng vì nước, vì dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ĐĐCD vừa là phương diện biểu hiện bản chất con người XHCN, vừa là nền tảng tinh thần, động lực nội sinh cho sự phát triển bền vững của chế độ mới. Hồ Chí Minh sử dụng các khái niệm như “bổn phận”, “nghĩa vụ”, “trách nhiệm” để nói đến ĐĐCD trong mối quan hệ với nhà nước, xã hội và cộng đồng. Các thuật ngữ này tuy mang sắc thái khác nhau nhưng cùng hướng đến nội dung trọng tâm là yêu cầu công dân thực hiện đầy đủ vai trò người chủ xã hội. Đồng thời, trong cách dùng của Người, các khái niệm “dân”, “nhân dân”, “công dân” thường được dùng thay thế cho nhau, với ý nghĩa chung là những người dân trong chế độ dân chủ mới - chủ thể của

quyền lực nhà nước và hiện thực hóa mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền CNXH. Vì vậy, có thể khái quát rằng: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đạo đức công dân là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc của Người về mục tiêu, chủ thể, nội dung và phương thức thực hiện, nhằm củng cố, phát triển, hoàn thiện hệ thống các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức công dân phù hợp với bản chất của chế độ dân chủ nhân dân và bảo đảm cho hệ thống đó trở thành nền tảng tinh thần chủ đạo trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước.*

Khái niệm này khẳng định tính chỉnh thể thống nhất trong tư tưởng của Người: từ việc xác định mục tiêu, chủ thể đến lựa chọn nội dung và phương thức xây dựng ĐĐCD. Nội dung cốt lõi, xuyên suốt của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD là hình thành, củng cố, phát triển và hoàn thiện các chuẩn mực ĐĐCD gắn liền với sự ra đời và phát triển của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Trên nền tảng đó, mục tiêu chiến lược của việc xây dựng ĐĐCD là hình thành một hệ giá trị đạo đức phù hợp với bản chất chế độ mới, qua đó làm cho hệ thống chuẩn mực ĐĐCD thực sự trở thành nền tảng tinh thần bền vững trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước.

2.1.3. Khái niệm xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam

Trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn kiên định vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD nói riêng. Nhờ đó, lớp lớp các thế hệ công dân Việt Nam được đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện, phấn đấu trở thành những công dân ưu tú, công dân kiểu mẫu đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước qua từng giai đoạn lịch sử. Các thế hệ công dân Việt Nam trở thành chủ thể và động lực chủ yếu tạo ra những chiến công vĩ đại trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc trước đây và những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của cách mạng Việt Nam ngày nay.

Từ thực tiễn vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam của Đảng và Nhân dân ta, có thể rút ra quan niệm sau: *Xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam là tổng thể các hoạt động có tổ chức và kế hoạch của các chủ thể xã hội, dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm hình thành, củng cố, phát triển và hoàn thiện hệ thống nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức công dân, làm cho hệ thống đó thấm sâu, chuyển hóa thành những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức bên trong mỗi công dân, trở thành bộ phận quan trọng cấu tạo nên đạo đức chính trị chung của cả dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.*

Khái niệm trên tiếp cận xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam như một hoạt động xã hội có tính tổ chức cao, được triển khai một cách chặt chẽ, thống nhất trong khuôn khổ một chiến lược tổng thể, với mục tiêu, chủ thể, nội dung

và phương thức tiến hành xác định rõ ràng. Cách tiếp cận đó khẳng định rằng xây dựng đạo đức công dân không phải là quá trình tự phát, rời rạc của từng công dân, mà là một quá trình xã hội có định hướng, được dẫn dắt, tổ chức và bảo đảm bởi các chủ thể xã hội chủ yếu như Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, cùng với vai trò tham gia của cộng đồng. Trên cơ sở đó, mục tiêu, nội dung và phương thức xây dựng ĐĐCD được xác lập ổn định, đồng thời gắn kết chặt chẽ với chiến lược xây dựng con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh, việc xây dựng ĐĐCD hướng tới hình thành, củng cố và phát triển một hệ thống các nguyên tắc, quy tắc và chuẩn mực đạo đức phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội Việt Nam hiện đại. Nền tảng tư tưởng đó bảo đảm sự thống nhất hữu cơ giữa xây dựng ĐĐCD với mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, đồng thời tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc kết hợp hài hòa các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc với những giá trị ĐĐCD tiến bộ của nhân loại, qua đó góp phần định hướng sự phát triển toàn diện con người Việt Nam trong bối cảnh mới.

Các nguyên tắc, quy tắc và chuẩn mực đạo đức công dân không chỉ dừng lại ở việc tồn tại như những quy định mang tính ngoại tại, mà được nội tâm hóa, chuyển hóa thành niềm tin, thói quen và động lực tự giác trong việc điều chỉnh hành vi của mỗi công dân. Quá trình chuyển hóa đó phản ánh sâu sắc quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò quyết định của tự tu dưỡng, tự rèn luyện đạo đức, trong đó đặc biệt đề cao trách nhiệm nêu gương và thực hành đạo đức trong việc giải quyết các mối quan hệ xã hội của công dân. Trên cơ sở ấy, xây dựng đạo đức công dân không chỉ nhằm hoàn thiện nhân cách của từng cá nhân, mà còn góp phần hình thành và củng cố nền đạo đức chính trị chung của dân tộc Việt Nam trong thời đại mới, qua đó tạo dựng nền tảng tinh thần vững chắc cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước.

2.2. CÁCH TIẾP CẬN ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN CỦA HỒ CHÍ MINH

2.2.1. Tiếp cận đạo đức công dân trong mối quan hệ với địa vị làm chủ của công dân

Theo Hồ Chí Minh, vấn đề quan trọng đầu tiên để xác định các chuẩn mực ĐĐCD đó là cần xác định tư cách đạo đức của từng chủ thể: Nhà nước và công dân. Tư cách đạo đức của các chủ thể trên được thể hiện rất rõ trong quan niệm của Người về dân chủ. Theo Hồ Chí Minh, dân chủ nghĩa là dân là chủ và dân làm chủ. Quan niệm về dân chủ nêu trên tuy ngắn gọn, giản dị, mộc mạc nhưng đã phản ánh đầy đủ, sâu sắc nhất bản chất của dân chủ. Đây thực sự là một cuộc cách mạng trong nhận thức về dân chủ ở Việt Nam. Quan niệm về dân chủ của Hồ Chí Minh hoàn toàn đối lập với quan niệm “quan chủ” trước đó. Theo Người, “dân là chủ” đã khẳng định rõ ràng địa vị người chủ trong chế độ mới là mọi công dân, điều này hoàn toàn đối lập với thân phận nô lệ, thân dân hay thảo dân trong chế

độ phong kiến, thực dân trước đây. Nếu trước kia vua là tối thượng thì trong chế độ dân chủ, dân là chủ thể quyền lực, còn cán bộ, công chức là đầy tớ, công bộc của dân. Dân là chủ đồng thời dân cũng “làm chủ”, điều đó phản ánh năng lực làm chủ, được biểu hiện ở trình độ văn hóa, bản lĩnh, ý thức trách nhiệm... của công dân.

Việc xác lập địa vị là chủ của công dân xuất phát từ bản chất của nhà nước dân chủ, chế độ dân chủ. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do người dân làm chủ” [92, tr.269]. Dân chủ vì thế là cơ sở trong việc xác lập các mối quan hệ, là căn cứ để điều chỉnh hành vi của mỗi chủ thể. Nếu chủ thể nào đó vi phạm dân chủ, thiếu dân chủ thì bản chất của mối quan hệ đó sẽ bị thay đổi, sự ổn định sẽ từng bước bị phá vỡ. Dân chủ được coi là chất keo kết dính và là phương thức tối ưu để điều chỉnh hành vi của mỗi chủ thể. Theo Người, chủ thể thực hành dân chủ vừa là Nhà nước, vừa là công dân. Sự phối hợp nhịp nhàng đó không chỉ đòi hỏi phải có thiết chế dân chủ, môi trường dân chủ mà quan trọng hơn, yếu tố được coi là gốc rễ, nền tảng đó là từng chủ thể phải tuân thủ và thực hiện nghiêm những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD. Nghĩa là, ở đâu, khi nào tuân thủ đúng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD thì ở đó, khi đó địa vị và quyền làm chủ của công dân được thực thi đầy đủ, sự ổn định của xã hội được giữ vững, công dân được phát huy toàn diện năng lực sáng tạo của mình.

2.2.2. Tiếp cận đạo đức công dân trong mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước

Theo Hồ Chí Minh, nói tới đạo đức của một con người là nói tới hành vi, cách ứng xử trong việc giải quyết các mối quan hệ của cá nhân đó với mình, với người và với việc. Với tư cách là một phẩm chất nhân cách của con người chính trị, ĐĐCD bộc lộ trong mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước. Người chỉ rõ: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối” [89, tr.64]. Theo Người, mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân là mối quan hệ giữa “người chủ” và “đầy tớ” - “cán bộ, công chức Nhà nước là đầy tớ của dân” với “công dân là người chủ”. Đó là mối quan hệ thống nhất biện chứng, là biểu hiện bản chất chế độ chính trị của Nhà nước ta. Trong đó, Nhà nước và công dân đều phải có bổn phận, trách nhiệm pháp lý và đạo đức với nhau, tạo lên sự gắn bó máu thịt như là cơ sở cho sự tồn tại của nhau. Quan hệ đó dựa trên sự tôn trọng các quyền, tự do và lợi ích hợp pháp của mỗi công dân và vì mục đích làm cho mỗi công dân thực sự là người làm chủ. Sự phát triển của mỗi cá nhân là tiền đề cho sự phát triển, kích thích sự phát triển của các cá nhân khác.

Tư cách “đầy tớ” hay “công bộc” của cán bộ, công chức Nhà nước được Hồ Chí Minh lý giải với nội hàm là vì lợi ích chung gánh vác việc dân, trung thành và tận tâm, tận lực phục vụ Nhân dân. Họ phải như người lính vâng mệnh quốc dân mà thi hành nhiệm

vụ, thay mặt dân để ra quyết định, toàn tâm, toàn ý phục vụ đất nước, phục vụ Nhân dân và hoàn toàn không có đặc quyền, đặc lợi. Theo Hồ Chí Minh, để thực hiện đúng tư cách người “đầy tớ”, “công bộc” của Nhân dân thì trong mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Nhà nước đều phải vì Nhân dân, phải lấy lợi ích của Nhân dân làm động lực cho mọi quyết sách của mình. Trách nhiệm của Nhà nước với công dân không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu tuyên truyền mà phải bằng hành động thiết thực đem lại ích nước, lợi dân. Người nói: “Các công việc của Chính phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh” [89, tr.21]. Trong các việc làm của Nhà nước có lợi cho dân thì việc bảo đảm quyền làm chủ của dân là việc làm quan trọng bậc nhất và có ý nghĩa rất cơ bản, tạo nền tảng cho việc phát huy đầy đủ sức mạnh của lực lượng Nhân dân và hiệu lực của chính quyền nhân dân. Theo Người, Nhà nước phải làm sao cho công dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm.

Trong khi đề cao trách nhiệm đạo đức của người “đầy tớ”, người “công bộc”, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cần đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ của người chủ. Theo Hồ Chí Minh, trong nhà nước dân chủ thì dân là gốc, dân là chủ, đồng thời dân cũng làm chủ; chăm lo cái gốc, phát huy dân chủ phải đi đôi với phát huy ý thức nghĩa vụ và trách nhiệm làm chủ của mọi công dân. Điều này rất quan trọng, bởi vì: “Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, mọi người cần có tinh thần làm chủ tốt, phải đề cao tinh thần trách nhiệm” [97, tr.87]. Vì vậy, theo Người đã là người làm chủ nước nhà phải làm tròn bốn phận công dân, phải chăm lo việc nước như việc nhà, phải biết tự mình lo toan gánh vác công việc nhà nước, không ỷ nại, ngồi chờ, nghĩa là “Làm chủ sao cho ra làm chủ, không phải làm chủ là muốn ăn bao nhiêu thì ăn, muốn làm bao nhiêu thì làm” [98, tr.287]. Công dân là người ủy thác cho Nhà nước, thay mặt dân giải quyết mọi công việc, do đó mỗi công dân phải ra sức ủng hộ, giúp đỡ Nhà nước bằng thái độ tin tưởng, yêu mến chân thành. Người nói: “Chế độ của ta là chế độ dân chủ. Nhân dân là chủ. Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân” [94, tr.90]. Để thực hiện trách nhiệm làm chủ của mình, mỗi công dân cần nêu cao tinh thần tự giác đóng góp “tài dân, của dân, sức dân” tham gia xây dựng Nhà nước. Trong đó, muốn có một Nhà nước thực sự vì mình, vì lợi ích của mình thì việc làm trước tiên mỗi công dân cần sáng suốt lựa chọn những đại biểu ưu tú tham gia bộ máy Nhà nước. Theo Người, nêu cao trách nhiệm tham gia “Tổng tuyển cử” là việc làm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Người nói: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà” [89, tr.153].

2.2.3. Tiếp cận đạo đức công dân trong giải quyết mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ công dân

Đạo đức công dân được nảy sinh và biểu hiện tập trung trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân. Một người công dân chỉ biết hưởng quyền lợi mà không thực hiện tốt nghĩa vụ của mình thì không thể coi là người có đạo đức. Việc giải quyết mối quan hệ đó có thể coi là hình thức biểu hiện của ĐĐCD. Hồ Chí Minh chỉ rõ: "...đại đa số nhân dân ta đã tự giác, tự động làm tròn nghĩa vụ của người chủ nước nhà. Nhưng vẫn có một số ít người không làm đúng như vậy. Họ muốn hưởng quyền lợi mà không muốn làm nghĩa vụ" [94, tr.258].

Với địa vị là "người chủ" mỗi công dân có quyền được hưởng mọi quyền con người và quyền công dân, có quyền làm bất cứ việc gì mà pháp luật không cấm, có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật. Công dân có quyền ứng cử, đề cử đại biểu vào các cơ quan nhà nước, đồng thời có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân. Nhân dân có quyền tham gia xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mọi công việc hệ trọng của quốc gia đều được công khai bàn bạc với dân, do dân quyết định. Với tư cách là "ông chủ" trong chế độ mới, công dân có quyền kiểm tra, đánh giá, thẩm định quá trình thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước.

Theo Người, quyền luôn gắn liền với nghĩa vụ và việc thực hiện nghĩa vụ công dân cũng chính là cơ sở đảm bảo việc thực hiện quyền đi vào thực chất. Người cho rằng, nghĩa vụ bao trùm nhất của công dân đó là phải hết lòng hết sức "phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân" [92, tr.246], "tận trung với nước, tận hiếu với dân" [90, tr.113]. Nghĩa vụ, trách nhiệm công dân xuất phát từ nhu cầu tồn tại và phát triển của mỗi công dân, hoàn toàn không phải là sự gán ghép, ép buộc hay do ý chí chủ quan của Nhà nước. Người nói: "nước được độc lập, tự do, thì ai cũng được tự do. Thế là tiền đề của cá nhân nằm trong tiền đề của toàn dân" [96, tr.523]. Mặt khác, bản chất dân chủ của Nhà nước ta chính là môi trường chính trị, pháp lý để mỗi công dân phát huy cao nhất trách nhiệm làm chủ của mình. Người viết: "Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên" [91, tr.232].

Theo Hồ Chí Minh, nghĩa vụ, trách nhiệm làm chủ của mỗi công dân không phải là lời nói suông hay hô hào khẩu hiệu chung chung mà nó cần được biến thành hành động, hành vi cụ thể, lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ làm thước đo. Người nói: "Mỗi người công nhân, nông dân, trí thức, cán bộ, viên chức, đều phải hiểu rõ nghĩa vụ vẻ vang của mình là phục vụ sản xuất. Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình" [98, tr.68].

2.2.4. Tiếp cận đạo đức công dân trong mối quan hệ biện chứng giữa các chuẩn mực đạo đức chung với các chuẩn mực đạo đức riêng của từng đối tượng công dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, ĐĐCD không chỉ là một hệ thống chuẩn mực xã hội chung mà còn được biểu hiện qua những yêu cầu đạo đức với từng đối tượng công dân cụ thể. Do đó, một mặt, Người đề ra những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức mang tính phổ quát, làm nền tảng cho toàn xã hội. Đồng thời, Người đề ra những chuẩn mực cụ thể, phù hợp với từng đối tượng công dân, từng giai cấp, tầng lớp, ngành nghề và vị trí xã hội. Chính sự kết hợp hài hòa giữa tính khái quát và tính đặc thù, giữa cái chung và cái riêng ấy đã tạo nên sức sống mãnh liệt, tính thuyết phục và khả năng lan tỏa sâu rộng của hệ giá trị ĐĐCD trong xã hội Việt Nam mới.

Với lời diễn đạt giản dị, dễ hiểu, Hồ Chí Minh giúp mọi người dân ở những trình độ, hoàn cảnh khác nhau đều có thể tiếp cận, học tập và thực hành các chuẩn mực đạo đức một cách hiệu quả. Theo Người, ĐĐCD không phải là điều gì trừu tượng mà được thể hiện sinh động qua những hành vi thiết thực hằng ngày: tuân thủ pháp luật, chấp hành kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự công cộng, đóng thuế đầy đủ, bảo vệ của công, tham gia các công việc chung của tập thể, của địa phương và của đất nước. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh rằng mỗi công dân đều có trách nhiệm tham gia tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt khác, căn cứ vào vai trò, vị trí xã hội để đề cao trách nhiệm, nghĩa vụ đạo đức riêng biệt của từng đối tượng công dân trong xã hội. Người căn dặn giai cấp công nhân: “về đạo đức vô sản, công nhân phải hiểu mình là chủ xí nghiệp” [94, tr.280]. Với các cháu thiếu nhi, Người căn dặn: “Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào. Học tập tốt, lao động tốt. Giữ gìn vệ sinh thật tốt. Thật thà, dũng cảm. Mai sau, các cháu sẽ là người chủ của nước nhà. Cho nên ngay từ rày, các cháu cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng để chuẩn bị trở nên người công dân tốt, người cán bộ tốt của nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [98, tr.131]. Người mong muốn từng đối tượng công dân phải phát huy tối đa tài năng, đạo đức và trách nhiệm xã hội của mình; phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao để đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước và nâng cao đời sống Nhân dân. Những chuẩn mực đạo đức cụ thể đó vừa phản ánh tính phong phú, đa dạng của đời sống ĐĐCD, vừa góp phần hiện thực hóa các chuẩn mực chung một cách sinh động và hiệu quả trong thực tiễn.

Giữa chuẩn mực đạo đức chung và chuẩn mực đạo đức riêng luôn tồn tại mối quan hệ thống nhất, bổ sung và chuyển hóa lẫn nhau. Các chuẩn mực cụ thể không tách rời chuẩn mực chung mà chính là sự cụ thể hóa, hiện thực hóa những giá trị đạo đức phổ quát vào đời sống xã hội, vào từng ngành, từng vị trí công tác. Nhờ vậy, việc giáo dục, tự giáo

dục và rèn luyện ĐĐCD không bị khô cứng hay áp đặt mà trở nên thiết thực, gần gũi và có hiệu quả rõ rệt. Đồng thời, việc tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực đạo đức dù là chung hay riêng đều có yêu cầu bắt buộc đối với mỗi công dân trong xã hội; bởi nếu xem nhẹ, vi phạm hay thờ ơ với bất kỳ chuẩn mực nào cũng đều có thể dẫn tới sự suy thoái đạo đức, làm tổn hại đến danh dự cá nhân, sự phát triển bền vững của đất nước và cộng đồng.

2.3. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN

2.3.1. Mục tiêu xây dựng đạo đức công dân

2.3.1.1. Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa góp phần hiện thực hóa mục tiêu phát triển của dân tộc và đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới

Theo Hồ Chí Minh, mục tiêu phát triển của dân tộc Việt Nam là độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh. Đây không chỉ là khát vọng cháy bỏng của toàn thể dân tộc ta, mà còn là mục tiêu xuyên suốt trong tư tưởng và hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ thể hiện thực hóa mục tiêu đó là toàn thể nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, đòi hỏi sự hy sinh, cống hiến công sức và trí tuệ của nhiều thế hệ công dân kế tiếp nhau.

Trong điều kiện nước ta quá độ lên CNXH từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, việc xây dựng con người mới XHCN càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và mang tính cấp thiết. Người cho rằng, không thể chờ đợi đến khi có đầy đủ các điều kiện vật chất của CNXH mới bắt đầu xây dựng con người XHCN, mà ngược lại, quá trình này phải được tiến hành trước một bước, như một điều kiện tiên quyết, có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của sự nghiệp cách mạng. Người chỉ rõ: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải có con người xã hội chủ nghĩa và có tư tưởng xã hội chủ nghĩa” [97, tr.604]. Con người mới xã hội chủ nghĩa giữ vị trí, vai trò đặc biệt to lớn, vừa là chủ thể trực tiếp, vừa là mục tiêu, đồng thời là động lực chủ yếu của quá trình cách mạng. Việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, mà còn gắn liền với mục tiêu cao cả là “Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” [100, tr.614].

Để xứng đáng với địa vị người chủ nước nhà, mỗi công dân cần phải phấn đấu trở thành những công dân ưu tú, công dân kiểu mẫu. Họ phải có phẩm chất và năng lực toàn diện, bao gồm cả “đức - trí - thể - mỹ”, trong đó, đạo đức là gốc rễ, nền tảng. Bởi vì, giá trị cao quý nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đó là thiết lập địa vị và quyền làm chủ của mọi công dân. Họ được Hiến pháp, pháp luật bảo vệ và có nghĩa vụ giữ đúng bản phận, nghĩa vụ công dân. Tuy nhiên, bản thân công dân không thể là chủ và làm chủ theo đúng nghĩa nếu không có nền tảng đạo đức tương xứng để tự điều chỉnh nhận thức, hành

vi của bản thân trong thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân. Nói cách khác, mục đích cao nhất trong xây dựng ĐĐCD là nhằm tạo ra những công dân ưu tú, công dân kiểu mẫu. Không thể có một xã hội giàu đẹp, văn minh nếu không có công dân kiểu mẫu. Đó là những công dân gương mẫu, tự giác thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của người làm chủ.

Hồ Chí Minh không bàn nhiều đến các tiêu chí của công dân ưu tú, công dân kiểu mẫu nhưng thông qua một số bài nói, bài viết trong di sản tư tưởng và thực tiễn thực hành ĐĐCD của Người, những tiêu chí về công dân kiểu mẫu vừa cụ thể, sinh động và thiết thực. Người chỉ rõ: “Các đồng chí sẽ hăng hái tham gia công tác tăng gia sản xuất, để giúp ích cho Tổ quốc, cũng như các đồng chí đã anh dũng giữ gìn non sông, các đồng chí sẽ trở nên người công dân kiểu mẫu ở hậu phương cũng như các đồng chí đã làm người chiến sĩ kiểu mẫu ở ngoài mặt trận” [90, tr.584]. Nói rộng ra, công dân kiểu mẫu là những người thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ do Hiến pháp quy định. Sẽ là không tưởng nếu có nhà nước vững mạnh mà không có công dân hiểu biết và thực thi đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; ngược lại, cũng không thể đòi hỏi có công dân kiểu mẫu nếu nhà nước hạn chế hoặc thiếu cơ chế, chính sách để công dân thực thi quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, bên cạnh việc đặt ra mục tiêu xây dựng ĐĐCD, Hồ Chí Minh cũng chú trọng đặt ra yêu cầu xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả để chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho công việc hệ trọng đó, đòi hỏi phải xây dựng nền tảng đạo đức cho xã hội và toàn dân.

2.3.1.2. Củng cố, phát triển, hoàn thiện hệ thống các chuẩn mực đạo đức công dân phù hợp với bản chất dân chủ của chế độ mới

Với tư cách là một bộ phận của ý thức xã hội, ĐĐCD được thể hiện tập trung ở ý thức đạo đức. Đây là yếu tố giữ vai trò quan trọng trong điều chỉnh hành vi và các quan hệ đạo đức. Tuy nhiên, khác với những thành tố khác của ý thức xã hội, ĐĐCD không hình thành trong thời gian ngắn mà là kết quả của một quá trình lâu dài, chịu sự tác động của cả điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan. Vì vậy, quá trình xây dựng ĐĐCD cũng là quá trình hình thành, củng cố, phát triển và hoàn thiện hệ thống chuẩn mực đạo đức một cách toàn diện, thông qua nhiều hình thức, biện pháp và môi trường khác nhau. Mặt khác, ĐĐCD nói riêng không phải là cái có sẵn hay bất biến, mà luôn vận động, biến đổi, “Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong” [96, tr.612]. Dưới góc độ đó, có thể khẳng định rằng, xây dựng ĐĐCD là một trong những nhiệm vụ chiến lược, xuyên suốt của Nhà nước, đóng vai trò nền tảng bảo đảm cho việc thực thi quyền lực nhà nước và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Vì vậy, một trong sáu nhiệm vụ cấp bách được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra là phải “giáo dục lại nhân dân”. Người chỉ rõ: “Chúng ta có nhiệm vụ cấp

bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt Nam độc lập” [89, tr.7]. Đây không chỉ là một giải pháp tình thế nhằm giải quyết hậu quả do chế độ cũ để lại, mà còn là một chiến lược cách mạng, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Người trong việc thiết lập một nền đạo đức mới, phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Theo Hồ Chí Minh, muốn hoàn thành thắng lợi sự nghiệp cách mạng thì phải dựa vào sức mạnh tổng hợp của toàn dân, phải biết tổ chức và lãnh đạo Nhân dân một cách khoa học. Trong tổng thể chiến lược ấy, việc xây dựng ĐĐCD là một khâu trọng yếu, mang tính hệ thống và liên ngành. Đó là sự kết hợp đồng bộ giữa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chương trình hành động của các cấp, các ngành, địa phương, cùng với sự nỗ lực tự giác của từng công dân. Mục tiêu hướng đến là hình thành và phát triển một hệ thống các chuẩn mực ĐĐCD thống nhất, phù hợp, đồng thời biến các chuẩn mực đó thành thiết chế xã hội, tức là các quy tắc chung buộc mọi công dân, dù muốn hay không cũng phải tuân thủ trong đời sống cộng đồng. Bản chất của hoạt động xây dựng ĐĐCD là thực hiện song song hai nhiệm vụ: tạo dựng khuôn khổ chính trị - pháp lý thông qua việc xác định rõ các quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp, pháp luật; đồng thời xây dựng môi trường đạo đức xã hội lành mạnh, làm nền tảng để các chuẩn mực đạo đức được hình thành, củng cố, phát triển và hoàn thiện trong đời sống xã hội. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong nỗ lực quản lý xã hội theo hướng dân chủ và pháp quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành “Quốc lệnh”. Người khẳng định: “Trong một nước thường phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công. Vậy Chính phủ ra Quốc lệnh rõ ràng gồm có 10 điểm thưởng và 10 điểm phạt, cho quân dân biết rõ những tội nên tránh, những việc nên làm” [89, tr.189]. Đây có thể xem là bước thể chế hóa đầu tiên của tư tưởng pháp quyền XHCN, là tiền đề cho nguyên tắc “Công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm” được xác lập rõ ràng trong các bản Hiến pháp sau này.

2.3.1.3. Giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa đạo đức công dân của nhân loại

Giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa ĐĐCD của nhân loại là một nguyên tắc mang tính quy luật trong quá trình hình thành và phát triển của đạo đức xã hội nói chung và ĐĐCD nói riêng. Là một bộ phận của ý thức xã hội, ĐĐCD không tồn tại biệt lập mà nảy sinh từ tồn tại xã hội và chịu sự chi phối của các mối quan hệ xã hội đa chiều, luôn gắn bó chặt chẽ với truyền

thống đạo đức của dân tộc, đồng thời có tính mở, tính kế thừa và tính phát triển thông qua quá trình giao lưu, tiếp biến với các giá trị đạo đức tiến bộ của nhân loại.

Với sự am hiểu sâu sắc về văn hóa truyền thống Việt Nam và trải nghiệm thực tiễn phong phú trong hành trình 30 năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Hồ Chí Minh đã có điều kiện để tiếp thu một cách có chọn lọc tinh hoa đạo đức của nhân loại, từ đó làm phong phú thêm hệ giá trị ĐĐCD Việt Nam hiện đại. Người chỉ rõ: “Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giêsu, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng phải đã có những ưu điểm chung đó sao? Họ đều muốn “mưu hạnh phúc cho loài người, mưu hạnh phúc cho xã hội” [50, tr.51]. Vì vậy, trong tiến trình xây dựng ĐĐCD, Người đặc biệt nhấn mạnh đến việc kế thừa, phát huy những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp đã được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước. Đó là những quan niệm đã trở thành nền tảng cốt lõi của đạo đức dân tộc như: lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng... Song song với việc kế thừa, Hồ Chí Minh cũng rất tinh tường trong việc nhận diện và loại bỏ những quan niệm, hành vi đạo đức mang tính bảo thủ, lạc hậu, vốn là sản phẩm của chế độ phong kiến và thực dân, đặc biệt là những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, mà theo Người là “Vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất” [96, tr.602] đối với đạo đức cách mạng và sự phát triển của xã hội mới.

Bên cạnh việc gìn giữ giá trị đạo đức truyền thống, Hồ Chí Minh còn thể hiện tư duy mở và nhạy bén trong việc tiếp thu những giá trị đạo đức tiến bộ của nhân loại, đặc biệt là tinh hoa đạo đức phương Tây, như: ý thức thượng tôn pháp luật, đề cao kỷ luật lao động... Trong quá trình đó, Người luôn đề cao nguyên tắc “gạn đục, khơi trong” trong tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Người đã sáng tạo, Việt hóa, chuyển hóa các yếu tố tích cực từ ĐĐCD nhân loại thành những giá trị phù hợp với điều kiện, đặc điểm, truyền thống và yêu cầu phát triển của cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đã đề xuất và khẳng định những tư tưởng đạo đức mới, có nội hàm tiến bộ, mang đậm tính nhân văn, dân chủ và cách mạng, tiêu biểu là chuẩn mực thượng tôn Hiến pháp, pháp luật. Thực tiễn xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một cuộc cách mạng sâu sắc, triệt để trong lĩnh vực đạo đức, nhằm thay thế những giá trị cũ kỹ, lỗi thời và lạc hậu bằng những giá trị đạo đức tiến bộ, hiện đại, phù hợp với bản chất dân chủ, nhân văn và pháp quyền của chế độ mới.

2.3.1.4. Ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức công dân

Xây dựng ĐĐCD không chỉ đơn thuần là quá trình tích cực tạo dựng các chuẩn mực đạo đức mới mà còn là một hình thức đấu tranh thường xuyên, liên tục để ngăn chặn,

đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về đạo đức trong đời sống xã hội. Tư tưởng “lấy cái đẹp dẹp cái xấu, lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực” không chỉ thể hiện một phương pháp tiếp cận nhân văn, khoa học mà còn phản ánh cách thức tổ chức thực tiễn xây dựng đạo đức xã hội một cách thiết thực, hiệu quả. Người nhấn mạnh: “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng” [100, tr.672]. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, trong mỗi cá nhân, tổ chức luôn tồn tại song song cả mặt tốt và mặt chưa tốt; nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD là phát huy mặt tốt, mặt thiện và đồng thời chủ động, kiên quyết đấu tranh để hạn chế, loại bỏ cái xấu, cái ác. Từ đó, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao nguyên tắc kết hợp xây dựng các giá trị đạo đức mới phải đi đôi với đấu tranh loại bỏ các hiện tượng suy thoái đạo đức; việc giáo dục, tuyên truyền, nêu gương cần song hành với phê phán, xử lý và răn đe. Phải kết hợp các công cụ như: giáo dục tư tưởng, định hướng dư luận, phê bình nghiêm túc trong tổ chức, xử lý kỷ luật hành chính và pháp luật để tạo ra môi trường đạo đức lành mạnh. Đặc biệt, Người coi việc quét sạch chủ nghĩa cá nhân và nâng cao đạo đức cách mạng là hai nhiệm vụ gắn bó hữu cơ trong cùng một chiến lược cách mạng nhằm xây dựng con người mới XHCN.

Một điểm nhấn đặc biệt trong tư tưởng Hồ Chí Minh là nhận thức về tính chất lâu dài, thường xuyên và phức tạp của quá trình tu dưỡng đạo đức. Theo Người, ĐĐCD không phải là cái đạt được một lần là xong, cũng không phải là những giá trị “nhất thành bất biến”, mà là kết quả của một quá trình tu dưỡng, rèn luyện, tự đấu tranh không ngừng của mỗi cá nhân. Việc xây dựng ĐĐCD đòi hỏi sự tự giác rất cao từ mỗi công dân, đi đôi với vai trò lãnh đạo, định hướng và tổ chức thực hiện sát sao của Đảng và Nhà nước. Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý đến tầm quan trọng của công tác tổ chức và chỉ đạo thực tiễn. Người nhấn mạnh: “Đặt ra kế hoạch thật tốt, thật sát là rất cần, nhưng đó chỉ là bước đầu. Kế hoạch 10 phần thì biện pháp cụ thể phải 20 phần, chỉ đạo thực hiện sát sao phải 30 phần. Có như thế mới chắc chắn hoàn thành tốt kế hoạch” [99, tr.461]. Có thể thấy, xây dựng ĐĐCD không thể tách rời khỏi việc tổ chức thực tiễn khoa học, cụ thể và bền bỉ. Chỉ khi gắn kết chặt chẽ giữa xây và chống, giữa cá nhân tự giác và sự định hướng của tổ chức mới có thể tạo ra một nền ĐĐCD lành mạnh, bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội dân chủ và văn minh.

2.3.2. Chủ thể xây dựng đạo đức công dân

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng ĐĐCD là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và từng công dân. Người diễn đạt vị trí, vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể theo nhiều cách khác nhau khi thì trực tiếp, khi thì gián tiếp, trong nhiều bài nói, bài viết và hoạt động chỉ đạo thực tiễn phong phú.

2.3.2.1. Trách nhiệm của Đảng, Nhà nước trong xây dựng đạo đức công dân

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là sự mở đầu kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, đây là dấu mốc mở đầu việc xác lập địa vị cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam. Song song với nhiệm vụ bảo vệ nền độc lập dân tộc non trẻ, Đảng, Nhà nước đã khởi xướng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiến thiết nước nhà trên mọi lĩnh vực, nhất là kiến thiết nền văn hóa mới, đạo đức mới. Hồ Chí Minh thể hiện quan điểm nhất quán là Đảng, Nhà nước phải quan tâm đến mọi mặt đời sống Nhân dân, trong đó có nhiệm vụ xây dựng đạo đức mới. Đây là nhiệm vụ chiến lược quan trọng của cách mạng nhằm xây dựng nền tảng tinh thần xã hội bảo đảm cho sự phát triển toàn diện của mọi công dân. Trước tình thế hiểm nghèo “ngàn cân treo sợi tóc”, Người đề nghị “mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: CẦN, KIÊM, LIÊM, CHÍNH” [89, tr.7]. Người chỉ rõ: “chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân” [94, tr.518]. Thực hiện tư tưởng của Người, Đảng ta đã ban hành đường lối lãnh đạo trên lĩnh vực văn hóa, với những chủ trương, chính sách cụ thể: “Về văn hóa, tổ chức bình dân học vụ, tích cực bài trừ nạn mù chữ, mở đại học và trung học, cải cách việc học theo tinh thần mới, bài trừ cách dạy học nhồi sọ, cổ động văn hóa cứu quốc, kiến thiết nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: khoa học hóa, đại chúng hóa, dân tộc hóa” [39, tr.28].

Người chỉ rõ trách nhiệm của Nhà nước là “cần phải có giáo dục đạo đức công dân” [94, tr.259] bằng nhiều chủ trương, chính sách khác nhau như: giúp quần chúng giáo dục quần chúng bằng cách tự phê bình và phê bình, vạch rõ âm mưu của địch, giải thích cho quần chúng rõ địa vị cao quý của người chủ nước nhà,... Bên cạnh đó, Nhà nước phải kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục ĐDCĐ với tăng cường pháp luật. Người chỉ rõ: “Giáo dục là chính, nhưng đối với những kẻ ngoan cố không chịu sửa đổi thì chính quyền phải dùng phép luật. Phép luật là phép luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân” [94, tr.259].

Vai trò chủ thể của Đảng, Nhà nước không chỉ dừng lại ở việc ban hành chủ trương, chính sách mà còn được thể hiện cụ thể, sâu sắc trong quá trình tổ chức thực hiện trong thực tiễn đời sống. Theo đó, ngày 03/04/1946, Ủy ban vận động đời sống mới Trung ương được thành lập và đến tháng 03/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết và cho công bố cuốn sách “Đời sống mới” để tuyên truyền, giáo dục cho toàn dân về thực hành đời sống mới. Song, vấn đề cốt yếu nhất để thực hiện thắng lợi chính sách đó là Đảng và Nhà nước phải động viên toàn dân, tổ chức, giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân và tạo điều kiện cho Nhân dân tự sửa đổi những xấu xa, hư hỏng, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc của mình. Trong Di chúc, Người căn dặn: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hoá, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân” [100, tr.622].

2.3.2.2. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng đạo đức công dân

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là chủ thể có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc vận động, tuyên truyền, giáo dục và tổ chức Nhân dân tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng đạo đức mới, từ đó góp phần trực tiếp vào quá trình củng cố, phát triển và hoàn thiện ĐĐCD trong thực tiễn. Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định, muốn cách mạng thành công phải xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Với tư cách là tổ chức đại diện cho ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, đồng thời là nơi quy tụ và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Mặt trận phải làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục để mọi người dân đều được giác ngộ, đều ý thức rõ vai trò và trách nhiệm công dân của mình. Người chỉ rõ: “Chúng ta phải tổ chức, giải thích, tuyên truyền và cổ động cho thật rộng khắp. Sao cho mọi người phấn khởi làm trọn nhiệm vụ công dân của mình trong cuộc tuyển cử này” [99, tr.298].

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng ĐĐCD không thể tách rời nhiệm vụ xây dựng đời sống mới. Người mong muốn toàn dân “cố gắng làm đúng đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường” [90, tr.117]. Người đặt ra những tiêu chí cụ thể về đời sống mới “Về tinh thần, một là sốt sắng yêu Tổ quốc. Việc gì lợi cho nước, phải ra sức làm. Việc gì hại đến nước, phải hết sức tránh. Hai là sẵn lòng công ích. Bất kỳ việc to việc nhỏ, có ích chung thì phải hăng hái làm” [90, tr.117]. Hiệu quả của hoạt động này không chỉ phụ thuộc vào ý thức, trách nhiệm của mọi công dân mà còn phụ thuộc vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Chính vì vậy, dưới sự tổ chức, cổ vũ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhiều phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xây dựng đời sống mới, nếp sống văn hóa, xây dựng người công dân kiểu mẫu... đã được phát động sâu rộng trong cả nước. Hồ Chí Minh căn dặn đội ngũ cán bộ Mặt trận: “Trước hết, phải tuyên truyền, giải thích và làm gương. Phải chịu khó nói rõ cho mọi người hiểu đời sống mới có ích thế nào, cách thi hành đời sống mới thế nào... Nói thì phải nói một cách đơn giản, thiết thực với hoàn cảnh mỗi người; nói sao cho người ta nghe rồi làm được ngay...” [90, tr.126].

2.3.2.3. Trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội trong xây dựng đạo đức công dân

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của gia đình, nhà trường trong xây dựng ĐĐCD, nhất là thế hệ công dân tương lai. Người chỉ rõ: “Gia đình, trường học và xã hội chăm lo giáo dục, đều nhằm mục đích làm cho các em mai sau trở nên những công dân tốt, những cán bộ tốt, những người chủ tốt của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” [95, tr.176]. Mỗi chủ thể có vị trí, vai trò khác nhau tạo thành quy trình chặt chẽ, vòng khâu khép kín góp phần tạo lập môi trường xã hội tốt đẹp, phong phú, lành mạnh trong xây dựng ĐĐCD.

Gia đình là chủ thể có vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng ĐĐCD. Đây là môi trường đầu tiên truyền thụ những giá trị đạo đức nền tảng như hiếu thảo, lễ phép, thật thà, yêu thương, cần cù, trung thực... thông qua các mối quan hệ gần gũi giữa cha mẹ và con cái, anh chị em trong gia đình. Hồ Chí Minh khẳng định: “Rất quan tâm đến gia đình là đúng và nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình” [97, tr.300]. Sự khẳng định trên cho thấy vai trò nền tảng và lâu dài của gia đình trong việc nuôi dưỡng và phát triển các giá trị đạo đức cho mỗi công dân. Không chỉ ảnh hưởng trong những năm tháng đầu đời, gia đình còn là nơi củng cố và duy trì ĐĐCD suốt quá trình trưởng thành của cá nhân, thông qua việc giáo dục bằng hành động gương mẫu thể hiện trong hành vi, lời nói, lối sống của các thành viên gia đình. Hồ Chí Minh nhấn mạnh “Giáo dục các em là việc chung của gia đình, trường học và xã hội. Bố mẹ, thầy giáo và người lớn phải cùng nhau phụ trách; trước hết là phải làm gương mẫu cho các em trước mọi việc” [95, tr.175]. Hơn nữa, gia đình còn là trường học đầu tiên chỉ dạy những chuẩn mực đạo đức công dân như tinh thần yêu nước, đoàn kết và ý thức trách nhiệm công dân. Gia đình yêu nước sẽ tạo nên những con người biết hy sinh vì lợi ích chung, sống có lý tưởng và trách nhiệm với đất nước.

Cùng với gia đình, nhà trường là một trong những chủ thể trung tâm có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành, củng cố, phát triển và hoàn thiện các chuẩn mực ĐĐCD. Trên nền tảng giáo dục toàn diện, nhà trường chính là nơi triển khai giáo dục đạo đức một cách có hệ thống, bài bản và khoa học. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng trách nhiệm “trồng người” của nhà trường. Người chỉ rõ: “Chúng ta phải đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt cho nước nhà. nhân dân, Đảng, Chính phủ giao các nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho các cô, các chú. Đó là một trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang” [96, tr.528]. Trong môi trường học đường, học sinh, sinh viên không chỉ tiếp thu tri thức đạo đức qua sách vở mà còn trải nghiệm, rèn luyện đạo đức thông qua thực tiễn như giao tiếp, ứng xử, sinh hoạt tập thể, lao động và các phong trào đoàn thể. Nhà trường góp phần chuyển hóa các giá trị đạo đức thành hành vi sống cụ thể, giúp học sinh, sinh viên dần hình thành và hoàn thiện nhân cách công dân. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò chủ thể của người giáo viên trong việc dẫn dắt, định hướng đạo đức, góp phần quyết định chất lượng giáo dục đạo đức của thế hệ công dân tương lai. Người chỉ rõ: “Các thầy giáo có nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là đào tạo cán bộ cho dân tộc. Vậy giáo dục cần nhằm vào mục đích là thật thà phụng sự nhân dân” [92, tr.400].

Xây dựng ĐĐCD không thể không đề cập đến vai trò của xã hội. Xã hội chính là “trường học rộng lớn” và toàn diện nhất, nơi nhân cách công dân không chỉ được hình thành mà còn thường xuyên được thử thách, rèn luyện và khẳng định trong thực tiễn đời

sống. Thông qua các mối quan hệ xã hội đa dạng, dưới sự điều chỉnh của hệ thống thiết chế, chuẩn mực và quy phạm xã hội do Nhà nước và cộng đồng đặt ra, mỗi công dân có điều kiện tiếp nhận, vận dụng và kiểm chứng các giá trị đạo đức. Chính quá trình này góp phần quan trọng vào việc củng cố, phát triển và hoàn thiện ĐĐCD, bảo đảm cho những chuẩn mực đạo đức không dừng lại ở nhận thức hay khẩu hiệu, mà trở thành hành vi tự giác, gắn bó hữu cơ với môi trường chính trị - xã hội của đất nước. Người khẳng định: “Nói đến các cháu nhi đồng, thì bất cứ nước nào, nơi nào cũng rất ngoan, vì các cháu còn non trẻ, thật thà, ngay thẳng, rất tốt, nhưng chính vì cái tốt của các cháu, cho nên “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng” [96, tr.115]. Do đó, xây dựng môi trường xã hội tốt đẹp, lành mạnh trở thành mảnh đất màu mỡ để ươm mầm nhân cách công dân tương lai.

2.3.2.4. Trách nhiệm của công dân trong tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức

Xây dựng ĐĐCD không chỉ là trách nhiệm tổ chức, giáo dục, vận động của Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc mà còn là trách nhiệm của từng công dân. Nói cách khác, họ vừa là đối tượng, vừa là chủ thể xây dựng đạo đức. Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân” [88, tr.258]. Người thường nhấn mạnh đến trách nhiệm “tự giác, tự động làm tròn nghĩa vụ của người chủ nước nhà” [94, tr.258]. Bởi vì, đạo đức của mỗi người không phải tự nhiên mà có, cũng không tồn tại vĩnh viễn. Nếu không tự giác tu dưỡng, rèn luyện bền bỉ, thường xuyên, đạo đức ấy có thể suy thoái đi.

Trên thực tế, mọi sự thoái hóa trong đạo đức đều bắt nguồn từ việc thiếu rèn luyện, không nghiêm khắc với bản thân, nhất là trong điều kiện khó khăn hoặc ở những môi trường dễ nảy sinh tiêu cực. Để nâng cao tính tích cực, tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cần làm tốt việc nêu gương, nhân rộng điển hình những cá nhân, tập thể tiên tiến. Hồ Chí Minh căn dặn: “Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng” [100, tr.672]. Người đặc biệt lên án, phê phán các hành vi “trốn tránh nghĩa vụ, làm trái phép luật, trái đạo đức công dân”, đồng thời, đề ra cách thức, biện pháp khắc phục, sửa chữa đó là “bằng cách tự phê bình và phê bình để dạy dỗ lẫn nhau” [94, tr.259].

2.3.3. Nội dung xây dựng đạo đức công dân

Quan điểm về nội dung xây dựng ĐĐCD được thể hiện sâu sắc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Về bản chất, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, nội dung xây dựng ĐĐCD chính là việc hình thành, củng cố, phát triển và hoàn thiện các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức, làm nền tảng điều chỉnh nhận thức, hành vi và cách ứng xử của công dân trong xã hội mới. Những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đó không chỉ được thể hiện phong phú trong nhiều bài nói, bài viết mà còn được Hồ Chí Minh trình bày tập

trung, cô đọng trong bài báo với tiêu đề “Đạo đức công dân” đăng trên báo Nhân dân số 320, ngày 15/1/1955. Theo Người, giữ đúng ĐĐCD, tức là:

- Tuân theo pháp luật nhà nước.
- Tuân theo kỷ luật lao động.
- Giữ gìn trật tự chung.
- Đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung.
- Hăng hái tham gia công việc chung
- Bảo vệ tài sản công cộng.
- Bảo vệ Tổ quốc [97, tr.258].

Theo Hồ Chí Minh, dù thuộc giai cấp, tầng lớp nào trong xã hội, với tư cách công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mỗi công dân đều phải tuân thủ các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức sau đây:

2.3.3.1. Yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân

Tinh thần yêu nước là mạch nguồn văn hoá lâu đời nuôi dưỡng nhân cách các thế hệ người Việt Nam, là phẩm chất nhân cách tiêu biểu nhất trong thang giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta” [92, tr.38]. Trong chế độ dân chủ nhân dân, tinh thần yêu nước được nâng lên tầm cao mới gắn liền với lý tưởng yêu CNXH. Bởi vì, theo Hồ Chí Minh, “Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ” [97, tr.521]. Do đó, yêu nước, yêu CNXH trở thành bổn phận, trách nhiệm hàng đầu của mọi công dân, là chuẩn mực đạo đức cao quý nhất, có ý nghĩa bao trùm trong tư cách của người công dân Việt Nam. Trong đó, nội dung quan trọng nhất của tinh thần yêu nước, yêu CNXH đó là lòng trung thành vô hạn với Tổ quốc, với Đảng và Nhân dân. Bởi vì, Tổ quốc là Tổ quốc chung, Tổ quốc độc lập thì ai cũng được tự do. Nếu mất nước thì ai cũng phải làm nô lệ.

Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, tinh thần yêu nước không chung chung, trừu tượng mà được biểu hiện cụ thể, sinh động bằng những hành động, việc làm cụ thể. Yêu nước, yêu CNXH gắn liền với hành động ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Đây là sự tiếp nối truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, của cách mạng Việt Nam, là biểu hiện sâu sắc nhất chuẩn mực đạo đức của người công dân Việt Nam. Hành động ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân thể hiện ở ý chí, hành động bảo vệ đất nước, lãnh thổ, tiếng nói, giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Hành động ra sức bảo vệ Tổ quốc xuất phát từ tinh thần yêu nước chân chính, hoàn toàn đối lập với tinh thần dân tộc vị kỷ, cực đoan. Khi Tổ quốc bị lâm nguy thì mọi công dân Việt Nam đều có chung một kẻ thù, một nhiệm vụ là đứng lên chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc. Đó là bước chuyển từ lòng tự hào, tự

tôn dân tộc, từ trung quân sang ái quốc, từ tình cảm đơn thuần sang hành động lý tính trong bảo vệ đất nước. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai, thực hiện lời kêu gọi của Người, mọi công dân Việt Nam quyết tâm, đồng lòng đứng lên hưởng ứng mệnh lệnh cứu nước, với tinh thần: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc” [95, tr.534]. Nhờ ý chí quyết tâm của toàn dân đã chiến đấu, chiến thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Những thắng lợi đó mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như những chiến công chói lọi nhất, biểu tượng sáng ngời về chủ nghĩa yêu nước, trí tuệ và khát vọng làm chủ của các thế hệ công dân Việt Nam, đồng thời khẳng định nét đẹp văn hoá công dân thời đại mới.

Bên cạnh đó, tinh thần yêu nước của mọi công dân trong chế độ mới còn biểu hiện ở sự tự giác nỗ lực cố gắng cống hiến của cải, sức lực, trí tuệ vào sự nghiệp chung. Trong đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến trách nhiệm của Đảng, Nhà nước “phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến” [92, tr.38-39]. Bản thân Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực nhất về tinh thần yêu nước, hành động ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân không chỉ trong hành trình tìm chân lý cứu nước mà còn được biểu hiện tập trung, sinh động trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Khi được quốc dân, đồng bào bầu vào vị trí đứng đầu nhà nước, Người luôn tâm niệm: “Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui” [95, tr.187].

2.3.3.2. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật

Hồ Chí Minh luôn đề cao Hiến pháp và chú trọng phát huy vai trò của pháp luật trong tổ chức quản lý, điều hành xã hội. Đứng trước những nhiệm vụ chính trị - xã hội cực kỳ khó khăn, phức tạp của đất nước khi vừa giành được chính quyền sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đã xác định pháp luật là công cụ cực kỳ quan trọng của Nhà nước, đồng thời là phương thức bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân. Thực tế đã chứng minh, nếu Việt Nam không có Hiến pháp, không có một nhà nước điều hành bằng pháp luật, Nhân dân không thượng tôn của Hiến pháp, pháp luật thì nền độc lập của đất nước, sự tôn nghiêm của chính quyền cũng như trật tự xã hội sẽ không được bảo đảm, Nhân dân cũng sẽ không có được cơ sở pháp lý để hưởng dụng các quyền tự do, dân chủ thực sự.

Theo Người, pháp luật trong chế độ mới là nền pháp luật dân chủ, do Nhân dân xây dựng nên, thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền lợi của mọi công dân. Nếu một nhà nước cai trị bằng ý chí của nhà cầm quyền chứ không phải là ý chí của Nhân dân đề lên

thành luật, một nhà nước mà những người cầm quyền dù nhân danh là những vị đứng đầu (Tổng thống, Thủ tướng, Bộ trưởng) hay nhân danh những người lãnh đạo của đảng cầm quyền, tự cho phép đứng ngoài hoặc đứng trên pháp luật... thì những kiểu nhà nước như vậy rất xa lạ với tư tưởng Hồ Chí Minh. Để có hệ thống pháp luật thực sự dân chủ, khắc phục mọi biểu hiện “quan chủ” trong ban hành Hiến pháp, pháp luật, Hồ Chí Minh luôn đề cao trách nhiệm tham gia xây dựng Hiến pháp, pháp luật của mọi công dân. Theo Người, những chỉ thị, nghị quyết nào mà quần chúng cho là không hợp thì để họ đề nghị sửa chữa và phải dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách, luật pháp. Người nhấn mạnh: “Nhờ sự cố gắng của Ban thư ký và sự tận tụy của anh chị em cán bộ, chúng tôi đã hoàn thành bước đầu bản sơ thảo Hiến pháp sửa đổi. Sau khóa họp Quốc hội này, chúng tôi sẽ chuyển sang bước thứ hai là *Trung cầu ý kiến của nhân dân*” [96, tr.387].

Nếu pháp luật là sự thể chế hoá ý nguyện, lợi ích của Nhân dân, do Nhân dân lập nên thì việc tuân thủ pháp luật là nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức hàng đầu của mọi công dân. Người nói: “công dân có nghĩa vụ: tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, trật tự công cộng và những quy tắc sinh hoạt xã hội” [97, tr.378]. Do đó, đã là công dân, dù thuộc giai tầng xã hội nào cũng đều phải tôn trọng pháp luật. Khi tiếp xúc với các đối tượng công dân như: đảng viên, cán bộ, bộ đội, công an, thanh niên, phụ nữ, nông dân... việc đầu tiên Người luôn yêu cầu họ phải tuyệt đối chấp hành mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Người viết: “Mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng, mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng” [92, tr.33]. Bản thân Người là “công dân kiểu mẫu” trong việc tuân thủ và vận động mọi công dân tuân thủ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mặc dù được đồng bào ngoại thành Hà Nội tín nhiệm là “đại biểu Quốc hội đương nhiên”, nhưng Người khéo léo từ chối. Người nói rõ: “Tôi rất cảm động thấy toàn thể đồng bào ngoại thành Hà Nội đã có lòng quá yêu tôi, mà quyết nghị tôi không phải ứng cử trong kỳ Tổng tuyển cử sắp tới. Nhưng tôi là một công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nên không thể vượt qua thể lệ Tổng tuyển cử đã định. Tôi đã ứng cử ở thành phố Hà Nội, nên không thể ra ứng cử ở nơi nào khác nữa” [89, tr.136].

Nói đến pháp luật là nói đến tính nghiêm minh, nghiêm khắc, ai cũng phải tuân theo dù người đó thuộc địa vị, giai tầng xã hội nào và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi đứng trên hoặc đứng ngoài pháp luật. Người chỉ rõ: “Pháp luật phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì” [91, tr.127]. Tuy nhiên, theo Người, pháp luật đâu nghiêm minh đến đâu cũng không phải là chìa khóa vạn năng trong tổ chức quản lý, điều hành xã hội do đó không thể ngăn ngừa và xử lý hết những biểu hiện vi phạm pháp luật. Yếu tố cốt lõi đó là phải phát huy ý thức tự giác của mọi

công dân, tức là phải xây dựng và tổ chức thực hiện một nền pháp luật “tự mình”, pháp luật của lương tâm, của đạo đức. Người nói:

Muốn xây dựng xã hội trong sạch mà tự mình không kỳ rửa để không tham ô, lãng phí, thì không làm được. Tự mình còn bẩn thì xây dựng xã hội trong sạch thế nào được. Vì vậy phải gây một phong trào trong sạch. Muốn trong sạch thì phải gây một phong trào chống tham ô, lãng phí. Pháp luật không trị hết được. Tự mình phải gây ra cái pháp luật để trị mình [93, tr.7].

2.3.3.3. Yêu lao động và chấp hành nghiêm kỷ luật lao động

Khẳng định vai trò của lao động, Ph.Ăngghen quan niệm: “Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người” [83, tr.614]. Tiếp thu quan điểm trên, Hồ Chí Minh khẳng định: “Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, là nhờ lao động. Xây nên giàu có, tự do, dân chủ cũng là nhờ lao động. Trí thức mở mang cũng nhờ lao động (lao động trí thức). Vì vậy lao động là sức chính của sự tiến bộ loài người. Cũng là sức mạnh của sự giải phóng dân tộc” [90, tr.514]. Thông qua lao động, mỗi công dân đã tạo ra lịch sử của chính mình, với lao động mỗi công dân phát huy mọi tiềm năng, sức sáng tạo bản thân góp phần củng cố và phát triển địa vị làm chủ của chính mình. Lao động có vai trò quan trọng với đời sống con người nên yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động vừa là một chuẩn mực đạo đức quan trọng, vừa là phương thức cơ bản hoàn thiện nhân cách của mỗi công dân.

Theo Người, để xây dựng tinh thần yêu lao động, chấp hành nghiêm kỷ luật lao động cần làm cho mỗi công dân nhận thức rõ: “Lao động là một nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người công dân đối với Tổ quốc. Ai cũng phải tùy khả năng mình mà tự nguyện tự giác tham gia lao động, góp phần xây dựng nước nhà” [95, tr.545]. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Nhân dân ta đã bắt tay ngay vào công cuộc kiến thiết nền dân chủ, mà một nội dung quan trọng đó là khắc phục tình trạng kiệt quệ, tiêu điều của đất nước vốn là hậu quả của chính sách cai trị, bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Để xây dựng tinh thần yêu lao động, cần làm cho mọi công dân tự tin vào năng lực của bản thân giúp họ “đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân” [96, tr.81]. Trên cơ sở đó, Người trực tiếp phát động một phong trào tăng gia sản xuất rộng khắp trên phạm vi cả nước.

Đồng thời, mọi công dân cần đề cao trách nhiệm tổ chức điều hành, quản lý lao động khoa học, hợp lý góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động. Người chỉ rõ: “Từ trước đến giờ, ta vẫn có làm, vẫn có cơm, áo, nhà, đường sá. Nhưng vì làm chưa hợp lý cho nên số đông dân ta ăn đói, mặc rách, nhà cửa chật hẹp, đường sá gập ghềnh” [90,

tr.113]. Để công cuộc kháng chiến, kiến quốc thắng lợi hoàn toàn đòi hỏi phải huy động sức lực, trí tuệ của toàn dân mới hoàn thành thắng lợi cần khuyến khích tinh thần yêu lao động, trân trọng thành quả lao động của mọi công dân. Trong điều kiện xây dựng xã hội mới từ một nước nông nghiệp lạc hậu, hơn 90% là nông dân và nông thôn, nếu không chú trọng đề cao lao động chân tay vô hình chung chúng ta đã làm mất đi động lực quan trọng của cách mạng là những người nông dân. Người xác định: “nông nghiệp là mặt trận chính, kêu gọi nông dân thực hiện “tắc đất, tắc vàng”, cải tiến công cụ, tích cực tham gia tổ đổi công, coi đó là hình thức giải phóng nông dân thoát khỏi đói nghèo” [94, tr.XI]. Dưới góc nhìn của phân công lao động xã hội, Hồ Chí Minh đã lý giải giản dị, dễ hiểu về thái độ đúng đắn với lao động. Người chỉ rõ:

... lao động trí óc là đáng quý, nhưng nếu bây giờ tất cả chúng ta đều lao động trí óc, không ai lao động bằng chân tay, không ai nấu cơm, cấy ruộng, không ai dệt vải, làm nhà thì có thể sống được không? Vì vậy lao động là vẻ vang, làm việc gì có ích cho loài người, cho xã hội, nhân dân thế là vẻ vang [95, tr.609].

Không chỉ chú trọng xây dựng tinh thần yêu lao động, Hồ Chí Minh yêu cầu mọi công dân phải nêu cao ý thức giữ gìn, phát huy kỷ luật lao động, “phải đề cao kỷ luật lao động” [95, tr.627]. Trong điều kiện Việt Nam, “trình độ khoa học, kỹ thuật của ta hiện nay còn thấp kém. Lề lối sản xuất chưa cải tiến được nhiều. Cách thức làm việc còn nặng nhọc. Năng suất lao động còn thấp kém” [99, tr.96] nên dễ làm nảy sinh các biểu hiện vi phạm kỷ luật lao động. Do đó, để giữ đúng kỷ luật lao động, Người đặc biệt đề cao tinh thần tự giác, tự nguyện xây dựng và “bảo vệ kỷ luật lao động” [95, tr.480], phải đề cao trách nhiệm “bàn bạc, thông qua, tự giác thi hành. Thông qua rồi, ai không theo không được” [95, tr.537]. Tôn trọng kỷ luật lao động không chỉ là một yêu cầu mới, phù hợp với đặc điểm của một nền sản xuất hiện đại, một xã hội hiện đại mà còn là một phẩm chất của con người hiện đại, công dân hiện đại. Đây vốn là điều chưa được đặt ra trong nền sản xuất tiểu nông manh mún trước đây trong lịch sử Việt Nam. Do đó, “đã là... chủ nước nhà, phải tự nguyện tự giác giữ kỷ luật lao động. Giờ làm việc thì đi chậm, chưa hết giờ đã nghỉ không phải là thái độ của người chủ... nhà nước” [95, tr.478].

2.3.3.4. Đề cao trách nhiệm với công việc chung

Theo Hồ Chí Minh, trách nhiệm với công việc chung là một trong những yêu cầu đạo đức quan trọng, phản ánh rõ nét tư cách người làm chủ xã hội của công dân. Mục đích giữ gìn trật tự chung là nhằm yên dân. Trong suốt những năm kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, chủ nghĩa thực dân, đế quốc và các thế lực phản động trong nước luôn tìm cách phá hoại trật tự trị an. Bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt chúng tìm cách kích động, lôi kéo Nhân dân chống phá chính quyền. Thực tế đó đòi hỏi mọi công dân cần phải “luôn luôn nâng cao tinh thần cảnh giác... thấm nhuần tinh thần làm chủ và nghĩa vụ giữ gìn trật

tự trị an, nghĩa vụ bảo vệ bản làng và Tổ quốc” [107, tr.461]. Do vậy, để giữ gìn trật tự chung phải dựa vào toàn dân, phát huy sức mạnh của toàn dân mới giành được thắng lợi. Người giải thích vai trò của công dân ngắn gọn, dễ hiểu nhưng vô cùng sâu sắc: “Một vạn công an thì chỉ có hai vạn tai, hai vạn mắt, hai vạn tay chân, nhưng nhân dân có hàng triệu tai, hàng triệu mắt, hàng triệu tay chân. Cho nên chúng ta phải dựa vào dân để hoạt động. Khi tổ chức được dân, đoàn kết được dân thì việc gì cũng làm được” [97, tr.154].

Để công dân tự giác tham gia công việc chung, mỗi người phải nhận thức rõ: “Mọi người công dân, bất kỳ già trẻ gái trai, bất kỳ làm việc gì, đều có nhiệm vụ giúp chính quyền giữ gìn trật tự an ninh, vì trật tự, an ninh trực tiếp quan hệ đến lợi ích bản thân của mọi người [94, tr.77], “Có giữ gìn trật tự trị an, nhân dân mới an cư lạc nghiệp, tăng gia sản xuất” [95, tr.612]. Trên cơ sở nhận thức đúng, mỗi công dân cần gia sức giữ gìn trật tự chung bằng những việc làm cụ thể, thiết thực như giúp đỡ chính quyền thực hiện tốt việc “phòng gian, giữ bí mật”. Người nói: “Đồng bào phải chuẩn bị vườn không nhà trống, không để cho địch lợi dụng một người nào, một vật gì. Phải cẩn thận phòng gian. Phải giúp đỡ bộ đội” [90, tr.267]. Trong điều kiện đất nước vừa tiến hành xây dựng chế độ mới, vừa kháng chiến giữ độc lập, thù trong, giặc ngoài luôn tìm cách lợi dụng sơ hở của chính quyền và người dân để tiến hành các hoạt động phá hoại sự nghiệp cách mạng. Do đó, phòng gian giữ bí mật được coi là một trong những nhiệm vụ cấp bách của chính quyền, là nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân. Người nói: “mọi người hiểu rõ phòng gian là nhiệm vụ chung của công dân, là một công việc ái quốc” [92, tr.753] và tự giác khắc phục những biểu hiện “phòng gian chưa chu đáo, chưa giữ được bí mật” [92, tr.447]. Để phòng gian, giữ bí mật có hiệu quả, mỗi công dân phải đề cao cảnh giác cách mạng, không để cho kẻ địch lợi dụng chống phá. Người nói: “Giữ Nhà phải cảnh giác, phải có cửa, có khoá để ngăn ngừa bọn trộm cắp. Giữ Nước càng phải cảnh giác để ngăn ngừa bọn đế quốc và bè lũ tay sai phá hoại thành quả cách mạng, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta” [97, tr.338].

Cùng với trách nhiệm, nghĩa vụ tham gia giữ gìn trật tự chung, mọi công dân cần ra sức bảo vệ tài sản công cộng. Bởi vì, “Cửa nhà nước, cửa hợp tác xã tức là của mình, do đó mọi người phải ra sức giữ gìn, không để cho mất mát, hao hụt” [100, tr.262]. Thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ tài sản công cộng là việc làm không chỉ thể hiện tư cách của người làm chủ mà có liên quan sống còn đến lợi ích của bản thân họ. Người chỉ rõ: “...tôn trọng và bảo vệ tài sản công cộng là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi người công dân” [94, tr.297]. Để bảo vệ tài sản công cộng đòi hỏi các cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức Nhà nước phải thực sự nêu cao tinh thần gương mẫu trong việc giữ gìn, bảo vệ tài sản chung, “cần phải chống phô trương, lãng phí; cần phải bồi dưỡng đạo đức cần, kiệm, chất phác” [94, tr.289].

Cùng với ý thức thực hành tiết kiệm, Hồ Chí Minh nhấn mạnh các biện pháp chống các biểu hiện phô trương, hình thức, lãng phí. Người chỉ ra những hệ lụy của bệnh lãng phí: “Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ. Có khi tai hại hơn nạn tham ô” [92, tr.357]. Người coi lãng phí là hình thức tiêu biểu nhất của hành vi xâm hại tài sản chung, do đó nó là kẻ thù của Nhân dân. Tôn trọng, bảo vệ tài sản công cộng là hành vi đạo đức của mọi công dân, thể hiện trách nhiệm công dân, tinh thần yêu nước cao cả của mỗi người. Quyết tâm tẩy trừ tham ô, lãng phí, quan liêu là cách hành xử có văn hóa của những công dân có đạo đức. Chưa đầy hai tháng sau khi giành độc lập, trong “Thư gửi ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng” [89, tr.64], Người đã chỉ rõ những biểu hiện tha hóa của một bộ phận cán bộ, công chức Nhà nước gây mất niềm tin trong Nhân dân, như: *Trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, kiêu ngạo*.... và yêu cầu mọi cán bộ, công chức phải nghiêm túc khắc phục, sửa chữa.

Trong bối cảnh một xã hội vừa mới thoát thai từ xã hội thuộc địa nửa phong kiến nên tàn dư của nó vẫn còn nặng nề và ảnh hưởng dai dẳng đến nhận thức và hành động của một bộ phận không nhỏ công dân. Hồ Chí Minh phê bình những biểu hiện “khinh thường tài sản chung” [91, tr.297] hoặc những hành động thiếu trách nhiệm trong bảo vệ tài sản công. Từ những hành vi “trộm cắp của công”, “buôn lậu, trốn thuế” đến việc tổ chức công việc thiếu kế hoạch khoa học, lối sống xa hoa, phô trương, tham ô, lãng phí... đều là những hành vi xâm hại của công. Do đó, để bảo vệ tài sản công đòi hỏi phải tạo thành phong trào quần chúng sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân nhằm tạo ra dư luận xã hội tích cực, tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của mỗi công dân, nhất là trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn.

2.3.3.5. Thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đúng kỳ, đúng số

Theo Hồ Chí Minh, trong chế độ dân chủ nhân dân, đóng thuế không chỉ là nghĩa vụ, bổn phận, trách nhiệm của người làm chủ mà còn là quyền là chủ của công dân, thể hiện sâu sắc tư cách đạo đức của người công dân kiểu mẫu. Mục đích của việc đóng thuế không chỉ mang lại lợi ích chung cho đất nước mà còn đem lại lợi ích chính đáng cho mọi người dân. Người nói: “Muốn xây dựng và phát triển kinh tế thì Chính phủ phải thu thuế của nhân dân, lấy của nhân dân để phục vụ nhân dân” [95, tr.625]. Để công dân hăng hái, tự giác, tự nguyện đóng thuế thì vấn đề cốt yếu đầu tiên đó là phải xóa bỏ các loại thuế vô lý và ban hành chính sách thuế công bằng, hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước. Ngay khi nước nhà giành được độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời (03/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra 6 nhiệm vụ cấp bách, trong đó có nhiệm vụ thứ 5 - “Thuế thân, thuế chợ, thuế đò, là một lối bóc lột vô nhân đạo. Tôi đề nghị bỏ ngay ba thứ thuế ấy” [89, tr.8]. Bên cạnh đó, Nhà nước cần ban hành các chính sách thuế mới, công bằng, hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhất là đặc điểm đất nước đang

có chiến tranh. Chính sách thuế cần thể hiện rõ tính nhân văn của chế độ mới khi xem xét áp dụng với từng đối tượng người dân cụ thể. Riêng đối với gia đình có người đang tham gia kháng chiến được áp dụng quy định riêng. Người nói: “Cố nhiên Chính phủ không yêu cầu đóng góp quá mức” [95, tr.625]. Từ quan điểm nhất quán và xuyên suốt ấy, năm 1952, Chính phủ ban hành và áp dụng 7 sắc thuế cụ thể, bao gồm: *thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, thuế hàng hóa, thuế xuất nhập khẩu, thuế sát sinh, thuế trước bạ và thuế tem*.

Theo Hồ Chí Minh, mỗi công dân phải có nghĩa vụ đóng thuế xây dựng Nhà nước nhưng không phải là đóng góp bình quân, ngang nhau, mà người thu nhập nhiều đóng góp nhiều, thu nhập ít đóng góp ít, không có thu nhập thì miễn. Trên cơ sở đó, tùy theo nguồn thu nhập của mỗi người mà nhà nước định số thuế phải đóng góp với điều kiện mức thuế ấy không gây trở ngại tới đời sống xã hội. Đồng thời, phải chú trọng khuyến khích Nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, làm ra nhiều của cải, vật chất, vừa nhằm bồi dưỡng sức dân vừa tăng cường nguồn lực của Nhà nước và hướng tới mục tiêu giảm thuế, miễn thuế.

Để tăng cường tiềm lực của đất nước không phải là việc định ra bao nhiêu loại thuế, tăng thuế lên bao nhiêu lần mà vấn đề quan trọng là mọi công dân cần hiểu rõ đóng thuế là nghĩa vụ cao cả, thể hiện quyền và nghĩa vụ của người làm chủ. Chỉ khi nào công dân tự giác, tự nguyện với thái độ “sốt sắng nộp thuế” thì khi đó nghĩa vụ đóng thuế của công dân mới được thực hiện đầy đủ, đúng đắn. Do đó, Hồ Chí Minh luôn coi trọng đề ra các biện pháp giáo dục, thuyết phục làm chuyển biến nhận thức của mọi công dân. Để nâng cao nhận thức của người dân Người yêu cầu các cơ quan nhà nước phải kiên trì giải thích và hướng dân công dân hiểu rõ mục đích đóng thuế “không phải để bỏ vào túi Hồ Chủ tịch và các vị bộ trưởng mà để làm lợi cho nhân dân” [95, tr.625]. Bên cạnh đó, cần coi trọng phát huy vai trò của các công cụ pháp lý nhằm nâng cao ý thức tự giác đóng thuế của công dân. Việc xây dựng các chế tài pháp lý phù hợp vừa thể hiện bản chất nhân văn của chế độ mới, vừa thể hiện tính chất nghiêm minh trực tiếp hoặc gián tiếp thay đổi nhận thức, hành vi, thói quen chưa phù hợp của công dân. Ngay trong bản Hiến pháp 1946 đã quy định rõ: đóng thuế là một nghĩa vụ bắt buộc được ghi rõ trong Hiến pháp mà mọi công dân, mọi tổ chức kinh tế phải thực hiện và đồng tình ủng hộ. Trên cơ sở đó, chính sách thuế mới có thể phát huy tác dụng, mang lại lợi ích chung cho toàn dân, trong đó có người nộp thuế.

Theo Người, dưới chế độ dân chủ nhân dân, mọi công dân đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, do đó trốn thuế, chây thuế, thiếu thuế... là tác nhân gây ra những hệ lụy khôn lường, tạo ra sự bất bình đẳng và bất ổn xã hội, gây thất thoát lớn cho Nhà nước mà còn đối lập với ĐĐCD, làm nảy sinh tâm lý nghi kỵ trong dân. Muốn khắc phục những hạn chế, yếu kém trên đòi hỏi phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận

thức, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong thực hiện chính sách thuế. Bên cạnh đó, cần ban hành các chế tài pháp luật đủ mạnh để cảnh tỉnh và tăng cường tính răn đe khiến tổ chức, cá nhân không dám trốn thuế, chây thuế. Đặc biệt, Hồ Chí Minh rất coi trọng việc phát huy vai trò của quần chúng trong tham gia tố giác các hành vi sai trái trên.

2.3.3.6. Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc

Theo Hồ Chí Minh, bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm, nghĩa vụ thiêng liêng của mọi công dân. Người chỉ rõ: “Tất cả quốc dân ta đoàn kết chặt chẽ và một lòng chiến đấu cho giang sơn Tổ quốc. Phải sẵn sàng mà chống quân giặc cướp nước, đây là bổn phận của mỗi công dân” [89, tr.35]. Bởi vì, “Tổ quốc là Tổ quốc chung. Tổ quốc độc lập, thì ai cũng được tự do. Nếu mất nước, thì ai cũng phải làm nô lệ” [89, tr.539]. Mặt khác, nền tảng của sức mạnh bảo vệ Tổ quốc phải dựa trên sức mạnh vô địch, tiềm tàng của Nhân dân. Người chỉ rõ: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [95, tr.453]. Đặc biệt, khi vận mệnh Tổ quốc bị đe dọa bởi hành động xâm lược của kẻ thù phải huy động tối đa sức mạnh của mọi đối tượng công dân, mọi người không phân biệt già trẻ, gái trai, giàu nghèo... đều phải nêu cao quyết tâm bảo vệ Tổ quốc. Trong thời đại dân là chủ và làm chủ, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi mỗi công dân cần nêu cao cảnh giác, nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn, nhận thức rõ chỗ mạnh tạm thời, chỗ yếu cơ bản của kẻ thù, chỉ rõ những khó khăn tạm thời trước mắt và những chỗ mạnh cơ bản của dân tộc ta, để đóng góp sức lực, trí tuệ của mình cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh đó, mỗi công dân cần nêu cao ý thức tự hào, tự tôn dân tộc, nhất là ý thức làm chủ, tự giác đóng góp sức lực, trí tuệ, thậm chí cả sương máu của mình vào sự nghiệp chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Người khẳng định rõ: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [89, tr.534]. Kế thừa truyền thống “cử quốc nghênh địch”, Hồ Chí Minh yêu cầu mọi công dân Việt Nam phải thực hiện khẩu hiệu “mỗi công dân là một chiến sĩ. Mỗi làng là một chiến hào. Hai mươi triệu đồng bào Việt Nam quyết đánh tan mấy vạn thực dân phản động” [90, tr.179]. Với tinh thần dũng cảm, sáng tạo, những công dân Việt Nam vốn cần cù cấy cấy trên đồng ruộng, lao động trong các công xưởng, nhà máy, xí nghiệp nhưng khi Tổ quốc lâm nguy, họ đặt lợi ích Tổ quốc lên trên hết. Đó là lúc ý thức công dân của họ được nâng lên cao nhất. Thực hiện “vườn không nhà trống” hoặc “tiêu thổ kháng chiến”, sẵn sàng hy sinh tất cả lợi ích gia đình, gạt bỏ mọi hiềm khích, nghi kỵ, thậm chí hạnh phúc riêng tư và mạng sống của mình để đánh giặc, cứu nước chính là những biểu hiện của ĐDCD.

Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các thế hệ công dân Việt Nam đã tự nguyện đóng góp tài lực và trí lực của mình cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Người khẳng định: “tất cả công dân Việt Nam đều phải hiểu rõ và làm tròn nghĩa vụ

kháng chiến cứu quốc” [91, tr.397]. Trên cơ sở nhận thức rõ trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, tùy theo điều kiện, đặc thù của mình, các đối tượng công dân đều phải ra sức đóng góp phục vụ kháng chiến: công nhân có khẩu hiệu “tay búa, tay súng”, nông dân thực hiện “tay cuốc, tay súng”, thanh niên thực hiện phong trào “ba sẵn sàng”, phụ nữ thực hiện “ba đảm đang”... Theo Hồ Chí Minh, đã là người Việt Nam thì ai cũng phải có trách nhiệm đứng lên đánh giặc cứu Tổ quốc.

2.3.3.7. Tinh thần quốc tế trong sáng

Dân tộc gắn liền với quốc tế là mối quan hệ biện chứng tự nhiên, không thể tách rời. Để tồn tại, phát triển mỗi quốc gia, dân tộc phải mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, phải nêu cao trách nhiệm quốc tế. Bởi vì, “giữ gìn hòa bình thế giới tức là giữ gìn lợi ích của nước ta. Vì lợi ích của nhân dân lao động khắp thế giới là nhất trí” [93, tr.273]. Do đó, tinh thần quốc tế trong sáng là phẩm chất, là chuẩn mực đạo đức cơ bản của mỗi công dân trong mỗi quan hệ rộng lớn, vượt qua ranh giới quốc gia, dân tộc. Chuẩn mực này được biểu hiện trước hết ở sự tôn trọng, hiểu biết, đoàn kết và ủng hộ đối với các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập, tự do và tiến bộ xã hội. Đó là tinh thần tương thân, tương ái giữa các quốc gia, dân tộc, giai cấp bị áp bức, là sự đồng hành vì lẽ phải, với công lý trên phạm vi toàn cầu. Người căn dặn: “Lần này là lần đầu tiên, các chú nhận một nhiệm vụ quan trọng và vẻ vang như nhiệm vụ này, tức là giúp nhân dân nước bạn. Mà giúp nhân dân nước bạn tức là mình tự giúp mình” [93, tr.105]. Trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, tinh thần “giúp bạn là tự giúp mình” đã trở thành phương châm hành động nhất quán của Đảng, Nhà nước và Nhân ta, là chuẩn mực hành động đạo đức của mọi công dân.

Theo Hồ Chí Minh, giúp đỡ các dân tộc khác đấu tranh giành độc lập, tự do không chỉ là nghĩa vụ đạo đức quốc tế, mà còn là cách bảo vệ chính nghĩa, bảo vệ lợi ích lâu dài, bền vững của dân tộc mình. Đây chính là một bước phát triển mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế. Do đó, quá trình tham gia giúp đỡ các nước bạn bè quốc tế đòi hỏi mỗi công dân phải “Nêu cao tinh thần quốc tế, tôn trọng chủ quyền, tôn trọng phong tục tập quán, kính yêu nhân dân của nước bạn” [93, tr.105]. Đó là cách giữ gìn thể diện quốc gia và củng cố tình cảm đoàn kết quốc tế ngày càng bền chặt. Bên cạnh đó, tinh thần quốc tế trong sáng còn được biểu hiện ở thái độ chống lại chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, tư tưởng sô vanh, kỳ thị chủng tộc, chủ nghĩa bành trướng, bá quyền và mọi hành vi gây chia rẽ, đối kháng giữa các dân tộc. Hồ Chí Minh phê phán gay gắt thái độ kỳ thị, phân biệt đối xử trong quan hệ quốc tế, đồng thời khuyến khích tinh thần nhân ái, khoan dung và hợp tác cùng phát triển. Người khẳng định: “giữ gìn hòa bình thế giới tức là giữ gìn lợi ích của nước ta. Vì lợi ích của nhân dân lao động khắp thế giới là nhất trí” [93, tr.273]. Sự nhất quán đó chính là cơ sở, nền tảng để khắc

phục mọi biểu hiện lệch lạc trong quan hệ quốc tế, là chuẩn mực để mọi công dân các nước soi chiếu, tự điều chỉnh nhận thức và hành động.

2.3.4. Phương thức xây dựng đạo đức công dân

2.3.4.1. Xây dựng đạo đức công dân thông qua giáo dục, đào tạo

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của giáo dục, đào tạo trong xây dựng ĐĐCD. Người chỉ rõ: “Bình dân học vụ không những dạy đọc, dạy viết, mà còn phải chú trọng dạy ĐĐCD. Như vậy, bình dân học vụ sẽ góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước” [95, tr.126]. Giáo dục ĐĐCD là quá trình lâu dài, gian khổ, vì đó là cuộc cách mạng bên trong bản thân mỗi con người. Do đó, giáo dục, đào tạo phải góp phần củng cố, phát triển những chuẩn mực ĐĐCD của chế độ mới để đánh thắng tư tưởng cũ, từ bỏ con người nô lệ, thần dân để trở thành những công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Để phát huy có hiệu quả vai trò của giáo dục, đào tạo trong xây dựng ĐĐCD phải xuất phát từ niềm tin tưởng tuyệt đối vào con người, vào khả năng hướng thiện và tinh thần “ai cũng muốn tiến bộ để phụng sự Tổ quốc, và phục vụ nhân dân có hiệu quả hơn” [98, tr.376]. Đây chính là nền tảng để xác định mục tiêu, phương châm, phương pháp giáo dục ĐĐCD. Theo Hồ Chí Minh, mục tiêu của chiến lược giáo dục, đào tạo là “đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt cho nước nhà” [96, tr.528]. Muốn đạt được mục tiêu chiến lược, nội dung giáo dục, đào tạo phải toàn diện, trong đó đạo đức làm nền tảng. Người chỉ rõ: “Trong việc giáo dục và học tập, phải chú trọng đủ các mặt: đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hoá, kỹ thuật, lao động và sản xuất” [96, tr.528]. Từ tầm vóc lớn lao và tính chất khó khăn, lâu dài của nhiệm vụ giáo dục ĐĐCD cho nên cần đề cao trách nhiệm của toàn xã hội. Đề cao trách nhiệm của toàn xã hội trong bồi dưỡng thế hệ công dân tương lai là một tư tưởng lớn trong nền giáo dục hiện đại. Người chỉ rõ: “Ngày nay chúng là nhi đồng. Ít năm nữa, chúng sẽ là công dân, cán bộ. Vì vậy, Chính phủ, các đoàn thể, và tất cả đồng bào đều có trách nhiệm giúp vào việc giáo dục nhi đồng” [97, tr.627]. Phát huy trách nhiệm của toàn xã hội là biện pháp nền tảng, xuyên suốt nhằm tập trung trí tuệ, sức sáng tạo của toàn dân và còn tạo ra dư luận xã hội, môi trường xã hội thuận lợi để mỗi công dân không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Với một xã hội vừa thoát thai từ xã hội thực dân, phong kiến điều này càng có ý nghĩa quan trọng vì đó có thể coi là “một cuộc chiến đấu chống lại cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi” [100, tr.617].

Giáo dục ĐĐCD không thể thiếu vai trò của người thầy. Hồ Chí Minh căn dặn: “Bây giờ nhiệm vụ giáo dục khác trước. Các cô, các chú có nhiệm vụ rất quan trọng: Bồi dưỡng thế hệ công dân, cán bộ sau này” [95, tr.344]. Theo Người, để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang, mỗi thầy, cô giáo trước hết phải thực sự yêu nghề, tâm huyết với nghề. “Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù

là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh” [99, tr.402]. Bên cạnh trau dồi đạo đức, mỗi thầy, cô giáo cần không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng sư phạm, phải là những người công dân gương mẫu, tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của mình để làm mực thước cho học sinh bắt trước cả trong và ngoài các nhà trường. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở những người phụ trách giáo dục, đào tạo phải nắm chắc và vận dụng đúng đắn, sáng tạo nguyên lý giáo dục “Kết hợp chặt chẽ lý luận với thực hành, giáo dục với lao động, văn hóa với đạo đức cách mạng” [98, tr.194]. Việc kết hợp này không thuần túy ở xác định mục đích, nội dung, phương châm, phương pháp giáo dục... mà cần được vận dụng phù hợp với từng cấp học, môn học, người học. Bởi vì, hoạt động giáo dục nếu chỉ dừng lại ở lý thuyết sẽ trở lên giáo điều, “lý thuyết suông”, không những không hiệu quả mà có khi còn phản giáo dục. Ngược lại, nếu chỉ có thực hành thì sẽ rơi vào rập khuôn máy móc.

Trong phát huy vai trò của giáo dục, đào tạo nhằm xây dựng ĐĐCD, Hồ Chí Minh luôn đề cao ý thức tự học tập suốt đời của mọi công dân. Người coi đây mạnh phong trào tự học đạo đức là con đường chủ yếu, hiệu quả nhất để xây dựng, củng cố và phát triển các chuẩn mực ĐĐCD và vun đắp một nền đạo đức đang bị xuống cấp trầm trọng do ảnh hưởng nặng nề từ những tàn tích của chế độ giáo dục phong kiến hàng nghìn năm và chính sách “ngu dân” gần một thế kỷ của thực dân Pháp. Với cách diễn đạt giản dị, ngắn gọn nhưng súc tích và hàm chứa ý nghĩa sâu sắc, Người đưa ra định nghĩa tự học là “tự động học tập” [91, tr.360]. “Tự động học tập” là việc học tập do chính bản thân người học quyết định, người học tích cực, chủ động, tự giác trong việc xác định nội dung, hình thức, phương pháp học tập, tự kiểm tra, đánh giá kết quả mà không cần sự điều khiển, giao nhiệm vụ của người khác. Hồ Chí Minh giải thích rõ: “Tự động là không phải tựa vào ai, là tự mình biết xoay xở, tự mình biết thực hành công tác theo nhiều hình thức mới mẻ, phong phú” [89, tr.334].

Mục đích và động cơ học tập là điều kiện, tiền đề để nâng cao kết quả học tập. Theo Người, việc xác định mục đích học tập và xây dựng động cơ học tập không chỉ là vấn đề học tập mà còn là vấn đề đạo đức, là nhân cách của người học. Đây là nhân tố quyết định hiệu quả tự học, bảo đảm sự học bền bỉ, suốt đời không đứt đoạn, không bị tha hoá. Theo Người, dưới chế độ XHCN, công dân phải nhận thức rõ mục đích của việc học tập là: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự Đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại” [97, tr.208]. Đó là mục đích cao cả trở thành lý tưởng sống cao đẹp của mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong chế độ mới, động lực thôi thúc cán bộ, đảng viên và Nhân dân tự học tập. Nếu học chỉ vì mưu cầu lợi ích cá nhân thấp hèn thì tất yếu sự học không thể bền bỉ suốt cuộc đời mỗi người và tất yếu dẫn đến những

biểu hiện tiêu cực trong học tập. Vì vậy, Người đưa ra tôn chỉ “Còn sống thì còn phải học” [100, tr.113] và khuyên mọi người phải “tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được, do đó mà tích cực, tự động hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng, không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập” [96, tr.98].

2.3.4.2. Xây dựng đạo đức công dân thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng và lao động sản xuất

Đạo đức công dân được hình thành, củng cố, phát triển và hoàn thiện bằng hoạt động và thông qua các hình thức hoạt động thực tiễn phong phú. Đây là quá trình chuyển những chuẩn mực đạo đức được xã hội thừa nhận thành hành vi, cách ứng xử đạo đức của công dân. Trong đó, hai hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản nhất là: thực tiễn đấu tranh cách mạng và lao động sản xuất.

Thứ nhất, xây dựng ĐĐCD thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng

Sự nghiệp đấu tranh cách mạng “là cả một cuộc đấu tranh gay go, kịch liệt và lâu dài giữa cái xấu và cái tốt, giữa cái cũ và cái mới, giữa cái thoái bộ và cái tiến bộ, giữa cái đang suy tàn và cái đang phát triển” [96, tr.238]. Do đó, đây vừa là phương thức để rèn luyện đạo đức, vừa đặt ra những yêu cầu cao về ĐĐCD, nhất là trong điều kiện xuất phát điểm của Việt Nam vốn là một nước thuộc địa nửa phong kiến, trình độ KT-XH thấp kém, đời sống vật chất và tinh thần của mọi người dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, lại phải trải qua các cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ. Mặt khác, tính phức tạp, sự quyết liệt của cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp trong thời đại mới ở nước ta không những đặt ra yêu cầu ngày càng cao về mọi mặt đối với mỗi công dân, nhất là về đạo đức trong quá trình thực hiện địa vị làm chủ của mình. Vì vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam không thể tách rời mà phải gắn bó mật thiết với cuộc đấu tranh xã hội, “Đó là một trường học rất rộng, rất tốt” [93, tr.449]. Từ những người “nô lệ” đầy đau khổ, tăm tối, thông qua hoạt động và đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, họ đã từng bước trở thành những người công dân trong chế độ mới, được thừa hưởng đầy đủ những thành quả cách mạng.

Ngay khi cách mạng còn trong trứng nước, Người đã chủ trương tập hợp, tổ chức giáo dục mọi tầng lớp nhân dân lao động yêu nước, có ý chí cách mạng vào các hình thức mặt trận khác nhau đấu tranh chống đế quốc và phong kiến tay sai. Thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng lâu dài và gian khổ chính là quá trình tu dưỡng, rèn luyện nhân cách những công dân ưu tú tương lai, tạo tiền đề vững chắc xây dựng chế độ mới. Từ chỗ chịu nhiều ảnh hưởng nặng nề của quan niệm đạo đức phong kiến, lối sống của giai cấp tư sản, mỗi công dân nước Việt Nam độc lập đã được giáo dục đạo đức, lối sống

cộng sản chủ nghĩa. Người nói: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào” [89, tr.170]. Cũng cần nói thêm mỗi chế độ đều có ý thức hình thành lên những con người có những chuẩn mực đạo đức phù hợp, đó là tính giai cấp của đạo đức. Nhìn lại lịch sử Việt Nam, địa vị “thần dân” và “nô lệ” vốn tồn tại ở Việt Nam hàng nghìn năm, dù có cuộc sống cực khổ, thiếu thốn người dân Việt Nam ít nhiều bị ảnh hưởng của các chuẩn mực đạo đức phong kiến, thực dân. Những tàn dư đó đối lập với đạo đức của những công dân trong chế độ dân chủ nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đạo đức cũ và đạo đức mới khác nhau nhiều. Đạo đức cũ như người đầu ngược xuống đất chân chống lên trời. Đạo đức mới như người hai chân đứng vững được dưới đất, đầu ngẩng lên trời” [92, tr.220].

Việc tự nguyện tham gia vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng nhằm xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới là biểu hiện sinh động của tinh thần vươn tới cái mới, cái hay, cái đẹp,... cũng như thể hiện thái độ kiên quyết chống lại cái xấu xa, cái ác. Sẽ rơi vào duy tâm nếu cho rằng ĐĐCD là cái có trước hiện thực xã hội làm nảy sinh nó, tức là xã hội công dân. Chúng ta không thể ngồi chờ xã hội công dân được xây dựng xong thì mới xây dựng đạo đức của những công dân trong xã hội đó. Xây dựng xã hội công dân gắn liền với quá trình xây dựng thể chế chính trị, nền tảng vật chất, kỹ thuật... Nó chỉ có thể đạt được khi tạo lập được những điều kiện khách quan, do đó không thể nóng vội, chủ quan, đốt cháy giai đoạn. Xây dựng thể chế công dân mới có thể được hoàn thiện trước một bước so với hoàn cảnh KT-XH nhưng phải có những điều kiện cụ thể. Điều kiện đó là phải thông qua các hình thức hoạt động hướng tới xây dựng ĐĐCD, nhất là các phong trào thi đua yêu nước cả trong nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.

Thứ hai, xây dựng ĐĐCD thông qua lao động sản xuất

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lao động có vai trò đặc biệt quan trọng đối với quá trình phát triển xã hội cũng như sự phát triển và hoàn thiện các phẩm chất ĐĐCD. Theo Người, “Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, là nhờ lao động. Xây nên giàu có, tự do, dân chủ cũng là nhờ lao động. Trí thức mở mang cũng nhờ lao động” [90, tr.514]. Việc tham gia tích cực, chủ động vào hoạt động lao động sẽ tác động toàn diện: “Một là làm cho họ biết kính trọng sự cần lao. Hai là tập cho họ quen khổ. Ba là cho họ cái chí khí tự thực kỷ lực (làm lấy mà ăn), không ăn bám xã hội. Bốn là có ích cho sức khỏe của họ” [90, tr.121]. Do đó, mọi công dân phải tự giác nhận thức rõ, lao động là lĩnh vực hoạt động thực tiễn quan trọng bậc nhất của con người, là “nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta” [98, tr.69]. Trong chế độ mới việc tự giác tham gia vào quá trình lao động sản xuất và lao động đạt hiệu quả cao là thước đo một trong những phẩm chất đạo đức cơ bản của công dân. Thông qua quá trình này, ý thức trách nhiệm, tính tự giác trong việc thực hiện

quyền và nghĩa vụ được thử thách, rèn luyện. Khi tham gia vào quá trình lao động sản xuất xã hội, công dân biết quý trọng thành quả lao động của bản thân và xã hội và trên cơ sở đó biết tôn trọng và bảo vệ lợi ích của xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, thông qua lao động “mà người ta hiểu biết dần các hiện tượng, các tính chất, các quy luật...hiểu rõ mối quan hệ giữa người này với người khác...” [92, tr.121]. Nhờ có lao động giúp cho tri thức, hiểu biết của công dân nói chung trong đó có tri thức đạo đức ngày càng nâng cao. Đây là tiền đề quan trọng để mỗi công dân nâng cao tri thức đạo đức, khắc phục các biểu hiện lệch lạc trong rèn luyện đạo đức. Bên cạnh việc đề cao vai trò của Nhà nước, các đoàn thể trong việc tạo môi trường, điều kiện lao động thuận lợi, giáo dục thái độ đúng đắn trong lao động sản xuất, Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cá nhân công dân cần tích cực, tự giác tham gia lao động sản xuất. Người đặc biệt lưu ý cần khắc phục tư tưởng trọng lao động trí óc, coi khinh lao động chân tay, tư tưởng lười lao động, thái độ gian dối trong lao động... Năng suất lao động là thước đo hiệu quả và trình độ lao động. Do đó, theo Hồ Chí Minh, mỗi công dân muốn đạt kết quả cao trong lao động cần phát huy năng lực sáng tạo của bản thân. Chỉ có lao động với tinh thần sáng tạo mới giúp công dân không ngừng hoàn thiện mình, khắc phục những hạn chế cố hữu vốn là tàn dư của chế độ cũ trong tư tưởng và kỹ năng lao động của bản thân. Người nói: “Để tăng năng suất lao động... phải nâng cao không ngừng trình độ hiểu biết...” [99, tr.470]. Tính tất yếu nâng cao năng suất lao động chính là động lực giúp công dân tự giác nâng cao trí tuệ, đặc biệt là những đức tính cao quý của người lao động như: cần cù, nhanh nhẹn, thông minh, sáng tạo và đề cao kỷ luật lao động.

2.3.4.3. Xây dựng đạo đức công dân thông qua nêu gương về đạo đức

Hồ Chí Minh luôn đề cao phương thức nêu gương về đạo đức của các đối tượng công dân trong đời sống chính trị, xã hội, coi đây là phương thức chủ yếu nhất, có sức thuyết phục nhất nhằm lan tỏa các giá trị đạo đức tốt đẹp. Trong các đối tượng công dân, Người luôn đề cao trách nhiệm nêu gương về đạo đức của đối tượng cán bộ, đảng viên. Người thường xuyên nhắc nhở: “Tự mình phải chính trước, mới giúp được người khác chính” [91, tr.130]. Ngược lại, sự thiếu rèn luyện, tu dưỡng, đặc biệt là sự thoái hóa, biến chất về đạo đức, lối sống của họ sẽ là gương xấu ảnh hưởng rất lớn đến hành vi đạo đức, lối sống, ý thức kỷ luật, pháp luật của các đối tượng công dân khác trong xã hội.

Đề nêu gương thiết thực, hiệu quả trước hết phải xuất phát từ động cơ hành động vì dân, vì nước, vì lợi ích chung nhằm đem lại hạnh phúc, ấm no cho nhiều người, nhiều nhà. Trên cơ sở đó phải hướng dẫn, chỉ bảo cho Nhân dân hăng hái tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế nhằm làm cho mọi người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, nhất là trong hoàn cảnh khó khăn, vai trò nêu gương càng phải được đề cao. Người chỉ rõ: “phải làm gương cho đồng bào, phải siêng năng, hăng hái. Tôi lấy thí

dụ như trong việc cứu nạn đói, mình bảo người ta 10 ngày nhịn ăn một bữa mà chính đến ngày nhịn, mình lại cứ chén tỳ tỳ thì nghe sao được” [89, tr.117].

Nêu gương không phải là tự tô vẽ bản thân, tự nói tốt về mình để lấy lòng dân hay mị dân mà phải bằng hành động chân thành nhất, vì dân, vì nước để mọi người tin tưởng, yêu mến, cảm phục. Người căn dặn: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức” [91, tr.16]. Nội dung nêu gương rất phong phú và đa dạng song tựu trung lại đó là sự thống nhất giữa nói và làm. Để nói đi đôi với làm, cần có sự cố gắng, nỗ lực bền bỉ và quyết tâm cao độ, bởi vì bất kỳ công việc nào, nhiệm vụ gì, dù lớn hay nhỏ, khó hay dễ, phức tạp hay giản đơn nhưng nếu không ra sức phấn đấu thì cũng không thể thành công được. Nói đi đôi với làm thể hiện bằng kết quả công việc, với những sản phẩm cụ thể hàng ngày. Người chỉ rõ: “Phải lấy kết quả thiết thực đã góp sức bao nhiêu cho sản xuất và lãnh đạo sản xuất mà đo ý chí cách mạng của mình. Hãy kiên quyết chống bệnh nói suông, thói phô trương hình thức, lối làm việc không nhằm mục đích nâng cao sản xuất” [98, tr.68]. Kết quả công việc là thước đo đánh giá mức độ cống hiến của mỗi công dân, là sự kiểm nghiệm giá trị của lời nói, uy tín và danh dự của cá nhân.

Trong chế độ dân chủ mới, Hồ Chí Minh luôn đề cao phát huy vai trò của các tổ chức, đoàn thể cách mạng và từng công dân trong thực hành dân chủ. Chế độ dân chủ nhân dân là thành quả vĩ đại của quá trình đấu tranh gian khổ, hy sinh của toàn dân tộc, của nhiều thế hệ người Việt Nam. Đồng thời, ý thức, năng lực và trách nhiệm làm chủ chính là thước đo sự giác ngộ chính trị, bổn phận, nghĩa vụ của công dân, là biểu hiện cụ thể của ĐĐCD. Do đó, phong trào nêu gương phải làm cho mỗi công dân luôn có ý thức trân trọng giá trị của dân chủ, phải coi dân chủ là của quý của nhân dân và thực hành dân chủ là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân. Đồng thời, cần tổ chức động viên mọi công dân nêu cao ý thức bảo vệ quyền làm chủ. Trên cơ sở nhận thức đúng, các tổ chức, đoàn thể cách mạng phải tổ chức động viên các đối tượng công dân hăng hái tham gia thực hành đầy đủ, đúng đắn quyền và nghĩa vụ làm chủ của mình. Người chỉ rõ: “Làm chủ sao cho ra làm chủ, không phải làm chủ là muốn ăn bao nhiêu thì ăn, muốn làm bao nhiêu thì làm. Làm chủ nghĩa là phải làm sao cho nông trường phát đạt, sản xuất được nhiều” [98, tr.287]. Đồng thời, cần nghiêm túc khắc phục những hành vi trông chờ, ỷ lại. Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Cứ chờ Đảng và chờ Chính phủ giúp đỡ, thì không đúng đâu. Đảng và Chính phủ đề ra chính sách, phái cán bộ về hướng dẫn, thế là giúp đỡ. Nhưng đó là phụ. Lực lượng nhân dân tổ chức nhau lại là chính. Không nên ỷ lại, mà phải tự lực cánh sinh” [98, tr.310]. Bên cạnh đó, cần phải động viên, tổ chức mọi công dân tự giác đấu tranh với những biểu hiện phản dân chủ như “nhà mình có rác thì phải cầm chổi mà quét chứ không phải kêu la mà nhà sạch được. Kêu la mà không tự mình quét là thiếu tinh thần cách mạng, tinh thần làm chủ” [97, tr.614].

Hồ Chí Minh đã luận giải mối quan hệ chặt chẽ, hài hoà giữa vị thế, quyền lợi “là chủ” và nghĩa vụ, trách nhiệm “làm chủ” của người dân, đồng thời nâng lên thành nguyên tắc cơ bản trong xây dựng đạo đức nói chung, ĐĐCD nói riêng.

Trong thực hành xây dựng ĐĐCD, Hồ Chí Minh nhấn mạnh cần phát huy vai trò nêu gương tự phê bình và phê bình. Tự phê bình và phê bình trong xây dựng ĐĐCD là một vấn đề rất nhạy cảm, đụng chạm đến từng cá nhân và tổ chức. Tâm lý của con người là thích được khen hơn bị chê. Mọi người dễ cho rằng tự nói ra khuyết điểm, tự nhận khuyết điểm nghĩa là tự thừa nhận sự non kém của mình. Điều này dễ liên lụy đến uy tín, chức tước, địa vị và thứ bậc nghề nghiệp, vì “người ta hay có lòng tự ái. Thừa nhận cái sai, cái dốt, cái kém của mình, thì sợ mất thể diện, mất uy tín, mất địa vị” [92, tr.80]. Vì vậy, Hồ Chí Minh cho rằng muốn tự phê bình và phê bình thiết thực, hiệu quả đòi hỏi phải có hai yếu tố đặc biệt quan trọng đó là thái độ đúng và phương pháp đúng, nhất là đối tượng công dân là cán bộ, đảng viên. Người chỉ rõ: “Muốn tự phê bình và phê bình có kết quả, cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cao cấp phải làm gương trước” [91, tr.459]. Bởi vì, “uy tín của người lãnh đạo là ở chỗ mạnh dạn thực hiện tự phê bình và phê bình, biết học hỏi quần chúng, sửa chữa khuyết điểm để đưa công việc ngày càng tiến bộ chứ không phải ở chỗ giấu giếm khuyết điểm và e sợ quần chúng phê bình” [98, tr.421].

Cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về thực hành nêu gương ĐĐCD. Bản thân Hồ Chí Minh là “công dân kiểu mẫu”, nhất là nêu gương thượng tôn Hiến pháp, pháp luật. Không một chính sách, pháp luật quan trọng nào của Nhà nước mà Hồ Chí Minh không trực tiếp viết bài, nói chuyện hoặc bằng sự gương mẫu chấp hành của mình để cổ vũ, động viên mọi đối tượng công dân trong xã hội học tập, làm theo. Đặc biệt, được đồng bào tín nhiệm đề nghị không phải ra ứng cử đại biểu Quốc hội, mà Nhân dân trực tiếp suy tôn Người vào Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời trung thực: “Tôi là một công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nên không thể vượt qua thể lệ Tổng tuyển cử đã định. Tôi đã ứng cử ở thành phố Hà Nội, nên không thể ra ứng cử ở nơi nào khác nữa” [89, tr.136].

2.3.4.4. Xây dựng đạo đức công dân thông qua các phong trào thi đua yêu nước

Theo quan điểm Hồ Chí Minh, thi đua là hoạt động tích cực và sáng tạo, thiết thực, hiệu quả nâng cao chất lượng mọi hoạt động của đời sống xã hội; là phương thức thiết thực, hiệu quả để xây dựng ĐĐCD. Người nhấn mạnh: “Thi đua là một cách rất tốt, rất thiết thực để làm cho mọi người tiến bộ. Thi đua giúp cho đoàn kết chặt chẽ thêm, và đoàn kết chặt chẽ để thi đua mãi” [92, tr.146]. Thi đua là yêu nước, yêu nước phải thi đua là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của Hồ Chí Minh. Do đó, mọi đối tượng công dân không phân biệt ngành nghề, giai cấp... đều phải tự giác ra sức thi đua. Trong phong trào thi đua ái quốc thực hiện “Bình dân học vụ”, Hồ Chí Minh căn dặn phải đưa nội dung giáo dục

“Đạo đức của công dân, để thành người công dân đứng đắn” [90, tr.604] trở thành một trong năm nhiệm vụ trọng tâm.

Theo Người, các phong trào thi đua yêu nước phải xác định rõ mục tiêu nhằm khơi dậy trí tuệ, tiềm năng sáng tạo của công dân, nêu cao ý thức tự giác cải tạo bản thân, khơi dậy ý thức, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, đồng thời khuyến khích, động viên các tổ chức và từng cá nhân công dân làm việc tốt hơn, nhiều việc ích nước, lợi dân hơn cho bản thân và cộng đồng xã hội. Để đạt được mục tiêu tốt đẹp đó, Người nhấn mạnh đến vai trò lãnh đạo và tổ chức các hoạt động thi đua của Đảng và Nhà nước. Người chỉ rõ:

Thi đua phải có sự lãnh đạo đúng. Trước khi thi đua phải chuẩn bị đầy đủ (giải thích, cổ động, xem xét kế hoạch mỗi nhóm, mỗi người) trong lúc thi đua phải thiết thực đôn đốc, giúp đỡ, sửa đổi. Sau đợt thi đua, phải thiết thực kiểm tra, tổng kết phổ biến kinh nghiệm, khen thưởng những người kiểu mẫu, nâng đỡ những người kém cỏi [92, tr.146].

Đồng thời, muốn thi đua đạt kết quả cao phải có kế hoạch tỉ mỉ đến từng đơn vị nhỏ, từng gia đình, từng cá nhân. Trên cơ sở đó động viên, khuyến khích mỗi nhóm công dân tự giác, tự động tham gia. Thi đua phải tuân theo nguyên tắc đoàn kết để tạo ra sức mạnh đảm bảo thắng lợi cho các phong trào thi đua. Ai cũng thi đua làm cho thi đua ái quốc sẽ ăn sâu, lan rộng khắp mọi mặt và mọi tầng lớp nhân dân, giúp khắc phục mọi nỗi khó khăn và đập tan âm mưu của kẻ địch để đi đến thắng lợi cuối cùng. Trên cơ sở đó, cách làm là dựa vào tinh thần và lực lượng của Nhân dân để gây dựng hạnh phúc cho dân.

Trong xây dựng đời sống đạo đức xã hội, thi đua góp phần cải tạo con người, xây dựng con người mới XHCN. Do đó, Người đề xuất nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của các phong trào thi đua phải tìm ra được những gương người tốt, việc tốt, để tiếp tục nhân rộng trong các tập thể, làm cho những việc bình thường nhưng ích nước, lợi dân được trân trọng và nhân rộng trong xã hội nhằm đẩy mạnh thi đua cho rộng khắp hơn nữa. Là một hình thức đặc biệt của phong trào thi đua yêu nước, hoạt động tuyên dương gương “Người tốt, việc tốt” góp phần động viên các cá nhân, tập thể hăng hái, tích cực thi đua. Trong xã hội ta, ai cũng là chủ thể và cũng là đối tượng của giáo dục đạo đức. Vì vậy, ai cũng có thể và cần phải luôn luôn thi đua nêu tấm gương về đạo đức.

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh, việc nêu gương đạo đức của cán bộ, đảng viên có tác dụng giáo dục quần chúng rất cao. Người thường xuyên nhắc nhở và yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên phải làm kiểu mẫu trong công tác và lối sống, trong mọi lúc, ở mọi nơi; nói phải đi đôi với làm để quần chúng noi theo. Để phát huy sự nêu gương “người tốt, việc tốt” về đạo đức, Hồ Chí Minh đã phát động và qua đó tạo ra cả một phong trào thi đua sôi nổi, sâu rộng trong toàn xã hội. Năm 1959, phong trào “Người mới, việc mới”, sau này gọi là “Người tốt, việc tốt” được phát động sâu rộng trong cả nước. Thông qua các

phong trào thi đua, nhiều gương “công dân ưu tú, công dân kiêu mẫu” đã xuất hiện, trở thành những tấm gương bình dị mà cao quý của công dân thuộc mọi giới, mọi ngành, mọi lứa tuổi, trên mọi mặt trận. Thông qua đó, khuyến khích, động viên các đối tượng công dân phát huy trí tuệ tập thể, hăng hái đóng góp công sức, trí tuệ góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến và xây dựng chế độ mới. Để chọn đúng người tốt, việc tốt cần vận dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau, trong đó biện pháp chủ yếu là thực hiện tốt việc “Bình công và báo công”. Người chỉ rõ: “Ai có công, ai không có công mọi người đều biết. Do đó thúc đẩy lẫn nhau càng cố gắng lập công mới. Người có công gì tự báo công để tập thể bình bầu, như thế là thực hành dân chủ trong nhân dân, làm cho mọi người đều phấn khởi và cố gắng” [100, tr.261].

Mặt khác, theo Hồ Chí Minh để phong trào thi đua thực sự thiết thực, hiệu quả cần thường xuyên làm tốt công tác tổng kết, rút kinh nghiệm, không ngừng phát triển, hoàn thiện trong các phong trào thi đua tiếp theo. Từ thực tiễn các phong trào thi đua ái quốc, Người chỉ rõ những hạn chế, khuyết điểm cần khắc phục như: Hướng dẫn thiếu thống nhất; Chương trình còn nhiều nơi chưa sát; Kế hoạch thiếu chu đáo tỉ mỉ; Biết làm nhanh, nhưng chưa biết làm tốt; Thi đua nơi thì thiếu bền bỉ, nơi thì quá sức, nơi thì chưa tự động... Người chỉ ra: nguyên nhân của tình trạng trên là do tư tưởng thi đua chưa thấm nhuần, thấu suốt trong mọi người, mọi nhà, mọi ngành và yêu cầu cần kiên quyết khắc phục, sửa chữa ngay.

2.3.4.5. Xây dựng đạo đức công dân thông qua tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

Hiểu theo cách chung nhất, pháp chế là chế độ quản lý nhà nước, quản lý xã hội theo pháp luật và bằng pháp luật. Do đó, tăng cường pháp chế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xây dựng ĐĐCD, là cơ sở bảo đảm các chuẩn mực ĐĐCD được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, thực chất và hiệu quả. Là người đặt nền móng cho sự ra đời, phát triển của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Hồ Chí Minh sớm nhận thức rõ vai trò đặc biệt quan trọng của việc thực thi Hiến pháp, pháp luật trong quản lý, điều hành xã hội mới. Năm 1919, trong “Yêu sách của nhân dân An Nam” gửi tới Hội nghị Vécxay, Nguyễn Ái Quốc yêu cầu: “Thay chế độ ra sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật” [86, tr.141]. Thâm ý sâu xa trong “Yêu sách của nhân dân An Nam” do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đòi hỏi xác lập “các đạo luật” cũng đồng thời là đòi hỏi phải có Hiến pháp, mà Hiến pháp là sản phẩm của một nhà nước độc lập. Nói cách khác, đây thực chất là yêu sách đòi quyền độc lập của nhân dân Việt Nam. Điểm đặc sắc nữa đó là khi chuyển thể “Yêu sách thứ 7” sang luận điểm “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền” trong bài “Việt Nam yêu cầu ca”, Nguyễn Ái Quốc đặt ra yêu cầu mọi người dân phải tuyệt đối tự giác “Thượng tôn Hiến pháp, pháp luật”. “Thần linh pháp quyền” được hiểu đó là một nền “pháp quyền tự thân”, với Hiến pháp và hệ thống pháp luật đầy đủ, thể hiện cho ý chí, nguyện vọng của mọi người dân.

Người coi “Thượng tôn Hiến pháp, pháp luật” là nguyên tắc “bất biến”, là đặc trưng tiêu biểu của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, là chuẩn mực đạo đức quan trọng hàng đầu của mọi công dân. Người giải thích rằng: “Như cái hòm đựng của cải thì phải có cái khoá. Nhà thì phải có cửa. Khoá và cửa cốt để phòng kẻ gian ăn trộm. Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân, chuyên chính là cái khoá, cái cửa để phòng kẻ phá hoại, nếu hòm không có khoá, nhà không có cửa thì sẽ mất cắp hết” [95, tr.457]. Thực tế chứng minh, nếu Việt Nam không có Hiến pháp, không có một nhà nước điều hành bằng pháp luật, công dân không “Thượng tôn Hiến pháp, pháp luật” thì nền độc lập của đất nước, sự tôn nghiêm của chính quyền cũng như trật tự xã hội sẽ không được bảo đảm, công dân cũng sẽ không có được cơ sở pháp lý để hưởng dụng đầy đủ các quyền tự do, dân chủ.

Tuy nhiên, Hiến pháp, pháp luật dù đầy đủ, dân chủ đến đâu cũng trở lên vô nghĩa nếu nó không được thực thi đầy đủ, nghiêm túc trong thực tiễn. Do đó, một trong những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh đó là phải thiết lập một nền pháp chế XHCN đầy đủ, toàn diện, thực chất và nhân văn. Nghĩa là, có pháp luật rồi cần thi hành tốt, thi hành thật đúng để xây dựng một kỷ cương nhà nước, một trật tự xã hội nghiêm minh. Đồng thời, đây cũng là phương thức quan trọng bảo đảm xây dựng ĐĐCD. Người chỉ rõ: “Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lẽ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp, chí công vô tư” cho nhân dân noi theo” [90, tr.472]. Người cũng luôn nhắc nhở: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và của Chính phủ” [92, tr.357]. Người chỉ ra những khuyết điểm mà một số cán bộ trong các cơ quan công quyền thường mắc phải như: Làm việc trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo... Đối với các hành vi vi phạm pháp luật, trái đạo đức cách mạng, Người nghiêm khắc lên án: “Những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu thì phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của quốc gia và nhân dân, tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi vi phạm pháp luật, mật thám” [92, tr.358].

2.3.4.6. Xây dựng đạo đức công dân thông qua tự tu dưỡng đạo đức của công dân

Theo Hồ Chí Minh, tự tu dưỡng đạo đức của công dân là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc hình thành, củng cố, phát triển và hoàn thiện các chuẩn mực ĐĐCD. Trong xây dựng ĐĐCD, việc hình thành, phát triển ý thức tự giác, tinh thần tự chủ, tự cường, năng lực tự giáo dục đạo đức của mỗi công dân Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Vì vậy, Người căn dặn: “Phải dạy cho họ có chí tự lập, tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ” [90, tr.120]. Động lực của sự nỗ lực vươn lên, vượt qua khó khăn, thử thách để hoàn thiện các phẩm chất ĐĐCD ở chỗ: các cá nhân tự ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với đất nước, đồng bào, gia đình và bản thân. Nếu con người mong muốn được đem tài năng, đức độ của mình để “phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu, nước mạnh, tức là để làm

trọn nhiệm vụ người chủ của nước nhà” [94, tr.179] vì sự phát triển của đất nước, của cộng đồng thì đó là sự nỗ lực chân chính và giàu tính nhân văn. Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước và xã hội cần khuyến khích và tạo điều kiện cho khuynh hướng này phát triển và nhân rộng. Còn nếu chỉ vì mục đích vụ lợi, vị kỷ “vinh thân, phì gia”, “làm quan, phát tài”, “Tự tư tự lợi, chỉ nghĩ đến lợi riêng của mình” [97, tr.308], chỉ mong muốn “ăn trên ngồi trốc” đồng loại thì đó là khuynh hướng nên tránh.

Đề động viên, khuyến khích công dân tự giác vươn lên đúng hướng, xã hội phải đánh giá đúng khả năng, năng lực của cá nhân, tạo điều kiện cho công dân cống hiến và hưởng thụ, phù hợp với sự đóng góp của họ cho xã hội. Cần phải tôn trọng lợi ích chính đáng của cá nhân. Người cho rằng: “Chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình” [96, tr.610]. Đây là điều kiện rất quan trọng để mỗi công dân Việt Nam tự giác vươn lên về mọi mặt để hoàn thiện về phẩm chất, năng lực của bản thân, đặc biệt là phẩm chất ĐĐCD.

Đi đôi với bồi dưỡng tinh thần tự lực, tự giác vươn lên cho mỗi thành viên trong cộng đồng, cần phải xây dựng cho công dân niềm tin “Tin tưởng vào Đoàn thể. Tin tưởng vào nhân dân. Tin tưởng vào tương lai của dân tộc. Tin tưởng vào tương lai cách mạng. Tin tưởng vào tương lai của dân tộc” [91, tr.360-361]. Không có niềm tin vững chắc vào sự tốt đẹp của xã hội XHCN mà Nhân dân ta đã, đang và sẽ xây dựng thì khó có thể động viên được mọi người hăng hái chiến đấu, học tập, rèn luyện, tu dưỡng và phấn đấu không biết mệt mỏi vì nước, vì dân, cống hiến nhiều hơn, có hiệu quả hơn cho sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Theo Hồ Chí Minh, cùng với việc xây dựng lẽ sống, niềm tin khoa học tinh thần lạc quan cách mạng, cần phải kiên quyết chống tâm lý tự ti, sự mặc cảm, bảo thủ, rụt rè của con người Việt Nam. Do sinh ra và lớn lên ở một đất nước mà điều kiện KT-XH còn thấp kém, tâm lý của người sản xuất nhỏ, thói quen ỷ lại, thiếu tin tưởng vào năng lực của bản thân còn khá nặng nề trong một bộ phận không nhỏ công dân. Vì vậy, đề động viên, khuyến khích mỗi người tự giác vươn lên, tin vào khả năng của bản thân, vào thắng lợi của cách mạng cần phải ra sức chống lại tâm lý tự ti, rụt rè, bảo thủ phải “Bồi dưỡng tư tưởng mới để đánh thắng tư tưởng cũ, đoạn tuyệt với con người cũ để trở thành con người mới” [93, tr.300]. Mọi công dân khi đã có lẽ sống, niềm tin đúng đắn, khoa học, khi đã ý thức được sức mạnh to lớn của bản thân và có động cơ phấn đấu đúng đắn sẽ là những yếu tố quyết định thúc đẩy họ vượt qua mọi trở ngại, khó khăn, không ngừng vươn lên hoàn thiện phẩm chất, năng lực mọi mặt của bản thân, góp phần tích cực vào sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

Tiểu kết chương 2

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm về xây dựng ĐĐCD có vị trí trọng yếu, được tiếp cận một cách toàn diện, sâu sắc, gắn liền với quá trình cách mạng và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Từ thực tiễn xây dựng chế độ mới, Người đã hình thành hệ thống quan điểm có tính nền tảng, bao quát từ mục tiêu, chủ thể, nội dung đến phương thức tạo lập, phát triển, hoàn thiện các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD, qua đó từng bước hình thành và củng cố hệ giá trị ĐĐCD làm nền tảng trong xã hội mới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD không phải là những phạm trù trừu tượng, xa rời thực tiễn, mà gắn bó mật thiết với điều kiện cụ thể của Việt Nam, phù hợp với trình độ, đặc điểm của từng đối tượng công dân và yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Người tiếp cận ĐĐCD trên cơ sở quyền làm chủ của công dân, đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa công dân với Nhà nước, quyền và nghĩa vụ công dân, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung của cộng đồng. Trên nền tảng đó, Hồ Chí Minh xác định mục tiêu, chủ thể, nội dung và phương thức xây dựng. Trong đó, Người chú trọng xây dựng lên một hệ chuẩn mực đạo đức phổ quát, mang tính đặc trưng của người công dân Việt Nam trong chế độ mới, gồm: tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; yêu lao động và tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động; đề cao trách nhiệm với công việc chung; bảo vệ tài sản công cộng; thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và tinh thần quốc tế trong sáng.

Theo Hồ Chí Minh, ĐĐCD không phải là thuộc tính tự nhiên hay có sẵn, mà là kết quả của các hoạt động xây dựng công phu, khoa học gắn với quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, gian khổ thông qua nhiều phương thức khác nhau, như: thông qua giáo dục, đào tạo; thực tiễn đấu tranh cách mạng và lao động, sản xuất; nêu gương về đạo đức công dân; các phong trào thi đua yêu nước; tăng cường pháp chế XHCN và quá trình tự giác tu dưỡng đạo đức của công dân. Các phương thức trên vừa phản ánh tính đặc thù trong sự nghiệp xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam, vừa là những kinh nghiệm quý giá đã được thực tiễn kiểm nghiệm cần tiếp tục được kế thừa và phát huy trong điều kiện đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng và Nhà nước ta hoạch định các chủ trương, chính sách xây dựng ĐĐCD, huy động và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh hiện nay, trước những yêu cầu mới của sự nghiệp tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD là yêu cầu cấp bách, hệ trọng. Đó là cơ sở để hình thành những thể hệ “công dân ưu tú”, “công dân kiểu mẫu”, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ta.

Chương 3

THÀNH TỰU, HẠN CHẾ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. THÀNH TỰU CHỦ YẾU VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1.1. Thành tựu chủ yếu

Quá trình xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam gắn liền với sự ra đời, phát triển của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam). Trong suốt tiến trình cách mạng, các thế hệ công dân Việt Nam, thuộc nhiều giai cấp, tầng lớp, độ tuổi và ngành nghề khác nhau được đào tạo, bồi dưỡng trở thành động lực quyết định thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc và xây dựng chế độ mới. Quan điểm của Đảng ta về xây dựng ĐĐCD không chỉ được thể hiện trong các văn kiện, chỉ thị, nghị quyết mà còn được thể chế hóa, cụ thể hóa trong quá trình triển khai các chính sách, pháp luật về văn hóa, giáo dục và trong hệ thống quy định về chuẩn mực đạo đức của từng nhóm đối tượng công dân trong xã hội. Dù không trực tiếp đề cập đến vấn đề “Đạo đức công dân” hoặc “xây dựng đạo đức công dân” nhưng nội dung nhiều chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đều ít nhiều bàn đến các nội dung này, thể hiện sự kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam. Trên thực tế, quá trình xây dựng ĐĐCD được triển khai đồng bộ từ trong gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội, đến các tổ chức chính trị - xã hội, từng bước hình thành hệ giá trị ĐĐCD phù hợp với yêu cầu mới của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Kết quả điều tra xã hội học với 2 nhóm xã hội (cán bộ, đảng viên và người dân) ở các vùng đại diện đều có đánh giá tích cực về những chuyển biến trong xây dựng ĐĐCD. Những kết quả này cho thấy hiệu quả bước đầu trong việc kiên định, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD trong bối cảnh mới của đất nước hiện nay.

**Bảng 3.1. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về những thành tựu
trong xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay**

Thành tựu	Cán bộ, đảng viên		Người dân	
	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>	<i>Tốt</i>	<i>Khá</i>
Xây dựng được các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản cho các đối tượng công dân	341 (88,6%)	10 (2,6%)	273 (70,9%)	43 (11,1%)
Xây dựng được hệ thống các nghị quyết, chỉ thị, quy định để ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức	350 (90,9%)	23 (6,0%)	298 (77,4%)	46 (11,9%)
Chú trọng thực hiện các phương thức xây dựng ĐĐCD cơ bản	361 (93,8%)	15 (3,9%)	235 (61,0%)	76 (19,7%)
Các chuẩn mực ĐĐCD ngày càng được củng cố, phát triển, hoàn thiện	370 (96,1%)	07 (1,8%)	221 (57,4%)	67 (17,4%)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

3.1.1.1. Xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản cho một số đối tượng công dân trên các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội

Trong quá trình xây dựng ĐĐCD, nhiều nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức đã được ban hành, triển khai và lồng ghép vào hệ thống các chuẩn mực đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp, phù hợp với đặc thù nghề nghiệp và vị trí xã hội của từng nhóm đối tượng công dân. Ph.Ăngghen khi bàn về đạo đức nghề nghiệp cũng đã viết: “Trong thực tế, mỗi giai cấp và ngay cả mỗi nghề nghiệp đều có đạo đức riêng của mình” [85, tr.425]. Kết quả khảo sát 2 nhóm đối tượng cán bộ, đảng viên và người dân cũng cho thấy: Việc ban hành các nguyên tắc, chuẩn mực ĐĐCD hiện nay là “rất cần thiết” (cán bộ, đảng viên là 86,0%, người dân là 74,5%) [phụ lục 2, 4]

Một là, trong xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức của người cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Trong xây dựng ĐĐCD, đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng. Họ đảm nhiệm “chức năng kép” mang tính đặc thù, vừa với tư cách là những người thực thi quyền lực chính trị được Nhân dân ủy thác, vừa đồng thời là công dân trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Chính vì vậy, việc hình thành và củng cố các chuẩn mực đạo đức cho đội ngũ này không chỉ là đòi hỏi tất yếu trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh mà còn là một nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng nền tảng đạo đức xã hội. Nhận thức rõ tầm quan trọng trên, Đảng, Nhà nước ta đã chú trọng ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định làm cơ sở để xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức của người cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Các văn kiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng tiêu biểu có thể kể đến như:

Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 18/6/1997 thông qua tại Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII “về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh”, Đảng ta đã nêu ra các tiêu chuẩn cán bộ trong thời kỳ mới. Theo đó, tiêu chuẩn chung của cán bộ bao gồm:

Có tinh thần yêu nước sâu sắc tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực không cơ hội gần bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm [29, tr.79].

Đặc biệt, đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên giữ vị trí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân ngoài những tiêu chuẩn đạo đức chung này còn cần phải có thêm

những tiêu chuẩn sau: “Có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh... Gương mẫu về đạo đức, lối sống. Có tác phong dân chủ, khoa học, có khả năng tập hợp quần chúng, đoàn kết cán bộ” [29, tr.80].

Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 thông qua tại Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”. Trong Nghị quyết này, Đảng ta tiếp tục xác định rõ những chuẩn mực mà cán bộ, đảng viên cần phải có, trong đó có chuẩn mực về đạo đức như:

Xây dựng đồng bộ, toàn diện các đối tượng cán bộ ở các cấp. Chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao sức chiến đấu của lực lượng vũ trang. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học; có chính sách ưu đãi để xây dựng, sử dụng đội ngũ các nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành trên các lĩnh vực. Củng cố, nâng cao ý thức trách nhiệm và tính Đảng đối với cán bộ trong các doanh nghiệp nhà nước, nhất là người đứng đầu; xây dựng quy định về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ quản trị doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế [32].

Quy định số 08-QĐ/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”. Quy định được ban hành đúng dịp chuẩn bị kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm “Đạo đức cách mạng” (1958) dưới bút danh Trần Lực, một lần nữa khẳng định quan điểm, tư tưởng của Đảng và Bác Hồ về vai trò, trách nhiệm nêu gương của người cán bộ cách mạng. Nêu gương là một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng, là trách nhiệm và chuẩn mực đạo đức của người cán bộ. Đề cao trách nhiệm nêu gương cũng là để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức, nâng cao vai trò lãnh đạo, năng lực, uy tín của Đảng, xây dựng Đảng ta ngày càng trong sạch vững mạnh, thật sự là đạo đức, là văn minh.

Từ các chỉ thị, quy định chính trị - pháp lý nhằm tăng cường xây dựng đạo đức cho một số đối tượng cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, Đảng ta đã kịp thời ban hành quy định về chuẩn mực đạo đức cách mạng thống nhất trong toàn Đảng. Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị “về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới” là sự tiếp nối tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng, cụ thể hóa nhiệm vụ xây dựng chuẩn mực đạo đức cách mạng mà Đại hội XIII của Đảng đề ra. Đồng thời, đây là bước cụ thể hóa Kết luận số 21-KL/TW của Ban

Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đây là sự khẳng định mối quan tâm đặc biệt của Trung ương Đảng về tầm quan trọng của công tác xây dựng Đảng về đạo đức, nhất là trong bối cảnh Đảng ta đang đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh. Quy định 144-QĐ/TW đã cụ thể các tiêu chí, chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên cần thực hiện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Điều quan trọng, cốt lõi trong việc triển khai Quy định 144-QĐ/TW là làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thật sự thấm nhuần sâu sắc nội dung của Quy định; làm cho đạo đức cách mạng trở thành nét đặc trưng, nổi bật ở người cán bộ, đảng viên; trở thành vũ khí sắc bén, vượt qua mọi thử thách, cám dỗ, đẩy lùi mọi nguy cơ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; thúc đẩy xây dựng, củng cố nền tảng đạo đức, văn hóa xã hội, làm cho văn hóa, con người Việt Nam thật sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực chủ yếu trong xây dựng và bảo vệ đất nước.

Các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về những chuẩn mực đạo đức của người cán bộ, đảng viên, công chức được thể chế hóa trong nhiều hệ thống văn bản pháp luật khác nhau, phù hợp với đặc điểm từng đối tượng lãnh đạo, quản lý. Điển hình như: Luật cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung 2019) có nhiều quy định thể chế hóa các chuẩn mực đạo đức của người cán bộ, đảng viên, công chức như: Điều 3, Điều 8, Điều 9... Quy định tại Điều 3 về “Các nguyên tắc trong thi hành công vụ”:

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.
3. Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát.
4. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả.
5. Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ [114].

Hai là, trong xây dựng chuẩn mực đạo đức nhà giáo

Giáo dục, đào tạo là một trong những lĩnh vực trọng yếu, giữ vai trò then chốt trong sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, dân tộc. Trong điều kiện đổi mới toàn diện đất nước, phát triển giáo dục, đào tạo không chỉ là nhu cầu khách quan mà còn là đòi hỏi cấp thiết nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Trong đó, đội ngũ nhà giáo chính là chủ thể trung tâm, là yếu tố quyết định trực tiếp đến chất lượng giáo dục, đào tạo của quốc gia. Qua các kỳ đại hội Đảng, Đảng ta đặc biệt quan tâm chăm lo xây dựng đạo đức nhà giáo, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển giáo dục, đào tạo.

Trên cơ sở kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, Chỉ thị 34-CT/TW ngày 30/5/1998 của Bộ Chính trị “về tăng cường công tác chính trị tư

tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học” đã xác định cụ thể vai trò của đội ngũ nhà giáo: “Xây dựng đội ngũ giáo viên thực sự là những chiến sĩ trên mặt trận giáo dục, là tấm gương sáng về đạo đức nhân cách cho học sinh, sinh viên noi theo. Bồi dưỡng ý thức tự giác của học sinh, sinh viên trong học tập, hoạt động xã hội, rèn luyện phẩm chất chính trị và nhân cách” [30]. Theo đó, chuẩn mực đạo đức nhà giáo không tách rời lý tưởng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân mà là sự kết tinh giữa phẩm chất cách mạng với tâm hồn yêu nghề, mến trẻ. Người giáo viên không chỉ là người truyền đạt tri thức, mà còn là người truyền cảm hứng, truyền đạo lý làm người cho thế hệ tương lai của dân tộc.

Thể chế hóa đường lối của Đảng, chuẩn mực đạo đức nhà giáo được quy định trong nhiều văn bản pháp lý khác nhau. Điều 67 Luật Giáo dục năm 2019 quy định “Tiêu chuẩn của nhà giáo “1. Có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt” [115]. Chương 2, Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành “Quy định về đạo đức nhà giáo” xác định rõ: Về phẩm chất chính trị; đạo đức nghề nghiệp; lối sống, tác phong; Giữ gìn, bảo vệ truyền thống đạo đức nhà giáo. Diễn hình như tại Điều 4 về đạo đức nghề nghiệp quy định:

Tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, độ lượng, đối xử hoà nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng [14].

Ba là, trong xây dựng chuẩn mực đạo đức ngành y

Cùng với giáo dục, y tế là một trong những lĩnh vực trọng yếu, có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội và nhận được sự quan tâm đặc biệt của toàn xã hội. Do tính chất đặc thù, liên quan trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người, đặt ra yêu cầu cao đối với phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế. Trong đó, y đức của người làm công tác y tế được xem là phẩm chất cốt lõi, là “kim chỉ nam” dẫn dắt hoạt động nghề nghiệp, giúp người thầy thuốc đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp với chuyên môn và nhân văn trong từng hoàn cảnh thực hành y học.

Một trong những thành tựu lớn trong xây dựng đạo đức ngành y là việc ban hành và triển khai “12 điều y đức” theo Quyết định số 2088/BYT-QĐ ngày 06/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Quyết định góp phần xác lập hệ thống chuẩn mực đạo đức mang tính pháp lý và đạo lý cho đội ngũ cán bộ y tế, là quá trình luật hóa những tiêu chuẩn, nguyên tắc đạo đức được xã hội thừa nhận. Đây được coi là “kim chỉ nam” trong hành vi nghề nghiệp và là công cụ định hướng văn hóa đạo đức trong toàn ngành. Trong “12 điều y đức”, có nhiều nội dung liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ đạo đức của người thầy

thuốc, điển hình như: “Tôn trọng pháp luật và thực hiện nghiêm túc các quy chế chuyên môn. Không được sử dụng người bệnh làm thực nghiệm cho những phương pháp chẩn đoán, điều trị, nghiên cứu khoa học khi chưa được phép của Bộ Y tế và sự chấp nhận của người bệnh” [16].

Trên cơ sở những quy định cụ thể về những chuẩn mực đạo đức chung, Bộ Y tế đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực nhằm củng cố, lan tỏa các chuẩn mực y đức, có thể kể đến như: Ban hành Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. Mục đích ban hành Quyết định nêu rõ:

Làm thay đổi nhận thức, thái độ, phong cách phục vụ người bệnh của cán bộ y tế, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ứng xử, nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ, củng cố niềm tin và sự hài lòng của người bệnh. Tạo điều kiện tốt, thuận lợi để giúp người dân tiếp cận các dịch vụ y tế; xây dựng hình ảnh đẹp của người cán bộ y tế Việt Nam [17].

Trong thực tiễn, ngành y tế đã phát động nhiều phong trào thi đua về rèn luyện y đức gắn liền với quá trình cải cách thủ tục hành chính, như: “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh”, “Bệnh viện không khói thuốc”, “Bệnh viện xanh - sạch - đẹp”, “Cơ sở y tế an toàn, nhân viên y tế thân thiện”,... góp phần thay đổi diện mạo ngành y theo hướng nhân văn, hiện đại và chuyên nghiệp hơn. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá thái độ phục vụ và y đức, như thiết lập hệ thống hộp thư góp ý điện tử, đường dây nóng Bộ Y tế 19009095 hay phần mềm chấm điểm mức độ hài lòng tại các bệnh viện, giúp tăng cường giám sát xã hội, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Đưa y đức vào chương trình đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế, thông qua các học phần bắt buộc về y đức, y lý, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử. Nhiều trường đại học y đã đổi mới cách tiếp cận, lồng ghép học tập tình huống đạo đức và thực tập đạo đức nghề nghiệp trong chương trình thực tế tại bệnh viện, giúp sinh viên sớm tiếp cận với thực hành y đức.

Tại các cơ sở khám, chữa bệnh, nhiều bệnh viện đã chủ động xây dựng bộ chuẩn mực đạo đức nội bộ phù hợp với đặc thù của đơn vị, tổ chức các lớp bồi dưỡng đạo đức định kỳ, biểu dương gương người tốt, việc tốt, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy tắc ứng xử, y đức, góp phần làm lành mạnh hóa môi trường hành nghề. Một số mô hình tiêu biểu như: “Nụ cười cán bộ y tế”, “Thầy thuốc như mẹ hiền” (Bệnh viện Phụ sản Trung ương), “5S trong bệnh viện” (Bệnh viện Đại học Y Hà Nội), “Văn hóa cảm ơn” (Bệnh viện Bạch Mai)... đã và đang tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, khơi dậy tinh thần phục vụ tận tụy và ý thức trách nhiệm xã hội của đội ngũ y, bác sĩ, trở thành biểu tượng của ĐDCD mẫu mực trong thời kỳ mới.

Bốn là, trong xây dựng chuẩn mực đạo đức “Bộ đội Cụ Hồ”

Chuẩn mực đạo đức “Bộ đội Cụ Hồ” là sự kết tinh cao đẹp giữa phẩm chất đạo đức cách mạng và truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, là hình tượng mẫu mực thể hiện lý tưởng, bản lĩnh, ý chí và phẩm chất đạo đức tiêu biểu của người quân nhân cách mạng trong thời đại mới. Đây không chỉ là biểu tượng đạo đức của người chiến sĩ cộng sản trong quân đội, mà còn là một giá trị nền tảng, định hướng cho mọi hành vi, ứng xử và sự rèn luyện, phấn đấu trong suốt quá trình công tác và cống hiến của mỗi quân nhân. Phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” được Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI đã nêu rõ:

Kiên định vững vàng, động cơ trong sáng, trách nhiệm cao, hành động đẹp; đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh, thực sự cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư; có tri thức khoa học, trình độ quân sự, năng lực, phương pháp, tác phong công tác và sức khỏe tốt; dân chủ, kỷ luật tự giác, nghiêm minh; đoàn kết, tôn trọng, gần bó máu thịt với nhân dân, có tinh thần quốc tế trong sáng [110].

Quán triệt, cụ thể hóa chủ trương trên, ngày 28/12/2021 Quân ủy Trung ương ban hành Nghị quyết số 847-NQ/QUTW “về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới”. Trong 5 chuẩn mực được xác định, có nhiều chuẩn mực thể hiện rất rõ trách nhiệm, nghĩa vụ ĐĐCD của người quân nhân trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Chuẩn mực thứ 2 xác định rõ: “Có đạo đức cách mạng trong sáng, lối sống trung thực, khiêm tốn, giản dị, chân thành, lạc quan; nói đi đôi với làm, luôn đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích của cá nhân; không thỏa mãn với thành tích, không chùn bước trước khó khăn, hiểm nguy” [110]. Chuẩn mực thứ 4: “Có tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; giữ vững nguyên tắc, phát huy dân chủ, tôn trọng và lắng nghe ý kiến góp ý với tinh thần cầu thị. Kỷ luật tự giác, nghiêm minh, chấp hành nghiêm điều lệnh, điều lệ, kỷ luật của Quân đội” [110].

Bên cạnh việc xác định hệ giá trị chuẩn mực đạo đức, các hoạt động thực tiễn trong xây dựng và phát huy chuẩn mực đạo đức “Bộ đội Cụ Hồ” đã và đang được triển khai sâu rộng, thường xuyên và ngày càng đổi mới về hình thức, nội dung trong toàn quân. Đây là quá trình vừa mang tính giáo dục, vừa mang tính tự giác rèn luyện thể hiện sinh động mối quan hệ giữa chuẩn mực đạo đức và hành vi đạo đức cụ thể của quân nhân trong mọi môi trường, nhiệm vụ công tác.

Các cơ quan, đơn vị trong toàn quân đã chủ động triển khai hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đặc biệt là nội dung giáo dục đạo đức cách mạng, lý tưởng sống, trách nhiệm công dân của người quân nhân cách mạng. Hằng năm, các đơn vị tổ chức

“Tháng Thanh niên”, “Tháng hành động vì biên cương Tổ quốc”, “Hội thi cán bộ chính trị giỏi”,... nhằm lan tỏa giá trị đạo đức “Bộ đội Cụ Hồ”, giúp mỗi cán bộ, chiến sĩ thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và vận dụng sáng tạo vào sinh hoạt, học tập, nhất là công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu. Thông qua các phong trào thi đua quyết thắng như “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới”, việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng được cụ thể hóa bằng những việc làm thiết thực, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị. Đây là cơ chế “biến chuẩn mực thành hành động”, giúp các giá trị đạo đức không dừng lại ở khẩu hiệu, mà trở thành động lực thực tiễn trong đời sống quân nhân.

Năm là, trong xây dựng được chuẩn mực đạo đức của người Công an nhân dân

Phẩm chất đạo đức của người Công an nhân dân được quy định trong nhiều chỉ thị, nghị quyết, quy định khác nhau của ngành công an như: Thông tư số 17/2012/TT-BCA “Quy định về điều lệnh nội vụ Công an nhân dân”, ban hành ngày 10/04/2012; Luật Công an nhân dân 2018... Đây là những văn bản quy phạm pháp luật điển hình có vai trò quan trọng làm căn cứ pháp lý cho quá trình tu dưỡng, rèn luyện các chuẩn mực đạo đức của cán bộ, chiến sĩ ngành công an. Cụ thể: Điều 31 Luật Công an nhân dân về “Nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân” với những quy định cụ thể như:

1. Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước.
2. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệnh Công an nhân dân, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên.
3. Trung thực, dũng cảm, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao [113].

Trong thực tiễn, các đơn vị công an trong toàn quốc đã triển khai nhiều hoạt động thực tiễn sâu rộng, thiết thực nhằm tăng cường giáo dục ý thức trách nhiệm đạo đức của người Công an nhân dân. Tiêu biểu nhất là các phong trào thi đua gắn liền với thực hiện đầy mạnh “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Từ trong các phong trào, các chuẩn mực đạo đức được đẩy mạnh giáo dục, rèn luyện thông qua các chương trình hành động cụ thể, bám sát chức trách, nhiệm vụ như: “Công an nhân dân học tập, thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy”, “Công an nhân dân vì nước quên thân, vì dân phục vụ”, “Tuổi trẻ công an nhân dân học tập và làm theo lời Bác”... Thông qua các mô hình, chuyên đề, hội thi, các buổi tọa đàm, sinh hoạt chuyên đề chính trị tư tưởng, cán bộ, chiến sĩ Công an không ngừng nâng cao lý tưởng cách mạng, xây dựng động cơ đúng đắn và phẩm chất đạo đức trong sạch, lành mạnh.

3.1.1.2. Xây dựng hệ thống các nghị quyết, chỉ thị, quy định để ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức

Cán bộ, đảng viên và người dân bày tỏ đánh giá cao về sự cần thiết ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định để ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức. Đa số cán bộ, đảng viên và người dân nhận thức rõ về sự cần thiết ban hành các chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái ĐĐCD: Tỷ lệ lựa chọn mức độ “Rất cần thiết”: cán bộ, đảng viên = 364 (94,6%); người dân = 287 (74,5%) [phụ lục 2, 4]. Trong thực tiễn, cùng với việc xây dựng hệ thống chuẩn mực đạo đức cơ bản phù hợp với từng nhóm đối tượng công dân, Đảng và Nhà nước ta đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý kịp thời các biểu hiện suy thoái đạo đức trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức.

Một trong những cơ sở chính trị - pháp lý có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tăng cường xây dựng Đảng về đạo đức là Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện ‘tự diễn biến’, ‘tự chuyển hóa’ trong nội bộ”. Nghị quyết xác định mục tiêu: “Nhận thức sâu sắc về nguy cơ, nhận diện đúng những biểu hiện và đề ra các giải pháp phù hợp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện ‘tự diễn biến’, ‘tự chuyển hóa’ trong nội bộ” [33]. Đồng thời, phải kiên quyết khắc phục những yếu kém trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, trách nhiệm, năng lực và động cơ đúng đắn, thực sự tiên phong, gương mẫu, luôn đặt lợi ích của tập thể, quốc gia, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân, thực sự là cán bộ của dân, phục vụ nhân dân. Củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Để triển khai thực hiện Nghị quyết một cách đồng bộ, toàn diện, hiệu quả ngày 16/11/2016 Bộ Chính trị đã ban hành Kế hoạch số 04-KH/TW thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện ‘tự diễn biến’, ‘tự chuyển hóa’ trong nội bộ”, trong đó nhấn mạnh nhiều nội dung quan trọng, nổi bật có liên quan đến xây dựng các chuẩn mực ĐĐCD như:

Đề cao kỷ cương, kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Những vấn đề chưa có trong luật pháp, chưa quy định thì phải xây dựng hoặc bổ sung hoàn thiện bảo đảm theo đúng chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng. Việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình cần kết hợp với giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm [35].

Trên cơ sở đó, ngày 08/02/2017 Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ thành những kế hoạch, chương trình cụ thể để tổ chức thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Trong quá trình xây dựng chuẩn mực đạo đức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, việc kiểm soát quyền lực có vai trò đặc biệt quan trọng, là điều kiện tiên quyết nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái đạo đức, đặc biệt là những biểu hiện của lạm quyền, lộng quyền. Khoản 3 Điều 2 Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” [130]. Vấn đề kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan Nhà nước trong quá trình thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp là một điểm mới trong Hiến pháp năm 2013, trở thành một nội dung Hiến định. Khái niệm kiểm soát không chỉ là kiểm soát “giữa các cơ quan Nhà nước”, mà còn là kiểm soát đối với từng cơ quan Nhà nước, từng công chức Nhà nước, giữa công dân với cán bộ, công chức nhà nước.

Cùng với sự phát triển của thực tiễn, nhất là thực trạng thiếu kiểm soát quyền lực dẫn đến những hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, công tác kiểm soát quyền lực đã được Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn. Quan điểm “Phải nhốt quyền lực trong lồng cơ chế” [43] đã được thể chế hóa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, trong đó nêu rõ: “Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực. Ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương” [36, tr.203]. Tiếp tục tinh thần đó, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII đã xác định một trong những nội dung trọng tâm là:

Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi quyền lực của người có chức, có quyền, theo hướng quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó; phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm tập thể, cá nhân trong từng công đoạn giải quyết công việc và có chế tài xử lý nghiêm những hành vi vi phạm [37, tr.40-41].

Trên cơ sở nghị quyết của Đại hội Đảng, ngày 23 tháng 9 năm 2019, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Quy định số 205-QĐ/TW “về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ và chống chạy chức, chạy quyền”. Đây là lần đầu tiên có một văn bản mang tính pháp quy của Đảng chuyên biệt về vấn đề kiểm soát quyền lực. Quy định này gồm 04 phần, 15 điều, được xây dựng công phu, có hệ thống, tạo nền tảng pháp lý quan trọng trong cảnh báo, phòng ngừa và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi; đồng thời, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện chạy chức, chạy quyền cũng như hành vi bao che, tiếp tay cho những hiện tượng tiêu cực này. Việc ban hành Quy định

205-QĐ/TW góp phần thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng đạo đức công vụ, đạo đức cách mạng nói chung, ĐĐCD nói riêng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính.

Cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về đạo đức, Nhà nước ta đã chú trọng hoàn thiện hệ thống luật pháp để tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Quốc hội, Chính phủ ban hành nhiều luật, nghị định; các bộ, ngành ban hành nhiều thông tư liên quan đến công tác xây dựng, quản lý cán bộ, công chức, trong đó có những quy định, quy chế về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, công chức như: Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Thanh tra; Luật Phòng, chống tham nhũng ... Nội dung của các văn bản nêu trên đã quy định rõ vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc quản lý cán bộ, công chức tạo ra sự ràng buộc pháp lý giúp ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi suy thoái, nhất là suy thoái về đạo đức, lối sống.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định phạm vi điều chỉnh của luật này bao gồm việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng, cũng như các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng. Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), trong đó quy định rõ các hành vi mà cán bộ, công chức không được phép thực hiện, nhằm thiết lập khuôn khổ đạo đức công vụ và giữ gìn kỷ cương hành chính, bảo vệ uy tín của bộ máy nhà nước. Điều 18 của Luật này quy định: Những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ, bao gồm:

1. Trốn tránh trách nhiệm thoái thác nhiệm vụ được giao gây bè phái mất đoàn kết tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công.
2. Sử dụng tài sản của nhà nước và của nhân dân trái pháp luật.
3. Lợi dụng lạm quyền nhiệm vụ quyền hạn sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi.
4. Phân biệt đối xử dân tộc nam - nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo dưới mọi hình thức [114].

Các quy định trên cho thấy tính hệ thống, bao quát và cụ thể trong việc xác lập chuẩn mực đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức. Đồng thời, thông qua việc luật hóa các chuẩn mực đạo đức công vụ, Nhà nước không chỉ thực hiện chức năng điều chỉnh hành vi, mà còn góp phần định hướng nhận thức, giáo dục thái độ ứng xử chuẩn mực trong thực thi công vụ, tạo nền tảng quan trọng trong quá trình xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Trong bối cảnh, nước ta đang đẩy mạnh phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, việc ban hành hệ thống pháp luật có liên quan trong lĩnh vực kinh tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa tạo khuôn khổ pháp lý cho các quan hệ kinh tế phát triển,

vừa ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, nhất là suy thoái về đạo đức. Thực tiễn cho thấy, trong bối cảnh mà các chủ thể kinh tế ngày càng chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi mục tiêu lợi nhuận, việc chỉ dựa vào tuyên truyền, vận động để nâng cao ý thức tuân thủ đạo đức là chưa đủ. Do đó, pháp luật đã và đang đóng vai trò thiết yếu trong việc thiết lập khuôn khổ hành vi, tạo lập chuẩn mực và bảo đảm sự công bằng trong môi trường kinh doanh. Một trong những biểu hiện rõ nét là việc ban hành và thực thi Luật Doanh nghiệp (1999, sửa đổi năm 2005), trong đó đã bước đầu thể chế hóa các yêu cầu đạo đức đối với hoạt động kinh doanh. Luật không chỉ tập trung vào những quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, mà còn chú trọng nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thông qua việc nâng cao đạo đức cho chủ doanh nghiệp và người lao động. Khoản 3, Điều 161 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 nhấn mạnh vai trò của việc tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đạo đức kinh doanh cho người quản lý doanh nghiệp, cũng như phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ công quyền làm công tác quản lý doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, việc bổ sung và cụ thể hóa các quy định liên quan đến đạo đức trong khuôn khổ pháp lý đã góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các doanh nghiệp và đội ngũ doanh nhân đối với xã hội. Các hành vi vi phạm đạo đức kinh doanh, khi bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật, đã tạo hiệu ứng răn đe tích cực, đồng thời khuyến khích những chủ thể kinh doanh tuân thủ chuẩn mực đạo đức, gia tăng mức độ tự giác trong hành vi ứng xử với người lao động, đối tác và khách hàng.

Với hệ thống pháp luật ngày càng đầy đủ, đồng bộ đã góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc triển khai các biện pháp xây dựng ĐĐCD và đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng suy thoái ĐĐCD trên nhiều lĩnh vực trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Tại địa phương, nhiều mô hình điểm đã được triển khai và cho kết quả tích cực như: mô hình “Cơ quan, đơn vị, địa phương không có cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật và mắc tệ nạn xã hội” ở TP. Hồ Chí Minh; mô hình “Tự soi, tự sửa” trong sinh hoạt chi bộ tại một số tỉnh như Hà Tĩnh, Nghệ An, Bắc Ninh... đã góp phần xây dựng môi trường đạo đức lành mạnh cho quá trình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Các phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, hay các tiêu chí đánh giá “Gia đình văn hóa”, “Thôn bản văn hóa” cũng giúp nâng cao ý thức đạo đức cộng đồng, gắn kết giữa pháp luật và chuẩn mực xã hội trong đời sống nhân dân. Ở lĩnh vực kinh doanh, một số doanh nghiệp tiêu biểu như: *Viettel*, *Vingroup*, *Vinamilk*, *Viettel*, *FPT*, *TH True Milk*... đã chủ động xây dựng bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, văn hóa doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội rõ ràng, đi kèm với quy trình giám sát, kiểm tra và đánh giá minh bạch. Điều này cho thấy việc kết hợp giữa yếu tố pháp lý và đạo đức nghề nghiệp có thể mang lại hiệu quả bền vững, góp phần hình thành chuẩn mực ĐĐCD thời kỳ mới.

Trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh nhiều cán bộ vi phạm. Điển hình như các vụ án liên quan đến sai phạm của cán bộ cấp cao trong các vụ án gần đây như: *Việt Á, FLC, Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát...* không chỉ thể hiện quyết tâm của Đảng trong việc “không có vùng cấm” mà còn tạo hiệu ứng răn đe, cảnh báo rộng rãi trong toàn xã hội, nâng cao ý thức ĐĐCD trong việc thực thi pháp luật và chuẩn mực hành vi đạo đức.

Hệ thống chính trị và dư luận xã hội bày tỏ sự đồng tình, niềm tin tưởng tuyệt đối với quyết tâm chính trị của Đảng, Nhà nước trong việc xây dựng môi trường xã hội tốt đẹp, phong phú, lành mạnh tạo nền tảng vững chắc để các quan hệ đạo đức được nảy sinh, củng cố, phát triển và ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức. Đây là nền tảng quan trọng để tiếp tục xây dựng hệ giá trị ĐĐCD trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế sâu rộng. Kết quả khảo sát cũng cho thấy: Đa số cán bộ, đảng viên và người dân đánh giá cao ý thức tuân thủ các chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái đạo đức của công dân Việt Nam. Đa số cán bộ, đảng viên và người dân nhận thức rõ về sự cần thiết ban hành các chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái ĐĐCD. Tỷ lệ lựa chọn mức độ “Rất cần thiết”: cán bộ, đảng viên = 334 (86,7%); người dân = 280 (72,7%) [phụ lục 2, 4]

3.1.1.3. Chú trọng vận dụng các phương thức xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn

Một trong những thành tựu nổi bật trong xây dựng ĐĐCD phải kể đến đó là chúng ta đã và đang thực hiện rất tốt các phương thức cơ bản nhằm xây dựng ĐĐCD. Trên thực tế, chủ trương này đã nhận được sự đồng tình của đông đảo cán bộ, đảng viên và người dân. Cụ thể:

Bảng 3.2. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về kết quả thực hiện các phương thức xây dựng ĐĐCD Việt Nam hiện nay

Phương thức xây dựng	Cán bộ, đảng viên		Người dân	
	<i>Rất tốt</i>	<i>Tốt</i>	<i>Rất tốt</i>	<i>Tốt</i>
Đề cao trách nhiệm nêu gương đạo đức của các đối tượng công dân	148 (38,4%)	152 (39,5%)	75 (19,4%)	150 (38,9%)
Giáo dục ĐĐCD	166 (43,1%)	197 (51,2%)	89 (23,1%)	201 (52,2%)
Lao động sản xuất và phát triển kinh tế	206 (53,5%)	126 (32,7%)	55 (14,2%)	175 (45,4%)
Các đợt sinh hoạt chính trị và các phong trào thi đua yêu nước	221 (57,4%)	112 (29,1%)	113 (29,3%)	201 (52,2%)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Thứ nhất, chú trọng đẩy mạnh giáo dục ĐĐCD ở ba môi trường (gia đình, nhà trường và xã hội)

Một là, giáo dục ĐĐCD trong gia đình

Giáo dục đạo đức trong gia đình đã góp phần gìn giữ và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp như: tinh thần yêu nước, đoàn kết, tương thân, tương ái, lòng hiếu thảo, tình nghĩa vợ chồng, tinh thần hiếu học... Đây chính là “hồn cốt” trong nhân cách người Việt Nam, tạo nền tảng để công dân hành xử chuẩn mực trong các mối quan hệ xã hội, đặc biệt là trong quan hệ với Nhà nước và cộng đồng. Kết quả khảo sát cho thấy: Đa số cán bộ, đảng viên và người dân đánh giá cao hiệu quả giáo dục ĐĐCD trong gia đình: Tỷ lệ đánh giá ở mức độ “Rất tốt”: cán bộ, đảng viên = 280 (72,7%); người dân = 190 (49,3) [phụ lục 2, 4].

Gia đình là tế bào của xã hội, là nơi ươm mầm nhân cách của mỗi con người. Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò của gia đình được đặc biệt đề cao, bởi đó là môi trường giáo dục đầu tiên, nơi hình thành những chuẩn mực đạo đức nền tảng cho công dân. Chăm lo tới gia đình, quan tâm tới giáo dục đạo đức trong gia đình nói chung, giáo dục ĐĐCD nói riêng là một trong những nội dung quan trọng trong văn kiện Đại hội Đảng các cấp. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định: “Xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới” [36, tr.143]. Trên cơ sở chủ trương của Đảng, để bảo vệ và phát huy vai trò giáo dục đạo đức của gia đình, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng như: Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Luật Bình đẳng giới 2006, Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2007, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004. Điều 19, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác [112].

Bên cạnh đó, nhiều chương trình hành động mang tính toàn quốc đã được triển khai hiệu quả như: Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 và các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Những chính sách này vừa là cơ sở pháp lý, vừa là động lực thúc đẩy các gia đình thực hiện tốt chức năng giáo dục đạo đức cho các thành viên. Nhận thức, hành vi đạo đức của ông bà, cha mẹ, anh chị

em trong gia đình chính là những khuôn mẫu sống động góp phần hình thành nhân cách, đạo đức cho thế hệ trẻ.

Ở nhiều địa phương, các mô hình gia đình văn hóa, dòng họ hiếu học, gia đình “5 không 3 sạch”, “ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền”... đã trở thành những tấm gương điển hình trong việc giữ gìn và phát huy giá trị đạo đức truyền thống. Tại tỉnh Nam Định, mô hình “Dòng họ học tập” không chỉ nâng cao tinh thần hiếu học mà còn gìn giữ kỷ cương, nề nếp, lối sống đạo đức trong cộng đồng họ tộc. Hay ở Nghệ An, phong trào xây dựng “gia đình học tập”, “cộng đồng học tập” đã thực sự đi vào chiều sâu, qua đó phát huy tốt vai trò giáo dục đạo đức ngay từ trong mỗi gia đình, đặc biệt với đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, chương trình “Thành phố 4 an” trong đó có nội dung “An sinh xã hội và gia đình hạnh phúc” đã được lồng ghép với công tác xây dựng gia đình văn hóa, phát hiện và nhân rộng nhiều điển hình về ông bà, cha mẹ mẫu mực. Ở các huyện như: Củ Chi, Cần Giờ, mô hình “Gia đình hạnh phúc ba thế hệ” không chỉ dừng ở chăm lo đời sống vật chất mà còn đề cao giá trị đạo đức, truyền thống, đạo hiếu, nhân hậu giữa các thế hệ.

Hai là, giáo dục ĐĐCD trong nhà trường

Với mục tiêu phát triển toàn diện con người Việt Nam về đức, trí, thể, mỹ, trong đó đạo đức được xem là gốc rễ, là nền tảng căn bản, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên đã và đang được Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, gia đình, nhà trường và toàn xã hội quan tâm sâu sắc, triển khai đồng bộ và ngày càng đổi mới theo hướng hiệu quả, thực chất. Kết quả khảo sát cho thấy: Đa số cán bộ, đảng viên và người dân đánh giá cao hiệu quả giáo dục ĐĐCD trong gia đình: Tỷ lệ đánh giá ở mức độ “Rất tốt”: cán bộ, đảng viên = 279 (72,5%); người dân = 103 (52,7%) [phụ lục 2, 4].

Một trong những ưu điểm nổi bật là hệ thống chính sách, pháp lý về giáo dục đạo đức được xây dựng tương đối đầy đủ và ngày càng hoàn thiện. Nhiều văn bản quan trọng đã ra đời, như Chỉ thị số 20-CT/TW của Bộ Chính trị (năm 2012) về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em; Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư (năm 2015) về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ; cùng với các đề án, chương trình cụ thể của Chính phủ... Những văn bản này không chỉ thể hiện sự quan tâm nhất quán của Đảng, Nhà nước mà còn là cơ sở quan trọng để nhà trường triển khai các nội dung giáo dục đạo đức một cách đồng bộ, linh hoạt, gắn với thực tiễn. Cùng với đó, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015 - 2020”. Nhằm cụ thể hóa Đề án trên, Chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành tại Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT được ban hành ngày 26/12/2018, nội dung giáo dục ĐĐCD được tích hợp trong toàn bộ quá trình giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông, với định hướng phát triển 5 phẩm

chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Đây là những giá trị cốt lõi, góp phần hình thành nền tảng nhân cách cho thế hệ công dân mới.

Trong bối cảnh hiện nay, ngoài những nội dung giáo dục đạo đức theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, căn cứ vào điều kiện, tình hình, đặc điểm các hoạt động giáo dục, đào tạo được tổ chức ở mỗi nhà trường, đặc thù của mỗi môn học, các nhà trường phổ thông đã nghiên cứu cập nhật, tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến cho học sinh. Nội dung giáo dục đạo đức trong nhà trường rất phong phú, đa dạng trên cơ sở đặc điểm tâm lý lứa tuổi ở các bậc học, ngành học. Trong đó, nội dung chủ yếu tập trung giáo dục đạo lý làm người, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, lòng yêu nước, yêu CNXH, đạo đức lối sống, nếp sống văn hóa, lịch sử dân tộc và bản sắc dân tộc. Nhiều hình thức, phương pháp giáo dục phong phú, cả chính khóa và ngoại khóa được tổ chức linh hoạt, sáng tạo. Các đơn vị trường học đã chú trọng nâng cao chất lượng dạy học môn Giáo dục công dân, Lịch sử, Ngữ văn, không chỉ tập trung vào việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá mà còn đề phổ biến và giáo dục pháp luật, hình thành hành vi đạo đức và chấp hành pháp luật trong học sinh. Sở Giáo dục và Đào tạo các địa phương đã tổ chức nhiều chuyên đề bồi dưỡng cho giáo viên các bộ môn này về chuyên môn cũng như các văn bản về phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng đội ngũ giáo viên môn giáo dục công dân trở thành lực lượng báo cáo viên về phổ biến giáo dục pháp luật trong các đơn vị trường học.

Thực tế triển khai cho thấy, nhiều chuyển biến tích cực về giáo dục đạo đức đã được ghi nhận trong nhận thức và hành vi của người học ở các cấp học, ngành học. Ở bậc phổ thông, học sinh đã có nhiều chuyển biến tích cực về nhìn nhận những sự việc diễn ra xung quanh, đã tham gia tích cực các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội như: tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, chăm sóc bồn hoa cây cảnh, tham dự những ngày lễ do các nhà trường tổ chức một cách nghiêm túc, lễ độ với thầy cô, người lớn tuổi và tích cực tham gia các hoạt động từ thiện trong và ngoài nhà trường...

Cùng với giáo dục đạo đức ở bậc phổ thông, giáo dục ĐĐCD ở bậc đại học cũng được quan tâm thường xuyên, nhất là những lĩnh vực có tác động rộng lớn, lâu dài đối với đạo đức trong xã hội. Trong khối ngành y dược, nội dung giáo dục y đức được xem là trọng tâm trong đào tạo. Các trường như: *Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh, Đại học Y Dược Cần Thơ...* đã đưa môn học đạo đức nghề nghiệp trở thành môn học bắt buộc hoặc tích hợp trong giảng dạy chuyên môn. Thông qua đó, sinh viên không chỉ nắm được các chuẩn mực y đức mà còn biết vận dụng vào thực tiễn hành nghề, hình thành thái độ đúng đắn trong mối quan hệ với bệnh nhân và xã hội.

Trong các trường sư phạm, giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên được xem là nhiệm vụ then chốt. Các nhà trường không chỉ chú trọng giáo dục lý luận mà còn tổ

chức nhiều hoạt động thực tiễn như: sinh viên tình nguyện, tri ân người có công, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, hoạt động xã hội,... nhằm phát triển phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị, lý tưởng sống và trách nhiệm với nghề. Qua đó, sinh viên sư phạm dần hình thành ý thức nghề nghiệp đúng đắn, xây dựng tác phong mô phạm, sống có lý tưởng và gương mẫu trong hành vi, đạo đức.

Với ngành báo chí, giáo dục đạo đức nghề nghiệp ngày càng được quan tâm sâu sắc. Nhiều trường đại học đưa vào giảng dạy môn Đạo đức nghề báo với thời lượng rõ ràng, mời giảng viên là các nhà báo dày dặn kinh nghiệm đảm nhiệm. Điều này giúp sinh viên không chỉ học được lý thuyết mà còn tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp, hiểu sâu hơn những nguyên tắc, chuẩn mực cần có để trở thành người làm báo có trách nhiệm với xã hội, tôn trọng sự thật, trung thực và dũng cảm bảo vệ lẽ phải.

Ba là, giáo dục ĐĐCD trong xã hội

Xã hội có vai trò quan trọng trong việc giáo dục đạo đức thông qua các giá trị, quy tắc và chuẩn mực đạo đức được xã hội thừa nhận. Việc học hỏi từ xã hội và tham gia vào các hoạt động xã hội giúp các đối tượng công dân hiểu rõ hơn về đạo đức và vị trí, vai trò, mục tiêu, yêu cầu giáo dục ĐĐCD. Do đó, việc giáo dục ĐĐCD thông qua hoạt động của chính quyền, tổ chức xã hội và các đoàn thể nhân dân được đặc biệt quan tâm và có nhiều kết quả tích cực tạo ra môi trường xã hội tốt đẹp, phong phú, lành mạnh để hình thành các chuẩn mực ĐĐCD. Kết quả khảo sát cho thấy: cán bộ, đảng viên và người dân đánh giá cao hiệu quả giáo dục ĐĐCD trong gia đình: Mức “Rất tốt”: cán bộ, đảng viên = 200 (51,9%); người dân = 89 (23,1%) [phụ lục 2, 4].

Nội dung giáo dục ĐĐCD được xác định trên cơ sở đặc điểm từng đối tượng công dân trong xã hội: Đối với lực lượng vũ trang; Với các cháu thiếu nhi, thanh niên, phụ nữ; Đối với cán bộ, nhân viên y tế, nhà giáo... Nội dung giáo dục đạo đức được tiến hành thông qua nhiều hình thức, phương pháp giáo dục phong phú. Trong đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chú trọng phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, giáo dục, định hướng nhận thức và hành vi đạo đức của công dân. Đài Truyền hình Việt Nam đã xây dựng và phát sóng nhiều chương trình, chuyên mục có ý nghĩa thiết thực, truyền hình trực tiếp “lễ tuyên dương “người tốt, việc tốt”, “công dân kiểu mẫu”.... Hàng năm, nhân dịp kỷ niệm các sự kiện quan trọng của các cơ quan, ban, ngành, địa phương, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam phối hợp với đài truyền hình, đài tiếng nói ở các địa phương tổ chức vinh danh những công dân tiêu biểu trên các lĩnh vực. Đặc biệt, danh hiệu “Công dân thủ đô ưu tú”, “Công dân trẻ tiêu biểu Tp.Hồ Chí Minh” được tổ chức bình chọn hàng năm thể hiện mức độ quan tâm của xã hội đối với sự nghiệp xây dựng con người mới, công dân mới đáp ứng yêu cầu phát triển của các địa phương trong kỷ nguyên phát triển mới. Đây là động lực tinh thần cổ vũ, động

viên các đối tượng công dân nêu cao tinh thần tự giác, nỗ lực phấn đấu vươn lên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức.

Trong giáo dục đạo đức nói chung, ĐĐCD nói riêng, việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai rộng rãi nhằm nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật của mọi đối tượng công dân. Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật có liên quan như: Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”; Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư “về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”. Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 ban hành chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về kết quả thực hiện chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân”. Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013 “Về phê duyệt và tổ chức thực hiện các Đề án tại Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI)”.

Trên cơ sở các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền các bộ, ban, ngành, địa phương đã chú trọng tuyên truyền, giáo dục về hệ thống pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trên cơ sở đó giúp cho các đối tượng công dân nâng cao nhận thức, có thái độ đúng đắn; tâm trạng hứng khởi, lạc quan, tin tưởng vào sự công bằng, tính nghiêm minh của pháp luật; thấy rõ sự cần thiết phải chấp hành pháp luật và có thái độ không khoan nhượng với những biểu hiện coi thường pháp luật. Đồng thời, góp phần củng cố niềm tin vào khả năng chấp hành tự giác, nghiêm minh pháp luật của bản thân và tập thể theo yêu cầu của nhà trường; rèn luyện thói quen chấp hành pháp luật trong cuộc sống hàng ngày của học sinh; quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện học sinh ý chí quyết tâm làm chủ bản thân, khắc phục khó khăn, chủ động, sáng tạo vượt qua những cám dỗ, suy nghĩ lệch lạc, chấp hành pháp luật với ý thức tự giác cao. Qua đó, góp phần hình thành thái độ, những chuẩn mực văn hóa đạo đức và phẩm chất nhân cách của công dân.

Thông qua nhiều hình thức như tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; lồng ghép trong các hội nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương; các buổi sinh hoạt, cuộc họp của cơ quan, đơn vị; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng,

loa truyền thanh ở cơ sở; phát hành tờ rơi, tờ gấp pháp luật, đề cương, tài liệu hỏi - đáp pháp luật, hướng ứng “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật... phù hợp với từng nhóm đối tượng công dân. Một số hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được đánh giá cao, mang lại hiệu quả như thông qua loa truyền thanh ở cơ sở, tổ chức hội nghị tuyên truyền trực tiếp: phát tờ rơi, tờ gấp pháp luật; qua các cơ quan truyền thông, báo chí; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật (qua cổng trang thông tin điện tử, phần mềm quản lý văn bản điều hành, cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến).

Tận dụng những ưu thế vượt trội của công nghệ thông tin, truyền thông và mạng xã hội, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai với nhiều hình thức phong phú, sinh động, hấp dẫn. Các cuộc thi trực tuyến tìm hiểu pháp luật thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Theo thống kê:

Năm 2019, Bộ Tư pháp đã tổ chức thành công 04 đợt thi trong Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật trực tuyến” trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp thu hút 102.112 lượt thí sinh tham gia; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Tập đoàn Giáo dục Egroup tổ chức thành công Cuộc thi “Pháp luật học đường” dành cho học sinh trung học phổ thông, học viên Trung tâm giáo dục thường xuyên, học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đã thu hút 320.000 lượt thí sinh dự thi. Năm 2020, Bộ Tư pháp đã tổ chức Cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến “Pháp luật với mọi người” thu hút hơn 856.000 lượt người dự thi. Năm 2021, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội tổ chức thành công Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân” với 801.678 lượt dự thi (643.688 người tham gia dự thi). Cuộc thi này đã thu hút được 3.800.000 lượt truy cập vào website của Cuộc thi [15, tr.4].

Trong khi đó, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật không chỉ được quan tâm tiến hành ở các cơ quan, ban, ngành đoàn thể ở Trung ương mà còn được triển khai thường xuyên, nghiêm túc ở các địa phương. Theo thống kê:

Qua 03 năm triển khai Đề án, tổng số tin bài, bài viết, tài liệu PBGDPL được đăng tải trên Internet đạt 601.936 tài liệu. Trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có số lượng bài viết, tin bài đăng tải lớn nhất với 289.281 tài liệu đăng tải. Các tài liệu được biên soạn và đăng tải dưới nhiều hình thức như: Sổ tay hỏi - đáp, tờ gấp, video clip, tiểu phẩm pháp luật, chương trình phóng sự, tọa đàm; các tin, bài viết phản ánh các hoạt động PBGDPL [15, tr.5].

Các nội dung đăng tải tập trung vào quy định pháp luật mới của trung ương, địa phương; nội dung pháp luật được dư luận quan tâm, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật lấy ý kiến theo quy định của pháp luật...

Nhiều hoạt động xã hội phong phú được tổ chức ở các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, địa phương góp phần giáo dục đạo đức, lối sống cho các đối tượng công dân. Nên tảng để xây dựng đạo đức, lối sống của con người luôn xuất phát từ tình thương, sự sẻ chia “lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều” trong hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, thiên tai, hỏa hoạn. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, thiên tai, bão, lũ, hạn hán... và hậu quả của chiến tranh để lại.

Để tạo hành lang pháp lý nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và khuyến khích công dân tham gia, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để điều chỉnh hoạt động từ thiện xã hội. Đáng chú ý là Nghị định số 64/2008/NĐ-CP ngày 14/5/2008 của Chính phủ (sau đó được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 “Về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo”). Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ “Về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện”, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 “Quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội”... Các văn bản pháp luật trên cho thấy, khung pháp lý cho các hoạt động từ thiện xã hội ở Việt Nam đã hình thành tương đối đầy đủ, tạo điều kiện cho các hoạt động từ thiện phát triển, thúc đẩy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái của người dân. Bên cạnh đó, các hoạt động từ thiện ở Việt Nam còn có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể khác như: các doanh nghiệp, ca sĩ, ngôi sao thể thao, diễn viên...; ở nhiều hình thức khác nhau, như: ủng hộ vật chất, đóng góp xây dựng trường học, cấp học bổng cho trẻ em nghèo, tổ chức những đêm nhạc, những hoạt động từ thiện và sự kiện gây quỹ cho trẻ em nghèo, khuyết tật, mồ côi. Những hoạt động xã hội thiết thực này không chỉ là hoạt động nhằm chia sẻ khó khăn của cộng đồng đối với những đối tượng yếu thế, gặp khó khăn trong xã hội mà còn là bài học giáo dục đạo đức, là đợt sát hạch kiểm nghiệm đạo đức và quan trọng nhất nhằm rèn luyện lối sống nhân văn, lòng nhân ái của cộng đồng xã hội.

Thứ hai, xây dựng ĐĐCD thông qua lao động sản xuất và phát triển kinh tế

Vấn đề xây dựng văn hóa đạo đức doanh nghiệp, quy tắc ứng xử cho các doanh nghiệp được xã hội đặc biệt quan tâm. Đạo đức doanh nghiệp là một phần quan trọng trong tổng thể văn hóa doanh nghiệp, mang tính hệ thống từ khâu tổ chức quản lý, điều hành tới sản xuất tới kinh doanh. Đạo đức doanh nghiệp cơ bản gồm: đạo đức trong sản xuất sản phẩm hàng hóa; đạo đức kinh doanh. Trong đó, vấn đề xây dựng đạo đức doanh

nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nhận thức được điều này, ngày 10/10/2023, Bộ Chính trị khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW “Về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới”, đã đề ra mục tiêu tổng quát:

Phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh về số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý, có tầm nhìn, trí tuệ, đạo đức, tinh thần kinh doanh, làm giàu chính đáng, năng động, sáng tạo, năng lực quản trị tiên tiến, tuân thủ pháp luật, có đạo đức, văn hóa kinh doanh mang bản sắc dân tộc; có trách nhiệm xã hội, ý thức bảo vệ môi trường, đóng góp xứng đáng cho các mục tiêu phát triển đất nước [44].

Nghị quyết số 41-NQ/TW cũng đưa ra 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp, trong đó dành hẳn một nhóm nhiệm vụ giải pháp về xây dựng đạo đức, văn hóa kinh doanh, phát huy tinh thần dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Theo đó, thời gian qua, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức triển khai nhiều hoạt động có liên quan, như nghiên cứu, xây dựng, công bố và phát động thực hiện 06 Quy tắc đạo đức doanh nhân Việt Nam. Sáu quy tắc đạo đức doanh nhân, bao gồm: tạo ra giá trị kinh tế cho xã hội; tuân thủ pháp luật; minh bạch, công bằng, liêm chính; sáng tạo, hợp tác, cùng phát triển; tôn trọng thiên nhiên, bảo vệ môi trường; yêu nước, có trách nhiệm với xã hội và gia đình.

Bên cạnh đẩy mạnh giáo dục đạo đức cho chủ doanh nghiệp một trong những nhiệm vụ quan trọng được xã hội và các doanh nghiệp quan tâm đó là đẩy mạnh giáo dục đạo đức doanh nghiệp cho người lao động. Trong đó, việc phát huy vai trò của tổ chức công đoàn có vai trò đặc biệt quan trọng. Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị “về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới” đã đề ra nhiều giải pháp, trong đó có đối tượng là người lao động trong các doanh nghiệp. Giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công đoàn đáp ứng yêu cầu tình hình mới nêu rõ: “Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị, giác ngộ giai cấp, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, trình độ, kỹ năng, tác phong công nghiệp, hiểu biết pháp luật, kỷ luật lao động... cho đoàn viên, người lao động” [40].

Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công đoàn các cấp trong đó có hoạt động của công đoàn cơ sở được thường xuyên phát huy. Công đoàn cơ sở đã phát huy tốt việc tập hợp người lao động trong doanh nghiệp tham gia tuyên truyền, vận động đoàn viên công đoàn, người lao động chấp hành nghiêm pháp luật, kỷ luật lao động; đại diện, chăm lo, bảo vệ đoàn viên và người lao động; phối hợp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động văn hoá, xã hội; tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ, xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững.

Là tổ chức đại diện cho giai cấp nông dân Việt Nam, các cấp hội nông dân đã phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa có tác dụng lớn đến giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, hội viên. Thực hiện “cuộc vận động xây dựng nông thôn mới”, các cấp hội nông dân và cán bộ, hội viên đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động thiết thực, ý nghĩa góp phần xây dựng văn hóa đạo đức và con người Việt Nam mới. Ngày 17/10/2016, Thủ tướng đã ký quyết định ban hành bộ tiêu chí (gồm 19 tiêu chí) xây dựng nông thôn mới trong điều kiện hiện nay và Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/12/2016. Theo đó, 19 tiêu chí được chia thành 19 nhóm khác nhau. Trong đó, liên quan trực tiếp đến giáo dục, xây dựng đạo đức là “nhóm Văn hóa - Xã hội - Môi trường” gồm 6 tiêu chí (14 - Giáo dục và Đào tạo; 15 - Y tế; 16 - Văn hóa; 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm; 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; 19 - Quốc phòng và an ninh). Với hệ thống tiêu chí đồng bộ, khả thi và sự đầu tư nguồn lực lớn của nhà nước và xã hội việc hiện thực hóa các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nhất là thực hiện tiêu chí về văn hóa, xã hội và môi trường có vai trò quan trọng trong giáo dục, rèn luyện và hình thành lối sống văn hóa đạo đức của người nông dân thời kỳ mới. Mặc dù cuộc sống của các gia đình nông dân chưa thực sự dư dả nhưng họ luôn quan tâm chia sẻ tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau. Chính sự chia sẻ thân tình và cụ thể này đã góp phần xóa nhòa sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo ở nông thôn.

Bên cạnh đó, thực hiện các chỉ thị, quy định của Đảng, các cấp hội nông dân đã chú trọng vận động nông dân “đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Cán bộ, hội viên nông dân hăng hái, tự giác đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, chú trọng làm theo Bác bằng những phần việc cụ thể với tinh thần trách nhiệm, nêu gương, tự giác, tự soi, tự sửa, nói đi đôi với làm. Nhiều địa phương đã sáng tạo ra nhiều phong trào thiết thực về học tập và làm theo Bác Hồ như: “Sổ tay đăng ký học tập và làm theo Bác”; “Mỗi ngày tôi làm điều tốt”, “Trao cây giống - Trao niềm tin”, “Nâng bước em đến trường”, “Nông dân hỗ trợ vượt khó”,... gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ hội viên nông dân nghèo, cận nghèo, khó khăn... vươn lên phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, gia đình văn hóa.

Thứ ba, xây dựng ĐĐCD thông qua các đợt sinh hoạt chính trị và các phong trào thi đua yêu nước.

“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” là đợt sinh hoạt chính trị lớn, có tầm quan trọng đặc biệt, có sức lan tỏa mạnh mẽ trong toàn Đảng, hệ thống chính trị và toàn dân góp phần quan trọng vào việc giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là về đạo đức lối sống. Ngày 15/5/2016, Bộ Chính trị khóa XII đã

ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW “về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Chỉ thị này là sự kế thừa và phát huy những kết quả đạt được trong thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở các giai đoạn trước góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân; góp phần nâng cao đạo đức cách mạng, từng bước đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát triển KT-XH, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước. Trên cơ sở Chỉ thị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 25/7/2016 để thực hiện Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị, trong đó xác định rõ mục đích, yêu cầu, những nội dung chủ yếu cần thực hiện, cơ quan phụ trách từng nhiệm vụ và lộ trình cụ thể. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 05 gắn với công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, đưa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên như: Quy định 08/QĐi/TW, ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương “Về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương”.

Việc triển khai Chỉ thị 05 gắn với tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị được coi trọng. Các cấp ủy đảng đã chú trọng việc đưa nội dung thực hiện Chỉ thị 05 vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, đặc biệt là gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, trước hết là người đứng đầu trong tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, các cấp ủy đảng đã chỉ đạo, hướng dẫn cán bộ, đảng viên xây dựng bản cam kết và kế hoạch thực hiện phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, việc thực hiện ngày càng đi vào nền nếp, tạo sự chuyển biến rõ rệt trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

Các ban, bộ, ngành, địa phương đã lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt các khâu đột phá, giải quyết những vấn đề bức xúc, tồn đọng như: Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng tổ chức, bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cải cách hành chính, xóa bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, gây khó khăn cho doanh nghiệp và người dân... Các cấp ủy đảng từ Trung ương đến cơ sở đã ban hành các quy định về trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên trong thực hiện Chỉ thị số 05; gắn việc học tập và làm theo Bác với việc tăng cường xây dựng,

chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Quá trình học tập và làm theo Bác đã góp phần xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, đủ đức, đủ tài, ngang tầm nhiệm vụ, cống hiến phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Việc thực hiện nêu gương có chuyển biến tích cực, ngày càng tự giác hơn. Nhiều cấp ủy, cán bộ, đảng viên, người đứng đầu đã thực hiện trách nhiệm, tác phong nêu gương bằng những việc làm, hành động cụ thể, đúng phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “học tập đi đôi với làm theo” tạo dấu ấn rõ nét về xây dựng văn hóa Đảng. Việc nêu gương đã góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong phát triển KT-XH của đất nước.

Đồng thời, phát động các phong trào thi đua, cuộc vận động gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và chủ đề thi đua yêu nước giai đoạn 2021- 2025 là: “Đoàn kết, sáng tạo, thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, sâu rộng. Các phong trào này đã tập hợp được đông đảo các đối tượng công dân tham gia, thực sự trở thành trường học lớn giúp họ không những cống hiến tài năng, công sức góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trên từng lĩnh vực mà còn góp phần tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, tiêu biểu như: Các phong trào hành động cách mạng của thanh niên; phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc; phong trào “tham mưu giỏi, phục vụ tốt” do công đoàn viên chức việt nam phát động; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.... Điểm chung của các phong trào này đó là đã chú trọng nắm chắc yêu cầu nhiệm vụ chính trị trên các lĩnh vực, đặc điểm đối tượng tiến hành để đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp tổ chức hoạt động phù hợp. Từ trong phong trào, xuất hiện nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả, nhiều tập thể, cá nhân điển hình, tiêu biểu.

Thứ tư, trách nhiệm nêu gương đạo đức của các đối tượng công dân được đề cao

Phương pháp lấy gương người tốt, việc tốt để giáo dục, cảm hóa và khơi dậy hành vi tích cực được xem là một trong những phương thức quan trọng và hiệu quả trong xây dựng ĐĐCD. Xuất phát từ nhận thức trên, trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, nêu gương về đạo đức đã trở thành phong trào sôi nổi và rộng rãi từ cá nhân, gia đình, nhà trường và toàn xã hội. Đặc biệt, việc ban hành và triển khai thực hiện Quy định số 08-QĐi/TW đã góp phần quan trọng làm rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm nêu gương, nhất là của đội ngũ lãnh đạo cấp cao, từ đó tạo hiệu ứng lan tỏa sang mọi đối tượng công dân trong xã hội.

Một là, đề cao trách nhiệm nêu gương trong hệ thống chính trị

Việc đề cao trách nhiệm nêu gương đạo đức của cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu đã có bước chuyển rõ nét kể từ khi Quy định số 08-QĐi/TW được ban

hành. Quy định xác định rõ: “Cán bộ, đảng viên giữ chức vụ càng cao càng phải gương mẫu” [38]. Qua quá trình triển khai đã góp phần tăng cường tính gương mẫu trong hành vi đạo đức và thực thi công vụ. Nhiều cán bộ chủ chốt ở các cấp đã thể hiện được sự nghiêm túc trong sinh hoạt đảng, trong công tác và cả trong đời sống cá nhân. Biểu hiện rõ nét là việc giữ gìn kỷ luật phát ngôn, kiên quyết chống tham nhũng, không tham quyền cố vị, sẵn sàng từ nhiệm khi không đủ uy tín. Đây là điều chưa từng phổ biến trước khi Quy định 08 được ban hành. Bên cạnh đó, Quy định có tác dụng khơi dậy văn hóa tự soi, tự sửa của cán bộ, đảng viên. Việc gắn trách nhiệm nêu gương với kiểm điểm tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt chi bộ đã giúp nhiều tổ chức Đảng và đảng viên nghiêm túc nhìn lại bản thân, từ đó tự điều chỉnh hành vi đạo đức, phong cách làm việc, ứng xử với dân, nâng cao tinh thần “nói đi đôi với làm”, góp phần tạo hiệu ứng lan tỏa trong các phong trào học tập và làm theo tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Quá trình triển khai Quy định 08, nhiều địa phương, ban, ngành đã kết hợp với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng được nhiều mô hình nêu gương tiêu biểu như “người cán bộ dân vận khéo”, “đảng viên gương mẫu nơi cư trú”, “công chức 5 không”... Những mô hình này vừa cụ thể, sinh động, hấp dẫn, vừa dễ nhân rộng tạo hiệu ứng lan tỏa trong đời sống xã hội. Trong Đảng và hệ thống chính trị, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu dần trở thành nét văn hóa lãnh đạo, cầm quyền. Nguyên Chủ tịch nước Trương Tấn Sang sau khi nghỉ hưu vẫn tích cực vận động, đóng góp xây dựng hàng trăm cây cầu dân sinh ở vùng sâu vùng xa, với phương châm “làm đến đâu chắc đến đó, phục vụ dân đến cùng”. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhiều lần khẳng định: “Muốn chống tham nhũng hiệu quả thì người đứng đầu phải gương mẫu trước tiên” đã thể hiện rõ vai trò nêu gương đạo đức trong cuộc đấu tranh phòng chống suy thoái, tiêu cực. Bản thân cố Tổng Bí thư luôn thể hiện sự nhất quán giữa lời nói và hành động, tận tụy, liêm khiết, giản dị làm mực thước cho toàn Đảng, toàn dân học tập, noi theo.

Hai là, đề cao trách nhiệm nêu gương trong đời sống xã hội

Ngoài đội ngũ cán bộ, đảng viên, việc đề cao vai trò nêu gương đạo đức trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là những nhóm công dân có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng, cũng đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Giới trí thức, văn nghệ sĩ, nhà giáo, nhà báo... ngày càng chú trọng đến chuẩn mực đạo đức trong nghề nghiệp, nhận thức rõ trách nhiệm nêu gương trong truyền cảm hứng, định hướng giá trị sống tích cực, nhân văn cho công chúng. Nhiều cá nhân tiêu biểu đã được vinh danh qua các giải thưởng đạo đức nghề nghiệp, được xã hội ghi nhận như hình mẫu mới của thời đại. Đối tượng thanh niên, học sinh, sinh viên tích cực hưởng ứng các phong trào như “Thanh niên sống đẹp, sống có ích”, “Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác” với nhiều hoạt động tình nguyện, bảo vệ môi

trường, hỗ trợ vùng khó khăn. Các phong trào này vừa thể hiện tinh thần công dân, vừa góp phần hình thành lối sống có trách nhiệm với xã hội. Người lao động trong các doanh nghiệp, công nhân, nông dân từng bước được tuyên truyền, giáo dục và thực hành nêu gương đạo đức thông qua các chương trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp, “nông dân sản xuất giỏi”, “công nhân lao động sáng tạo”... Qua đó, khẳng định vai trò của các giai tầng trong việc kiến tạo một môi trường ĐĐCD tốt đẹp, phong phú, lành mạnh.

Từ thực tiễn xã hội, xuất hiện nhiều mô hình tiêu biểu gắn liền với nhiều tấm gương tiêu biểu về ĐĐCD như: Mô hình “Công chức, viên chức nói không với tiêu cực” ở TP.Hồ Chí Minh. Nhiều cán bộ phường, xã cam kết không nhận hối lộ, làm việc đúng giờ, đúng quy trình, xử lý hồ sơ không quá hạn... được người dân đánh giá cao. Đây là minh chứng sinh động cho tinh thần nêu gương trong đạo đức hành chính. Phong trào “Tuổi trẻ sống đẹp, sống có ích” của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phát động với nhiều tấm gương tiêu biểu như: Anh Vũ Minh Lý (Trung tâm tình nguyện quốc gia) - người sáng lập “Chiến dịch ATM gạo, ATM oxy” trong đại dịch COVID-19, góp phần truyền cảm hứng sống đạo đức và trách nhiệm cộng đồng. Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Ngọc Ký, người thầy viết chữ bằng chân là biểu tượng nêu gương không chỉ về ý chí mà còn về đạo đức nghề nghiệp mẫu mực. Gần đây, dư luận cả nước bày tỏ sự cảm phục trước tấm gương Anh Mùa A Thi, Trưởng bản Háng Phu Xi, xã Xa Dung, tỉnh Điện Biên đã dũng cảm cứu 90 người thoát lũ. Trên lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phải kể đến Trung tá Lê Thị Hằng, Giám đốc Trung tâm C4, Viện Hàng không vũ trụ Viettel là nữ quân nhân đầu tiên trong thời kỳ đổi mới được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Ba là, trên lĩnh vực truyền thông và không gian mạng

Nhiều tấm gương đạo đức được lan tỏa mạnh mẽ thông qua mạng xã hội, báo chí, truyền hình đã thay đổi phần nào nhận thức xã hội, tạo đối trọng tích cực với những biểu hiện lệch chuẩn, như “Việc tử tế” (VTV1), “Người tốt quanh ta” (Báo Nhân dân), “Việc làm nghĩa tình” (Báo Quân đội nhân dân), “Chuyện tử tế” (HTV)... Các câu chuyện người tốt, việc tốt, tấm gương vượt khó, hành động vì cộng đồng ngày càng được đón nhận rộng rãi, chứng minh vai trò định hướng đạo đức của truyền thông trong xã hội hiện đại.

Cộng đồng mạng cũng hình thành các nhóm lan tỏa giá trị tích cực, từ việc vận động ủng hộ người nghèo, chia sẻ thông tin nhân văn, đến đấu tranh chống lại các hành vi phản văn hóa, phản đạo đức như “Việc tử tế mỗi ngày”, “Lan tỏa yêu thương”, “Người lính làm việc tốt”... Dù còn nhiều hạn chế, những nhóm này không chỉ tuyên truyền, chia sẻ các hành vi đúng đắn, mà còn chủ động lên tiếng phản biện, đấu tranh với những hiện tượng phản văn hóa, lệch chuẩn đạo đức, từng bước góp phần hình thành một hệ chuẩn xã hội tích cực.

3.1.1.4. Các chuẩn mực đạo đức công dân ngày càng được củng cố, phát triển và hoàn thiện

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới toàn diện đã làm thay đổi sâu sắc bộ mặt đất nước, các phẩm chất ĐĐCD nhờ đó cũng từng bước được củng cố và phát triển. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã đánh giá: “Nhiều nét mới trong giá trị văn hóa và chuẩn mực đạo đức từng bước hình thành. Tính năng động và tính tích cực công dân được phát huy, sở trường và năng lực cá nhân được khuyến khích” [31, tr.42]. Nét nổi bật trong sự phát triển của đạo đức được biểu hiện là công dân biết nêu cao ý thức, trách nhiệm trong giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ công dân. Không chỉ quan tâm đến phát triển kinh tế, tìm kiếm lợi ích cá nhân, phần lớn công dân Việt Nam biết giải quyết đúng đắn mối quan hệ với Nhà nước, giữa quyền và nghĩa vụ công dân, thường xuyên quan tâm đến các chủ trương, chính sách, pháp luật và những nhiệm vụ chính trị quan trọng liên quan đến vận mệnh đất nước. Đáng chú ý, trong xã hội đã hình thành dư luận xã hội tích cực, công dân nào tự giác tuân thủ đúng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức thì được xã hội tôn vinh, kính trọng và ngược lại sẽ bị xã hội phê phán, lên án.

Bảng 3.3. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về mức độ chuyển biến của ý thức ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Ý thức đạo đức công dân	Mức độ chuyển biến nhanh	
	Cán bộ, đảng viên	Người dân
Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân	359 (93,3%)	330 (85,7%)
Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật	325 (84,4%)	205 (53,2%)
Yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động	299 (77,7%)	198 (51,4%)
Trách nhiệm với công việc chung	300 (77,9%)	177 (46,0%)
Đóng thuế đúng số, đúng kỳ	180 (46,7%)	127 (33,0%)
Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	285 (74%)	252 (65,4%)
Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung	250 (64,9%)	320 (83,1%)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Một là, tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân thường xuyên được phát huy

Tinh thần yêu nước luôn là dòng chảy chủ đạo trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Mặc dù luôn chịu tác động đan xen, đa chiều cả tích cực và tiêu cực của

văn hóa, đạo đức, lối sống phương Tây trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng nhưng mỗi người dân Việt Nam vẫn giữ vững và phát triển những phẩm chất tốt đẹp được hun đúc trong truyền thống hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước của dân tộc. Được thúc đẩy bởi ý thức về nghĩa vụ và trách nhiệm đạo đức đối với đất nước, nhiều công dân có những việc làm thể hiện rõ bổn phận, trách nhiệm của người dân yêu nước.

Tình cảm yêu nước được thể hiện qua nhiều hình thức đa dạng, từ sự sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên cương của Tổ quốc, phòng chống thiên tai, dịch bệnh (như đại dịch COVID-19), đến việc tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, văn hóa, văn nghệ, thi đấu thể thao hay tích cực nêu cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Đặc biệt, đối tượng công dân trẻ trẻ tuổi luôn thể hiện tình yêu nước qua sự chủ động tiếp cận tri thức, hăng hái tham gia khởi nghiệp, tích cực đổi mới, sáng tạo thể hiện khát vọng vươn lên xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Tinh thần “tương thân tương ái” vốn là phẩm chất nhân cách nền tảng hình thành tinh thần yêu nước dần được chuyển hóa thành các phong trào thực tiễn phong phú: “nhà nhà làm việc thiện”, “người người làm việc thiện”, “ngành ngành làm việc thiện”... Bằng các việc làm cụ thể như: *quyên góp ủng hộ, giúp đỡ đồng bào lũ lụt, hỗ trợ người nghèo, các nạn nhân chất độc da cam, các chương trình “áo ấm tình thương”, “Xuân biên cương”, “cùng em đến trường”,...* thể hiện tinh thần nhân ái cao cả của dân tộc đã được khơi dậy thường xuyên trở thành những tình cảm đạo đức tốt đẹp trong các đối tượng công dân. Các doanh nghiệp không chỉ quan tâm đến lợi nhuận mà gắn liền với đó là những việc làm thể hiện trách nhiệm xã hội, đặc biệt là những doanh nghiệp lớn có ảnh hưởng mạnh mẽ đến nền kinh tế đất nước như: VinGroup, Viettel, Vinamilk... tạo ra hiệu ứng lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

Cán bộ, đảng viên và người dân được khảo sát đánh giá cao tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân của công dân Việt Nam hiện nay: Đánh giá ở mức “Tốt”: cán bộ, đảng viên = 352 (91,4%), người dân = 331 (85,9%); tương tự đánh giá ở mức “Khá”: cán bộ, đảng viên = 20 (5,2%), người dân = 19 (4,9%) [phụ lục 2, 4]. Theo thống kê, Ban Vận động cứu trợ Trung ương tiếp nhận tổng số tiền ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do Bão số 3 gây ra là “1495 tỉ đồng ủng hộ, chuyển hỗ trợ 1035 tỉ đồng cho các tỉnh bị bão lũ”. Riêng tập đoàn VinGroup ủng hộ 250 tỷ đồng” [22].

Hai là, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật từng bước được củng cố, phát triển tạo sự chuyển biến tích cực trong chấp hành pháp luật.

Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước đã từng bước giải phóng sức sản xuất xã hội, khuyến khích mọi công dân trong xã hội phát huy năng lực, trí tuệ, tích cực làm giàu chính đáng, đồng thời làm thay đổi sâu sắc nhận thức và hành vi của công dân về vai trò của pháp luật. Những biểu hiện lệch chuẩn, vốn là tàn dư của chế độ cũ như: lười biếng lao động, coi thường pháp luật, kỷ luật lao động, lừa đảo, buôn lậu, trốn thuế,... từng bước bị đẩy lùi nhờ vào sự tác động của các chính sách phát triển kinh tế và quản lý xã hội theo hướng pháp quyền. Quá trình xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đã đặt nền móng vững chắc cho việc hình thành nếp sống thượng tôn pháp luật trong xã hội. Nhận thức và nhu cầu tiếp cận pháp luật của công dân ngày càng được nâng cao; thái độ sống và hành xử của nhiều người dân đã chuyển biến tích cực theo hướng đề cao pháp quyền thể hiện qua việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong đời sống hằng ngày, từ tham gia giao thông, bảo vệ môi trường, chấp hành các chính sách công cho đến các quan hệ dân sự và kinh tế.

Những tập quán, thói quen hành xử theo lệ làng, tư tưởng “phép vua thua lệ làng”, hay tâm lý e ngại pháp luật như quan niệm “vô phúc đáo tụng đình”... dần được thay thế bằng ý thức pháp quyền, xây dựng lối sống văn minh, tôn trọng luật pháp. Phương châm “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật” không chỉ là khẩu hiệu tuyên truyền mà từng bước trở thành chuẩn mực hành vi được công dân thấm nhuần và thực hành trong thực tiễn. Tính thượng tôn của pháp luật nhờ đó được khẳng định, củng cố và lan tỏa mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Cán bộ, đảng viên và người dân đánh giá cao ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của công dân Việt Nam hiện nay: Tỷ lệ đánh giá ở mức độ “Tốt”: cán bộ, đảng viên = 354 (91,9%), người dân = 161 (41,7%); tương tự đánh giá ở mức “Khá”: cán bộ, đảng viên = 10 (2,6%), người dân = 50 (13,0%) [phụ lục 2, 4]. Kết quả thực tế cho thấy: tình hình vi phạm pháp luật, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan đến trật tự xã hội, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, quản lý đất đai, thuế... đã và đang được kiểm soát tốt hơn. Tinh thần thượng tôn pháp luật không chỉ là biểu hiện của sự tiến bộ về mặt ĐĐCD, mà còn là minh chứng cho hiệu quả lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước trong tiến trình xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Cùng với quá trình đổi mới, trình độ dân trí, trình độ văn hóa, hiểu biết pháp luật, văn hóa pháp quyền của công dân được nâng cao, người dân đã quan tâm nhiều hơn tới pháp luật, nhận thức các vấn đề pháp luật đã có nhiều cải thiện rõ rệt.

**Bảng 3.4. Hiểu biết pháp luật của công dân Việt Nam
(so sánh trong 2 năm 2012 và 2015)**

Tỷ lệ trả lời đúng câu hỏi	2012 (%)	2015 (%)
- Người dân sống ở một mảnh đất trên 10 năm sẽ đương nhiên có quyền nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	22,9	22,7
- Nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội là ba (3) năm.	39,0	42,8
- Tội phạm vị thành niên (dưới 18 tuổi) có quyền có luật sư bào chữa miễn phí tại tòa.	42,7	64,2
- Chỉ có chủ hộ là nam giới mới có tên trong các giấy chứng nhận về đất đai.	69,9	64,8
- Theo pháp luật Việt Nam, con gái đã lập gia đình không có quyền thừa kế.	66,3	66,3
- Người chồng đã ly dị không góp tiền nuôi con có thể bị vợ cũ kiện	80,8	80,1
- Theo pháp luật Việt nam, thuê người lao động trên 06 tháng buộc phải có hợp đồng lao động.	85,5	87,1
- Các hộ nghèo được hưởng trợ giúp pháp lý miễn phí.	88,4	90,5
- Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.	NA	97,5

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nguồn “Báo cáo chỉ số công lý 2015” [61]

Số liệu khảo sát ở Bảng 06 cho thấy: Trong số 9 nội dung được hỏi ở 2 thời điểm được khảo sát, số người trả lời đúng (mức tiến bộ) chiếm 4/9 nội dung (44,5%). Trong khi đó, số trả lời ở mức suy giảm chỉ chiếm 1/4 (11,1%).

Ba là, yêu lao động và chấp hành nghiêm kỷ luật lao động được quan tâm, chú trọng đề cao.

Tinh thần yêu lao động và chấp hành kỷ luật lao động được đông đảo các đối tượng công dân nhận thức rõ là một trong những chuẩn mực ĐĐCD có vai trò quan trọng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng lao động, từ đó tạo động lực cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước. Việc Việt Nam thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư từ bên ngoài như vốn, công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến, đặc biệt trong các ngành sản xuất và dịch vụ đã mở ra cơ hội để lực lượng lao động trong nước tiếp cận và học hỏi những phương thức lao động hiện đại. Thông qua đó, người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất có điều kiện rèn luyện, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật trong lao động.

Cán bộ, đảng viên và người dân đánh giá cao về tinh thần yêu lao động và chấp hành nghiêm kỷ luật lao động của công dân Việt Nam hiện nay: Đánh giá ở mức “Tốt”: cán bộ, đảng viên = 101 (35,4%), người dân = 91 (31,9%); tương tự đánh giá ở mức “Khá”: cán bộ, đảng viên = 40 (14,7%), người dân = 30 (10,5%) [phụ lục 2, 4]. Kết quả nghiên cứu từ đề tài “Lối sống công nhân Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hóa”

cho thấy: “có 18,3% số công nhân có thâm niên nghề nghiệp thể hiện ý thức chấp hành kỷ luật lao động ở mức rất cao; 41,6% số công nhân được đánh giá có ý thức khá tốt” [135]. Đây là những con số phản ánh xu hướng tích cực trong sự chuyển biến về nhận thức và hành vi đạo đức trong lao động, sản xuất của công nhân Việt Nam. Đặc biệt, kết quả khảo sát của Viện Công nhân và Công đoàn năm 2014 về ý thức chấp hành pháp luật về lao động của công nhân đã cung cấp những minh chứng đáng chú ý: “51,5% người được hỏi tự đánh giá ở mức “tốt”, 31,5% đánh giá “khá” và chỉ có 16,1% đánh giá “trung bình” [132]. Những số liệu này phần nào phản ánh ý thức tự giác tuân thủ các quy định pháp luật về lao động đã được hình thành trong nhận thức của người lao động và có xu hướng ngày càng được củng cố, phát triển trong thực tiễn.

Bốn là, hăng hái tham gia công việc chung dần trở thành phong trào xã hội sôi nổi, rộng lớn.

Các phong trào hoạt động xã hội do các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương tổ chức đã góp phần thu hút và quy tụ đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Thông qua đó, đông đảo các đối tượng công dân đã thể hiện rõ tinh thần hăng hái tham gia công việc chung bằng nhiều hình thức, biện pháp khác nhau như: đóng góp trí tuệ vào việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và luật pháp của nhà nước; các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, đóng góp công sức, tiền bạc tham gia các hoạt động xã hội, nhất là các hoạt động từ thiện, các phong trào thi đua yêu nước,...

Một trong những ưu điểm dễ nhận biết nhất cho thấy ý thức hăng hái tham gia công việc chung được nâng cao đó là những chỉ số về số lượng và chất lượng cử tri tham gia các kỳ bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp. Theo thống kê, tại kỳ bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV (2021-2026):

Tổng số cử tri cả nước gồm 69.523.133 cử tri; tổng số cử tri đã tham gia bỏ phiếu là 69.243.604 cử tri (đạt tỷ lệ 99,60% cử tri đi bầu). So với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 -2021, tổng số cử tri của cuộc bầu cử lần này nhiều hơn 2.037.651 cử tri và số lượng cử tri tham gia bỏ phiếu cũng nhiều hơn 2.194.513 cử tri, tỷ lệ cử tri đi bầu cao hơn 0,25% so với nhiệm kỳ trước [131].

Trong các đợt xin ý kiến của cán bộ, đảng viên và người dân về sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật quan trọng có liên quan mật thiết tới quốc kế, dân sinh đã nhận được sự tham gia sôi nổi, trách nhiệm cao của cả hệ thống chính trị và các đối tượng công dân. Điển hình như: Năm 2024, do tính chất đặc biệt quan trọng của dự án Luật đất đai (sửa đổi), Quốc hội đã lấy ý kiến toàn dân và hệ thống chính trị về dự thảo luật này. Trong “Báo cáo Tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)” nêu rõ:

- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có 8.363.162 lượt ý kiến;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, có 7.622 lượt ý kiến;
- Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, có 2.771 lượt ý kiến;
- Hội Nông dân Việt Nam, có 57.013 lượt ý kiến
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, có 10.000 lượt ý kiến;
- Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có 2.348.965 lượt ý kiến.
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có 1.305.256 lượt ý kiến;
- Viện nghiên cứu, Trường Đại học, có 2.509 lượt ý kiến;
- Các tổ chức và cá nhân góp ý qua cổng thông tin điện tử Chính phủ và qua Website của Bộ Tài nguyên và Môi trường (luatdatdai.monre.gov.vn), có 6 9.947 lượt ý kiến;
- Các tổ chức, cá nhân khác góp ý bằng văn bản gửi về thông qua bưu điện, có 212 lượt ý kiến [21, tr.5-6].

Bên cạnh đó, Quốc hội với vai trò là cơ quan dân cử đã phát huy tốt chức năng lập pháp thông qua việc đẩy mạnh đổi mới phương thức hoạt động trên tất cả các mặt, đặc biệt là hoạt động xây dựng luật và giám sát hoạt động của Chính phủ. Thông qua chất vấn và trả lời chất vấn, không chỉ tạo điều kiện cho công dân giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đóng góp ý kiến giúp cơ quan nhà nước kịp thời nắm bắt đòi hỏi của thực tiễn, nguyện vọng của công dân trong việc ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách mà còn thể hiện ý thức trách nhiệm, năng lực và quyền làm chủ của công dân. Theo thống kê: “Thực tiễn hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn của Quốc hội khóa XIV nhiệm kỳ 2016 - 2021”:

Quốc hội khóa XIV đã tiến hành 6 kỳ hoạt động chất vấn theo nhóm vấn đề và 2 kỳ hoạt động chất vấn tổng thể (giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ); UBTVQH có 4 lần hoạt động chất vấn theo nhóm vấn đề và 1 lần hoạt động chất vấn tổng thể. Thực tiễn cho thấy, ở các khóa Quốc hội gần đây, trong các hình thức giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của UBTVQH thì hình thức chất vấn thường có hiệu lực lớn và mang lại hiệu quả cao [55].

Bên cạnh đó, trách nhiệm giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của công dân được đề cao. Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, bất ổn chính trị đã đẩy nhiều nước vào các cuộc nội chiến, xung đột đẫm máu, Việt Nam vẫn được đánh giá là đất nước có môi trường chính trị ổn định, là một trong những quốc gia an toàn nhất thế giới. Có được những thành tựu đó trước hết phải kể đến vai trò của nhân dân trong tham gia giữ gìn bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã

hội. Thông qua các phong trào quần chúng tố giác tội phạm, quản lý giáo dục, giúp đỡ người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư... đã góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật và hạn chế hiện tượng tái vi phạm pháp luật. Qua các phong trào này, quần chúng nhân dân đã cung cấp hàng chục triệu nguồn tin giúp các cơ quan chức năng phát hiện, điều tra, xử lý nhiều vụ phạm tội nghiêm trọng, nhất là các vụ án lớn, các vụ án tham nhũng, các vụ án về ma túy, mua bán phụ nữ trẻ em.

Trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật đã hình thành dư luận bất bình trước cái xấu, cái ác, cái phi đạo đức. Những vụ án gây xôn xao dư luận, những vụ án tham nhũng lớn, những đối tượng tội phạm nguy hiểm bị phát hiện đưa ra công luận đều nhờ vào sự phát hiện, đấu tranh không khoan nhượng của quần chúng nhân dân và các lực lượng an ninh. Đó là biểu hiện của thái độ người làm chủ, không thờ ơ, không làm ngơ hoặc sợ hãi trước những bất công trong xã hội; biểu hiện một tinh thần hăng hái tham gia xây dựng chế độ mới của công dân. Chính tinh thần ấy đã tạo nên sức mạnh cộng đồng, sức mạnh của công lý, của lẽ phải đang góp phần ngăn chặn những hiện tượng phi nhân tính, trái đạo lý, làm lành mạnh hóa đời sống xã hội. Theo thống kê, trong 05 năm (2019 - 2024), “các cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận 617.272 tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; trong đó, đã giải quyết 585.068 tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố, đạt tỷ lệ từ 94.78 %...” [49].

Ý thức cảnh giác cách mạng, tinh thần đấu tranh phòng, chống hoạt động “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch ngày càng được củng cố và tăng cường. Đồng bào công dân luôn thể hiện tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động đấu tranh làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên mặt trận chính trị, tư tưởng. Nhờ sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan chức năng và vai trò tích cực của Nhân dân, nhiều hành vi lợi dụng vấn đề “dân chủ”, “nhân quyền” để kích động biểu tình, gây rối, bạo loạn chống Đảng, Nhà nước đã kịp thời bị phát hiện, ngăn chặn. Đồng thời, năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hoạt động có nguy cơ phương hại đến an ninh quốc gia ngày càng được nâng cao. Thông qua hệ thống “tai mắt của Nhân dân”, nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc của các thế lực thù địch đã bị phát hiện, nhiều hành vi xuyên tạc, bôi nhọ, chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ XHCN đã bị kịp thời ngăn chặn từ sớm, từ xa.

Có thể khẳng định rằng, ý thức cảnh giác, tinh thần trách nhiệm vì lợi ích chung của Nhân dân chính là một “thành lũy vững chắc” trong sự nghiệp bảo vệ trật tự an toàn xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Nhờ phát huy tốt vai trò của Nhân dân, kết hợp với sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, độc lập, chủ quyền và thành

quả của cách mạng tiếp tục được giữ vững, củng cố và phát triển. Cán bộ, đảng viên và người dân đánh giá cao ý thức giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của công dân Việt Nam hiện nay: Tỷ lệ đánh giá ở mức độ “Tốt”: cán bộ, đảng viên = 151 (39,2%), người dân = 165 (42,7%); tương tự đánh giá ở mức “Khá”: cán bộ, đảng viên = 51 (13,2%), người dân = 31 (8,0%) [phụ lục 2, 4].

Năm là, nghĩa vụ đóng thuế của công dân từng bước trở thành hành động tự giác.

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước, đồng thời cũng là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, phân phối lại thu nhập, bảo đảm công bằng xã hội và phát triển bền vững. Trong những năm gần đây, với sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị và hiệu quả của công tác truyền thông, giáo dục pháp luật, ý thức chấp hành chính sách thuế của công dân có nhiều chuyển biến tích cực. Đồng đảo người dân và doanh nghiệp đã nhận thức rõ ràng, việc nộp thuế đúng quy định không chỉ là nghĩa vụ pháp lý mà còn thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, địa phương và sự phát triển chung của đất nước. Thực tiễn cho thấy, tình trạng trốn thuế, gian lận thuế vốn từng tồn tại dai dẳng trong một bộ phận công dân, tổ chức, doanh nghiệp đã từng bước được xử lý nghiêm minh và có hiệu quả răn đe cao. Cùng với đó, hệ thống thuế không ngừng được hiện đại hóa, cải cách thủ tục hành chính, minh bạch hóa quy trình thu - chi ngân sách Nhà nước, qua đó góp phần nâng cao ý thức tự nguyện tuân thủ nghĩa vụ thuế của công dân.

Một trong những điểm sáng là sự chủ động, tích cực của nhiều doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Hàng năm, hoạt động thi đua yêu nước hướng vào tôn vinh những doanh nghiệp nộp thuế tiêu biểu không chỉ góp phần khuyến khích người dân và doanh nghiệp đề cao nghĩa vụ nộp thuế của công dân mà còn lan tỏa các giá trị đạo đức kinh doanh, ĐĐCD trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cán bộ, đảng viên và Nhân dân đánh giá cao về ý thức chấp hành chính sách thuế của công dân Việt Nam hiện nay: Đánh giá ở mức “Tốt”: cán bộ, đảng viên = 166 (43,1%), người dân = 137 (35,5%); tương tự đánh giá ở mức “Khá”: cán bộ, đảng viên = 52 (13,5%), người dân = 42 (10,9%) [phụ lục 2, 4].

Theo các báo cáo của Tổng cục Thuế, cơ quan thuế các cấp đã triển khai thực hiện tốt các chức năng quản lý thuế, trong đó tập trung tuyên truyền chính sách thuế mới dưới nhiều hình thức đa dạng, đẩy nhanh tiến độ, chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế giá trị gia tăng, tăng cường thu hồi nợ đọng; đồng thời, chú trọng công tác cải cách thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, tạo thuận lợi giúp người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, tạo đà tăng trưởng kinh tế, góp phần tăng thu ngân sách Nhà nước.

Bảng 3.5. Kết quả thu ngân sách Nhà nước của ngành thuế từ 2011 - 2023

Năm	Được giao <i>Tỷ đồng</i>	Kết quả <i>Tỷ đồng</i>	Vượt định mức		Ghi chú
			<i>Tỷ đồng</i>	%	
2021	1.116.700	1.294.000	177.300	115,9	Bằng 99,9% so với cùng kỳ năm 2020.
2022	1.174.900	1.460.100	285.200	124,3	Tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2021.
2023	1.448.200	1.396.430	74.956	105,5	Bằng 95,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nguồn “Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác thuế; triển khai nhiệm vụ, giải pháp công tác thuế” các năm 2021, 2022, 2023 [122]; [123]; [125].

Sáu là, thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc ngày càng trở thành hành động tự nguyện, tự giác

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình khu vực và trên thế giới, đặc biệt là tình hình căng thẳng trong tranh chấp chủ quyền biển, đảo, ý thức, trách nhiệm công dân trong bảo vệ Tổ quốc đã không ngừng được phát huy. Biểu hiện rõ nhất là ở lòng tin ngày càng cao và vững chắc của mọi tầng lớp nhân dân đối với chế độ XHCN, đối với Đảng và Nhà nước, đối với sự nghiệp đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trách nhiệm và ý thức công dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc được thể hiện không chỉ trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh mà còn trong làm giàu, xây dựng, phát triển kinh tế. Dự luận cán bộ, đảng viên và người dân đánh giá tích cực về ý thức bảo vệ Tổ quốc của công dân Việt Nam hiện nay: Tỷ lệ đánh giá ở mức độ “Tốt”: Cán bộ, đảng viên = 242 (62,8%), người dân = 150 (49,3%); tương tự đánh giá ở mức “Khá”: cán bộ, đảng viên = 43 (11,3%), người dân = 23 (5,9%) [phụ lục 2, 4]. Trong đó, một chỉ số quan trọng đó là trách nhiệm công dân trong thực hiện nghĩa vụ quân sự. Theo thống kê, trên địa bàn thủ đô Hà Nội: “Năm 2024, Hà Nội có 3.700 công dân nhập ngũ, trong đó có 1.471 thanh niên tình nguyện viết đơn lên đường nhập ngũ, 794 công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân” [130]; Trên địa bàn Vĩnh Phúc:

Năm 2024, tỷ lệ thanh niên chuẩn bị nhập ngũ ở Vĩnh Phúc có tuổi đời từ 18-21 tăng 2,5% so với kỳ tuyển quân năm trước và trình độ văn hóa bậc THPT cũng tăng 1,4%. Đặc biệt, năm nay, tỷ lệ công dân tự nguyện viết đơn lên đường nhập ngũ chiếm hơn 50%. Tỷ lệ tân binh được bồi dưỡng nhận thức về Đảng chiếm hơn 16,5%, trong đó có nhiều tân binh đã được kết nạp Đảng trước khi nhập ngũ [3].

Trong các đối tượng công dân, học sinh, sinh viên là lực lượng có vai trò quan trọng, xung kích trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thời gian qua, thông qua sự định hướng, bồi dưỡng của các cơ sở giáo dục cùng sự kế thừa truyền thống từ các thế hệ đi trước, ý thức bảo vệ Tổ quốc ngày càng được nâng cao. Điều này được thể hiện qua việc sinh viên chủ động tham gia nhiều hoạt động và phong trào có ý nghĩa thiết thực, góp phần lan tỏa tinh thần yêu nước và ý thức công dân; trong đó, không ít học sinh, sinh viên sau khi hoàn thành chương trình giáo dục, đào tạo đã tình nguyện tham gia lực lượng vũ trang, trực tiếp đóng góp cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, ý thức trách nhiệm trong tham gia các hoạt động giáo dục quốc phòng an ninh của đối tượng này ngày càng được mở rộng cả số lượng và chất lượng:

Qua tổng kết công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh, sinh viên của một số quân khu năm 2022 cho thấy: với Quân khu 4, “công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh, sinh viên được các nhà trường, trung tâm giáo dục quốc phòng, an ninh duy trì thực hiện tương đối chặt chẽ, có hiệu quả (có 434 trường tổ chức học môn giáo dục quốc phòng, an ninh cho 386.702 người)” (Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh, Trường Đại học Hồng Đức, 2023). Với Quân khu 5, “Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp đã tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quốc phòng, an ninh cho hơn 41.000 lượt người, đạt 111,32% so với kế hoạch năm; tổ chức bồi dưỡng cho các chức sắc, chức việc trong các tôn giáo và học sinh, sinh viên, người học trong các trường của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đạt kết quả tốt [129, tr.144].

Bấy là, tinh thần quốc tế trong sáng được phát huy mạnh mẽ

Tinh thần quốc tế trong sáng là một phẩm chất truyền thống tốt đẹp, thể hiện chiều sâu nhân văn, bản sắc văn hóa của con người Việt Nam và chuẩn mực đạo đức cao quý của người công dân. Chuẩn mực này đòi hỏi mỗi công dân Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ, cần biết trân trọng, ủng hộ những giá trị tiến bộ của nhân loại; đồng thời sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ bạn bè quốc tế trên tinh thần nhân đạo, hợp tác bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Tinh thần quốc tế trong sáng không đồng nhất với chủ nghĩa quốc tế cực đoan, cường quyền nước lớn hay sự can thiệp áp đặt, mà là biểu hiện của tình đoàn kết hữu nghị, thái độ cộng đồng trách nhiệm và khát vọng cùng phát triển vì một thế giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Cán bộ, đảng viên và người dân đánh giá cao về tinh thần quốc tế của công dân Việt Nam hiện nay: Đánh giá ở mức “Tốt”: cán bộ, đảng viên = 201 (52,2%), người dân = 200 (51,9%); tương tự đánh giá ở mức “Khá”: cán bộ, đảng viên = 30 (7,8%), người dân = 43 (11,2%) [phụ lục 2, 4].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng với đường lối đúng đắn về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Việt Nam, chuẩn mực này tiếp tục được củng cố và phát triển trong thực tiễn. Trong giai đoạn cách mạng mới, tinh thần quốc tế trong sáng được thể hiện sinh động qua nhiều hành động cụ thể, thiết thực như: tham gia Lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc tại các phái bộ ở Nam Sudan, Cộng hòa Trung Phi; hỗ trợ vật chất và nhân lực giúp các quốc gia khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Theo thống kê: “Căn cứ vào số tiền tiếp nhận ủng hộ tính đến thời điểm này, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam quyết định trao tặng đợt 1 số tiền 200 nghìn USD để hỗ trợ người dân hai nước Thổ Nhĩ Kỳ và Syria khắc phục hậu quả thảm họa động đất” [22].

Những việc làm này không chỉ phản ánh truyền thống nhân nghĩa, tương thân tương ái, mà còn khẳng định vai trò và vị thế ngày càng cao của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Đồng thời, đó cũng là biểu hiện cụ thể của chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển mà Đảng và Nhà nước ta kiên trì thực hiện. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, phát huy tinh thần quốc tế trong sáng trở thành một yêu cầu cấp thiết nhằm xây dựng hình ảnh đất nước Việt Nam thân thiện, có trách nhiệm và đáng tin cậy trong mắt bạn bè quốc tế; đồng thời, cũng là một biểu hiện sinh động của phẩm chất công dân Việt Nam hiện đại, vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa thấm nhuần những giá trị nhân văn, tiên bộ của thời đại.

3.1.2. Nguyên nhân của thành tựu

Một là, toàn cầu hóa và quá trình hoàn thiện kinh tế thị trường định hướng XHCN tạo môi trường thuận lợi cho sự hình thành và phát triển các giá trị đạo đức công dân.

Trong những năm qua, toàn cầu hóa và sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng XHCN đã tạo ra những động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự hình thành và phát triển những giá trị ĐĐCD mới ở Việt Nam. Toàn cầu hóa, với sự lan tỏa mạnh mẽ của ý thức đề cao vai trò cá nhân, đã thúc đẩy sự hình thành những chuẩn mực ĐĐCD dựa trên tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, năng động, sáng tạo và đề cao trách nhiệm cá nhân. Sự chuyển dịch từ các hệ giá trị cộng đồng thuần túy sang những hệ giá trị công dân tiên bộ đã mở ra cơ hội lớn cho việc xây dựng ĐĐCD mang tính hiện đại, phù hợp với yêu cầu của thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng. Ý thức cá nhân ngày càng phát triển mạnh mẽ, giúp công dân Việt Nam chủ động tiếp cận tri thức, công nghệ, nhanh nhạy trong đổi mới tư duy, tích cực học hỏi, tự giác rèn luyện và nâng cao năng lực nghề nghiệp. Đặc biệt, toàn cầu hóa làm gia tăng sự tương thích giữa các chuẩn mực ĐĐCD Việt Nam với các chuẩn mực ĐĐCD toàn cầu. Việc tôn trọng pháp luật quốc tế, đề cao kỷ luật lao động, ý thức cộng đồng và tinh thần hợp tác quốc tế đã trở thành những giá trị đạo đức phổ biến hơn trong xã hội. Qua đó, ĐĐCD Việt Nam ngày càng tiệm cận với các giá trị đạo đức phổ quát mang tính toàn cầu, đồng thời vẫn kế thừa và phát huy được những giá trị đạo đức truyền thống

tốt đẹp của dân tộc. Tác động tích cực này vừa giúp nâng cao năng lực mở rộng giao lưu, hợp tác, hội nhập quốc tế của công dân, vừa củng cố nền tảng đạo đức truyền thống theo hướng tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Song song với đó, quá trình xây dựng và hoàn thiện kinh tế thị trường định hướng XHCN cũng là nhân tố then chốt tạo nên những thành tựu quan trọng trong xây dựng ĐĐCD. Kinh tế thị trường đã rèn luyện cho công dân ý thức tuân thủ các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức trong hoạt động kinh tế như: tôn trọng pháp luật, kỷ luật lao động... Các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức này khi lan tỏa từ lĩnh vực kinh tế sang các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, đã góp phần xây dựng nên những phẩm chất ĐĐCD toàn diện, sâu sắc hơn. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường cũng thúc đẩy quá trình đa dạng việc hình thành các hoạt động nghề nghiệp, làm phong phú các hình thức lao động, sản xuất và dịch vụ. Trong môi trường đó, mỗi công dân không chỉ phải nỗ lực hoàn thiện tay nghề, kỹ năng chuyên môn mà còn phải ý thức sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội, về mối quan hệ giữa quyền lợi cá nhân với nghĩa vụ cộng đồng. Đây là cơ sở quan trọng để hình thành và phát triển các chuẩn mực ĐĐCD gắn với ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Mặt khác, sự vận hành của kinh tế thị trường gắn với yêu cầu tăng trưởng kinh tế và tiến bộ công nghệ đã tạo ra môi trường thúc đẩy sự phát triển trí tuệ và ý thức công dân. Những yêu cầu khắt khe về chuyên môn, về tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh đã kích thích công dân không ngừng học hỏi, đổi mới sáng tạo và không ngừng vươn lên, qua đó nâng cao khả năng lựa chọn hành vi đạo đức một cách tự giác và có lý trí.

Hai là, quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam góp phần củng cố nền tảng chính trị, pháp lý trong xây dựng ĐĐCD.

Quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đã tạo ra môi trường chính trị, pháp lý thuận lợi cho việc hình thành và phát triển các chuẩn mực ĐĐCD. Trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, mọi hoạt động của Nhà nước và các đối tượng công dân trong xã hội đều dựa trên cơ sở thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, lấy việc bảo đảm các quyền tự do, dân chủ của công dân làm mục tiêu trung tâm, động lực chủ yếu. Nhà nước phân định và kiểm soát quyền lực nhằm ngăn ngừa sự lạm quyền, bảo vệ quyền và nghĩa vụ hợp pháp của công dân. Trong môi trường đó, công dân có điều kiện thực thi đầy đủ quyền làm chủ, đồng thời được bảo vệ, khuyến khích tu dưỡng và rèn luyện đạo đức phù hợp với chuẩn mực pháp lý và giá trị đạo đức xã hội.

Nhà nước pháp quyền đóng vai trò định hướng và thúc đẩy sự phát triển ĐĐCD thông qua việc ban hành và thực thi hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, văn minh. Các thiết chế quyền lực nhà nước được tổ chức và vận hành chặt chẽ trong khuôn khổ pháp luật, tạo ra khuôn mẫu hành vi và điều kiện thực tiễn giúp công dân phát triển các

phẩm chất đạo đức như ý thức trách nhiệm, tinh thần thượng tôn pháp luật, tôn trọng quyền và lợi ích của người khác, ý thức cộng đồng và lòng yêu nước. Mặt khác, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam còn không ngừng mở rộng dân chủ, tạo điều kiện cho công dân tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động quản lý nhà nước và xã hội. Quá trình này vừa phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của công dân, vừa góp phần hình thành phẩm chất ĐĐCD mang tính chủ động, tích cực, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước. Nhận thức được vai trò then chốt đó, ngày 09/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW “về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”. Nghị quyết đã đánh dấu sự phát triển nhận thức của Đảng ta đối với vấn đề xây dựng nhà nước và hệ thống chính trị, đồng thời khẳng định quyết tâm tiếp tục củng cố vai trò, địa vị và quyền làm chủ của công dân. Trên cơ sở đó, công dân Việt Nam ngày càng có điều kiện thuận lợi hơn để phát huy năng lực làm chủ, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, tích cực tham gia xây dựng nhà nước, đồng thời không ngừng tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức gắn với đề cao trách nhiệm xã hội với tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo.

Ba là, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc truyền bá, tiếp cận và lan tỏa các giá trị ĐĐCD.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin hiện nay, các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội và nền tảng kỹ thuật số đã trở thành kênh quan trọng giúp phổ biến tri thức, giáo dục đạo đức và truyền cảm hứng sống tích cực đến đông đảo công dân. Thông qua internet, mỗi cá nhân dễ dàng tiếp cận kho tàng kiến thức đạo đức truyền thống và hiện đại, đồng thời có thể học hỏi các giá trị đạo đức ĐĐCD toàn cầu một cách nhanh chóng và trực quan. Các phong trào, chiến dịch truyền thông về đạo đức, lối sống lành mạnh, ý thức công dân tích cực... ngày càng lan tỏa mạnh mẽ, tạo nên các giá trị mẫu mực mới trong cộng đồng, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Đặc biệt, các nền tảng số còn tạo ra môi trường tương tác hai chiều, nơi công dân có thể bày tỏ quan điểm, chia sẻ trải nghiệm sống tích cực, phản biện xã hội một cách chủ động, từ đó nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm trong ứng xử đạo đức, thúc đẩy sự hình thành các chuẩn mực ĐĐCD phù hợp chuẩn mực đạo đức chung của xã hội. Không chỉ góp phần khơi dậy tinh thần trách nhiệm xã hội, công nghệ thông tin còn hỗ trợ việc giám sát, phản ánh và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm ĐĐCD, tạo nên áp lực dư luận tích cực nhằm củng cố các chuẩn mực đạo đức chung. Mặt khác, việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước, giáo dục, y tế, truyền thông... cũng tạo nên môi trường công khai, minh bạch và hiện đại, giúp công dân rèn luyện các phẩm chất đạo đức gắn với ý thức tuân thủ, trung thực, trách nhiệm và hợp tác. Đây là nền tảng quan trọng để hình

thành lớp công dân thời đại số vừa có tri thức, năng lực hội nhập, vừa có đạo đức cá nhân và đề cao trách nhiệm xã hội.

Bốn là, Đảng, Nhà nước và toàn xã hội luôn quan tâm, chú trọng đến xây dựng ĐĐCD.

Trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam, Đảng ta luôn xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển. Trên cơ sở đó, việc chăm lo xây dựng con người mới phát triển toàn diện, đặc biệt về mặt đạo đức luôn được đặt ở vị trí trung tâm, xuyên suốt. Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh nhiệm vụ: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc” [41, tr.115-116]. Trên cơ sở đó, hệ thống chính sách phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, văn học nghệ thuật... được triển khai đồng bộ, không chỉ nhằm nâng cao tri thức, nhận thức đạo đức mà còn kiến tạo môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, thuận lợi để công dân tu dưỡng, rèn luyện đạo đức trong thực tiễn đời sống xã hội.

Bên cạnh việc thúc đẩy những giá trị đạo đức tích cực, Đảng ta cũng nhận thức sâu sắc những hạn chế, suy thoái về đạo đức cần được khắc phục. Thấm nhuần chỉ dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó” [95, tr.301], Đảng đã chủ động đẩy mạnh các cuộc vận động chính trị lớn như “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị”... Những hoạt động này vừa góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị, đạo đức, tổ chức và cán bộ, vừa xây dựng môi trường giáo dục, tự giáo dục đạo đức rộng khắp trong toàn xã hội. Bên cạnh đó, thông qua các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng do Đảng, Nhà nước phát động, mỗi công dân có cơ hội tự soi, tự sửa những hạn chế, khuyết điểm của bản thân, đồng thời xác lập ý chí rèn luyện, khắc phục khuyết điểm dưới sự kiểm tra, giám sát của các tổ chức Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Đây chính là động lực mạnh mẽ góp phần thúc đẩy quá trình hình thành, củng cố ĐĐCD, đáp ứng yêu cầu xây dựng con người Việt Nam mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Năm là, nhận thức, trách nhiệm của công dân về xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh có sự chuyển biến tích cực

Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng tạo nên những chuyển biến tích cực trong quá trình xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay. Công dân ngày càng nhận thức sâu sắc rằng xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh chính là yếu tố nền tảng tinh thần, định hướng hành vi và lối sống trong xã hội. Nhận thức đó không chỉ

dừng lại ở phương diện lý luận mà từng bước được chuyển hóa thành ý thức tự giác trong ứng xử, trách nhiệm công dân và sự tuân thủ các chuẩn mực đạo đức xã hội. Trong đời sống xã hội đã xuất hiện ngày càng nhiều những tấm gương “công dân tốt, công dân kiểu mẫu” thể hiện sự chủ động tu dưỡng, rèn luyện đạo đức như một yêu cầu tự thân để hoàn thiện nhân cách đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, những hành vi đạo đức thể hiện ý thức, trách nhiệm công dân. Đồng thời, họ cũng nhận thức sâu sắc rằng việc thực hành đạo đức cũng là một phương thức thiết thực để thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân. Kết quả khảo sát cho thấy: Khi được hỏi “Đánh giá về ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?”: Đánh giá ở mức “Rất tốt”: cán bộ, đảng viên = 205/285 (53,2%), người dân = 90/285 (23,4%) [phụ lục 2, 4]. Chính sự thay đổi tích cực này đã thúc đẩy công dân đề cao tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Đặc biệt, việc công dân tích cực đóng góp ý kiến vào dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thông qua các cơ chế thực hành dân chủ với tính cách như các cuộc “trung cầu dân ý”, như: hội nghị, hội thảo, lấy ý kiến rộng rãi... đã tạo ra sự đồng thuận xã hội, tăng cường khả năng huy động trí tuệ cộng đồng trong hoạch định và thực thi chính sách công. Đồng thời, thông qua thực hiện quyền bầu cử, ứng cử, quyền tham gia giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước và các cơ quan công quyền, công dân đã thể hiện vai trò chủ thể tích cực trong tiến trình dân chủ hóa đời sống chính trị - xã hội. Sự tham gia có trách nhiệm này không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, mà còn thể hiện rõ vai trò của ĐĐCD trong việc phát hiện, phản biện và giám sát các hành vi lệch chuẩn trong hoạt động công vụ, qua đó góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị, từng bước củng cố, phát triển và hoàn thiện các chuẩn mực ĐĐCD.

3.2. NHỮNG HẠN CHẾ CHỦ YẾU VÀ NGUYÊN NHÂN

3.2.1. Những hạn chế chủ yếu

Bên cạnh những thành tựu to lớn, quá trình xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam cũng bộc lộ một số hạn chế, yếu kém và bất cập. Đánh giá tổng quát về những hạn chế, yếu kém và bất cập trên lĩnh vực văn hóa, trong đó có vấn đề xây dựng đạo đức, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” đã chỉ rõ:

So với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã

hội có chiều hướng gia tăng... Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng [34].

Thực tiễn cũng cho thấy, quá trình xây dựng ĐĐCD cũng bộc lộ một số hạn chế, yếu kém và bất cập cần được nhận thức đầy đủ, có biện pháp khắc phục kịp thời. Kết quả khảo sát của luận án cũng cho thấy: Dư luận cán bộ, đảng viên và người dân còn băn khoăn, lo lắng về những hạn chế trong xây dựng ĐĐCD.

Bảng 3.6. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về mức độ hạn chế về xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

	Rất hạn chế		Hạn chế	
	Cán bộ, đảng viên	Người dân	Cán bộ, đảng viên	Người dân
Việc thể chế hóa và triển khai xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức công dân còn bộc lộ một số hạn chế	154 (40,0%)	53 (13,7%)	91 (23,6%)	170 (44,1%)
Việc triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị, quy định về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức còn chưa đồng bộ, hiệu quả thấp.	177 (46,0%)	63 (16,3%)	101 (26,2%)	206 (53,5%)
Một số phương thức xây dựng ĐĐCD chưa được vận dụng phù hợp với thực tiễn và đặc điểm đối tượng	170 (44,1%)	90 (23,3%)	70 (18,2%)	170 (44,1%)
Hiện tượng suy thoái ĐĐCD diễn biến phức tạp đến mức đáng lo ngại	243 (63,1%)	201 (52,2%)	100 (26,0%)	100 (26,0%)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Thứ nhất, việc thể chế hóa và triển khai xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức công dân còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém và bất cập

Một là, một số nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng về xây dựng chuẩn mực đạo đức chưa được thể chế hóa kịp thời, đồng bộ và chưa theo kịp yêu cầu phát triển của thực tiễn và đặc điểm từng đối tượng công dân

Một số quy định về chuẩn mực đạo đức chưa được cụ thể hóa thành các chuẩn mực hành vi gắn với đặc thù từng đối tượng công dân, làm cho việc triển khai, đánh giá hiệu quả và kiểm tra, thanh tra gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt, trên một số lĩnh vực của nền hành chính công và đời sống xã hội, dù đã ban hành một số quy tắc ứng xử đạo đức theo đặc thù ngành nghề đã có vai trò quan trọng trong điều chỉnh nhận thức, hành vi đạo đức của các đối tượng công dân. Tiêu biểu như: Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức (Quyết định 129/2007/QĐ-TTg “Quyết định ban hành quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính Nhà nước” ngày 02/8/2007) hay các bộ quy tắc đạo đức nghề

ng nghiệp trong ngành giáo dục, y tế, báo chí, luật sư... Tuy nhiên, hầu hết đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh các quy chế, quy định này còn hạn hẹp, chủ yếu áp dụng cho từng nhóm đối tượng công dân riêng biệt. Bên cạnh đó, trên một số lĩnh vực của đời sống xã hội (như hoạt động sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số, thông tin, truyền thông và mạng xã hội...) vốn chịu tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế nhưng lại thiếu các quy định cụ thể về chuẩn mực đạo đức nhằm điều chỉnh nhận thức, hành vi, cách ứng xử của các đối tượng công dân. Mặt khác, hệ thống các văn bản quy định về chuẩn mực đạo đức còn tồn tại sự phân tán, chồng chéo, manh mún chưa có sự liên thông, liền mạch. Nhiều địa phương ban hành quy tắc ứng xử nội bộ cho cán bộ, công chức, người lao động và người dân nơi công cộng như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh... nhưng nội dung quy định lại có sự khác nhau, thậm chí trùng lặp, mâu thuẫn với các quy tắc đạo đức ngành nghề hoặc quy tắc xã hội khác. Điều này không chỉ gây lúng túng trong định hướng dư luận và trong áp dụng các chế tài điều chỉnh kịp thời mà còn ảnh hưởng đến sự thống nhất trong việc duy trì hệ chuẩn mực đạo đức quốc gia vốn đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện.

Một số chính sách, pháp luật, quy định được ban hành thể hiện sự cụ thể hóa, thể chế hóa các chuẩn mực đạo đức song còn thiếu đồng bộ, tồn tại nhiều hạn chế, bất cập tạo ra rào cản lớn trong việc tuân thủ các nguyên tắc, chuẩn mực ĐĐCD. Những năm qua, mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam đã được đổi mới và từng bước hoàn thiện, song vẫn còn thiếu đồng bộ, chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn gây khó khăn trong quá trình thực hiện; tính ổn định và khả năng dự báo chưa cao. Đánh giá về vấn đề này, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV (tháng 10/2023), Thủ tướng Phạm Minh Chính chỉ rõ: “Bên cạnh những kết quả đạt được, hệ thống pháp luật hiện nay vẫn còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo giữa các quy định, chưa bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật” [71]. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật phải thường xuyên sửa đổi, bổ sung nhiều lần, trong đó nhiều quy định phải sửa đổi, bổ sung sau một thời gian ban hành rất ngắn. Công tác thi hành pháp luật có lúc, có nơi còn lúng túng, chưa có cơ chế đồng bộ để thực hiện hiệu quả. Dự thảo “Báo cáo kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV” nêu rõ:

Qua rà soát cho thấy: Có 16 văn bản (bao gồm 08 luật, 06 nghị định và 02 Thông tư) có quy định mâu thuẫn, chồng chéo; Có 93 văn bản (bao gồm 23 luật, 02 nghị quyết của Quốc hội, 01 pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, 43 nghị định của Chính phủ, 01 quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 23 Thông tư của Bộ trưởng) có quy định bất cập hoặc vướng mắc; Có 01 luật với 06 nội dung (Luật Đất đai năm 2013) có quy định theo đánh giá của nhiều cơ quan là còn “sơ hở” [20, tr.3-4].

Nhiều hành vi vi phạm ĐĐCD đang trở thành vấn đề đáng báo động trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là trên lĩnh vực kinh tế, bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái... nhưng lại thiếu các chế tài pháp luật trong xử lý hoặc mức độ xử phạt thiếu sức răn đe. Trong nhiều năm trở lại đây, dư luận đã nhiều lần lên án những hiện tượng kinh doanh vi phạm đạo đức, chạy theo lợi nhuận, bỏ qua lợi ích cộng đồng. Ở nước ta, thời gian gần đây đã xuất hiện nhiều vụ việc gây bức xúc trong dư luận như: Vụ Công ty Vedan làm ô nhiễm Sông Thị Vải, vụ Formosa Hà Tĩnh gây ô nhiễm biển miền Trung, đặc biệt tình trạng thuốc giả, thực phẩm giả, sữa giả tràn lan hiện nay gây bức xúc trong dư luận và nhức nhối đối với các cơ quan nhà nước. Tổng Bí thư Tô Lâm đã bày tỏ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta đối với thực trạng này: Kinh doanh thuốc giả, sữa giả là vô cùng độc ác và yêu cầu phải tuyên chiến với loại tội phạm này để đảm bảo sức khỏe của Nhân dân.... Bên cạnh đó, hàng loạt các vụ việc liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm, ô nhiễm môi trường... một mặt cho thấy ý thức trách nhiệm trong quản lý, kiểm tra, thanh tra, xử lý của các bộ, ngành, địa phương vẫn còn lỏng lẻo, một số quy phạm pháp luật còn nhiều kẽ hở, mặt khác cho thấy ý thức trách nhiệm công dân trong theo dõi, lên án, tố giác các hành vi sai trái vẫn chưa được phát huy, thậm chí có trường hợp thờ ơ, vô cảm theo kiểu “Sống chết mặc bay”.

Một số đối tượng đã lợi dụng nhiều “khoảng trống, vùng trắng” về thiết chế pháp luật, sự thiếu chặt chẽ, đồng bộ của các thiết chế đạo đức để thực hiện hành vi lệch chuẩn, đặc biệt là trên không gian mạng. Ví dụ, sự lan tràn các nội dung dung tục, bạo lực, phản cảm trên các nền tảng số như Facebook, TikTok... đã phản ánh rõ khoảng trống trong việc định hình, kiểm soát ĐĐCD trong môi trường mới. Bên cạnh đó, việc phát hiện, xử lý một số biểu hiện suy thoái đạo đức còn lúng túng, nhất là ngoài khu vực công. Thực tế cho thấy, nhiều hành vi suy thoái đạo đức không vi phạm pháp luật nhưng lại gây tổn hại nghiêm trọng đến thuần phong mỹ tục, lối sống cộng đồng chẳng hạn như sự vô cảm trước nỗi đau người khác, hành vi bịa đặt, xúc phạm trên không gian mạng... Những hành vi này nếu không có cơ sở quy chuẩn rõ ràng để phân định đúng - sai và không đi kèm biện pháp giáo dục, xử lý phù hợp sẽ dễ bị coi nhẹ, dẫn đến sự tha hoá đạo đức một cách âm thầm nhưng nguy hiểm khôn lường. Việc thiếu các quy định mềm (về đạo đức) để “lấp đầy” khoảng trống giữa quy định pháp luật và hành vi xã hội đang tạo ra kẽ hở cho các biểu hiện lệch chuẩn đạo đức gia tăng mà không bị răn đe nghiêm khắc.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy: Dư luận cán bộ, đảng viên và người dân đồng tình đánh giá về mức độ hạn chế của việc “Chưa xây dựng được những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức công dân chung và các biện pháp cụ thể để ngăn chặn và xử lý những biểu hiện suy thoái đạo đức công dân”. Cụ thể: Đánh giá “Rất hạn chế”: Cán bộ, đảng viên =

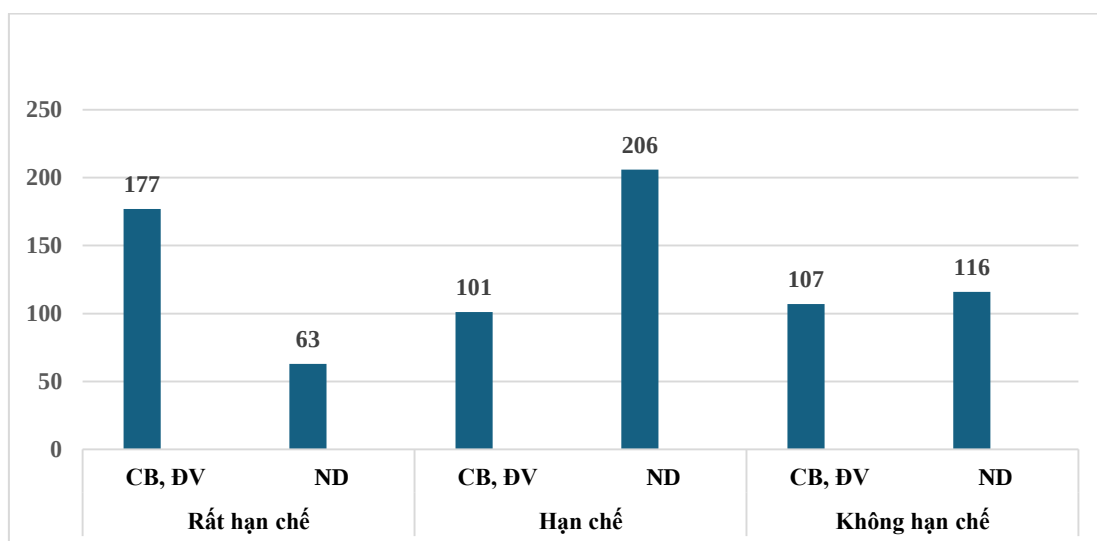
154/386 (40.0%), tương ứng với người dân là 154/386 (40.0%); “Hạn chế”: Cán bộ, đảng viên = 91/386 (23.6%), tương ứng với người dân = 91/386 (23.6%) [phụ lục 2, 4]

Hai là, một số nội dung, biện pháp xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD thiếu đồng bộ, linh hoạt.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD hiện nay nhìn chung còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập. Nội dung tuyên truyền ở một số nơi còn chung chung, thiếu chiều sâu, chưa gắn với đặc điểm từng nhóm đối tượng công dân và bối cảnh xã hội mới. Hình thức tuyên truyền còn nặng về khẩu hiệu, thiếu tính thuyết phục, chưa khai thác hiệu quả các phương tiện truyền thông hiện đại. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giáo dục đạo đức nhìn chung chưa đồng đều cả về kiến thức, kỹ năng, phương pháp giáo dục. Đặc biệt, việc giáo dục đạo đức công dân trong nhà trường ở nhiều nơi bị xem nhẹ khiến dư luận đặt ra câu hỏi: “Điểm môn Giáo dục công dân cao, sao đạo đức của học sinh lại đang có vấn đề?”. Chia sẻ về giáo dục đạo đức học sinh phổ thông, nguyên Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ đã thẳng thắn thừa nhận những hạn chế, đó là: “Nội dung giáo dục đạo đức chưa sâu, chưa tạo được nhiều xúc cảm thực sự chạm đến trái tim làm thay đổi thái độ người học, chưa chú trọng giáo dục thói quen, hành vi đạo đức, còn nặng về kiến thức hàn lâm” [105]. Đặc biệt, công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức công dân trong đời sống xã hội chưa được chú trọng thực chất, hiệu quả. Do đó, hiện tượng thờ ơ, vô cảm của một bộ phận công dân trước thực trạng suy thoái đạo đức trong đời sống xã hội ngày càng phổ biến. Biểu hiện rõ nét của hiện tượng này là thái độ bàng quan, né tránh trách nhiệm hoặc im lặng trước những hành vi vi phạm đạo đức, thiếu chuẩn mực trong cộng đồng. Công dân với tư cách là chủ thể xã hội có quyền và nghĩa vụ giám sát, phản biện xã hội nhưng một bộ phận thiếu dũng khí đấu tranh với cái xấu, cái ác, cái sai. Sự thờ ơ này không chỉ thể hiện sự giảm sút ý thức trách nhiệm xã hội, mà còn cho thấy sự lệch lạc trong nhận thức đạo đức, khi một số người cho rằng đạo đức là vấn đề cá nhân, không liên quan đến tập thể hay lợi ích chung. Khi được hỏi “Hành động của bản thân khi chứng kiến những biểu hiện suy thoái đạo đức công dân?”. Tỷ lệ lựa chọn phương án “Mặc kệ”: Cán bộ, đảng viên = 31/385 (8,1%), người dân = 20/385 (5,2%) [phụ lục 2, 4]

Tuân thủ pháp luật vừa là yêu cầu đạo đức, vừa là phương thức giáo dục đạo đức công dân. Tuy nhiên, việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật tồn tại nhiều hạn chế, bất cập cả về xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, nội dung, hình thức, cơ sở vật chất bảo đảm. Báo cáo tổng kết thực hiện Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019

- 2021” chỉ rõ: “Một số bộ, ngành, địa phương còn chưa quan tâm đúng mức đến việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật chưa ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án; tình hình triển khai một số hoạt động của Đề án còn chậm” [19, tr.10].



Biểu đồ 3.1. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về mức độ hạn chế, bất cập của chính sách, pháp luật (tỉ lệ: lượt người)

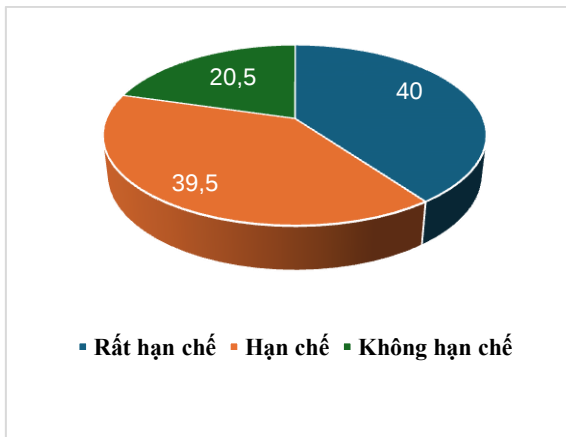
Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Công tác biểu dương, khen thưởng những tấm gương công dân ưu tú như một phương thức xây dựng ĐĐCD có cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chặt chẽ, kịp thời, chính xác dẫn đến sức lan tỏa của các hoạt động biểu dương, khen thưởng chưa đạt được mục đích đề ra. Trên thực tế cho thấy, có không ít trường hợp công dân là quan chức, chủ doanh nghiệp, nghệ sỹ... đã tìm cách chạy thành tích, chạy danh hiệu vì mong muốn đánh bóng tên tuổi, quảng bá hình ảnh, xây dựng lòng tin của người dân để trục lợi cá nhân. Đây là hệ quả tất yếu của quá trình xây dựng đạo đức cho các đối tượng công dân không đi đôi với công tác biểu dương, khen thưởng chặt chẽ, chính xác, kịp thời đã tạo kẽ hở cho một số đối tượng lợi dụng để thực hiện các hành vi sai trái, qua đó làm triệt tiêu động lực phấn đấu và ý thức trách nhiệm công dân trong tham gia các hoạt động xã hội khi công sức, tâm huyết, trí tuệ của họ không được ghi nhận, khen thưởng, động viên kịp thời. Dư luận cán bộ, đảng viên và người dân cho rằng việc “Đề cao trách nhiệm nêu gương đạo đức của các đối tượng công dân ở mức “chưa tốt”: Cán bộ, đảng viên = 85/385 (22.1%); Người dân = 160/385 (41.7%) [phụ lục 2, 4]

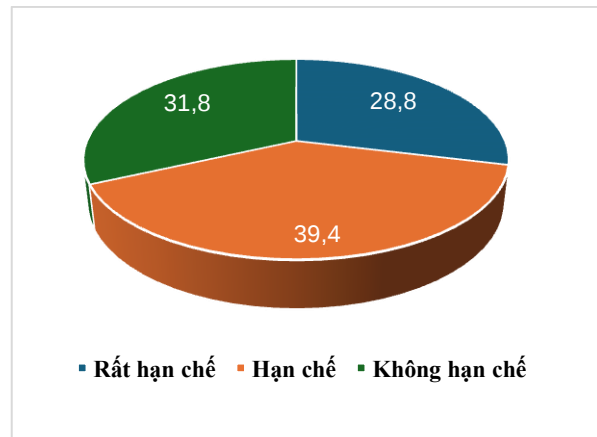
Xây dựng ĐĐCD luôn gắn liền với xây dựng môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh. Mặc dù quá trình xây dựng xã hội mới, Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm chăm lo xây dựng môi trường văn hóa, xã hội tốt đẹp, phong phú, lành mạnh bằng nhiều thể chế, cơ chế, chính sách nhưng bên cạnh những thành tựu cơ bản, môi trường văn hóa, xã hội

đang đứng trước nhiều thách thức, ảnh hưởng tiêu cực từ các tệ nạn xã hội hay sự xuống cấp của những giá trị đạo đức xã hội. Ngay cả một số không gian văn hóa vốn được coi là nơi nuôi dưỡng cho những giá trị tốt đẹp của công dân như gia đình, trường học, công sở... cũng đã và đang xuất hiện những biểu hiện “ô nhiễm”. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Đạo đức, lối sống trong gia đình, học đường, xã hội có mặt xuống cấp đáng lo ngại, gây bức xúc cho xã hội” [41, tr.72], “Tình trạng gia tăng tội phạm, tệ nạn, tiêu cực, mâu thuẫn, xung đột xã hội... ở một số nơi chậm được khắc phục, gây bức xúc trong dư luận nhân dân” [41, tr.135].

Sự xuống cấp về đạo đức, lối sống, tình trạng gia tăng tội phạm, tệ nạn, tiêu cực xã hội ở nước ta nhìn chung vẫn chậm được khắc phục, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự ổn định, phát triển của đất nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, đạo đức, lối sống của các tầng lớp dân cư.



Biểu đồ 3.2. Đánh giá của cán bộ, đảng viên về mức độ tạo lập môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh (tỉ lệ: %)



Biểu đồ 3.3. Đánh giá của người dân về mức độ tạo lập môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh (tỉ lệ: %)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức có cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thực sự kịp thời và nghiêm minh; công tác biểu dương, khen thưởng chưa thực sự chặt chẽ, kịp thời. Nhiều văn bản quy định chuẩn mực đạo đức của cán bộ, đảng viên, công chức, nhà giáo, nhân viên y tế,..., cũng như quy định các hình thức nhằm ngăn chặn, xử lý các biểu hiện suy thoái đạo đức của các đối tượng công dân đã được ban hành, tuy nhiên trên thực tế, việc kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện các quy định này ở nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương còn nhiều hạn chế, thiếu sót. Từ đó, dẫn đến thực trạng: Quy định thì nhiều nhưng chủ yếu mang tính hình thức chứ không phát huy hiệu quả trên thực tế, khó kiểm tra, đánh giá, quy trách nhiệm. Vụ án thảm mỹ viện Cát Tường khi một khách hàng đến cơ sở để phẫu thuật làm đẹp đã tử vong, sau đó bị bác sĩ phi tang và vứt xác vào ngày 19/10/2013 là đỉnh điểm, đó không chỉ là

vấn đề đạo đức ngành y mà là hành vi mất nhân tính. Vụ việc này không chỉ gây bức xúc, đau đớn, tổn thất cho nạn nhân và gia đình mà còn làm đau đớn cả ngành y tế. Đồng thời, sự xuống cấp đạo đức nhà giáo đang trở thành vấn đề nhức nhối của ngành giáo dục và toàn xã hội. Điển hình như: Vụ gian lận thi cử gây xôn xao dư luận ở Yên Bái, Hòa Bình, Sơn La, Hà Giang trong nhiều năm không chỉ cho thấy thực trạng suy thoái đạo đức nhà giáo mà còn cho thấy những kẽ hở, sự thiếu trách nhiệm trong công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng. Trong khi đó, nhiều hiện tượng suy thoái đạo đức chưa kịp thời được phát hiện và xử lý nghiêm minh, còn hiện tượng bao che, bảo kê cho các hành vi vi phạm, gây ra sự hoang mang, hoài nghi của dư luận xã hội về tính nghiêm minh, công bằng của pháp luật và trách nhiệm gương mẫu của cơ quan công quyền.

Thứ hai, việc triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị, quy định về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

Thời gian qua, việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và Nhà nước về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức đã được tiến hành đồng bộ từ Trung ương đến cơ sở, bước đầu tạo chuyển biến về nhận thức và hành động của nhiều đối tượng công dân. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, kết quả đạt được còn khiêm tốn, chưa tương xứng với mục tiêu, yêu cầu đề ra, thể hiện ở một số hạn chế, bất cập trong tổ chức triển khai, cụ thể hóa và kiểm tra, giám sát. Một số nghị quyết, chỉ thị sau khi ban hành chậm được thể chế hóa, cụ thể hóa thành các quy định của pháp luật, kế hoạch, chương trình hành động phù hợp với đặc điểm của từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Những hạn chế, khuyết điểm này được Đại hội XIII chỉ rõ: Việc thể chế hóa, cụ thể hóa một số nghị quyết của Đảng còn chậm, tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu.

Nhiều địa phương còn lúng túng trong việc lồng ghép nội dung xây dựng đạo đức, lối sống vào chương trình hành động cụ thể, dẫn đến tình trạng “trên nói nhiều, dưới làm ít”, “trên chuyển động, dưới dậm chân tại chỗ”... Ở một số địa phương, việc triển khai nội dung các chỉ thị, nghị quyết, quy định còn mang tính hình thức, chưa sát thực tiễn. Theo đồng chí Lại Xuân Môn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tuyên giáo Trung ương, một trong 8 nội dung hạn chế trong công tác này đó là “Công tác tổ chức học tập nghị quyết còn mang nặng tính khuôn mẫu, hình thức, chưa linh hoạt, sáng tạo” [102]. Cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện còn thiếu chặt chẽ, dẫn tới tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”, khiến cho các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống diễn biến phức tạp. Trong khi đó, trách nhiệm nêu gương của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, chưa được đề cao. Có

nơi người đứng đầu chưa thực sự gương mẫu trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, còn biểu hiện né tránh, né nang trong tự phê bình và phê bình. Tình trạng này làm suy giảm sức chiến đấu của tổ chức đảng, giảm hiệu quả công tác giáo dục và rèn luyện đạo đức. Nhiều vụ việc vi phạm đạo đức, lối sống của cán bộ lãnh đạo, quản lý bị phát hiện, xử lý kỷ luật trong thời gian qua là bài học sâu sắc, sương máu về thực trạng không giữ gìn danh dự, uy tín người cán bộ, đảng viên, danh dự và tư cách người công dân ưu tú, công dân kiêu mẫu.

Thứ ba, một số phương thức xây dựng ĐĐCD chưa được vận dụng phù hợp với thực tiễn và đặc điểm đối tượng công dân.

Một là, một số nội dung, biện pháp giáo dục ĐĐCD chưa đồng bộ, thiếu hiệu quả, còn biểu hiện hình thức.

Một trong những hạn chế, bất cập trong xây dựng ĐĐCD chính là sự yếu kém, bất cập kéo dài trong công tác giáo dục đạo đức. Trong một thời gian khá dài, tư duy phát triển kinh tế thuần túy đã chiếm ưu thế, với quan niệm sai lầm cho rằng “kinh tế phát triển tất yếu sẽ kéo theo sự nâng cao về đạo đức, văn hóa”. Từ đó, giáo dục đạo đức, đặc biệt là giáo dục ĐĐCD bị coi nhẹ, thậm chí bị đẩy xuống thứ yếu so với mục tiêu phát triển KT-XH. Nhiều gia đình, nhà trường, cơ quan, đơn vị đã chạy theo các giá trị vật chất, lấy thành công kinh tế làm thước đo chủ yếu cho sự trưởng thành, thành đạt của cá nhân. Trong nhiều gia đình, giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục nghĩa vụ và trách nhiệm công dân bị buông lỏng, thiếu hệ thống và thiếu kiến thức, kỹ năng và sự đầu tư công sức, vật chất của các thành viên trong gia đình. Nhiều gia đình tập trung chăm lo đời sống vật chất cho con cái, nếu có chỉ tập trung vào giáo dục các phép tắc ứng xử truyền thống trong gia đình mà thiếu định hướng rõ ràng, thiếu sự chú trọng dạy dỗ về ý thức pháp luật, tinh thần trách nhiệm cộng đồng, quyền và nghĩa vụ công dân. Do đó, trong đời sống xã hội nhiều công dân có trình độ học vấn cao nhưng thiếu chiều sâu đạo đức, thiếu ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội.

Bên cạnh đó, nội dung giáo dục ĐĐCD trong nhiều nhà trường có xu hướng tách rời thực tiễn cuộc sống. Nội dung giáo dục thường chung chung, trừu tượng, hình thức và thiếu tính thực tiễn. Phương pháp giáo dục đạo đức còn mang nặng về truyền thụ lý thuyết một chiều, thiếu sự tương tác, đối thoại, thiếu sự gắn kết với các hoạt động trải nghiệm thực tế, dẫn đến tình trạng giáo điều, hình thức, duy ý chí. Đặc biệt, giáo dục ĐĐCD trong xã hội chưa được quan tâm đúng mức. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật còn hình thức, hiệu quả thấp. Việc duy trì pháp luật và các thiết chế xã hội còn lỏng lẻo, thiếu triệt để. Cá biệt, còn vùng cấm, trường hợp ngoại lệ trong xét xử các hành vi vi phạm pháp luật tạo ra dư luận xã hội tiêu cực, gây mất niềm tin trong Nhân dân.

Hai là, một số cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, phong trào hoạt động xã hội được tổ chức chưa chặt chẽ, thiếu chiều sâu.

Nhận thức về vị trí, vai trò và ý nghĩa một số cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, phong trào hoạt động xã hội ở một số nơi, một số thời điểm vẫn chưa thật đầy đủ và sâu sắc. Vẫn còn cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị chưa dành sự quan tâm đúng mức cho việc lãnh đạo, chỉ đạo, coi đây như một nhiệm vụ mang tính hình thức hơn là một giải pháp trọng tâm để thúc đẩy phát triển và giáo dục đạo đức xã hội. Công tác tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng, tôn vinh và nhân rộng những nhân tố tích cực, gương người tốt, việc tốt còn mờ nhạt, thiếu tính liên tục và đồng bộ.

Mặc dù hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về triển khai các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, phong trào hoạt động xã hội đã được Nhà nước thường xuyên rà soát, bổ sung và hoàn thiện Tuy nhiên do phạm vi điều chỉnh rộng, đối tượng đa dạng nên vẫn còn những điểm chưa thật sự thống nhất, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Ở không ít đơn vị, địa phương, các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước, phong trào hoạt động xã hội vẫn mang nặng tính khẩu hiệu, hình thức, chưa khơi dậy được tinh thần tự giác và tạo động lực mạnh mẽ từ cơ sở, trong các đối tượng công dân.

Công tác lựa chọn, bồi dưỡng, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn thiếu thực chất. Nhiều nơi chưa có cơ chế, biện pháp hữu hiệu để phát hiện, lựa chọn các nhân tố nổi trội, dẫn đến chất lượng và tính tiêu biểu của điển hình tiên tiến chưa cao. Việc đầu tư xây dựng các mô hình điển hình và phát huy giá trị nêu gương công dân tốt, công dân kiểu mẫu chưa được quan tâm đúng mức, thiếu kế hoạch bồi dưỡng, hỗ trợ thường xuyên, khiến tác dụng giáo dục, cổ vũ, lan tỏa trong xã hội còn yếu. Công tác tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến ở một số nơi chưa thật sâu rộng, phương thức truyền thông còn đơn điệu, thiếu sáng tạo, chưa hình thành được phong trào học tập, noi gương rộng khắp.

Thứ tư, một số hiện tượng suy thoái ĐĐCD tiếp tục diễn biến phức tạp đến mức đáng lo ngại.

Tình hình ĐĐCD ở nước ta hiện nay còn một số diễn biến phức tạp, bộc lộ rõ những biểu hiện suy thoái và xuống cấp đạo đức trên nhiều mặt. Những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp như lòng nhân ái, trung thực, tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng... đang bị xói mòn trong một bộ phận công dân. Đặc biệt, sự suy thoái đạo đức không chỉ diễn ra ở những nhóm yếu thế mà còn xuất hiện cả trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức, nhất là công dân có học vấn và địa vị cao trong xã hội.

Bảng 3.7. Đánh giá của cán bộ, đảng viên và người dân về mức độ nghiêm trọng của những suy thoái về ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Suy thoái ĐĐCD	Rất nghiêm trọng		Nghiêm trọng	
	Cán bộ, đảng viên	Người dân	Cán bộ, đảng viên	Người dân
Tinh thần yêu nước, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc của một bộ phận công dân chưa được đề cao	229 (59,5%)	240 (62,3%)	77 (20,0%)	101 (26,3%)
Ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của một bộ phận không nhỏ công dân còn hạn chế	211 (54,8%)	206 (53,5%)	87 (22,6%)	95 (24,6%)
Kỷ luật lao động nhìn chung lỏng lẻo, năng suất lao động thấp	206 (53,5%)	226 (58,7%)	106 (27,5%)	65 (16,8%)
Trách nhiệm công dân trong tham gia công việc chung của xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng, đáng báo động	270 (70,1%)	231 (60,0%)	97 (25,2%)	78 (20,2%)
Hành vi trốn thuế, buôn lậu, làm hàng giả ngày càng tinh vi, phổ biến	251 (65,2%)	221 (57,4%)	87 (22,6%)	76 (19,8%)
Hiện tượng trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc ngày càng phổ biến	285 (74,0%)	276 (71,6%)	25 (6,5%)	23 (5,9%)
Tư tưởng dân tộc vị kỷ, cực đoan còn tồn tại ở một bộ phận công dân	187 (48,5%)	150 (39,0%)	40 (10,4%)	60 (15,6%)

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

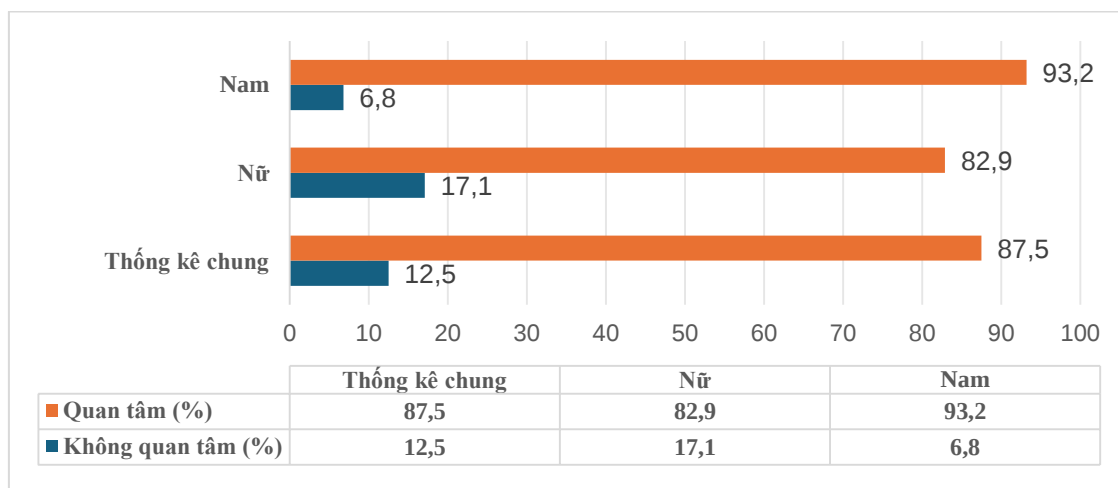
Một là, tinh thần yêu nước và trách nhiệm phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân của một bộ phận công dân chưa được phát huy đầy đủ.

Bên cạnh đông đảo công dân luôn có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống yêu nước, vẫn còn tồn tại một bộ phận công dân có biểu hiện lệch lạc, sa sút trong nhận thức và hành vi, chưa thể hiện đầy đủ tinh thần yêu nước và trách nhiệm công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Một số cá nhân vì động cơ cá nhân ích kỷ, hẹp hòi hoặc thiếu bản lĩnh chính trị, dễ bị lôi kéo, kích động bởi các thế lực thù địch, phản động đã có những hành vi tiếp tay, cổ súy cho hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước. Điển hình nhất có thể kể đến hai vụ việc nghiêm trọng đã được cơ quan chức năng điều tra, xử lý nghiêm minh gần đây là vụ án xảy ra tại xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội vào ngày 09/01/2020 khiến ba cán bộ, chiến sĩ công an hy sinh trong khi thi hành nhiệm vụ và vụ án “Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân; Khủng bố; Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép; Che giấu tội phạm” xảy ra tại huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/6/2023.

Những hành vi đó không chỉ vi phạm pháp luật, đi ngược lại truyền thống yêu nước và đạo lý dân tộc, mà còn gây tổn hại nghiêm trọng đến niềm tin xã hội, an ninh quốc gia và trật tự công cộng. Đồng thời phản ánh nguy cơ hiện hữu của việc buông lỏng giáo dục lòng yêu nước trong một bộ phận công dân. Việc xử lý nghiêm minh các đối tượng vi phạm không chỉ thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, mà còn là hồi chuông cảnh tỉnh đối với những ai vì tư lợi cá nhân mà sẵn sàng bán rẻ lương tri, tiếp tay cho các hoạt động chống phá Nhà nước, làm tổn hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

Hai là, ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của một bộ phận công dân còn hạn chế.

Ý thức pháp luật và ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật của một bộ phận công dân còn hạn chế. Không ít người dân có thái độ thờ ơ, lãnh cảm với những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong xã hội. Một bộ phận người dân có trình độ văn hóa, nhận thức thấp, lười lao động, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sẵn sàng vi phạm pháp luật để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Đặc biệt, một trong những hiện tượng đáng lo ngại là thái độ thiếu tích cực trong tìm hiểu thông tin, nâng cao hiểu biết pháp luật. Số liệu trong “Báo cáo chỉ số công lý 2015” cũng cho thấy: “Tiếp cận thông tin với nhiều người dân vẫn còn nhiều hạn chế. Kết quả khảo sát 2015 cho biết có 13% người tham gia khảo sát cho biết họ “không theo dõi thông tin” về tình hình thời sự, kinh tế xã hội của đất nước, trong khi tỷ lệ này ở nam là 7% thì ở nhóm nữ là 17%” [61, tr.32]. Thể hiện cụ thể ở biểu đồ sau:

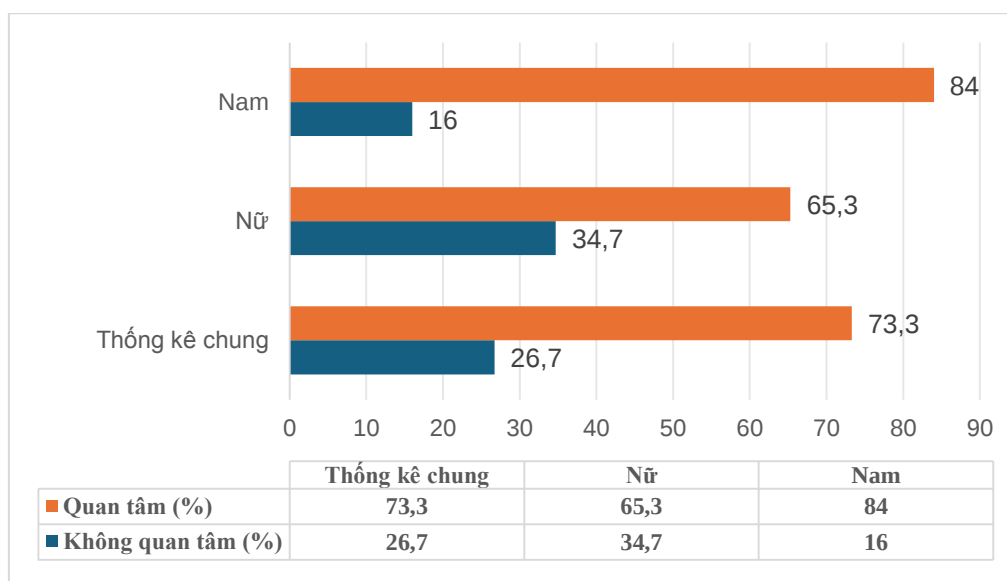


Biểu đồ 3.4. Mức độ tìm hiểu thông tin của người dân (tỷ lệ %)

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nguồn “Báo cáo chỉ số công lý 2015” [61]

Bên cạnh đó, việc chủ động trong việc tiếp cận thông tin pháp luật nói chung hạn chế hơn tiếp cận thông tin thời sự, kinh tế xã hội, cụ thể: “26% người tham gia khảo sát trả lời “không quan tâm” tới thông tin pháp luật, trong đó có 16% nam, 35% số nữ tham gia khảo sát trả lời “không quan tâm” tới thông tin pháp luật” [57, tr.32]. Các dữ liệu khảo

sát cũng cho thấy một khoảng cách không nhỏ về tiếp cận và hiểu biết về thông tin pháp luật giữa công dân nam và nữ. Thể hiện ở biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 3.5. Mức độ tìm hiểu thông tin pháp luật của người dân (tỉ lệ %)

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nguồn “Báo cáo chỉ số công lý 2015” [61]

Thói quen lệ làng, tục lệ truyền thống “phép Vua thua lệ làng”... vốn chế ngự ý thức pháp luật của người dân Việt Nam trước đây, tuy đang từng bước khắc phục, nhưng vẫn còn khá phổ biến trong đời sống xã hội. Không ít công dân vẫn còn tồn tại thói quen giải quyết công việc, các mối quan hệ xã hội theo tình cảm thuần túy, theo kinh nghiệm thế hệ đi trước truyền lại. Quan niệm “sống lâu lên lão làng”, “chín bỏ làm mười”, “dĩ hòa vi quý”, “trăm cái lý không bằng tí cái tình”... là cách ứng xử, lối xử sự, phân định hay hòa giải ở một bộ phận không nhỏ công dân, nhất là ở nông thôn, nơi các quan niệm lạc hậu truyền thống còn rất nặng nề. Đây cũng là tàn dư tồn tại dai dẳng trong suốt lịch sử phát triển của ý thức pháp luật Việt Nam. Tại nội dung “Ý niệm về công bằng và lựa chọn hành động” trong Báo cáo chỉ số công lý 2015” đánh giá: “khi có tranh chấp và vướng mắc pháp lý, người dân có xu hướng chọn tự giải quyết và không tìm tới các cơ quan tư pháp, hay dịch vụ pháp lý (luật sư, trợ giúp pháp lý)” [61, tr.31]

Quan niệm pháp luật là những hình phạt dẫn đến thái độ né tránh pháp luật, tâm lý đối phó với pháp luật vẫn còn tồn tại trong nhiều đối tượng công dân. Dưới chế độ dân chủ mới, người công dân thực sự là người chủ, được hưởng các quyền dân chủ, được Hiến pháp và pháp luật XHCN bảo đảm. Các hình phạt hà khắc của chế độ phong kiến, thực dân đã được xóa bỏ, song tâm lý coi pháp luật là sự trừng trị của nhà nước, quan niệm pháp luật là những hình phạt, tâm lý đối phó với pháp luật vẫn còn tiềm ẩn trong một bộ phận không nhỏ công dân. Mặt khác, do sự suy thoái của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, biểu hiện ở các hành vi vi phạm quyền dân chủ, thái độ cửa quyền, bè cánh,

hách dịch, những nhiều Nhân dân, thậm chí một số còn vi phạm pháp luật đã trực tiếp tác động đến tâm lý, ý thức của công dân. Vì vậy, khi chính quyền yêu cầu họ phải thực hiện một chế độ, trách nhiệm hoặc thủ tục cần thiết thì họ quan niệm đó là sự “bắt buộc” chứ chưa coi đó là nghĩa vụ. Thái độ né tránh trách nhiệm, tâm lý đối phó với pháp luật trong thực tế cho đến nay vẫn còn tồn tại, tiềm ẩn trong ý thức ở một bộ phận công dân.

Hiến pháp là văn bản pháp lý cơ bản nhất ghi nhận quyền và nghĩa vụ công dân, xác lập địa vị làm chủ của mọi công dân, tuy nhiên phần lớn công dân, đặc biệt là tầng lớp lao động phổ thông, trình độ học vấn thấp, họ chỉ nghe đến khẩu lệnh liên quan đến Hiến pháp chứ chưa thực sự tiếp cận và biết Hiến pháp như thế nào. Do đó, họ cũng không thể biết quyền của mình trong Hiến pháp nên rất dễ bị tổn thương. Theo “Báo cáo chỉ số công lý 2015” đã đã đánh giá: “Khi được hỏi “ông/bà có từng nghe/hoặc có biết về Hiến pháp”. Kết quả: có 6% người tham gia khảo sát trả lời “biết rõ”, 54% “có biết đôi chút” và 41% “không biết” [61, tr.28]. So sánh với kết quả khảo sát tiến hành năm 2012 với cùng câu hỏi, kết quả không có nhiều thay đổi, thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.8. Nhận thức của công dân Việt Nam về vai trò của Hiến pháp trong năm 2012 và 2015

Mức hiểu biết	Kết quả 2012	Kết quả 2015
Không biết	42%	41%
Có biết đôi chút	55%	53%
Biết rõ	3%	6%

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nguồn “Báo cáo chỉ số công lý 2015” [61].

Kết quả khảo sát trong Báo cáo cũng nêu rõ: Khi được hỏi “Hiến pháp Việt Nam được sửa đổi gần đây nhất là năm nào” - cho phép thống kê chọn đúng cả hai năm 2013 và 2014 là các năm Hiến pháp mới được thông qua và thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Kết quả cho thấy: có 20% trả lời đúng và 80% trả lời sai. Nếu tính tỷ lệ số người trả lời đúng trên tổng số người tham gia khảo sát gồm cả người biết và không biết về Hiến pháp thì tỷ lệ trả lời đúng là 12%” [61, tr.28]

Bảng 3.9. Biết về Hiến pháp - So sánh 2012 - 2015

Mức hiểu biết	Kết quả 2015	Kết quả 2012
Không biết	41%	42%
Có biết đôi chút	53%	55%
Biết rõ	6%	3%

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nguồn “Báo cáo chỉ số công lý 2015” [61]

Đặc biệt, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật có chiều hướng gia tăng với tốc độ đáng báo động, nhất là xu hướng “trẻ hóa tội phạm”. Tác động của mặt trái kinh tế thị

trường đang đặt mọi công dân trong vòng xoáy của sự tìm kiếm lợi ích và đặc biệt là lợi ích cá nhân. Sự tìm kiếm lợi ích và những giá trị trong lao động chính đáng là một hành vi thực tế, hợp lý, có đạo đức và đúng với bản chất của con người trong chế độ XHCN. Thế nhưng một thực trạng hiện nay có không ít người đang tìm cách làm giàu bằng mọi giá, bất chấp tất cả, làm giàu bằng con đường bất chính, phi pháp. Bản thân họ vì chạy theo mục đích kiếm tiền nên tìm mọi cách trốn tránh pháp luật, luôn tìm cách lợi dụng kẽ hở của pháp luật để thực hiện các hành vi phi pháp của mình.

**Bảng 3.10. Thống kê tình hình vi phạm pháp luật ở Việt Nam
trong 3 năm 2021, 2022, 2023**

Năm	Tổng số vụ án	Vụ án hình sự	
		Số vụ án	Số bị can
2021	537.577	88.607	160.574
2022	567.521	93452	178.830
2023	606.209	96.084	182.717

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của Chánh án toàn án nhân dân tối cao trong các năm 2021, 2022, 2023 [118], [119], [120].

Nhìn vào bảng số liệu thống kê cho thấy: trong khoảng thời gian 3 năm, từ năm 2021 đến 2023, tổng số vụ án do tòa án thụ lý tăng nhanh từ 537.577 vụ (năm 2021) lên 606.209 vụ (năm 2023), tăng 68.632 vụ, bình quân mỗi năm tăng 22.877 vụ. Trong đó, riêng vụ án hình sự tăng từ 88.607 lên 96.084 vụ (tăng 7.477 vụ). Số bị can tăng từ 160.574 người (năm 2021) lên 182.717 người (năm 2023) tăng 22.143 người, bình quân mỗi năm 7381 vụ.

Thực trạng “trẻ hóa đối tượng phạm pháp” là một trong những nguy cơ đáng báo động nhất hiện nay. Trong những năm gần đây, tình hình vi phạm pháp luật của trẻ vị thành niên diễn biến phức tạp có chiều hướng gia tăng cả về số vụ và mức độ phạm tội. Số liệu thống kê trên địa bàn Hà Nội cho thấy: “Độ tuổi vi phạm pháp luật ngày càng trẻ hoá: Dưới 14 tuổi 67 đối tượng (2,1%); từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi 796 đối tượng (25,3%); từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi 2.287 đối tượng (72,6%). Như vậy, có thể thấy, có xấp xỉ 30% số đối tượng dưới 16 tuổi phạm tội” [53].

Những con số trên là lời cảnh báo nghiêm trọng về thực trạng vi phạm pháp luật ở thanh thiếu niên Việt Nam. Một điều đáng lo ngại nữa là cùng với sự phát triển của đất nước, số lượng trẻ em lang thang, bụi đời ngày càng gia tăng. Đó chính là mầm mống của tội phạm đã và đang trở thành những thách thức không nhỏ đối với sự phát triển của đất nước. Chăm lo giáo dục thế hệ trẻ, nhất là giáo dục ĐĐCD cho đối tượng này ngày càng trở thành vấn đề cấp thiết.

Ba là, kỷ luật lao động nhìn chung lỏng lẻo, năng suất lao động thấp.

Kỷ luật lao động lỏng lẻo, nhất là kỷ luật lao động của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức nhà nước, làm tăng gánh nặng đối với toàn xã hội. Thời gian qua, “Sáng cấp ô đi, chiều cấp ô về”, “cơ quan nhà nước là vùng trú ẩn an toàn cho cán bộ yếu kém”... là thuật ngữ được nhắc đến nhiều lần trên các báo cáo, trong các buổi nghị sự của các tổ chức đảng, các cơ quan quản lý nhà nước, phản ánh tình trạng lỏng lẻo về kỷ luật lao động, hạn chế về năng suất lao động và những bất cập của nền công vụ ở nước ta. Trong khi đó, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của người lao động trong các nhà máy, xí nghiệp lại bị xem thường. Gây gỗ đánh nhau, tự ý bỏ việc nhiều ngày ... là hành vi vi phạm kỷ luật lao động diễn ra phổ biến hiện nay. Trong khi đó, nước ta đang đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, thực hiện mở cửa hội nhập quốc tế sâu rộng, những hạn chế, yếu kém nhiều mặt của người lao động Việt Nam, nhất là về kỷ luật lao động đã và đang trở thành những rào cản lớn cản khắc phục để thu hút đầu tư nước ngoài (vốn, công nghệ,...).

Kỷ luật lao động lỏng lẻo vừa là hạn chế, bất cập, vừa là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến năng suất lao động ở nước ta thấp so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Theo “Báo cáo năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 - Thực trạng và giải pháp” của Tổng cục Thống kê cho thấy tương quan tỉ lệ năng suất lao động của Việt Nam so với một số nước:

Mức năng suất lao động của Việt Nam hiện nay vẫn rất thấp so với các nước trong khu vực, đáng chú ý là chênh lệch tuyệt đối vẫn tiếp tục gia tăng. Tính theo PPP 2017, năng suất lao động của Việt Nam năm 2020 đạt 18,4 nghìn USD, chỉ bằng 11,3% mức năng suất của Xingapo; 23% của Hàn Quốc; 24,4% của Nhật Bản; 33,1% của Ma-lai-xi-a; 59,1% của Thái Lan; 60,3% của Trung Quốc; 77% của Ấn Độ và bằng 86,5% năng suất lao động của Philipin. năng suất lao động của Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á chỉ cao hơn năng suất lao động của Campuchia (gấp 2,4 lần); Myanmar (1,6 lần); Lào (gấp 1,2 lần) [121, tr.32]

Bốn là, trách nhiệm công dân trong tham gia công việc chung của xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng.

Trách nhiệm xã hội là thước đo, chuẩn mực đạo đức cơ bản của người công dân trong chế độ mới ở nước ta và là yếu tố quan trọng để kiến tạo nếp sống mới. Tuy nhiên, trách nhiệm xã hội của một phận công dân chưa thực sự được đề cao, có mặt xuống cấp nghiêm trọng. Nhiều công dân thiếu tích cực tham gia các phong trào hoạt động xã hội do các cơ quan, đơn vị, địa phương phát động với nhiều biểu hiện khác nhau, nhất là: Thiếu tích cực, tự giác, biểu hiện hình thức, đối phó... Bên cạnh đó, một bộ phận công dân thiếu

quan tâm, thậm chí thờ ơ, vô cảm trong tham gia các đợt sinh hoạt chính trị, văn hóa, xã hội lớn, các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xã hội lớn hướng tới các nhiệm vụ chính trị quan trọng của đất nước, ngành, địa phương. Cá biệt, một số đối tượng công dân lợi dụng các hoạt động từ thiện để tìm cách đánh bóng tên tuổi, quảng bá hình ảnh cá nhân nhằm trục lợi.

Trách nhiệm công dân trong giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội chưa được đề cao. Trên thực tế một bộ phận công dân thiếu tự giác trong tham gia công tác này do tâm lý ngại va chạm, sợ bị trả thù. Hiện tượng thờ ơ, vô cảm trước hành vi vi phạm pháp luật còn phổ biến khiến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật ở nhiều địa phương gặp khó khăn. Đáng lo ngại trong số này có cả những cán bộ, đảng viên đang công tác tại các cơ quan nhà nước. Ý thức trách nhiệm công dân trong tham gia các phong trào vận động quần chúng đấu tranh với các hiện tượng vi phạm pháp luật còn nhiều hạn chế, yếu kém, nhất là biểu hiện hình thức dẫn đến hiệu quả thực tế chưa cao so với yêu cầu đề ra. Ý thức trách nhiệm công dân trong giúp đỡ, bảo vệ người tố giác tội phạm và vi phạm pháp luật còn thấp dẫn đến chưa hình thành dư luận xã hội tích cực trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Hiện tượng xâm phạm lợi ích chung của cộng đồng, xã hội diễn biến phức tạp dưới nhiều hình thức, mức độ, phạm vi khác nhau. Trong đó, biểu hiện rõ nhất là tệ nạn tham nhũng và tình trạng trốn thuế, buôn lậu, làm hàng giả. Tham nhũng trở thành quốc nạn, gây nhức nhối trong toàn Đảng, toàn xã hội đe dọa sự tồn vong của chế độ. Tại Đại hội XI, Đảng ta chỉ rõ: “Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp” [33, tr.173]. Đến Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Tham nhũng vẫn là một trong những nguy cơ đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ” [41, tr.213]. Số liệu thống kê cho thấy, kết quả đấu tranh phòng chống tham nhũng trong 10 năm (2012 - 2022):

Đã xử lý kỷ luật 2.740 tổ chức đảng và hơn 167.700 cán bộ, đảng viên, trong đó có hơn 190 cán bộ diện Trung ương quản lý (có 04 Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị; 36 Ủy viên Trung ương, nguyên Ủy viên Trung ương; hơn 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang); qua thanh tra, kiểm tra, kiến nghị xử lý trách nhiệm gần 44.700 tập thể, cá nhân, chuyển cơ quan điều tra, xử lý gần 1.200 vụ việc có dấu hiệu tội phạm [41, tr.26-27].

Thời gian vừa qua, dư luận đang chú ý theo dõi các phiên tòa xét xử tham nhũng, trong đó có 6 đại án tham nhũng, tiêu cực là “điển hình sai phạm” trên một số lĩnh vực:

Vụ án Kid Test Việt Á, FLC, Tân Hoàng Minh, AIC, Vạn Thịnh Phát và vụ án liên quan đang kiểm...không chỉ gây thiệt hại đặc biệt lớn cho tài sản chung của Nhà nước và xã hội mà còn gây hoang mang, mất niềm tin nghiêm trọng của công dân đối với sự suy thoái ĐĐCD của một bộ phận không nhỏ đảng viên, cán bộ, công chức.

Năm là, hành vi trốn thuế, buôn lậu, làm hàng giả ngày càng tinh vi, phổ biến đe dọa sự phát triển lành mạnh của đời sống KT-XH đất nước.

Trốn thuế không chỉ là hành vi trái pháp luật mà còn trái đạo đức. Các chế tài phòng chống tệ nạn trốn thuế đã có đủ, thể hiện tính nghiêm khắc và chặt chẽ. Tuy nhiên, một thực trạng đáng báo động hiện nay tình trạng “trốn thuế, chây thuế” vẫn diễn ra khá phổ biến, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Theo “Báo cáo chuyên đề về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế” của Cục quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế: “Tổng số tiền nợ thuế do ngành thuế quản lý ước tính đến thời điểm cuối năm 2022 là 122.918 tỷ đồng, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2021. Tỷ lệ tổng nợ thuế trên tổng thu năm 2022 ước tính 10,7%; tỷ lệ tổng nợ có khả năng thu trên tổng thu năm 2022 ước tính 7,1%” [123, tr.6].

Cùng với sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan chức năng, nhất là cơ quan thuế và ý thức tự giác đóng thuế của công dân được nâng cao, tình trạng nợ thuế đã được giảm thiểu song vẫn còn ở mức cao. Báo cáo nợ thuế năm 2023 cũng cho thấy: “Tổng số tiền thuế nợ ngành thuế quản lý ước tính đến thời điểm ngày 31/12/2023 là 163.591 tỷ đồng, tăng 2,6% so với thời điểm ngày 30/11/2023, tăng 10,7% so với thời điểm ngày 31/12/2022” [126, tr.4]. So sánh giữa hai năm (2022, 2023) là 40.673 tỷ đồng. Tình trạng nợ thuế đã tạo ra áp lực về thu ngân sách nhà nước và việc cân đối đầu tư công, bảo đảm an sinh xã hội, nhất là trong điều kiện nền kinh tế thế giới đối mặt với suy thoái nghiêm trọng do dịch bệnh, thiên tai và xung đột vũ trang.

Cùng với “trốn thuế”, “chây thuế”, buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại cũng đang hoành hành tới mức báo động. Sản xuất hàng giả đang diễn ra phổ biến hiện nay không chỉ đe dọa sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế mà nguy hiểm hơn nó ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người sử dụng vì đó là những hàng hóa không đảm bảo chất lượng. Thiệt hại từ những hành vi trái pháp luật, phi đạo đức đó là rất lớn, trước hết là những doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chân chính sau đó đến người tiêu dùng. Sản xuất, buôn bán hàng giả còn ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường cạnh tranh lành mạnh và thu hút đầu tư... Lợi nhuận phi pháp từ sản xuất, buôn bán hàng giả còn làm cho đạo đức bị tha hóa từ đồng tiền bất chính thu được, kéo theo đó là tệ nạn xã hội. Trong “Báo cáo kết quả công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024” chỉ rõ:

Kết quả năm 2023, các bộ, ngành, lực lượng chức năng, đơn vị, địa phương phát hiện, bắt giữ, xử lý 146.678 vụ vi phạm (tăng 4,95% so với cùng kỳ).

Trong đó, các đơn vị, địa phương phát hiện, bắt giữ 11.499 vụ mua bán, vận chuyển hàng cấm, hàng lậu (giảm 3,73% so với cùng kỳ); 129.713 vụ gian lận thương mại, gian lận về thuế (tăng 4,51% so với cùng kỳ); 5.464 vụ sản xuất, mua bán, vận chuyển hàng giả, kém chất lượng, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ (tăng 48% so với cùng kỳ) [5, tr.5].

Mặc dù, công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đã có nhiều chuyển biến góp phần ngăn chặn, đẩy lùi các hành vi vi phạm song diễn biến của các hoạt động trên ngày càng phức tạp với quy mô, mức độ ngày càng lớn. Nhiều vụ việc vi phạm thuộc nhiều loại hàng hóa, chất cấm như: ma túy, vũ khí, pháo nổ, vật liệu nổ, xăng, dầu, than, khoáng sản... gây thất thoát ngân sách, nguy hại cho an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và làm nảy sinh bức xúc trong dư luận xã hội.

Sáu là, hiện tượng trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc có chiều hướng gia tăng.

Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc là chuẩn mực hàng đầu của công dân đã được luật hóa trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật có liên quan ngay từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 cho đến nay. Tuy nhiên, không ít trường hợp công dân tìm cách trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Biểu hiện dễ nhận thấy đó là hiện tượng trốn nghĩa vụ quân sự diễn ra hiện nay. Thủ đoạn được nhiều thanh niên sử dụng để trốn tránh nghĩa vụ quân sự nhiều nhất là tìm cách làm sai lệch tình trạng sức khỏe của mình, lợi dụng tiểu xảo để không đủ tiêu chí nhập ngũ như: sử dụng thuốc tăng huyết áp, tăng mạch, khi khám thì nôn mửa, thuê khắc hình xăm lên cơ thể.... Bên cạnh đó, nhiều trường hợp tiếp tay cho kẻ thù thực hiện các hành vi đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc, xâm hại nghiêm trọng chủ quyền, an ninh quốc gia làm tay sai, gián điệp cho nước ngoài và các thế lực phản động.

Bên cạnh những ưu điểm, ý thức bảo vệ Tổ quốc của đối tượng học sinh, sinh viên còn bộc lộ một số hạn chế. Vẫn còn một bộ phận học sinh, sinh viên chưa nhận thức đầy đủ vị trí, trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; thậm chí còn biểu hiện mơ hồ, thiếu cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. Một số học sinh, sinh viên có dấu hiệu phai nhạt lý tưởng cách mạng, suy giảm chuẩn mực đạo đức, lối sống, chạy theo giá trị vật chất tầm thường, sống buông thả, thiếu kỷ cương, thờ ơ, lãnh đạm trước các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước. Những hạn chế này không chỉ tác động tiêu cực đến quá trình hình thành bản lĩnh chính trị của học sinh, sinh viên mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng tiềm lực bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ chế độ.

Bảy là, tư tưởng dân tộc vị kỷ, cực đoan còn tồn tại ở một bộ phận công dân.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, xu thế hòa bình, hợp tác, phát triển và liên kết khu vực, liên khu vực đang trở thành dòng chảy chủ đạo của thời đại. Các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống như xung đột

vũ trang, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng bố... đều đòi hỏi sự chung tay, phối hợp của nhiều quốc gia, vượt ra ngoài năng lực giải quyết đơn lẻ của từng quốc gia, dân tộc. Với chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, Việt Nam đã khẳng định vị thế và uy tín quốc tế ngày càng cao, được cộng đồng quốc tế đánh giá là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong các cơ chế, diễn đàn khu vực và toàn cầu.

Tuy nhiên, trong đời sống xã hội vẫn còn tồn tại hiện tượng lệch lạc trong nhận thức và hành vi của một bộ phận công dân, thể hiện qua tư tưởng dân tộc vị kỷ, cực đoan. Một số người có cái nhìn phiến diện, thiên cận, mang nặng định kiến dân tộc, không phản ánh đúng chủ trương đối ngoại rộng mở, tinh thần hữu nghị, hợp tác và phát triển vì lợi ích quốc gia - dân tộc mà Đảng và nhà nước ta kiên trì thực hiện. Biểu hiện cụ thể là tìm cách gieo rắc sự hoài nghi, thù địch, kích động tư tưởng bài ngoại, chia rẽ quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam với các quốc gia, đặc biệt là với các nước láng giềng.

Tư tưởng này dẫn đến thái độ đánh giá thiếu khách quan, cực đoan: có những dân tộc, quốc gia bị mặc định là “xấu”, “cần loại trừ”, “phải đối đầu”; ngược lại, một số quốc gia khác lại được mặc định là “tốt tuyệt đối”, “cần đi theo”, bất chấp thực tế quan hệ quốc tế vận động hết sức linh hoạt, phức tạp. Đáng chú ý, trong vụ việc Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương-981 vào vùng thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam năm 2014, các phần tử xấu đã kích động, lợi dụng lòng yêu nước của quần chúng để gây ra hành vi quá khích tại Kỳ Anh (Hà Tĩnh), làm tình hình an ninh trật tự phức tạp, gây thiệt hại về người và tài sản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hình ảnh, môi trường đầu tư, đối ngoại của đất nước.

3.2.2. Nguyên nhân hạn chế

Những hạn chế trong xây dựng ĐĐCD ở nước ta hiện nay bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan sau đây:

Một là, mặt trái của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường đã tác động tiêu cực đến quá trình xây dựng ĐĐCD

Bên cạnh những tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa và nâng cao dân trí, toàn cầu hóa cũng kéo theo những ảnh hưởng tiêu cực đến hệ giá trị đạo đức xã hội. Biểu hiện rõ nét nhất là sự gia tăng chủ nghĩa cá nhân thực dụng trong thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân ở một bộ phận không nhỏ người dân. Đồng thời, toàn cầu hóa cũng kéo theo xu hướng tuyệt đối hóa lợi ích cá nhân, xem nhẹ, thậm chí bất chấp lợi ích cộng đồng, xã hội. Ở một bộ phận công dân, tư tưởng đòi hỏi quyền lợi nhiều hơn sự hy sinh trách nhiệm đã hình thành, coi hưởng thụ là điều tất yếu, trong khi nghĩa vụ, bổn phận công dân bị xem nhẹ hoặc thờ ơ. Sự du nhập ồ ạt của lối sống và sản phẩm văn hóa từ bên ngoài nếu không có sự chọn lọc và định hướng đúng đắn, dễ khiến một bộ phận công dân xa rời các giá trị đạo đức truyền thống vốn phù hợp và cần thiết cho

thời kỳ hiện đại. Hệ quả là gia tăng các hành vi vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, lệch chuẩn đạo đức, thể hiện qua những biểu hiện như thờ ơ với cộng đồng, sống ích kỷ, cơ hội, giả dối, coi thường kỷ cương, luật pháp. Trong môi trường xã hội ấy, các giá trị vật chất ngày càng lấn át các giá trị tinh thần, khiến cho sự hy sinh và sẻ chia vì cộng đồng giảm sút, các hành vi ứng xử vì động cơ kinh tế thực dụng trở nên phổ biến hơn là dựa trên trách nhiệm đạo đức.

Bên cạnh đó, quá trình phát triển kinh tế thị trường bên cạnh vai trò to lớn trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế cũng tiềm ẩn những nguy cơ làm xói mòn ĐĐCD. Cơ chế kinh tế thị trường với yêu cầu tối đa hóa lợi ích cá nhân đã tạo điều kiện cho sự du nhập những giá trị văn hóa, lối sống ngoại lai không phù hợp, có nguy cơ ăn mòn, tha hóa các giá trị đạo đức vốn được vun đắp trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Bản chất của kinh tế thị trường là lấy lợi ích kinh tế làm động lực. Chủ thể của kinh tế thị trường là con người kinh tế, thường là những con người hoạt động vì mục tiêu tối đa hóa lợi ích. Trong khi đó, sự phát triển của nền pháp chế nhằm điều chỉnh hành vi, hướng hoạt động kinh tế cá nhân vào khuôn khổ pháp luật và đạo đức xã hội chỉ mang tính chất kiểm chế từ bên ngoài. Nội tại trong hoạt động của kinh tế thị trường vẫn tồn tại nguyên lý tối đa hóa lợi ích cá nhân, từ đó tạo ra xu hướng vi phạm đạo đức, thậm chí vi phạm pháp luật, trong hoạt động kinh tế cũng như ngoài kinh tế. Hệ quả là trong xã hội hiện nay, giá trị của một con người ngày càng bị đo đếm chủ yếu bằng thu nhập, thành đạt về mặt kinh tế, thay vì đánh giá toàn diện về năng lực, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm và khả năng cống hiến cho xã hội. Xu hướng này đã và đang làm gia tăng tình trạng chạy theo lợi nhuận bằng mọi giá, bất chấp chuẩn mực đạo lý, xâm phạm lợi ích tập thể và cộng đồng, kéo theo sự gia tăng các hành vi tiêu cực như buôn lậu, trốn thuế, gây ô nhiễm môi trường và vi phạm pháp luật.

Hai là, hệ thống pháp luật và chính sách KT-XH còn thiếu đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả thực thi chưa cao; chế tài xử lý vi phạm chưa nghiêm, thiếu sức răn đe.

Tính thống nhất, liên thông giữa các lĩnh vực luật pháp, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội chưa được bảo đảm chặt chẽ; nhiều chính sách ban hành còn mang tính ngắn hạn, chấp vá, chưa kịp thời điều chỉnh những biến động phức tạp của đời sống thực tiễn. Sự bất cập trong các quy định pháp luật, đặc biệt là sự thiếu cụ thể, thiếu khả năng thực thi của một số điều khoản, tạo ra những khoảng trống dễ bị lợi dụng để hợp thức hóa hành vi vi phạm. Trong khi đó, chế tài xử lý vi phạm ở nhiều lĩnh vực vẫn còn nhẹ, thiếu tính răn đe, thậm chí chưa đồng bộ giữa các cấp, các ngành, dẫn đến tình trạng “nhờn luật”, tâm lý xem nhẹ pháp luật, đạo đức lan rộng trong một bộ phận công dân. Bên cạnh đó, do chưa chú trọng thiết lập chế độ trách nhiệm pháp lý cá nhân gắn chặt với chức trách, nhiệm vụ. Trong nhiều trường hợp, vi phạm đạo đức, pháp luật diễn ra

nhưng việc truy cứu trách nhiệm cá nhân không rõ ràng hoặc xử lý nửa vời, dẫn tới hiệu ứng tiêu cực: vừa không răn đe được người vi phạm, vừa làm suy giảm niềm tin xã hội vào công lý và công bằng. Đặc biệt, đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên vốn được xã hội tôn trọng, tôn vinh là hình mẫu đạo đức, vừa là người thực thi pháp luật khi vi phạm mà không bị xử lý nghiêm minh sẽ tác động tiêu cực sâu rộng, không chỉ làm băng hoại đạo đức công chức mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến đạo đức xã hội, làm xói mòn lòng tin của nhân dân vào Đảng và chế độ.

Mặt khác, trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và toàn cầu hóa, tốc độ vận động của thực tiễn xã hội rất nhanh, đòi hỏi hệ thống pháp luật và chính sách phải có tính thích ứng, dự báo và điều chỉnh linh hoạt. Tuy nhiên, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở nước ta đôi khi vẫn còn chậm trễ, theo sau thực tiễn. Sự chậm thích ứng này khiến cho các biểu hiện suy thoái đạo đức phát sinh nhanh hơn khả năng kiểm soát, tạo ra độ “trễ” trong hiệu quả quản lý xã hội. Trong khi đó, sự thiếu gắn kết giữa giáo dục pháp luật, ĐĐCD với việc thực thi chế tài trong thực tế khiến cho nhiều giá trị đạo đức chỉ dừng lại ở mức tuyên truyền mà không đi vào chiều sâu nhận thức và hành vi công dân.

Ba là, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về xây dựng ĐĐCD chưa thực sự đầy đủ, toàn diện và sâu sắc.

Ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương, nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD chưa thực sự được coi trọng, chưa ngang tầm với các nhiệm vụ như: phát triển kinh tế hay xây dựng hệ thống chính trị, chủ yếu vẫn chỉ được xem như một nhiệm vụ phụ được lồng ghép với các nhiệm vụ chính trị khác. Vai trò hạt nhân lãnh đạo trung tâm của các tổ chức cơ sở đảng chưa được phát huy kịp thời. Điều này dẫn đến tình trạng chưa có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên và liên tục trong triển khai các chương trình, kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện đạo đức công dân. Trong khi đó, việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện lại chưa được tiến hành một cách nghiêm túc, hệ thống, khiến cho hiệu quả thực tế còn hạn chế, thiếu chiều sâu, chưa sát đối tượng.

Bên cạnh đó, một số cấp ủy, chính quyền địa phương còn thiếu tính chủ động, sáng tạo trong cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng con người Việt Nam nói chung và xây dựng ĐĐCD nói riêng. Nhiều chương trình hành động chưa có nội dung, tiêu chí và cơ chế đánh giá rõ ràng về xây dựng ĐĐCD, khiến cho việc triển khai thiếu tính khả thi, chưa tạo được sức lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội. Trong khi đó, công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá kết quả xây dựng ĐĐCD ở không ít nơi vẫn mang tính hình thức, định tính, chưa dựa trên các tiêu chí cụ thể, chưa gắn kết với công tác thi đua, khen thưởng hoặc đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Hệ quả là hiệu quả thực tế của công tác xây dựng ĐĐCD còn hạn

chế, chưa đi vào chiều sâu, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới.

Bốn là, sự thiếu tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của một bộ phận công dân.

Đạo đức nói chung, ĐĐCD nói riêng không phải là yếu tố bẩm sinh, cũng không mang tính bất biến mà là kết quả của quá trình tu dưỡng, rèn luyện liên tục, bền bỉ của từng công dân trong xã hội. Trong thực tiễn, khi quá trình tự tu dưỡng, rèn luyện bị xem nhẹ hoặc gián đoạn, đạo đức sẽ bị bào mòn, suy thoái. Việc thiếu ý thức tự giác rèn luyện, thiếu sự nghiêm khắc với bản thân, nhất là trong điều kiện môi trường xã hội phức tạp, nhiều cám dỗ tiêu cực, đã trở thành căn nguyên sâu xa của tình trạng suy thoái đạo đức ở một bộ phận công dân. Sự thiếu hụt trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức còn dẫn đến việc triển khai các chủ trương, chính sách về giáo dục, bồi dưỡng đạo đức, lối sống chưa thực sự đồng bộ, thiếu chiều sâu. Ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị, việc thực hiện còn hình thức, chiều lệ, chưa tạo được chuyển biến thực chất trong nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống.

Bên cạnh đó, một bộ phận công dân do thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nên hoạt động tự phê bình và phê bình trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư còn hình thức, nể nang, ngại va chạm, làm mất đi tính tự giác và tính chiến đấu cần thiết. Điều này tạo môi trường thuận lợi cho chủ nghĩa cá nhân nảy sinh, phát triển trong hệ thống chính trị và xã hội. Chủ nghĩa cá nhân với bản chất vị kỷ, thực dụng không chỉ làm tha hóa đạo đức cá nhân mà còn phá vỡ các chuẩn mực đạo đức xã hội, làm suy giảm lòng tin của Nhân dân, cản trở mục tiêu xây dựng con người mới XHCN. Hệ quả tất yếu là hình thành một bộ phận công dân có lối sống ích kỷ, thờ ơ với lợi ích tập thể, thậm chí sẵn sàng xâm hại lợi ích chung vì mục đích cá nhân, gây tổn hại nghiêm trọng tới sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Năm là, sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống.

Với mục tiêu xuyên suốt là xóa bỏ vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam, làm thay đổi chế độ chính trị và định hướng XHCN của đất nước, các thế lực thù địch, phản động đã và đang sử dụng những thủ đoạn hết sức thâm độc, nham hiểm. Chúng ra sức tuyên truyền, cổ súy lối sống thực dụng, hưởng lạc, tuyệt đối hóa “tự do cá nhân”, “dân chủ phương Tây”, xuyên tạc các giá trị truyền thống tốt đẹp, nhằm xóa mờ chuẩn mực đạo đức xã hội. Hệ quả là làm cho một bộ phận công dân hoang mang, hoài nghi về nền tảng đạo đức xã hội, ảo tưởng, đắm chìm vào các giá trị sống hưởng thụ, thực dụng.

Đặc biệt, bằng việc lợi dụng sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống truyền thông đại chúng, mạng xã hội và các phương tiện kỹ thuật số hiện đại, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đã khuếch tán những tư tưởng lệch lạc về lối sống, đạo đức, văn hóa, kích thích lối sống thực dụng, thích hưởng thụ trong một bộ phận công dân. Chúng tập trung vào đối tượng công dân trẻ, có trình độ dân trí còn hạn chế hoặc tầng lớp trí thức bậc cao

có tư tưởng bất mãn coi đây là “điểm yếu” cần khai thác trong chiến lược toàn cầu phản cách mạng, đồng thời tìm cách gây hoài nghi, mất phương hướng về lý tưởng sống, làm xói mòn ý thức trách nhiệm công dân, làm phai nhạt lý tưởng cách mạng của nhiều đối tượng công dân.

3.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.3.1. Thách thức trong việc thu hẹp khoảng cách giữa chuẩn mực đạo đức và hành vi đạo đức thực tế của công dân

Một trong những vấn đề lớn đặt ra trong quá trình xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay là khoảng cách còn khá xa giữa hệ thống chuẩn mực đạo đức đã được xã hội thừa nhận với việc hiện thực hóa các chuẩn mực đó trong hành vi đạo đức cụ thể của công dân. Đây không chỉ là khó khăn mang tính kỹ thuật trong giáo dục đạo đức, mà còn là thách thức lâu dài, tác động trực tiếp đến hiệu quả xây dựng con người mới XHCN.

Trong suốt tiến trình xây dựng và hoàn thiện chế độ dân chủ XHCN, hệ giá trị đạo đức công dân ở Việt Nam từng bước được hình thành, củng cố và phát triển, thể hiện thông qua những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản như: yêu nước, trung thành với Tổ quốc, tôn trọng và chấp hành pháp luật, đề cao trách nhiệm với cộng đồng... Tuy nhiên, việc chuyển hóa những chuẩn mực đạo đức đó thành hành vi đạo đức thường nhật của công dân trong đời sống xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đạt được yêu cầu đặt ra. Thực tiễn cho thấy, không ít trường hợp cá nhân công dân, đặc biệt là một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức vốn được xã hội tôn vinh là những công dân ưu tú, công dân kiểu mẫu, có vị trí, vai trò và ảnh hưởng lớn trong xã hội nhưng không ít người lại có những hành vi đi ngược lại các chuẩn mực đạo đức công dân. Các biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực như lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi cá nhân không chỉ vi phạm pháp luật mà còn trực tiếp phủ nhận những giá trị đạo đức cốt lõi mà xã hội đề cao, làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào bộ máy công quyền, ảnh hưởng đến uy tín và hiệu lực quản lý của Nhà nước, đồng thời gây ra những hệ lụy tiêu cực trong đời sống đạo đức xã hội. Bên cạnh đó, trong đời sống xã hội nói chung, nhiều hành vi lệch chuẩn về đạo đức như vi phạm trật tự an toàn giao thông, gian lận trong kinh doanh, vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, ứng xử thiếu văn hóa nơi công cộng, buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại... vẫn diễn ra khá phổ biến. Đáng lưu ý là những hành vi này nhìn chung chưa bị dư luận xã hội phê phán một cách mạnh mẽ, kịp thời, thậm chí trong một số trường hợp còn được coi là “bình thường hóa”, coi như những hiện tượng khó tránh trong đời sống thường ngày. Thực trạng đó phản ánh sự suy giảm hiệu lực điều chỉnh của các chuẩn mực đạo đức xã hội, cũng như những

hạn chế trong vai trò điều tiết của dư luận xã hội vốn là một kênh quan trọng trong việc định hướng và củng cố hành vi đạo đức của công dân.

Để giải quyết những khó khăn, thách thức trên đòi hỏi phải có những phương hướng, giải pháp phù hợp nhằm khắc phục tình trạng tách rời giữa giáo dục đạo đức với thực hành đạo đức, giữa việc tuyên truyền, giáo dục chuẩn mực đạo đức với việc tạo lập điều kiện và cơ chế để công dân tự giác thực hiện các chuẩn mực đó trong đời sống xã hội. Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ giữa giáo dục đạo đức, thực thi pháp luật và xây dựng môi trường văn hóa, xã hội lành mạnh, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc định hướng và điều chỉnh hành vi đạo đức của công dân.

3.3.2. Thiếu đồng bộ giữa nội dung giáo dục đạo đức công dân và môi trường đạo đức xã hội

Với sự chung tay của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, thông qua các phương tiện truyền thông, các phòng trào hoạt động xã hội, ở các gia đình, trong các nhà trường, các chuẩn mực ĐĐCD được lan tỏa tới nhiều đối tượng công dân khác nhau. Tuy nhiên, khi bước ra khỏi không gian giáo dục ấy, người công dân, đặc biệt là lớp trẻ lại đối mặt với một môi trường xã hội phức tạp, nơi mà nhiều hành vi lệch chuẩn không những không bị phê phán, mà còn có xu hướng được “bình thường hóa”. Thực tế này gây ra khủng hoảng niềm tin và xung đột trong nhận thức đạo đức trong một bộ phận công dân.

Các đối tượng công dân được tuyên truyền, giáo dục rằng “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, “đóng thuế là quyền và nghĩa vụ của công dân” nhưng lại chứng kiến những hiện tượng lách luật, trốn thuế, thậm chí tự cho mình đứng trên hoặc đứng ngoài pháp luật. Họ được dạy sống có trách nhiệm với cộng đồng “mình vì mọi người, mọi người vì mình” nhưng lại thấy quanh mình các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, vụ lợi ngày càng phổ biến. Những giá trị ĐĐCD được được học, được tuyên truyền và tuyên dương trở nên lạc lõng, thậm chí bị coi là “ngây thơ” trong môi trường còn tồn tại những hiện tượng bất công, bất bình đẳng do những công dân làm việc trong bộ máy công quyền tự đặt ra cho mình những đặc quyền. Khi môi trường sống không đồng thuận với nội dung giáo dục đạo đức, người công dân dễ rơi vào trạng thái hoài nghi, hoặc lựa chọn “thích nghi” để tồn tại, từ đó dẫn đến các hiện tượng “biến dạng” đạo đức. Đây là những bất cập sâu sắc, đặt ra yêu cầu phải xây dựng một môi trường đạo đức lành mạnh hơn, nơi các chuẩn mực ĐĐCD không chỉ được viết tới trong sách vở, trong khẩu hiệu tuyên truyền mà còn hiện diện trong từng hành vi đạo đức hàng ngày của công dân. Đồng thời, cần phải xác lập cơ chế gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục đạo đức với xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, trong đó hành vi đạo đức đúng đắn phải được bảo vệ, khuyến khích, còn các hành vi lệch chuẩn cần bị phê phán, điều chỉnh kịp thời. Bên cạnh đó, vấn đề phát huy vai trò nêu gương của các chủ thể có trách nhiệm xã hội, nhất là

những người giữ vị trí chủ trì trong bộ máy công quyền, nhằm tạo sự thống nhất giữa “điều được dạy” và “điều được thấy” trong đời sống hằng ngày của công dân.

3.3.3. Bất cập giữa nhận thức về quyền và ý thức về nghĩa vụ của công dân

Sự bất cập giữa nhận thức về quyền và ý thức về nghĩa vụ của công dân đang trở thành một vấn đề đáng lo ngại, thể hiện sự lệch lạc trong cách nhìn nhận và thực hành các chuẩn mực đạo đức trong đời sống của công dân. Trong quá trình phát triển của xã hội dân chủ và nhà nước pháp quyền, công dân ngày càng có điều kiện tiếp cận thông tin, nâng cao nhận thức về các quyền của mình như quyền được phục vụ, quyền giám sát hoạt động của cơ quan công quyền, quyền tự do ngôn luận... Tuy nhiên, sự phát triển nhận thức về quyền lợi này lại không đi kèm với sự trưởng thành về ý thức nghĩa vụ vốn là một thành tố cốt lõi trong ĐĐCD. Nhiều công dân sẵn sàng đòi hỏi quyền lợi một cách mạnh mẽ, nhưng lại thờ ơ với các nghĩa vụ cơ bản như tuân thủ pháp luật, đóng góp thuế xây dựng nhà nước hay tham gia vào các hoạt động thể hiện trách nhiệm cộng đồng...

Tình trạng “hưởng quyền mà quên nghĩa vụ” không chỉ phản ánh sự thiếu cân bằng trong nhận thức công dân mà còn làm xói mòn nền tảng đạo đức xã hội dựa trên trách nhiệm và sự đóng góp lẫn nhau giữa nhà nước và công dân. Đặc biệt, trên không gian mạng khi tốc độ truyền thông và bày tỏ ý kiến vượt xa tốc độ điều chỉnh của đạo đức truyền thống thì hiện tượng này càng trở nên phổ biến. Người ta dễ dàng chỉ trích, phê phán, đòi hỏi nhưng lại thiếu ý thức tự soi, tự sửa các hành vi của chính mình hoặc không sẵn lòng tuân theo quy chuẩn đạo đức và pháp luật. Bất cập này cho thấy một thực tế rằng, để xây dựng ĐĐCD thực chất cần không chỉ khuyến khích quyền công dân mà còn phải giáo dục mạnh mẽ hơn nữa về nghĩa vụ công dân. Do đó, một vấn đề quan trọng là làm thế nào để quyền công dân không bị hiểu lệch thành sự thụ hưởng đơn thuần, tách rời khỏi trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ đối với Nhà nước, cộng đồng. Đồng thời, thực tiễn cũng đặt ra yêu cầu phải đổi mới nội dung và phương thức giáo dục đạo đức công dân theo hướng cân bằng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ, nhất là trong điều kiện xã hội số, khi hành vi thể hiện quyền diễn ra nhanh, rộng nhưng thiếu cơ chế tự điều chỉnh tương xứng. Đồng thời, cần giải quyết vấn đề xây dựng cơ chế pháp lý, xã hội và văn hóa nhằm khuyến khích công dân thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, coi đó là tiêu chí quan trọng đánh giá phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công dân trong xã hội hiện nay.

3.3.4. Bất cập giữa yêu cầu kế thừa truyền thống đạo đức dân tộc với tiếp thu các chuẩn mực đạo đức công dân hiện đại

Đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam vốn được hình thành qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, được sản sinh trên nền tảng nền kinh tế nông nghiệp lúa nước, trong mối quan hệ Nhà - Làng - Nước. Điều kiện kinh tế - xã hội ấy làm nảy sinh những giá trị đạo đức cao quý vốn đề cao sự dung hòa (khiêm nhường, nhẫn nhịn, giữ hòa

khí, “dĩ hòa vi quý”...) trong các quan hệ xã hội. Những phẩm chất này có vai trò quan trọng góp phần xây dựng một xã hội ổn định, gắn bó hài hòa về mặt lợi ích nhưng đồng thời cũng dễ dẫn đến tâm lý ngại va chạm, né tránh xung đột, kể cả khi đối diện với bất công hay sai trái. Ngược lại, ĐĐCD trong xã hội hiện đại lại đặt ra yêu cầu mới đối với công dân. Họ không chỉ biết sống tốt trong phạm vi gia đình hay cộng đồng nhỏ mà còn cần chủ động tham gia vào đời sống xã hội, sẵn sàng lên tiếng trước các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ lợi ích chung và đấu tranh phê phán các hành vi buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại... ảnh hưởng đến lợi ích chung của cộng đồng. Điều này đòi hỏi tinh thần phản biện, trách nhiệm công dân và ý thức về quyền và nghĩa vụ trong một xã hội dân chủ pháp quyền. Trong khi đó, trình độ dân chủ của công dân tuy được nâng cao nhưng nhìn chung còn chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, khiến cho việc giải quyết mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ gặp nhiều khó khăn.

Sự “lệch pha” giữa hai hệ giá trị ấy khiến cho nhiều công dân dù hiểu rõ điều đúng sai vẫn chọn cách im lặng, làm ngơ, hoặc biện minh bằng lối suy nghĩ “không phải việc của mình”. Tâm lý e dè, sợ rắc rối khi góp ý, tố giác tiêu cực hay thậm chí chỉ đơn giản là phản hồi một dịch vụ công kém hiệu quả... phản ánh rõ ràng sự mâu thuẫn giữa cái “đạo” truyền thống và cái “trách nhiệm” của người công dân hiện đại. Giải quyết bất cập này không có nghĩa là phủ nhận giá trị đạo đức truyền thống mà cần biết chọn lọc, chuyển hóa chúng thành nền tảng cho những hành vi đạo đức phù hợp với bối cảnh mới hiện nay. Do đó, bên cạnh việc đề cao ý thức, trách nhiệm công dân cần chủ động xây dựng nhà nước pháp quyền và thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN với vai trò là các nền tảng chính trị, kinh tế làm bệ đỡ cho việc nâng cao trình độ dân chủ của công dân.

3.3.5. Khó khăn trong việc xác lập ranh giới giữa tính hợp pháp và tính hợp đạo trong ứng xử đạo đức của công dân

Pháp luật với tư cách là hệ thống quy tắc bắt buộc, chỉ có thể điều chỉnh những hành vi cụ thể, rõ ràng và có thể định lượng, trong khi ĐĐCD lại bao hàm những giá trị gắn với ý thức tự giác, nhân văn, thể hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với xã hội. Khi hành vi không vi phạm pháp luật nhưng lại trái với lương tâm, đạo lý thì mâu thuẫn này sẽ bộc lộ một cách rõ ràng. Chẳng hạn, việc “lách luật” để trốn tránh nghĩa vụ thuế, dù không cấu thành tội phạm, lại đi ngược lại nguyên tắc công bằng và nghĩa vụ đóng góp xây dựng nhà nước. Những hành vi như xả rác bừa bãi, thờ ơ, vô cảm trước các biểu hiện tiêu cực xã hội... tuy không bị xử phạt nhưng lại làm suy giảm chuẩn mực văn hóa, gây ảnh hưởng đến môi trường đạo đức chung.

Sự thiếu đồng bộ giữa pháp luật và đạo đức một phần đến từ chính giới hạn của pháp luật vốn không thể bao trùm hết mọi khía cạnh ứng xử trong đời sống. Nhưng mặt khác, cũng cho thấy dư luận xã hội chưa đủ mạnh để điều chỉnh hành vi lệch chuẩn, thậm chí đôi khi còn dễ dãi, bỏ qua hoặc mặc nhiên chấp nhận những hành vi “không sai

luật” nhưng rõ ràng là “sai đạo”. Để thu hẹp khoảng cách này, cần nâng cao vai trò của giáo dục ĐĐCD trong việc nâng cao nhận thức, điều chỉnh hành vi đạo đức. Song song với đó, cần chú trọng xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật công bằng, dân chủ, văn minh và thể chế hóa các chuẩn mực ĐĐCD thành các quy định của pháp luật cụ thể. Nghĩa là, sức mạnh điều chỉnh hành vi của pháp luật và sức mạnh điều chỉnh của đạo đức bằng việc đề cao ý thức tự giác phải cân đối, hài hòa, trong nhiều trường hợp có thể nhấn mạnh các chế tài pháp luật, nhất là trong điều kiện trình độ dân chủ của công dân còn nhiều hạn chế, bất cập. Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, công dân không chỉ sống trong không gian thực mà còn hoạt động trong không gian số với những chuẩn mực đạo đức tương ứng. Tuy nhiên, nhiều chủ thể từ cơ quan quản lý, tổ chức xã hội đến từng công dân vẫn chưa nhận thức đầy đủ về đặc trưng và yêu cầu của đạo đức công dân số. Năng lực ứng xử, hành vi văn hóa, trách nhiệm và bản lĩnh trong môi trường số còn hạn chế, dẫn đến những biểu hiện lệch chuẩn, thậm chí vi phạm pháp luật.

Từ những khó khăn, bất cập trong việc phân định ranh giới giữa tính hợp pháp và tính hợp đạo trong ứng xử của công dân, đặt ra vấn đề cần có cơ chế kết hợp hiệu quả giữa điều chỉnh hành vi bằng pháp luật và điều chỉnh hành vi bằng đạo đức trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Thực tiễn cho thấy, nếu chỉ nhấn mạnh tính hợp pháp mà xem nhẹ yêu cầu hợp đạo, đạo đức công dân dễ bị giản lược thành sự tuân thủ hình thức; ngược lại, nếu chỉ trông chờ vào ý thức tự giác mà thiếu sự bảo đảm pháp lý thì hiệu lực điều chỉnh hành vi sẽ không bền vững. Do đó, cần giải quyết vấn đề thể chế hóa phù hợp các chuẩn mực đạo đức công dân thành quy định pháp luật, đồng thời nâng cao vai trò của giáo dục đạo đức trong việc hình thành năng lực tự điều chỉnh hành vi của công dân, nhất là trong không gian số. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng đạo đức công dân vừa phù hợp với chuẩn mực pháp lý, vừa đáp ứng yêu cầu nhân văn của xã hội hiện đại.

Tiểu kết chương 3

Cùng với những thành tựu vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, công tác xây dựng đạo đức công dân đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản dành cho các đối tượng công dân từng bước được xác lập; nhiều nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được ban hành nhằm ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức; các phương thức xây dựng đạo đức công dân ngày càng được chú trọng triển khai trong các cấp, các ngành và các lĩnh vực của đời sống xã hội. Những kết quả đó góp phần hình thành, củng cố, phát triển và hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, đồng thời tạo nền tảng tinh thần quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình xây dựng đạo đức công dân vẫn bộc lộ không ít hạn chế, bất cập. Việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức còn thiếu đồng bộ; hiệu quả triển khai một số nghị quyết, chỉ thị về phòng, chống suy thoái đạo đức chưa cao; nhiều phương thức giáo dục, bồi dưỡng đạo đức công dân chậm được đổi mới, chưa phù hợp với đặc điểm đối tượng và yêu cầu thực tiễn. Đáng chú ý, tình trạng suy thoái ĐĐCD diễn biến phức tạp, cho thấy những hạn chế trong công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức cũng như trong việc phát huy vai trò chủ thể, tính tự giác của công dân trong tiếp nhận và chuyển hóa các giá trị đạo đức vào quá trình tự hoàn thiện nhân cách.

Thực trạng nêu trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nổi bật là tác động tiêu cực của mặt trái toàn cầu hóa và kinh tế thị trường đối với hệ giá trị đạo đức xã hội. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật và chính sách kinh tế - xã hội ở một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ, chưa tạo được hành lang đủ mạnh để bảo vệ và phát huy các chuẩn mực đạo đức công dân. Nhận thức của một bộ phận cấp ủy, chính quyền địa phương về vai trò, ý nghĩa của công tác xây dựng đạo đức công dân còn chưa đầy đủ, dẫn đến việc tổ chức thực hiện chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt. Đồng thời, sự suy giảm ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của một bộ phận công dân cũng là nguyên nhân trực tiếp làm gia tăng các biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức. Đáng chú ý, các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng những hạn chế, yếu kém đó để đẩy mạnh hoạt động chống phá, thúc đẩy “diễn biến hòa bình”, tác động tiêu cực đến đời sống đạo đức và niềm tin xã hội.

Từ thực trạng xây dựng ĐĐCD, luận án đã khái quát một số vấn đề đặt ra đối với nhiệm vụ đẩy mạnh xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay. Đây là những bất cập nảy sinh từ thực trạng xây dựng ĐĐCD hiện nay như: Thách thức trong việc thu hẹp khoảng cách giữa chuẩn mực đạo đức và hành vi công dân thực tế; thiếu đồng bộ giữa nội dung giáo dục ĐĐCD và môi trường đạo đức xã hội; bất cập giữa nhận thức về quyền và ý thức về nghĩa vụ của công dân; bất cập giữa yêu cầu kế thừa truyền đạo đức dân tộc với các chuẩn mực ĐĐCD hiện đại; khó khăn trong việc xác lập ranh giới giữa tính hợp pháp và tính hợp đạo trong ứng xử đạo đức của công dân. Những vấn đề lý luận ở Chương 2 và thực trạng xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam ở Chương 3; đặc biệt, từ những vấn đề đặt ra là cơ sở để tác giả luận án dự báo nhân tố tác động, đề xuất yêu cầu và các nhóm giải pháp nhằm đẩy mạnh xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay.

Chương 4

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG, YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Quá trình xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay chịu sự tác động đan xen của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, có mối quan hệ biện chứng, tạo ra những ảnh hưởng đa chiều, vừa tích cực, vừa tiêu cực.

4.1.1. Tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng

Trong thời gian tới, xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sẽ tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, ngày càng sâu rộng, trở thành một đặc trưng nổi bật của thời đại. Mặc dù có những diễn biến phức tạp, khó lường do ảnh hưởng của cạnh tranh địa chính trị, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cường quyền nước lớn và chủ nghĩa bảo hộ nhưng tiến trình toàn cầu hóa vẫn là một động lực khách quan, không thể đảo ngược. Dưới tác động của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0, quá trình hội nhập sẽ không chỉ diễn ra tuyến tính mà còn mang tính nhảy vọt, với cường độ và phạm vi ảnh hưởng rộng lớn hơn trước, tạo ra cả cơ hội lớn và thách thức không nhỏ đối với việc đẩy mạnh xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam.

Về mặt tích cực, hội nhập quốc tế sẽ tiếp tục mở rộng không gian tiếp xúc và giao lưu văn hóa, cho phép Việt Nam tiếp cận rộng hơn, sâu hơn với các giá trị đạo đức phổ quát của nhân loại. Những giá trị như tôn trọng pháp quyền, đề cao trách nhiệm cộng đồng, năng lực phản biện xã hội... sẽ được lan tỏa mạnh mẽ thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, giao lưu học thuật và văn hóa xuyên quốc gia. Trong bối cảnh đó, các đối tượng công dân Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ sẽ có điều kiện nâng cao trình độ nhận thức, hoàn thiện hệ giá trị đạo đức cá nhân theo hướng hội nhập nhưng vẫn gắn bó với bản sắc văn hóa dân tộc. Việc tham gia vào các tổ chức quốc tế, cam kết và thỏa thuận đa phương sẽ tạo sức ép tích cực buộc Việt Nam hoàn thiện thể chế pháp luật, tăng cường minh bạch, cải thiện đạo đức công vụ trong đội ngũ cán bộ, công chức. Điều này không chỉ góp phần củng cố niềm tin xã hội mà còn tạo môi trường thuận lợi để các chuẩn mực ĐĐCD không ngừng được củng cố, phát triển và hoàn thiện. Bên cạnh đó, quá trình toàn cầu hóa sẽ tiếp tục tạo ra những cá nhân năng động, sáng tạo, có tinh thần hội nhập và khả năng thích ứng cao, từng bước hình thành lớp công dân toàn cầu mang đặc trưng của người Việt Nam trong thời đại mới.

Tuy nhiên, dự báo toàn cầu hóa sẽ tiếp tục kéo theo nhiều hệ lụy tiêu cực đối với nền tảng đạo đức xã hội nói chung và ĐĐCD nói riêng. Trước hết, sự gia tăng du nhập các giá trị đạo đức, văn hóa ngoại lai, trong đó không ít giá trị xa lạ, lệch chuẩn, thậm chí đối lập với truyền thống đạo đức dân tộc. Các sản phẩm văn hóa độc hại với nội dung bạo lực, khiêu dâm, cổ súy chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, hưởng thụ sẽ tiếp tục len lỏi vào đời sống xã hội thông qua không gian mạng và các nền tảng truyền thông xuyên biên giới. Do đó, nếu không có cơ chế kiểm soát, sàng lọc hiệu quả, một bộ phận công dân, nhất là giới trẻ, sẽ dễ bị lôi kéo vào lối sống buông thả, lệch lạc, dẫn đến suy giảm phẩm chất đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân. Toàn cầu hóa sẽ tiếp tục làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, từ đó tạo ra những biểu hiện lệch chuẩn về tâm lý xã hội như tâm lý so sánh, mặc cảm, bất mãn và hoài nghi về công lý. Một bộ phận công dân có thể rơi vào trạng thái thờ ơ, vô cảm với cộng đồng, mất niềm tin vào các giá trị đạo đức truyền thống, từ đó gia tăng hành vi tiêu cực, thậm chí vi phạm pháp luật. Mặt khác, sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng và tương tác ảo cũng được dự báo là yếu tố làm gia tăng lối sống biệt lập, khép kín, làm đứt gãy các mối quan hệ xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các giá trị đạo đức truyền thống vốn đề cao lòng nhân ái, ý thức cộng đồng và khả năng chia sẻ trách nhiệm chung.

Đáng lo ngại hơn, trong bối cảnh toàn cầu hóa, các thế lực thù địch sẽ tiếp tục triệt để lợi dụng các nền tảng truyền thông số để đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, nhất là về đạo đức, lối sống. Theo đó, các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng sẽ diễn ra tinh vi hơn, thông qua việc gieo rắc hoài nghi, cổ súy lối sống tự do cá nhân, vô pháp, phá bỏ nền tảng đạo đức truyền thống nhằm thúc đẩy quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đồng thời, việc Việt Nam cần điều chỉnh chính sách, pháp luật và thể chế để phù hợp với các cam kết quốc tế đã ký kết cũng có thể gây ra những phản ứng trái chiều, dễ bị các phần tử phản động, cực đoan khai thác để kích động tâm lý bất mãn, phủ nhận giá trị đạo đức truyền thống, hướng lái sự phát triển của đất nước theo mô hình quản trị phương Tây.

4.1.2. Tác động từ sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ hiện đại

Mối quan hệ giữa khoa học và công nghệ với đạo đức là mối quan hệ phức hợp giữa các thành tố của ý thức xã hội. Các thành tố này không chỉ phản ánh tồn tại xã hội mà còn tác động qua lại lẫn nhau, tạo thành một chuỗi ảnh hưởng liên tục, sâu rộng đến hành vi, chuẩn mực và giá trị đạo đức của mỗi cá nhân, tổ chức, cộng đồng. Trong bối cảnh cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư ngày càng lan tỏa sâu rộng, khoa học và công nghệ đã và đang trở thành một trong những nhân tố có ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có ĐĐCD. Với sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật, thực tế ảo, tự động hóa và mạng xã hội, các mối quan hệ

xã hội, phương thức tương tác và hành vi của con người đang không ngừng biến đổi. Thời gian tới, khoa học và công nghệ sẽ tiếp tục làm thay đổi sâu sắc cấu trúc xã hội, kéo theo sự thay đổi về hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức, đặt ra nhiều thách thức nhưng đồng thời cũng mở ra nhiều cơ hội cho việc hình thành và củng cố ĐĐCD trong thời đại mới.

Ở góc độ tích cực, có thể nhận thấy rằng khoa học và công nghệ tạo ra những điều kiện thuận lợi để ĐĐCD được mở rộng cả về nội dung lẫn không gian biểu hiện. Trong xã hội số, các hành vi đạo đức không còn giới hạn trong những tương tác trực tiếp mà đã lan rộng sang không gian mạng. Thông qua các nền tảng số, công dân có cơ hội tiếp cận với tri thức nhân loại một cách nhanh chóng, từ đó nâng cao nhận thức về đạo đức, thúc đẩy những hành vi sống có trách nhiệm, nhân ái, minh bạch hơn. Không gian mạng cũng tạo điều kiện để các hoạt động thiện nguyện, các phong trào xã hội mang tính nhân văn được lan tỏa sâu rộng và nhanh chóng, khơi dậy tinh thần tương thân tương ái, trách nhiệm cộng đồng của mỗi người. Đồng thời, việc ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại trong quản lý xã hội còn góp phần nâng cao tính minh bạch, khả năng giám sát và phản biện xã hội, từ đó thúc đẩy các chủ thể xã hội, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức phải nâng cao đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội. Khoa học và công nghệ hiện đại, khi được sử dụng đúng mục đích sẽ trở thành công cụ hữu hiệu góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng và văn minh.

Tuy nhiên, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ cũng đặt ra những hệ quả tiêu cực, nếu không có sự định hướng, kiểm soát và giáo dục kịp thời. Việc con người ngày càng phụ thuộc vào khoa học và công nghệ trong giao tiếp khiến cho tương tác xã hội trực tiếp bị thu hẹp, từ đó làm giảm đi tính gắn kết cộng đồng, dễ dẫn tới lối sống thờ ơ, vô cảm, đặc biệt ở giới trẻ. Không gian mạng dù là nơi lan tỏa điều tốt đẹp cũng đồng thời là môi trường phát tán những nội dung lệch chuẩn, độc hại, cổ xúy cho chủ nghĩa cá nhân cực đoan, lối sống thực dụng, buông thả, coi nhẹ đạo lý, trách nhiệm và truyền thống văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, sự phát triển của khoa học và công nghệ còn góp phần làm xuất hiện tình trạng sống ảo, lười lao động, tâm lý thích hưởng thụ, thiếu kiên trì trong nhiều đối tượng công dân, nhất là giới trẻ. Mặt khác, khoảng cách về năng lực tiếp cận công nghệ giữa các nhóm xã hội dễ tạo ra nguy cơ bất bình đẳng đạo đức, khi một bộ phận công dân không theo kịp tiến trình chuyển đổi số dễ bị cuốn theo các biểu hiện suy thoái đạo đức mà bản thân họ không đủ khả năng nhận diện hay phản kháng.

4.1.3. Tác động của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Trong thời gian tới, kinh tế thị trường định hướng XHCN sẽ tiếp tục là cơ chế quản lý kinh tế chủ đạo, giữ vai trò then chốt trong tiến trình phát triển đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Việt Nam sẽ kiên định con đường phát triển nền kinh tế thị trường mang tính đặc thù, kết hợp giữa quy luật thị trường với định hướng XHCN nhằm bảo đảm hài

hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Cơ chế này sẽ tiếp tục tác động sâu sắc đến đời sống ĐĐCD, cả về chiều tích cực lẫn tiêu cực, đòi hỏi phải có những chiến lược, chính sách chủ động để phát huy giá trị và kiểm soát mặt trái của nó.

Về phương diện tích cực, sự phát triển ổn định của kinh tế thị trường định hướng XHCN được dự báo sẽ tiếp tục tạo ra nguồn lực vật chất dồi dào, tạo tiền đề quan trọng để nâng cao đời sống nhân dân và ổn định xã hội. Khi thu nhập của người dân được cải thiện, khoảng cách giàu nghèo được kiểm soát, an sinh xã hội được đảm bảo, niềm tin của công dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước sẽ ngày càng được củng cố. Do đó, nếu các chính sách phát triển KT-XH phát huy được vai trò trung tâm của con người, với tư cách vừa là mục tiêu, vừa là động lực chủ yếu của quá trình phát triển thì nền tảng ĐĐCD trong xã hội sẽ tiếp tục được củng cố, phát triển trên cơ sở giải quyết hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội của công dân. Bên cạnh đó, tính năng động, linh hoạt của cơ chế thị trường vận hành theo các quy luật cung - cầu, giá trị, cạnh tranh và trao đổi hàng hóa sẽ thúc đẩy tinh thần chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của mỗi cá nhân. Trên cơ sở đó sẽ góp phần hình thành thể hệ công dân mới có ý thức làm chủ, có năng lực phản biện và tinh thần khởi nghiệp mạnh mẽ vốn là những yếu tố cần thiết để thúc đẩy trách nhiệm xã hội và sự tự giác trong thực hiện nghĩa vụ công dân. Khi các quyền tự do, dân chủ, đặc biệt là các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội và dân sự ngày càng được đảm bảo thông qua môi trường kinh tế mở và minh bạch thì ĐĐCD sẽ có điều kiện để phát triển đa chiều, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới và hội nhập. Đặc biệt, với định hướng XHCN, Việt Nam sẽ tiếp tục coi trọng vai trò của đạo đức trong phát triển kinh tế. Các chính sách hướng tới nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI), phát triển bền vững, cân bằng giữa lợi ích vật chất và giá trị tinh thần sẽ góp phần hình thành những giá trị ĐĐCD gắn với yêu cầu mới của xã hội như trung thực, trách nhiệm, sáng tạo và cống hiến.

Ở chiều ngược lại, mặt trái của kinh tế thị trường sẽ tiếp tục tác động tiêu cực đến đời sống đạo đức nếu không được kiểm soát chặt chẽ và chủ động. Quy luật cạnh tranh khốc liệt và sức ép lợi nhuận có thể làm nảy sinh những hành vi thiếu đạo đức trong kinh doanh và đời sống xã hội, từ gian lận thương mại, trốn thuế, buôn lậu cho đến tham nhũng, hối lộ và lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa. Trong điều kiện thiếu công khai, minh bạch, một bộ phận không nhỏ công dân sẽ tiếp tục lợi dụng kẽ hở của pháp luật để trục lợi, từ đó làm xói mòn niềm tin xã hội, suy giảm các giá trị đạo đức như trung thực, công bằng, liêm chính và trách nhiệm cộng đồng. Sự phân hóa giàu - nghèo được dự báo sẽ tiếp tục diễn ra phức tạp hơn trong nền kinh tế thị trường. Điều này có nguy cơ gây ra tâm lý bất mãn, đố kỵ, hoặc thu hẹp khả năng tham gia xã hội của một bộ phận người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế. Tình trạng bất bình đẳng không chỉ tạo ra khoảng cách về thu nhập mà còn dẫn đến khoảng cách trong tiếp cận các giá trị đạo đức, văn hóa, làm đứt gãy

liên kết cộng đồng, ảnh hưởng đến tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái vốn là nền tảng đạo đức truyền thống của dân tộc. Mặt khác, cơ chế thị trường nếu không được kiểm soát và định hướng đúng sẽ tiếp tục thúc đẩy xu hướng thương mại hóa các mối quan hệ xã hội, làm giảm sút các giá trị ĐĐCD tốt đẹp nếu không có cơ chế quản lý xã hội có hiệu quả từ phía Nhà nước và sự nâng cao tự ý thức từ phía công dân.

4.1.4. Tác động từ yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam sẽ mở ra những cơ hội to lớn nhưng cũng đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD. Với tư tưởng chỉ đạo lớn của Đảng, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc sẽ là thời kỳ mà đất nước ta phát triển mạnh mẽ, chuyển mình vượt bậc, không chỉ về kinh tế mà còn về mọi mặt văn hóa, xã hội, đạo đức. Quá trình phát triển này sẽ tác động mạnh mẽ đến sự hình thành, củng cố và phát triển các chuẩn mực ĐĐCD trong điều kiện đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trong kỷ nguyên mới, mục tiêu xây dựng đất nước phát triển hùng cường, thịnh vượng dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ đẩy mạnh quá trình hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược. Do đó, khi Việt Nam “Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao... Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao” [41, tr.217-218], yêu cầu về xây dựng ĐĐCD sẽ có sự phát triển rõ rệt. Các chuẩn mực đạo đức sẽ không chỉ được xây dựng trên nền tảng điều kiện vật chất phát triển mà còn được gia tăng sức mạnh bởi một môi trường xã hội dân chủ, năng động hơn, nơi công dân đóng vai trò vừa là chủ thể, vừa là động lực quan trọng trong phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Việc hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng sẽ thúc đẩy quá trình giao lưu, hợp tác và tiếp thu các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của nhân loại. Thông qua các quá trình so sánh, đối chiếu, những giá trị đạo đức lạc hậu sẽ dần bị loại bỏ, nhường chỗ cho các giá trị tiến bộ hơn, trong đó bao gồm các chuẩn mực ĐĐCD toàn cầu. Các phẩm chất đạo đức như tinh thần hợp tác quốc tế, trách nhiệm toàn cầu, lòng nhân ái và công bằng sẽ ngày càng được chú trọng trong các chuẩn mực ĐĐCD.

Bên cạnh những cơ hội, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới cũng dự báo sẽ đặt ra những thách thức không nhỏ đối với quá trình xây dựng ĐĐCD. Một trong những thách thức lớn là việc đáp ứng những yêu cầu cao về nhân cách, phẩm chất đạo đức của công dân trong điều kiện phát triển nhanh chóng của đất nước. Mặc dù các chính sách như tinh gọn bộ máy và cải cách thể chế sẽ tạo ra những điều kiện tốt cho việc phát triển đất nước nhưng các mâu thuẫn, xung đột lợi ích cá nhân, cục bộ mới ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương có thể nảy sinh. Việc giải quyết những mâu thuẫn này sẽ cần tới các giải pháp điều tiết hợp lý, không chỉ từ Nhà nước

mà còn từ chính mỗi công dân với vai trò chủ thể, động lực trong phát triển xã hội. Đặc biệt, với tốc độ phát triển nhanh chóng, khoảng cách giàu nghèo có thể gia tăng, tạo ra bất bình đẳng xã hội, dẫn đến nguy cơ gia tăng các hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, trốn thuế, buôn lậu và nhiều tệ nạn xã hội khác.

Nếu các chính sách phát triển đất nước không được triển khai đồng bộ, sẽ có nguy cơ làm nảy sinh sự phân hóa xã hội, đặc biệt là sự chuyển mình mạnh mẽ của đất nước trong như kỷ nguyên vươn mình. Mặc dù vậy, nếu Việt Nam thực hiện thành công các chiến lược phát triển bền vững, gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, tiến bộ và công bằng xã hội thì các giá trị ĐĐCD sẽ được củng cố, phát triển, hoàn thiện giúp thúc đẩy sự phát triển của đất nước một cách toàn diện và bền vững. Do đó, xây dựng ĐĐCD sẽ không chỉ là một yêu cầu mà còn là một động lực quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước. Sự điều chỉnh linh hoạt, cùng với việc nâng cao ý thức công dân về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với xã hội, sẽ là yếu tố then chốt để giúp Việt Nam không chỉ đạt được các mục tiêu phát triển mà còn xây dựng được một nền tảng đạo đức vững chắc, đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

4.1.5. Tác động của truyền thống văn hóa dân tộc và đạo đức xã hội

Trong bối cảnh mới, truyền thống văn hóa dân tộc và đạo đức xã hội tiếp tục tác động mạnh mẽ đến xây dựng ĐĐCD. Những giá trị đạo đức truyền thống sẽ vẫn là yếu tố nền tảng, tạo dựng môi trường thuận lợi để hình thành các chuẩn mực ĐĐCD. Những phẩm chất tốt đẹp như: yêu nước, đoàn kết, trọng tình nghĩa, tương thân, tương ái vốn là giá trị đạo đức đặc trưng nổi bật của người Việt Nam được xã hội thừa nhận sẽ tiếp tục tạo động lực quan trọng trong việc củng cố và phát triển các chuẩn mực ĐĐCD trong xã hội hiện đại. Khi những giá trị này được phát huy, sẽ thúc đẩy tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm cộng đồng góp phần củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của các lĩnh vực khác, đặc biệt là văn hóa và đạo đức.

Bên cạnh những tác động tích cực, tàn dư hủ tục trong truyền thống dân tộc và các hiện tượng suy thoái đạo đức xã hội sẽ có tác động tiêu cực đến quá trình xây dựng ĐĐCD. Các tư tưởng, tính cách và thói quen cũ dù đã được sàng lọc nhưng vẫn có tác động, ảnh hưởng lớn, nhất là tư tưởng cục bộ, địa phương, các hành vi dựa vào tình cảm, mối quan hệ thân quen trong giải quyết công việc có thể dẫn đến sự hình thành lợi ích nhóm và cách ứng xử thiếu công bằng, bình đẳng trong giải quyết mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước. Những vấn đề này dễ tạo ra những trở ngại lớn trong quá trình xây dựng hệ thống giá trị chuẩn mực ĐĐCD, đặc biệt là khi chúng chi phối đến các quyết định quản lý hành chính của Nhà nước.

Ngoài ra, những tàn dư của xã hội cũ vẫn âm ỉ tồn tại làm méo mó mối quan hệ giữa công dân với nhà nước, đặc biệt là những hành vi tiêu cực như dùng vật chất (tiền,

quà biếu) để chi phối, tham nhũng, chạy chức, chạy quyền hay tâm lý khoa trương về tiền bạc và quyền lực. Nếu không có biện pháp kiểm soát và ngăn chặn kịp thời, những hiện tượng này sẽ có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhận thức và hành động của công dân, đặc biệt là một bộ phận cán bộ, đảng viên. Đồng thời, chúng có thể dẫn đến sự suy giảm niềm tin của Nhân dân vào hệ thống chính trị và kích động bất ổn xã hội. Mặt khác, các hoạt động tín ngưỡng lành mạnh có tác động tích cực, hướng công dân tới những giá trị đạo đức “chân, thiện, mỹ”, từ đó giúp phát triển nhân cách công dân. Tuy nhiên, nếu các hoạt động mê tín dị đoan hoặc lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng và Nhà nước gia tăng, chúng có thể gây tác động tiêu cực đến nhận thức của công dân, làm suy yếu sự ổn định xã hội và niềm tin vào hệ giá trị đạo đức do Đảng, Nhà nước khởi xướng xây dựng trong kỷ nguyên phát triển mới.

4.2. YÊU CẦU XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.2.1. Xây dựng đạo đức công dân phải phù hợp với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

Xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay phải được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với mục tiêu phát triển đất nước “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Thực chất, xây dựng ĐĐCD là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên nhằm xây dựng con người mới XHCN. Đây là một bộ phận quan trọng trong chiến lược xây dựng con người mới XHCN phát triển toàn diện. Vì vậy, quá trình này không thể tách rời mục tiêu phát triển chung, mà phải được đặt trong mối quan hệ hữu cơ, thống nhất biện chứng giữa yêu cầu phát triển đất nước với sự phát triển toàn diện con người.

Thực hiện yêu cầu này đòi hỏi cần thường xuyên bổ sung, phát triển hệ thống chuẩn mực ĐĐCD phù hợp với mục tiêu phát triển xuyên suốt của đất nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐCD là nền tảng tư tưởng, lý luận quan trọng trong việc xác lập hệ thống các chuẩn mực ĐĐCD mang tính truyền thống và cách mạng. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, các giá trị đạo đức truyền thống đang chịu sự tác động đa chiều từ môi trường xã hội hiện đại. Điều đó đòi hỏi việc xây dựng hệ thống chuẩn mực ĐĐCD cần được phát triển theo hướng kế thừa và sáng tạo, vừa giữ được bản sắc dân tộc, vừa tiếp thu có chọn lọc các giá trị đạo đức tiên bộ của nhân loại. Việc xác lập những chuẩn mực đạo đức như tôn trọng pháp luật, trách nhiệm cộng đồng, bảo vệ lợi ích chung, bảo vệ Tổ quốc... cần được cụ thể hóa trong các thiết chế nhà nước và cộng đồng xã hội nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực thi, đồng thời khắc phục cách làm tùy tiện, hình thức chiếu lệ theo kiểu “được chăng hay chớ” hay “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”.

Việc tăng cường giáo dục ĐĐCD cần gắn với yêu cầu nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động cụ thể của mỗi công dân trong đời sống xã hội. Giáo dục đạo đức không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức đạo đức mà còn phải hướng tới việc hình thành động cơ, tình cảm, niềm tin đạo đức và thói quen, hành vi đạo đức trong thực tiễn. Đặc biệt, cần coi trọng vai trò của giáo dục lý luận chính trị, giáo dục thẩm mỹ trong xây dựng ĐĐCD. Đồng thời, cần phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa, xã hội như gia đình, nhà trường, cộng đồng trong việc xây dựng môi trường giáo dục đạo đức lành mạnh. Việc giáo dục ĐĐCD phải góp phần nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm của công dân đối với Nhà nước và xã hội, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần khởi nghiệp, lao động sáng tạo cũng như khả năng thích ứng của công dân với những biến đổi của thời đại. Chỉ khi mỗi công dân ý thức rõ vị trí, vai trò và nghĩa vụ của mình đối với sự phát triển chung của đất nước thì các mục tiêu về “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” mới có thể được hiện thực hóa một cách triệt để, ổn định và bền vững.

Nhà nước cần bảo đảm thực thi đầy đủ, thực chất quyền và lợi ích chính đáng của công dân, tạo điều kiện cho mọi công dân được phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần theo mục tiêu chung của đất nước. Đạo đức không thể tồn tại biệt lập mà phải gắn với điều kiện KT-XH cụ thể. Một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh là môi trường khách quan để nuôi dưỡng và phát triển ĐĐCD. Do đó, cần phải đồng bộ hóa các chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội, tạo điều kiện cho mọi công dân có cơ hội học tập, làm việc, cống hiến và thụ hưởng một cách công bằng, bình đẳng. Đồng thời, việc xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật nghiêm minh, công bằng, không chỉ điều chỉnh hành vi mà còn góp phần điều tiết các mối quan hệ xã hội, làm lành mạnh hóa đời sống đạo đức xã hội. Việc kết hợp hài hòa giữa “đức trị” và “pháp trị” là một yêu cầu tất yếu nhằm hình thành một xã hội kỷ cương, nhân văn, góp phần khẳng định vai trò và giá trị của ĐĐCD trong đời sống xã hội.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, cần chủ động phát huy mặt tích cực, đồng thời hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường và toàn cầu hóa đến quá trình xây dựng ĐĐCD. Những yếu tố như chủ nghĩa cá nhân cực đoan, lối sống thực dụng, sự xuống cấp giá trị truyền thống... là những nguy cơ hiện hữu có thể dẫn đến sự xói mòn đạo đức, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển lành mạnh của xã hội. Vì vậy, cần chủ động xây dựng hệ giá trị đạo đức phù hợp với đặc điểm văn hóa dân tộc, đồng thời tạo ra những “hàng rào giá trị” để ngăn ngừa, cảnh báo và điều chỉnh những lệch chuẩn trong hành vi của công dân. Việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, cùng với việc khơi dậy và lan tỏa những tấm gương đạo đức tiêu biểu trong đời sống thực

tiền có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc bồi dưỡng lý tưởng sống, củng cố niềm tin, truyền cảm hứng và nâng cao trách nhiệm công dân trong quá trình phát triển đất nước.

4.2.2. Xây dựng đạo đức công dân phải gắn kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc với tiếp thu tinh hoa đạo đức công dân của nhân loại

Quá trình xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam trong bối cảnh mới đặt ra yêu cầu cấp thiết phải phát huy các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc đồng thời tiếp thu có chọn lọc những giá trị tiến bộ của ĐĐCD nhân loại. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính nguyên tắc trong phương pháp tiếp cận vấn đề xây dựng ĐĐCD, mà còn là điều kiện bảo đảm tính kế thừa, phát triển trong xây dựng hệ giá trị đạo đức phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới.

Cần bảo đảm sự hài hòa giữa tính kế thừa và tính đổi mới trong việc tiếp cận các giá trị đạo đức truyền thống. Quá trình này không thể thực hiện một cách cực đoan theo hướng hoặc tuyệt đối hóa, bảo thủ các giá trị đạo đức cổ truyền hoặc phủ định sạch trơn, coi đó là lực cản phát triển. Một mặt, phải nhìn nhận rằng trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã hình thành và tích lũy được hệ thống các giá trị đạo đức có sức sống bền vững như: lòng yêu nước, tinh thần cộng đồng, lòng biết ơn, đức hiếu học, tinh thần cần cù, dũng cảm, khoan dung, nghĩa tình, thủy chung... Những giá trị ấy tạo thành yếu tố cốt lõi trong đời sống tinh thần dân tộc, góp phần bồi dưỡng nhân cách công dân trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận nghiêm túc rằng, bên trong đạo đức truyền thống cũng tồn tại không ít yếu tố lạc hậu, không còn phù hợp với yêu cầu xây dựng con người mới, công dân mới. Những biểu hiện như: thói gia trưởng, bảo thủ, tư duy tiểu nông, óc bè phái, thói ỷ lại, háo danh, coi nhẹ lợi ích tập thể... nếu không được nhận diện và gạt bỏ sẽ có nguy cơ cản trở việc hình thành hệ chuẩn mực ĐĐCD phù hợp trong thời kỳ mới.

Cần gắn kết chặt chẽ giữa việc kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống với việc tiếp thu những tinh hoa ĐĐCD của nhân loại trên nền tảng tiếp biến văn hóa một cách chủ động, sáng tạo. Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc tiếp thu các giá trị đạo đức tiến bộ của nhân loại, nhất là những nguyên tắc, chuẩn mực gắn liền với tư tưởng dân chủ, pháp quyền, nhân quyền, trách nhiệm xã hội, ý thức công dân, tinh thần tự chủ, sáng tạo, văn hóa pháp lý,... là tất yếu khách quan. Những giá trị này có thể bổ sung, làm phong phú hệ chuẩn mực ĐĐCD hiện đại của Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện nâng cao năng lực hội nhập văn hóa và đạo đức của con người Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, tiếp thu giá trị đạo đức của nhân loại không đồng nghĩa với việc sao chép máy móc hay đồng hóa vô nguyên tắc. Sự khác biệt về bối cảnh văn hóa - xã hội, truyền thống dân tộc, đặc điểm thể chế chính trị giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới, nhất là các nước

phương Tây đòi hỏi phải có sự tỉnh táo, chủ động trong tiếp nhận. Nếu không có sự chọn lọc, quá trình tiếp thu sẽ dễ dẫn tới tình trạng xung đột giá trị, mất phương hướng đạo đức, gây rối loạn hệ quy chiếu trong ứng xử đạo đức, đặc biệt là trong giới trẻ. Hiện tượng sa sút đạo đức xã hội, cá nhân chủ nghĩa cực đoan, sống thực dụng, thiếu trách nhiệm xã hội,... phần nào phản ánh hệ quả của việc tiếp nhận thiếu kiểm soát các luồng giá trị ngoại sinh trong quá trình hội nhập. Vì vậy, việc kết hợp giữa kế thừa giá trị đạo đức truyền thống và tiếp thu giá trị đạo đức hiện đại phải đặt trong chính thể biện chứng. Các giá trị đạo đức phương Tây như dân chủ, nhân quyền, tự do, tôn trọng cá nhân... khi được tiếp thu vào Việt Nam cần được “nội sinh hóa”, tức là cần được điều chỉnh, thích ứng với truyền thống văn hóa dân tộc. Do đó, dân chủ phải đi liền với kỷ luật, tự do phải gắn với nghĩa vụ, quyền phải song hành với trách nhiệm.

Kế thừa và tiếp thu giá trị đạo đức trong bối cảnh hiện nay không chỉ là sự gạn lọc, lựa chọn, mà còn là quá trình phát triển, sáng tạo các chuẩn mực mới phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại. Tính kế thừa không đơn thuần là “bảo tồn”, mà phải được đặt trong tiến trình phát triển năng động, sáng tạo, hướng đến tạo lập hệ giá trị mới mang tính kết tinh của truyền thống, hiện đại và nhân loại. Trong đó, các phẩm chất như: năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, trung thực, minh bạch, hợp tác, tôn trọng pháp luật, sống nghĩa tình, làm giàu chính đáng... cần trở thành những giá trị cốt lõi trong các chuẩn mực ĐĐCD Việt Nam hiện đại.

4.2.3. Xây dựng đạo đức công dân phải đồng bộ và góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị con người Việt Nam thời kỳ mới

Xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay có mối liên hệ chặt chẽ, biện chứng với quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Bởi vì, hệ giá trị công dân, trong đó bao gồm các giá trị ĐĐCD là biểu hiện cụ thể, sinh động và thiết thực của hệ giá trị con người Việt Nam trong một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định. Nhận thức rõ tầm quan trọng trên, năm 2014, việc xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam đã được đặt ra tại Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Tuy nhiên, sau 5 năm thực hiện Nghị quyết này, rất nhiều vấn đề bức xúc về phát triển con người và văn hóa đã bộc lộ ra. Ngày 04/6/2020, Bộ Chính trị khóa XII đã ra kết luận, chỉ rõ: “Việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế chưa đạt được mục tiêu đề ra. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại” [13]. Chủ trương mới, trọng tâm của Đảng ta hiện nay đó là tập trung xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ mới. Theo đó, việc xây dựng hệ giá trị con người cần được coi là một cấu phần trung tâm, có vai trò chi phối trong cấu trúc tổng thể của các hệ giá trị nền tảng của xã hội Việt Nam, bao gồm: hệ giá trị quốc gia,

văn hóa, xã hội, gia đình, cộng đồng, tộc người, chính trị, đạo đức,... Mỗi hệ giá trị được kiến tạo và vận hành trong những điều kiện lịch sử, xã hội cụ thể, mang những đặc điểm riêng biệt về đối tượng, phạm vi, chức năng. Do đó, hệ giá trị con người phải luôn được coi là điểm hội tụ và xuyên suốt, là cốt lõi trong mối quan hệ tương tác, đan xen giữa các hệ giá trị khác. Điều đó thể hiện ở chỗ, những giá trị về phẩm chất nhân cách, đạo đức, ý thức pháp luật, năng lực công dân... vừa là nội dung, vừa là động lực góp phần định hình và thúc đẩy sự vận hành của các hệ giá trị quốc gia, văn hóa, xã hội, cộng đồng. Mặt khác, mỗi giai đoạn phát triển của xã hội đều đặt ra những yêu cầu mới đối với hệ giá trị con người. Trong xã hội có sự phân hóa về giai tầng, nghề nghiệp, vùng miền, sự khác biệt về môi trường sống và lợi ích cũng dẫn đến sự đa dạng, thậm chí xung đột trong việc lựa chọn, đánh giá các giá trị. Chính trong bối cảnh đó, việc xây dựng ĐĐCD cần được đặt trong sự tương tác với quá trình điều chỉnh, phát triển hệ giá trị con người, tức là cần hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, giữa quyền và nghĩa vụ, giữa cái riêng và cái chung, bảo đảm sự phát triển toàn diện, hài hòa của mỗi cá nhân trong cộng đồng xã hội.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, giá trị con người không phải là cái gì siêu hình, tĩnh tại, mà được xác lập trong hoạt động thực tiễn, qua việc thực hiện chức trách, nghĩa vụ đóng góp cho Tổ quốc và Nhân dân. Hồ Chí Minh đã đề ra hệ thống giá trị đạo đức cụ thể gắn với từng đối tượng công dân trong xã hội: từ thiếu niên, nhi đồng đến quân đội, công an, cán bộ, đảng viên với những tiêu chí đạo đức cụ thể về chuẩn mực đạo đức... Điều đó cho thấy, để xây dựng ĐĐCD đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, cần cụ thể hóa các giá trị đạo đức thành những chuẩn mực cụ thể, phù hợp với từng nhóm đối tượng công dân khác nhau, trên cơ sở nghề nghiệp, độ tuổi, trình độ nhận thức và điều kiện xã hội mà họ đang sống và làm việc. Mặt khác, để xây dựng hệ giá trị ĐĐCD một cách thực chất và bền vững, cần tạo dựng được nền tảng vật chất và tinh thần vững chắc nhằm đảm bảo khả năng hiện thực hóa các giá trị đó. Việc đáp ứng nhu cầu lợi ích của công dân phải gắn với sự công bằng trong phân phối nguồn lực, bảo đảm thực thi quyền công dân, đồng thời phát huy tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ đối với cộng đồng, với quốc gia, dân tộc. Điều đó cũng đòi hỏi phải có một hệ thống thiết chế xã hội đồng bộ, đủ mạnh, có khả năng dẫn dắt, điều chỉnh hành vi đạo đức và định hướng các giá trị con người phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững đất nước trong thời kỳ mới.

4.2.4. Xây dựng đạo đức công dân cần có sự tham gia tích cực, chủ động của các chủ thể, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước quản lý

Để quá trình xây dựng đạo đức công dân đạt hiệu quả, mỗi chủ thể trong hệ thống chính trị và toàn xã hội cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm và yêu cầu cụ thể của mình. Trước hết, Đảng Cộng sản Việt Nam với vai trò lãnh đạo toàn diện, phải không ngừng nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương về xây dựng đạo đức, đồng thời gắn

xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị với xây dựng, chỉnh đốn xã hội về đạo đức, bảo đảm sự nhất quán và quyết tâm chính trị trong hiện thực hóa mục tiêu phát triển con người Việt Nam toàn diện. Đảng cần tiếp tục chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thực sự trở thành nền tảng tinh thần và kim chỉ nam cho hoạt động tự giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống của toàn xã hội. Bên cạnh đó, Đảng phải tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị về đạo đức, bảo đảm tính thống nhất giữa nói và làm, giữa nêu gương của cán bộ, đảng viên với yêu cầu rèn luyện đạo đức của công dân.

Nhà nước có nhiệm vụ cụ thể hóa các chủ trương của Đảng thành hệ thống pháp luật, cơ chế và chính sách phù hợp, khả thi. Yêu cầu đặt ra là Nhà nước phải tạo lập môi trường pháp lý và xã hội thuận lợi cho việc hình thành và phát triển ĐĐCD; đồng thời kết hợp giữa giáo dục, tuyên truyền, động viên với ràng buộc bằng pháp luật để nâng cao ý thức đạo đức, trách nhiệm công dân. Việc quản lý nhà nước cần hướng tới xây dựng một môi trường xã hội minh bạch, công bằng, nơi những giá trị đạo đức chân chính được tôn vinh, hành vi lệch chuẩn bị phê phán và xử lý nghiêm minh. Đặc biệt, Nhà nước cần nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật với yêu cầu cụ thể hóa các chuẩn mực ĐĐCD ngay từ khâu đề xuất chính sách, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan có thẩm quyền xây dựng pháp luật phải có định hướng lồng ghép và thể chế hóa ĐĐCD trong từng điều luật, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ giữa các văn bản pháp luật khác nhau.

Các tổ chức chính trị - xã hội, cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân công dân là những chủ thể trực tiếp thực hiện và lan tỏa các giá trị đạo đức. Các tổ chức đoàn thể cần phát huy vai trò nòng cốt trong giáo dục đạo đức, khơi dậy tinh thần trách nhiệm xã hội, ý thức cộng đồng, nhất là trong giới trẻ. Nhà trường cần coi giáo dục đạo đức là nền tảng của quá trình đào tạo con người, kết hợp giữa tri thức và nhân cách. Gia đình với vai trò là tế bào của xã hội phải là nơi nuôi dưỡng gốc rễ đạo đức, hình thành nhân cách ngay từ sớm. Đặc biệt, mỗi công dân phải tự giác rèn luyện, thực hành đạo đức trong đời sống hằng ngày, góp phần lan tỏa những giá trị tốt đẹp, tạo nên sức mạnh tinh thần cho xã hội mới.

4.3. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG DÂN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

4.3.1. Nhóm giải pháp về nhận thức

Nhận thức là tiền đề, là cơ sở để hình thành niềm tin, thái độ và hành vi đạo đức của mỗi công dân và đời sống đạo đức xã hội. Theo Hồ Chí Minh: “Nếu trong Đảng và ngoài Đảng từ trên xuống dưới, từ trong đến ngoài đều tư tưởng thống nhất và hành động thống nhất thì nhiệm vụ tuy nặng nề, công việc tuy khó khăn phức tạp, ta cũng nhất định

thắng lợi” [93, tr.555]. Do đó, nâng cao nhận thức của các chủ thể về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh là giải pháp nền tảng, đóng vai trò định hướng và dẫn dắt toàn bộ quá trình xây dựng các chuẩn mực ĐĐCD trong đời sống xã hội. Trong bối cảnh mới, nhóm giải pháp về nhận thức cần tập trung vào một số biện pháp chủ yếu sau:

4.3.1.1. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy của Đảng và Nhà nước về xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong quá trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng, Nhà nước ta ngày càng nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn về vai trò của tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Đảng ta khẳng định: “Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên, lâu dài của cán bộ, đảng viên, của các chi bộ, tổ chức đảng và các tầng lớp nhân dân” [33, tr.257-258]. Tuy nhiên, nhìn chung việc xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn chịu sự chi phối của lối tư duy cũ, thiếu nhất quán, chưa bắt kịp với yêu cầu phát triển của đất nước trong điều kiện thực tiễn mới. Do đó, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy của Đảng và Nhà nước cần thực hiện tốt những nội dung nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, đổi mới tư duy của Đảng trong nhìn nhận, đánh giá về vị trí, vai trò của xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh đối với trong sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Cần khắc phục tư duy hành chính, giản đơn, phiến diện trong nhận thức và chỉ đạo xây dựng ĐĐCD. Đạo đức công dân không chỉ là một bộ phận của đời sống tinh thần, mà là yếu tố cấu thành bản sắc văn hóa dân tộc, tạo nền tảng ổn định chính trị, xã hội, huy động tiềm lực tổng thể của đất nước và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tư duy mới cần được định hình trên cơ sở tiếp cận toàn diện, liên ngành, coi ĐĐCD là nội dung gắn kết hữu cơ với giáo dục, pháp luật, phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Điều đó đồng nghĩa với việc cần đặt xây dựng ĐĐCD trong chiến lược phát triển văn hóa, con người Việt Nam toàn diện, trên cơ sở vừa kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống, vừa tiếp thu tinh hóa đạo đức của nhân loại.

Thứ hai, đổi mới tư duy chỉ đạo, tổ chức thực hiện quá trình xây dựng ĐĐCD theo hướng thực chất, hiệu quả và sát thực tiễn. Cần từ bỏ lối tiếp cận hình thức, chủ yếu dựa vào khẩu hiệu tuyên truyền và phong trào hành động mang tính ngắn hạn, thay vào đó, cần chuyển sang tư duy quản trị giá trị đạo đức một cách thực chất, dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn. Tư duy đổi mới phải được thể hiện ở chỗ, thay vì xem giáo dục đạo đức chỉ là nhiệm vụ của ngành giáo dục hay tuyên giáo, dân vận thì cần xác lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp, liên lĩnh vực trong tổ chức xây dựng các thiết chế, điều kiện bảo đảm và môi trường đạo đức tốt đẹp. Do đó, cần ban hành các chính sách khuyến khích các

hành vi đạo đức tích cực, lành mạnh, coi trọng bảo vệ người tốt, tạo động lực cho hành vi đạo đức tốt đẹp, đồng thời xử lý nghiêm những vi suy thoái đạo đức. Đặc biệt, phải chuyển từ tư duy bị động sang tư duy chủ động trong tổ chức các hoạt động xây dựng ĐĐCD. Theo đó, phải chú trọng thiết kế các cơ chế phản hồi từ cá nhân công dân trong đánh giá đạo đức của các đối tượng công dân, nhất là đối tượng cán bộ, đảng viên, từ đó nâng cao hiệu lực giám sát, phản biện xã hội ngay từ cộng đồng và trong hệ thống chính trị đối với quá trình xây dựng đạo đức.

Thứ ba, đổi mới tư duy trong xác lập hệ giá trị ĐĐCD Việt Nam thời kỳ mới trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đặt nền móng cho một hệ giá trị đạo đức giàu tính nhân văn, khoa học, cách mạng, vừa phù hợp với truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Bởi vì, Người không chỉ là người Việt Nam đẹp nhất mà còn là một danh nhân văn hóa thế giới, “kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại” [141]. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số, hệ giá trị đạo đức truyền thống đang đứng trước những thách thức mới. Đòi hỏi Đảng và Nhà nước cần có tư duy đổi mới, sáng tạo trong việc lựa chọn, xác lập và lan tỏa các chuẩn mực ĐĐCD mới, bảo đảm tính kế thừa và phát triển. Cần xác định rõ những giá trị cốt lõi như: “Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo” [142] và cụ thể hóa chúng trong các thiết chế xã hội, hệ thống luật pháp và các phong trào hoạt động xã hội của công dân.

Thứ tư, đổi mới tư duy về xác định chủ thể xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng đề cao vai trò tự thân và tính tích cực, chủ động, tự giác của mỗi công dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [93, tr.292]. Do vậy, tư duy chỉ đạo cần chuyển từ mô hình quản lý áp đặt sang mô hình thúc đẩy, hỗ trợ quá trình tự giáo dục và tự hoàn thiện đạo đức của cá nhân công dân. Điều này đòi hỏi Nhà nước phải kiến tạo các điều kiện xã hội thuận lợi để đạo đức phát triển: môi trường sống lành mạnh, giáo dục khai phóng, thông tin tích cực, nền hành chính phục vụ... Đồng thời, cần phát huy các yếu tố thúc đẩy từ bên trong như niềm tin, lý tưởng, động lực sống đẹp, sống có ích trong mỗi công dân. Chỉ khi công dân thấy rõ giá trị và vai trò của đạo đức đối với chính bản thân và cộng đồng thì mới có thể hành xử đạo đức một cách tự giác, bền vững.

Thứ năm, đổi mới tư duy của cán bộ, đảng viên trong đề cao trách nhiệm nêu gương ĐĐCD. Một trong những yếu tố then chốt tạo ra sự chuyển biến trong xây dựng ĐĐCD là sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Do đó, tư duy của Đảng và Nhà nước cần thể hiện rõ quan điểm kiên quyết thực hành nguyên tắc đề cao trách nhiệm nêu gương về đạo đức của cán bộ, đảng viên, người có chức vụ càng cao càng

phải gương mẫu. Bởi vì, “Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước” [91, tr.16]. Điều này đòi hỏi phải có cơ chế đánh giá, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đạo đức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên một cách khách quan, công minh và nghiêm minh. Đồng thời, phải bảo vệ những cán bộ “Dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung” [41, tr.187] là hình mẫu đạo đức cho mọi công dân noi theo nhằm lan tỏa sâu rộng cho các đối tượng công dân.

4.3.1.2. Nâng cao nhận thức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội về xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong hệ thống chính trị ở nước ta, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đại diện, tập hợp và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước. Đồng thời, đây là lực lượng xung kích trong công cuộc xây dựng nền tảng đạo đức xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, khi đạo đức xã hội đang chịu tác động của nhiều yếu tố tiêu cực, nhất là trước những biểu hiện vô cảm, thực dụng, chạy theo lợi ích cá nhân thì việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các tổ chức này trong xây dựng ĐĐCD càng trở nên cấp thiết và cần thiết hành đồng bộ, triệt để.

Thứ nhất, đổi mới nhận thức về vị trí, vai trò chiến lược của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong sự nghiệp xây dựng ĐĐCD. Việc đổi mới nhận thức phải bắt đầu từ mỗi tổ chức thành viên trong Mặt trận và mỗi cán bộ làm công tác Mặt trận. Không thể xem nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD là công việc riêng của ngành giáo dục hay cơ quan tuyên giáo, dân vận, mà cần nhận thức rõ đây là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, trong đó Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội là lực lượng nòng cốt. Bởi vì, “Mặt trận là nơi đan sợi dây kết nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân; là nơi biến chủ trương đúng thành hành động đúng, kết quả đúng” [76]. Việc nâng cao nhận thức không chỉ dừng lại ở mức độ nhận biết, mà cần hướng tới sự chuyển biến tư duy thực sự về vai trò chủ động, tích cực, có chiều sâu và bền vững của Mặt trận trong việc tạo dựng môi trường đạo đức xã hội lành mạnh, lan tỏa các giá trị đạo đức tốt đẹp, chống lại sự suy thoái đạo đức, lối sống trong cộng đồng thông qua vai trò giám sát và phản biện xã hội sâu rộng.

Thứ hai, đổi mới tư duy trong phản ánh và kiến nghị chính sách về lĩnh vực phát triển văn hóa, đạo đức của các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm công tác mặt trận, đoàn thể. Đạo đức công dân là một phần không thể tách rời của đời sống xã hội, gắn chặt với tư cách công dân, phản ánh trình độ, ý thức dân chủ của công dân. Do vậy, Mặt trận và các tổ chức cần nâng cao nhận thức, năng lực nắm bắt, tập hợp và phản ánh kịp thời các vấn đề khó khăn, bức xúc, những biểu hiện lệch chuẩn đạo đức

trong xã hội, qua đó đưa ra kiến nghị phù hợp để điều chỉnh chính sách, hoàn thiện khung pháp lý cần thiết. Cần đổi mới phương pháp tổng hợp ý kiến cử tri theo hướng đa chiều, linh hoạt, chủ động, sử dụng các kênh thông tin chính thức và phi chính thức, tận dụng nền tảng báo chí, truyền thông, mạng xã hội một cách có định hướng. Tuy nhiên, vấn đề mấu chốt nhất vẫn là đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận bằng những hình thức, biện pháp thiết thực, sát thực tiễn. Đúng như chỉ đạo về công tác Mặt trận của Tổng Bí thư Tô Lâm: “Kỷ cương thực thi, thi đua thiết thực, kiểm tra đến cùng. Áp dụng công thức 3 Dễ - 3 Rõ - 3 Đo: Đễ hiểu-Đễ nhớ - Đễ làm; Rõ mục tiêu -Rõ trách nhiệm - Rõ thời hạn; Đo đầu vào - Đo đầu ra - Đo tác động. Mỗi tổ chức thành viên đăng ký “*mỗi quý một kết quả lớn*”, “*mỗi năm hai đợt phá*”; công khai trên bảng theo dõi điện tử. Tăng cường kiểm tra, giám sát, khen thưởng-kỷ luật nghiêm minh; không bao biện làm thay, không né tránh và chậm, không chạy theo thành tích” [76].

Thứ ba, tích cực tham gia đẩy mạnh truyền thông xã hội và các hình thức giáo dục cộng đồng nhằm lan tỏa giá trị ĐĐCD. Việc tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện nếp sống đạo đức cần được tiếp cận bằng tư duy hiện đại, lấy con người làm trung tâm, phát huy vai trò truyền cảm hứng của các gương người tốt, việc tốt trong đời sống thực tiễn. Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cần phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền, cơ quan truyền thông để tổ chức các chiến dịch truyền thông đạo đức có tính chiều sâu, dễ tiếp cận và phù hợp với từng nhóm xã hội. Bên cạnh đó, cần chủ động kiến tạo các mô hình giáo dục đạo đức cộng đồng (gia đình - nhà trường - xã hội) với sự tham gia tích cực của các tổ chức, câu lạc bộ, tổ chức tôn giáo, cá nhân có uy tín trong cộng đồng dân cư.

Thứ tư, tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong quá trình hoàn thiện thể chế liên quan đến xây dựng ĐĐCD. Việc xây dựng, bổ sung các quy định pháp lý và chính sách về lĩnh vực đạo đức, văn hóa cần được thực hiện trên cơ sở lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức thành viên Mặt trận từ thực tiễn cơ sở. Mặt trận và các tổ chức thành viên cần nâng cao nhận thức về vai trò kiến nghị lập pháp, tham gia góp ý, phản biện các chính sách đạo đức - văn hóa - con người; đồng thời chủ động phát hiện những bất cập trong thi hành pháp luật, nhất là những quy định đang gây mâu thuẫn với thực tiễn đạo đức xã hội hoặc kìm hãm sự phát triển nhân cách cá nhân trong bối cảnh mới. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở cần được Mặt trận tổ chức bài bản, trở thành kênh quan trọng để nhân dân tham gia trực tiếp vào quá trình định hình chuẩn mực ĐĐCD thời kỳ mới.

Thứ năm, nâng cao nhận thức về vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách về xây dựng ĐĐCD. Giám sát và phản biện xã hội là công cụ quan trọng để bảo đảm tính dân chủ, hiệu lực và thực chất của các chủ trương, chính sách về

xây dựng ĐĐCD. Mặt trận cần nhận thức sâu sắc vai trò độc lập, khách quan của mình trong quá trình này, nhất là trong việc giám sát thực thi các chính sách phát triển văn hóa - đạo đức ở địa phương, trong cộng đồng và trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Từ đó, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp, đồng thời phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, bóp méo chủ trương xây dựng đạo đức của Đảng và Nhà nước ta.

4.3.1.3. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Nhân dân là chủ thể, mục tiêu, động lực để xây dựng đạo đức. Do đó, nhận thức của người dân về vị trí, vai trò của ĐĐCD là nền tảng quan trọng hình thành động lực nội sinh cho hành vi đạo đức đúng đắn, từ đó thúc đẩy quá trình xây dựng ĐĐCD trong thực tiễn đời sống xã hội. Trong bối cảnh mới, nếu không nâng cao nhận thức đúng đắn của người dân về vị trí, vai trò của ĐĐCD thì dễ dẫn đến sự thờ ơ, vô cảm hoặc lạc lối trong hành xử, thậm chí trở thành mảnh đất màu mỡ cho các quan điểm sai trái, thù địch, phản động xuyên tạc, làm phai nhạt các giá trị ĐĐCD.

Thứ nhất, cần đổi mới nhận thức của người dân về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đây là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo cơ sở nền tảng cho sự đồng thuận xã hội và sự phối hợp hành động nhịp nhàng và phát huy tối đa các nguồn lực trong xã hội nhằm thúc đẩy quá trình xây dựng ĐĐCD. Trên thực tế, nhiều biểu hiện suy thoái ĐĐCD đang trở thành vấn đề đáng lo ngại, thu hút sự quan tâm của cả hệ thống chính trị và toàn thể xã hội thể hiện sự yếu kém, lệch lạc về nhận thức.

Một là, nâng cao nhận thức của người dân về vị trí, vai trò cấp bách của nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD. Mặc dù, nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD được đặt ra cấp bách và triển khai thực hiện ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Tuy nhiên, trên thực tế, nhận thức về vai trò và ý nghĩa của việc xây dựng ĐĐCD trong nhiều chủ thể, nhất là một bộ phận công dân còn phiến diện, hời hợt, chưa đi vào thực chất và tương xứng với tầm vóc chiến lược của nhiệm vụ này. Chính vì vậy, cần làm cho mọi người dân hiểu rõ rằng ĐĐCD là gốc rễ, là điều kiện tiên quyết để người dân thực sự là chủ và làm chủ, nhất là trong điều kiện tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN. Trên cơ sở đó, mỗi người dân nêu cao trách nhiệm tích cực tham gia đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, định hướng tư tưởng góp phần lan tỏa những thông tin tích cực trong dư luận xã hội.

Hai là, cần làm cho công dân thấm nhuần sâu sắc mục tiêu xây dựng ĐĐCD trong bối cảnh hiện nay. Mục tiêu xây dựng ĐĐCD phải được xác lập rõ ràng, cụ thể và thống nhất, phù hợp với định hướng phát triển đất nước theo con đường XHCN. Chế độ XHCN

mà Nhân dân ta đang xây dựng là chế độ xã hội tốt đẹp, phản ánh khát vọng chân chính về một xã hội “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đây là nền tảng xã hội để ĐĐCD được hình thành, nuôi dưỡng và phát triển bền vững. Trong đó, xây dựng ĐĐCD không thể tách rời với việc giáo dục và định hướng nhận thức cho công dân về vai trò chủ thể của con người trong sự nghiệp cách mạng hiện nay. Bên cạnh đó, xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải đặt trong mối quan hệ biện chứng với mục tiêu xây dựng con người mới XHCN có sự phát triển toàn diện cả về “đức - trí - thể - mỹ”. Trên nền tảng những kết quả đã đạt được, cần tiếp tục làm sâu sắc hơn nội dung xây dựng đạo đức, nhất là trong bối cảnh đạo đức xã hội đang đứng trước nhiều thách thức to lớn từ mặt trái của kinh tế thị trường và toàn cầu hóa. Chỉ khi nào công dân nhận thức đầy đủ và sâu sắc về giá trị và vai trò của đạo đức thì mới có thể biến nhận thức thành hành vi ứng xử chuẩn mực trong đời sống xã hội.

Ba là, cần xác định rõ đặc điểm của quá trình xây dựng ĐĐCD để lựa chọn phương thức xây dựng phù hợp. Xây dựng ĐĐCD là quá trình lâu dài, khó khăn và gian khổ, không thể đạt được kết quả ngay tức thì. Đạo đức công dân không phải là sản phẩm có sẵn mà là kết quả của quá trình giáo dục, rèn luyện và thực hành bền bỉ trong cuộc sống hằng ngày. Hơn thế, nó gắn bó mật thiết với việc xây dựng và phát triển nhân cách con người, là biểu hiện cụ thể của mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ công dân. Trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, môi trường xã hội đang bị ô nhiễm nghiêm trọng làm nảy sinh những giá trị lệch chuẩn và những thủ đoạn chống phá về tư tưởng, đạo đức có cơ hội xâm nhập, gây tác động tiêu cực đến nhận thức và hành vi của không ít người dân. Trước thực tiễn đó, cần đặc biệt coi trọng vai trò của Nhân dân trong xây dựng ĐĐCD. Mọi chủ trương, chính sách muốn phát huy hiệu quả cần được cụ thể hóa thành hành động, kế hoạch rõ ràng, gắn với trách nhiệm cụ thể của từng ngành, từng cấp, từng cá nhân. Không thể trông chờ vào sự chỉ đạo đơn tuyến hay mệnh lệnh hành chính mà phải huy động được ý chí và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

Thứ hai, đề cao trách nhiệm của mọi công dân trong tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD. Thống nhất quan niệm về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh không thể dừng lại ở nhận thức lý luận, mà cần được cụ thể hóa bằng các hành động thiết thực trong thực tiễn. Các cơ quan, đơn vị, địa phương cần căn cứ vào đặc điểm riêng của từng đối tượng công dân để lựa chọn phương pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp; đồng thời kế thừa và phát triển những mô hình xây dựng đạo đức có hiệu quả ở nhiều nơi. Việc đánh giá đúng thực trạng ĐĐCD ở từng địa phương, từng tổ chức cần dựa trên tinh thần cầu thị, trung thực để nhận diện chính xác những ưu điểm cũng như

khuyết điểm, từ đó đề ra phương hướng khắc phục phù hợp. Kinh nghiệm cho thấy, nếu việc quán triệt không đầy đủ, nếu mục tiêu và nội dung xây dựng ĐĐCD không được nhận thức đúng đắn từ cấp lãnh đạo đến người dân thì rất dễ dẫn đến hình thức hóa, hành chính hóa, thậm chí làm sai lệch bản chất của công tác này. Cần loại bỏ những biểu hiện lệch lạc trong nhận thức như đùn đẩy trách nhiệm, ỷ lại vào cấp trên hoặc chỉ muốn hưởng quyền lợi mà không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân.

Thứ ba, thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao nhận thức của người dân về xây dựng ĐĐCD.

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công dân về xây dựng ĐĐCD trong tình hình mới.

Tuyên truyền, giáo dục giữ vị trí then chốt trong việc nâng cao nhận thức, định hướng tư tưởng và hình thành động lực hành động của công dân đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD. Đây là mắt khâu trung gian chuyển hóa sức mạnh tinh thần thành sức mạnh vật chất, tạo lập tiền đề quan trọng để các chủ trương, chính sách về ĐĐCD được tiếp nhận, thấm thấu và vận dụng vào đời sống thực tiễn. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại” [90, tr.191]. Từ quan điểm chỉ đạo này, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cần được triển khai một cách hệ thống, toàn diện, có chiều sâu và hiệu quả.

Công tác tuyên truyền, giáo dục phải bảo đảm tính hệ thống, thông suốt và đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, từ các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo đến các cơ sở thực hiện. Tư tưởng chỉ đạo là: “Tiền hô hậu ủng, nhất hô bá ứng; trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt”, từ đó tạo nên sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội. Các chỉ thị, nghị quyết khi ban hành phải được chuyển tải đến người dân một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, bảo đảm cho mọi người dân đều được tiếp cận, hiểu rõ và có khả năng thực thi trên thực tế. Bên cạnh đó, để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, cần tiến hành điều tra, khảo sát, nghiên cứu đặc điểm tâm lý, nhận thức, trình độ dân trí, điều kiện KT-XH của từng nhóm đối tượng công dân. Trên cơ sở khoa học để lựa chọn nội dung, phương pháp, kênh truyền thông phù hợp. Các cơ quan, tổ chức, địa phương phải chủ động, trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai công tác này một cách cụ thể, chi tiết, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong thực tiễn. Việc khảo sát, đánh giá cần được thực hiện nghiêm túc, tránh phiến diện, cảm tính hoặc áp đặt.

Nội dung tuyên truyền phải bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng ĐĐCD; tập trung làm rõ vai trò, ý nghĩa của ĐĐCD đối với sự phát triển bền vững đất nước, đối với thực thi quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân trong đời sống xã hội. Mặt khác, công tác tuyên truyền không chỉ tập trung

phản ánh những kết quả tích cực mà còn phải thẳng thắn nhìn nhận, phân tích những tồn tại, hạn chế, biểu hiện tiêu cực trong thực trạng xây dựng ĐĐCD hiện nay. Quá trình đổi mới, hội nhập và phát triển tuy tạo ra nhiều cơ hội, nhưng cũng dẫn đến sự gia tăng của các hiện tượng suy thoái đạo đức, lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa... Những thông tin chân thực về các biểu hiện xuống cấp ĐĐCD có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và bản thân công dân nhận thức rõ những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng ĐĐCD.

Công tác tuyên truyền phải bảo đảm tính dân chủ, công khai, gắn với việc phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của quần chúng nhân dân trong việc đóng góp ý kiến, phản biện, giám sát quá trình triển khai các chủ trương, chính sách. Do đó, các hoạt động tuyên truyền cần phát huy được dân chủ thực chất, tránh rơi vào hình thức hoặc cực đoan, “dân chủ quá chớn”. Để làm được điều này, cần chú trọng nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở như một khung pháp lý bảo đảm cho sự vận hành ổn định và hiệu quả của công tác tuyên truyền, giáo dục. Bên cạnh đó, để nâng cao hiệu quả tuyên truyền cần có phương pháp, thái độ khách quan, khoa học, chú ý khắc phục mọi nhận thức và hành vi bao che, giấu giếm khuyết điểm, “cần nhìn thẳng vào sự thật, không tô hồng, bôi đen, đánh giá chính xác kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, nút thắt đối với sự phát triển của đất nước” [54] như chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về xây dựng ĐĐCD cần được tổ chức chặt chẽ, gắn với quá trình đổi mới tư duy, phát huy tính sáng tạo trong lựa chọn hình thức, phương tiện, kênh thông tin. Bên cạnh các phương tiện truyền thống như báo chí, phát thanh, truyền hình, cần phát huy hiệu quả các nền tảng truyền thông số, mạng xã hội, hệ thống loa phát thanh cơ sở, tủ sách pháp luật, các hình thức sân khấu hóa, câu lạc bộ, tọa đàm, hội thảo... Việc phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, giáo dục phải được xác lập như một quy trình liên kết chặt chẽ, đồng bộ, bảo đảm tính thường xuyên, liên tục và bền vững.

Hai là, phát huy dân chủ XHCN một cách thực chất trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về xây dựng ĐĐCD.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: Phát huy dân chủ là “cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn” [100, tr.325]. Do đó, để phát huy dân chủ XHCN thực chất, có hiệu quả cần phải tạo ra cơ chế phù hợp bảo đảm để mọi công dân đều có cơ hội tham gia đóng góp ý kiến, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, từ đó điều chỉnh chủ trương, chính sách cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Đồng thời, ban hành và thực thi các cơ chế, chính sách cụ thể, phù hợp để người dân thuộc mọi đối tượng khác nhau đều có quyền

thực hiện đúng, đủ nguyên tắc “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [41, tr.27].

Bên cạnh đó, Đảng, Nhà nước cần chú trọng ban hành các chú trọng thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội có tính “ưu việt vượt trội” nhằm dưỡng dân, an dân; kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, bức xúc của Nhân dân ngay từ cơ sở. Bởi vì, “dân chỉ biết giá trị của độc lập tự do khi được ăn no, mặc ấm”. Đặc biệt, cần có các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc, xây dựng văn hóa công sở, tạo động lực khuyến khích cán bộ, công chức “Dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách và dám hành động vì lợi ích chung” [41, tr.187]. Bởi vì, đây là đối tượng công dân ưu tú, làm gương cho toàn dân noi theo. Mặt khác, việc chăm lo đời sống cán bộ, công chức không thể tách rời với “kiên quyết đấu tranh, xử lý nghiêm những cán bộ có động cơ sai trái, tư tưởng cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, lợi dụng các phương tiện thông tin đại chúng, internet, mạng xã hội... để xuyên tạc, kích động, gây mất đoàn kết nội bộ” [42, tr.245].

Ba là, khắc phục kịp thời những nhận thức phiến diện, lệch lạc về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thực tiễn cho thấy, mọi hành vi lệch chuẩn, những biểu hiện suy thoái về ĐĐCD suy cho cùng thường bắt nguồn từ sự lệch lạc trong nhận thức và tư tưởng. Khi nhận thức không đúng, không đầy đủ, thậm chí hoài nghi, mơ hồ về vị trí, vai trò của ĐĐCD sẽ dẫn tới những hành vi, động cơ lệch lạc, thiếu chuẩn mực, dần hình thành những khuynh hướng tiêu cực trong suy nghĩ và hành động, thậm chí tiếp tay cho quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” diễn ra âm thầm nhưng nguy hiểm. Đây là mối nguy đe dọa trực tiếp đến nền tảng tư tưởng, hệ giá trị đạo đức xã hội và sự ổn định của quốc gia.

Để nhận diện và khắc phục những nhận thức phiến diện, lệch lạc trên cần triển khai đồng bộ các giải pháp vừa cấp bách trước mắt, vừa cơ bản, lâu dài. Trước hết, phải đặt việc nâng cao nhận thức đúng đắn về xây dựng ĐĐCD trong tổng thể chiến lược phát triển con người Việt Nam toàn diện, trong đó coi trọng vai trò của giáo dục, truyền thông và sự nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cần tiếp tục phát huy hiệu quả của các kênh truyền thông đại chúng, đặc biệt là báo chí cách mạng và mạng xã hội chính thống nhằm truyền tải đầy đủ, chính xác các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng ĐĐCD. Đồng thời, chú trọng phát huy vai trò phản biện xã hội của các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc phát hiện, phân tích, chỉ rõ các biểu hiện lệch lạc, suy thoái về đạo đức, từ đó tạo dư luận xã hội tích cực, củng cố niềm tin và định hướng nhận thức đúng đắn cho người dân.

4.3.2. Nhóm giải pháp về thể chế, pháp chế

4.3.2.1. Thể chế hóa các chuẩn mực đạo đức công dân trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội

Thứ nhất, cụ thể hóa, bổ sung, phát triển các chuẩn mực ĐĐCD phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và xu thế phát triển của thời đại.

Dù ở bất kỳ giai đoạn lịch sử hay quốc gia nào, xây dựng đạo đức luôn là nhiệm vụ trung tâm, cấp bách trong chiến lược phát triển quốc gia. Nghĩa vụ đạo đức không chỉ là yêu cầu của xã hội đối với cá nhân mà còn là nhu cầu tự hoàn thiện bản thân của mỗi người. Tuy nhiên, mỗi giai đoạn lịch sử có yêu cầu đạo đức khác nhau, vì vậy cần phải bổ sung, phát triển và thể chế hóa các chuẩn mực ĐĐCD trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội. Khi bàn về xây dựng nền văn hóa vô sản, V.I.Lênin viết: “Văn hóa vô sản không phải bỗng nhiên mà có, nó không phải do những người tự cho mình là chuyên gia về văn hóa vô sản, phát minh ra. Đó hoàn toàn là điều ngu ngốc. Văn hóa vô sản phải là sự phát triển hợp quy luật của tổng số những kiến thức mà loài người đã tích lũy được dưới ách thống trị của xã hội tư bản, xã hội của bọn địa chủ và xã hội của bọn quan liêu” [78, tr361]

Các nguyên tắc, chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ phản ánh các yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp “kháng chiến, kiến quốc” mà còn phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp tiếp tục đẩy mạnh đồng bộ, toàn diện công cuộc đổi mới đất nước. Tuy nhiên, các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là những yếu tố cố định, bất biến. Mặc dù có giá trị trường tồn nhưng chúng cần được bổ sung, phát triển và hoàn thiện để phù hợp với điều kiện thực tiễn mới. Các chuẩn mực ĐĐCD trong giai đoạn hiện nay cần có sự bổ sung, phát triển linh hoạt, sáng tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển mới của đất nước, nhất là những thách thức mới đan xen, bao gồm sự tác động mạnh mẽ của cách mạng Công nghiệp 4.0, toàn cầu hóa và sự biến đổi trong nhận thức xã hội. Quá trình làm sâu sắc thêm những chuẩn mực ĐĐCD đòi hỏi phải kế thừa, tiếp thu và phát huy các giá trị, chuẩn mực ĐĐCD theo nguyên tắc đã được Hồ Chí Minh chỉ rõ “Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý. Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm. Cái gì mới mà hay thì phải làm” [90, tr.112-113].

Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân: Trong điều kiện mới phải gắn với những hành động, việc làm cụ thể của mỗi công dân trong việc hăng say lao động sản xuất, không ngừng đổi mới, sáng tạo tạo ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội, nhằm xây dựng đất nước ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mặt khác, tinh thần yêu nước hiện nay không tách khỏi xu thế hội nhập quốc tế, trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tham gia gìn giữ hòa bình. Nghĩa là, yêu nước gắn chặt với ý thức công dân toàn cầu.

Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật: Việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật không chỉ là nghĩa vụ mà phải trở thành thói quen, một phần trong nếp sống văn minh của mỗi công dân, thực hiện theo phương châm “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”. Điều này đòi hỏi mỗi công dân phải có thái độ chủ động trong việc thực thi pháp luật, không chỉ là hiểu biết về các quy định pháp lý mà còn là sự tôn trọng, bảo vệ và thực hiện chúng trong cuộc sống hàng ngày. Hệ thống pháp luật được công dân nhận thức sâu sắc và có niềm tin tuyệt đối sẽ giúp họ không chỉ tuân thủ trong phạm vi quốc gia mà còn phải nâng cao hiểu biết về pháp luật quốc tế, từ đó chủ động tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và đấu tranh với các hành vi vi phạm Hiến pháp, pháp luật của người khác trong cộng đồng.

Yêu lao động và chấp hành nghiêm kỷ luật lao động: Yêu cầu về thái độ yêu lao động không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ các quy định về kỷ luật lao động mà phải phát triển lên một mức độ cao hơn, đó là làm chủ công nghệ, quy trình và kỷ luật lao động. Với sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng Công nghiệp 4.0, sự tự động hóa và ứng dụng công nghệ thông tin trong lao động ngày càng trở nên phổ biến, mỗi công dân cần phải không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn và làm chủ máy móc, quy trình công nghệ. Đặc biệt, trong một thế giới mà công nghệ biến đổi nhanh chóng, công dân cần không chỉ làm chủ công nghệ hiện tại mà còn có khả năng sáng tạo ra các công nghệ mới, từ đó nâng cao năng suất lao động, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế tri thức mang lại hiệu quả cao nhất trong sản xuất, phát triển đất nước.

Trách nhiệm với công việc chung: Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động sâu sắc và khó lường, đặc biệt là những thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, đề cao trách nhiệm với công việc chung càng trở nên quan trọng. Theo đó, công dân cần phải tham gia tích cực vào các hoạt động phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội góp phần bảo vệ sự bình yên của bản thân, gia đình và cộng đồng... Ra sức giữ gìn, bảo vệ, bảo quản, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài sản chung, không tham ô, lãng phí. Đồng thời, chủ động, tích cực phát huy sáng kiến trong việc giữ gìn, bảo vệ tài sản chung của xã hội.

Thực hiện nghĩa vụ đóng thuế: Trong bối cảnh hiện nay, nghĩa vụ đóng thuế không chỉ là một nghĩa vụ pháp lý mà còn là trách nhiệm xã hội trong tham gia đóng góp vào sự phát triển của đất nước, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Thực tế đó, đòi hỏi mỗi công dân cần tự giác thực hiện nghĩa vụ thuế của mình và phấn đấu vươn lên làm giàu để đóng góp thuế cao hơn, nhiều hơn cho Nhà nước. Bên cạnh đó, công dân cũng cần tích cực tố giác, lên án các hành vi trốn thuế, gian lận thuế của các tổ chức và cá nhân, bảo vệ sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế và đời sống xã hội. Đồng thời, công dân cần tham gia đóng góp ý kiến để cải cách chính sách thuế, hướng tới một hệ thống thuế công bằng, hợp lý và hiệu quả.

Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc: Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay không chỉ bao gồm việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, đập tan hành động xâm lược của kẻ thù mà còn phải mở rộng thêm các nội dung mới như bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa dân tộc, bảo vệ an ninh con người... Đặc biệt, một yêu cầu mới trong nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc đối với mọi công dân đó là tích cực, chủ động, tự giác tham gia bảo vệ Tổ quốc bằng những hành động thiết thực của cá nhân trong xây dựng đất nước, chủ động hội nhập quốc tế nhằm nâng cao sức mạnh “tự bảo vệ”, phát huy sức mạnh tổng thể quốc gia. Trên cơ sở đó nhằm tăng cường rắn đe trước các âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù. Đó là nội dung cốt lõi của quan điểm bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”.

Tinh thần quốc tế trong sáng trong thời đại mới không chỉ thể hiện qua những đóng góp vật chất mà còn thông qua việc đóng góp trí tuệ vào các sáng kiến toàn cầu, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật và phổ biến các kinh nghiệm quý báu giúp các quốc gia đang phát triển vượt qua khó khăn. Đó là bản lĩnh, trí tuệ trong đấu tranh lên án, phê phán chủ nghĩa cường quyền nước lớn, những luật lệ phi lý do chủ nghĩa đế quốc đặt ra, lên tiếng bảo vệ chân lý, lẽ phải được quốc tế thừa nhận, bảo vệ quyền bình đẳng các dân tộc trên các diễn đàn quốc tế. Việc Việt Nam cử lực lượng vũ trang tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình quốc tế của Liên Hợp Quốc và tham gia tích cực vào các hoạt động giải quyết các thách thức an ninh chung như chiến tranh, xung đột, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, động đất và tệ nạn xã hội; lên tiếng bảo vệ các dân tộc nhỏ yếu, bị áp đặt các lệnh trừng phạt phi lý hoặc bị tước đoạt quyền độc lập, quyền tự quyết (như Cu Ba, Palestin) trên diễn đàn Liên Hợp quốc... là minh chứng cho tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung của Nhân dân Việt Nam thời đại mới.

Thứ hai, chú trọng bổ sung các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD phù hợp với điều kiện mới của đất nước và thời đại. Trong bối cảnh hiện nay, khi xã hội đang phát triển mạnh mẽ theo hướng hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, tinh gọn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực quản trị quốc gia cần bổ sung một số chuẩn mực đạo đức phù hợp với bối cảnh mới như:

Trung thực, minh bạch trong hành xử và thông tin: Trong thời đại số và mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, mỗi công dân phải biết tự chịu trách nhiệm về lời nói và hành vi của mình, không vì lợi ích cá nhân hay sự “nổi tiếng ảo” mà tung tin giả, bóp méo sự thật hoặc bịa đặt thông tin gây tổn hại đối với đất nước và bất ổn xã hội. Đồng thời, trong cách hành xử cũng cần phải thể hiện rõ là công dân sống có trách nhiệm, luôn thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, tôn trọng quyền lợi của công dân khác và lợi ích của cộng đồng. Đây là cơ sở quan trọng góp phần xây dựng một xã hội phát triển ổn định, dân chủ, công bằng và văn minh.

Tinh thần phản biện xã hội có trách nhiệm: Phản biện là quyền của công dân trong bày tỏ quan điểm, góp ý, chất vấn trước các vấn đề của cộng đồng và đất nước. Tuy nhiên, phản biện chỉ thực sự có giá trị khi nó được thực hiện với tinh thần trách nhiệm, dựa trên hiểu biết, thiện chí và vì lợi ích chung. Một phản biện thiếu cơ sở, mang tính cực đoan, công kích cá nhân hay xuất phát từ động cơ tiêu cực không những không giúp xã hội tiến bộ mà còn làm gia tăng chia rẽ giữa công dân với Nhà nước và gây mất niềm tin trong cộng đồng. Ngược lại, phản biện có trách nhiệm là sự kết hợp giữa dũng khí dám nói lên sự thật và thái độ cầu thị lắng nghe, tôn trọng lẫn nhau. Đó là cách người công dân thể hiện vai trò làm chủ, đồng thời cũng là hành vi đạo đức thể hiện lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm với công việc chung của Nhà nước.

Trách nhiệm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên không còn là vấn đề của riêng ai, mà là thách thức chung của toàn nhân loại. Vì vậy, mỗi công dân cần có ý thức giữ gìn môi trường từ những hành động nhỏ: tiết kiệm điện, nước, giảm thiểu phát thải của đồ nhựa, sử dụng phương tiện sinh hoạt thân thiện với môi trường... Đồng thời, khắc phục lối sống tiêu dùng hoang phí không chỉ là sự tiết kiệm mà còn thể hiện thái độ trân trọng tài nguyên và chia sẻ trách nhiệm kiến tạo tương lai với Nhà nước. Mặt khác, trách nhiệm bảo vệ môi trường không dừng lại ở hành vi cá nhân, mà còn là nghĩa vụ công dân trong việc ủng hộ các chính sách phát triển bền vững, phản đối các hành vi hủy hoại thiên nhiên và tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường do Nhà nước và cộng đồng phát động.

Ứng xử có văn hóa trên không gian mạng: Ứng xử có văn hóa trên không gian mạng là một chuẩn mực đạo đức mới nhưng vô cùng cấp thiết trong thời đại công nghệ số. Không gian mạng mở ra cơ hội lớn cho công dân trong việc tiếp cận thông tin, kết nối, học tập và thể hiện chính kiến đối với các vấn đề của đất nước và quốc tế. Tuy nhiên, sự tự do trong môi trường này cũng đặt ra yêu cầu cao về trách nhiệm đạo đức. Mỗi công dân cần rèn luyện lối sống văn hóa khi sử dụng mạng xã hội, thể hiện ở sự tôn trọng người khác, tôn trọng lợi ích chung, tránh sa vào tranh cãi vô bổ, không công kích cá nhân hay phát tán thông tin sai lệch, độc hại làm tổn hại đến lợi ích của các cá nhân khác và lợi ích quốc gia, dân tộc. Hành vi thiếu văn minh trên mạng có thể gây tổn thương nghiêm trọng về tinh thần, danh dự của người khác và ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

Thứ ba, sớm thể chế hóa các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD cơ bản với tư cách là hệ giá trị đạo đức chung trong các văn bản quản lý nhà nước và các quy ước sinh hoạt cộng đồng.

Các nguyên tắc, chuẩn mực ĐĐCD chỉ thực sự được mọi công dân thừa nhận và coi đó là nguyên tắc sống của mình khi chúng đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước cũng như nhu cầu hoàn thiện nhân cách của từng công dân. Tuy nhiên, để những nguyên

tắc, chuẩn mực này được thực thi một cách đầy đủ, nghiêm túc và mang tính tự giác cao thì cả trong trước mắt lẫn lâu dài đều cần được thể chế hóa thành hệ thống các văn bản pháp quy của Nhà nước và được lồng ghép linh hoạt trong các quy ước sinh hoạt cộng đồng. Đây là sự kết hợp hài hòa giữa giáo dục, thuyết phục đạo đức với kỷ cương, kỷ luật của đời sống pháp lý và thiết chế xã hội. Do đó, cần sớm nghiên cứu, đưa vào hệ thống pháp luật những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD cơ bản, coi đó như là một trách nhiệm pháp lý nhằm định hướng nhận thức và hành vi của công dân. Quá trình thể chế hóa các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD cơ bản trong các văn bản quản lý nhà nước và các quy ước sinh hoạt cộng đồng cần xác lập các tiêu chí đạo đức và phẩm hạnh làm căn cứ để khen thưởng hoặc xử lý vi phạm, bảo đảm nguyên tắc “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật và đều chịu sự đánh giá khách quan của cộng đồng”.

Trên cơ sở những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức chung cho mọi công dân, mỗi ngành, mỗi lĩnh vực trong hệ thống chính trị cần cụ thể hóa thành những quy định rõ ràng về nghĩa vụ, trách nhiệm đạo đức trong từng vị trí, chức danh, địa phương, đơn vị. Việc xây dựng các quy chế đạo đức cần được thực hiện chặt chẽ, thiết thực, gắn liền với điều kiện, đặc điểm, tính chất công việc của từng ngành, từng vùng miền, tránh sự chung chung, hình thức. Đồng thời, cần đề cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, ý thức tự giác học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và phẩm chất công dân. Trên thực tế, việc thiếu các quy định đạo đức rõ ràng trong các mối quan hệ công vụ, ứng xử xã hội hay giáo dục gia đình đã dẫn đến tình trạng mơ hồ trong nhận thức, buông lỏng chuẩn mực và làm suy giảm các giá trị đạo đức trong một bộ phận không nhỏ công dân. Do đó, việc thể chế hóa không chỉ nhằm điều chỉnh hành vi “sai trái” mà còn để thúc đẩy hành vi “đúng đắn”, khuyến khích lối sống mẫu mực, hình thành khuôn mẫu giá trị tích cực trở thành hệ giá trị của xã hội. Do đó, quá trình này cần được triển khai cẩn trọng, đồng bộ, có lộ trình phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa pháp luật và đạo đức, giữa quyền lực nhà nước và sức mạnh cộng đồng, để tạo nền tảng đạo đức bền vững cho công cuộc phát triển đất nước và hoàn thiện chuẩn mực con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

4.3.2.2. Phát huy vai trò của pháp luật trong điều chỉnh các chuẩn mực đạo đức công dân

Pháp luật và đạo đức có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, bổ sung cho nhau trong quá trình điều chỉnh hành vi của con người, nhằm bảo đảm trật tự và tiến bộ xã hội. Nếu như đạo đức là hệ thống những quy tắc ứng xử mang tính tự giác, xuất phát từ niềm tin và truyền thống văn hóa thì pháp luật lại là những quy tắc xử sự mang tính bắt buộc, được nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện bằng quyền lực công. Trong xã hội hiện đại, pháp luật không chỉ là công cụ điều chỉnh hành vi, bảo vệ công lý mà còn là phương thức góp phần điều chỉnh các chuẩn mực ĐĐCD.

Để pháp luật có thể thực sự phát huy vai trò định hướng và điều chỉnh các chuẩn mực ĐĐCD, cần tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật một cách đồng bộ, toàn diện, hiện đại, có tính khả thi và mang tính nhân văn sâu sắc. Việc thể chế hóa các giá trị đạo đức thành quy phạm pháp luật phải được thực hiện trên cơ sở nhận diện đúng những giá trị nền tảng của xã hội, những chuẩn mực đạo đức phổ quát, phù hợp với điều kiện lịch sử - văn hóa của Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của nhân loại. Mỗi văn bản pháp luật, mỗi điều khoản được ban hành cần phải phản ánh trung thực nhu cầu và đặc điểm đạo đức trong đời sống xã hội, góp phần định hướng hành vi cá nhân theo chiều hướng tích cực, tiến bộ, phù hợp với lợi ích chung. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng pháp luật, cần tăng cường cơ chế phản biện xã hội, bảo đảm sự tham gia rộng rãi, thực chất của Nhân dân, các tổ chức chính trị xã hội, các chuyên gia, nhà khoa học và đội ngũ trí thức. Sự tham gia này không chỉ bảo đảm tính dân chủ và thực tiễn của pháp luật, mà còn là điều kiện để những giá trị đạo đức đang vận hành trong xã hội được “thấm” vào quá trình lập pháp. Từ đó, các quy phạm pháp luật sẽ trở nên gần gũi, dễ tiếp cận và dễ thực thi hơn trong đời sống xã hội, đồng thời góp phần hình thành môi trường pháp lý thuận lợi để ĐĐCD phát triển bền vững.

Cùng với việc hoàn thiện pháp luật, việc thực thi pháp luật nghiêm minh, công bằng, không thiên vị, không có “vùng cấm”, không có ngoại lệ là điều kiện tiên quyết để các chuẩn mực đạo đức được bảo vệ, cổ vũ và lan tỏa. Một hệ thống pháp luật dù hoàn chỉnh đến đâu nhưng nếu không được thực thi nghiêm túc thì cũng không thể phát huy được vai trò điều chỉnh và định hướng các chuẩn mực đạo đức. Do đó, cần xây dựng đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn cao, đặc biệt là phẩm chất đạo đức trong sáng, tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân. Không chỉ dừng lại ở vai trò tổ chức thực thi pháp luật, đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật còn giữ trọng trách là những chủ thể truyền cảm hứng, lan tỏa nhận thức và xây dựng văn hóa pháp lý trong cộng đồng. Họ không chỉ là người áp dụng pháp luật, mà còn là “người thầy” trong giáo dục pháp luật bằng chính hành vi, thái độ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của mình. Thái độ “phụng công thủ pháp, chí công vô tư” của cán bộ pháp luật sẽ góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào pháp luật, từ đó thúc đẩy công dân tự giác tuân thủ, sống và làm việc theo pháp luật như một giá trị đạo đức nội tại. Ngược lại, nếu cán bộ thực thi pháp luật thiếu gương mẫu, vi phạm đạo đức công vụ, thì không chỉ làm suy giảm hiệu lực của pháp luật, mà còn làm xói mòn nền tảng đạo đức trong xã hội.

Việc phát huy vai trò của pháp luật trong tham gia điều chỉnh các chuẩn mực đạo đức không thể tách rời khỏi việc xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh, trong đó pháp luật trở thành kim chỉ nam cho hành vi đạo đức của công dân. Mặt khác, trong bối cảnh xã hội biến đổi nhanh chóng dưới tác động của toàn cầu hóa, chuyển đổi số và các xu hướng

văn hóa, xã hội đa chiều, nhiều chuẩn mực đạo đức truyền thống đang đứng trước những thách thức, thậm chí bị biến dạng, méo mó. Khi đó, vai trò của pháp luật càng trở nên cấp thiết như một công cụ “định hình lại” hành vi đạo đức, kịp thời uốn nắn, điều chỉnh những lệch chuẩn và bảo vệ những giá trị đạo đức cốt lõi. Pháp luật cần đóng vai trò như “hệ điều hành” của xã hội đạo đức, trong đó các chuẩn mực đạo đức không chỉ tồn tại trong lý thuyết hay truyền thống, mà còn sống động trong đời sống thực tiễn thông qua các hành vi cụ thể, được luật hóa, kiểm soát và điều chỉnh bằng các quy định rõ ràng.

4.3.2.3. Khắc phục những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế

Thứ nhất, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước là điều kiện tiên quyết nhằm bảo đảm cho sự phát triển kinh tế đi đôi với củng cố nền tảng đạo đức xã hội, trong đó có ĐĐCD. Bởi lẽ, cơ sở kinh tế chính là nền tảng vật chất cho sự hình thành, tồn tại và phát triển của các giá trị đạo đức. Khi hoạt động quản lý kinh tế của Nhà nước được thực thi hiệu quả, các quan hệ xã hội được điều tiết hài hòa, lợi ích giữa các chủ thể được phân bổ công bằng, qua đó góp phần định hướng hành vi đạo đức của công dân theo các chuẩn mực tiến bộ, nhân văn.

Một là, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách kinh tế vĩ mô.

Đây là cơ sở trọng yếu để Nhà nước tăng cường năng lực quản lý, điều tiết nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đồng thời ngăn chặn, khắc phục những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đối với đời sống đạo đức xã hội. Nhà nước cần thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế theo hướng đồng bộ, minh bạch, ổn định và khả thi; bảo đảm sự thống nhất trong điều hành vĩ mô. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực thi pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực như tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế, thao túng thị trường, làm giàu bất chính... Những biện pháp này không chỉ góp phần làm trong sạch môi trường kinh tế mà còn ngăn ngừa sự tha hóa về đạo đức, củng cố niềm tin và trách nhiệm công dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, nâng cao năng lực, tính liêm chính và trách nhiệm đạo đức của đội ngũ cán bộ, công chức trong quản lý kinh tế.

Đội ngũ cán bộ, công chức là lực lượng trực tiếp cụ thể hóa và thực thi các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước. Do vậy, phẩm chất đạo đức công vụ của đội ngũ này có ảnh hưởng sâu sắc đến hiệu lực, hiệu quả quản lý kinh tế, qua đó tác động đến việc hình thành và phát triển ĐĐCD trong xã hội. Cần chú trọng công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ cán bộ theo hướng công khai, minh bạch, dựa trên năng lực, phẩm chất và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, phải xây dựng cơ chế kiểm soát

quyền lực chặt chẽ, đề cao trách nhiệm nêu gương, kiên quyết phòng, chống các biểu hiện suy thoái, vụ lợi, tham nhũng, lợi ích nhóm trong quản lý kinh tế. Chỉ khi đội ngũ cán bộ thực sự liêm chính, tận tụy, đặt lợi ích quốc gia, dân tộc và nhân dân lên trên hết thì mới có thể bảo đảm cho các giá trị đạo đức công dân được củng cố, lan tỏa trong toàn xã hội.

Ba là, nâng cao năng lực quản lý, điều tiết hoạt động kinh tế của bộ máy Nhà nước. Để các chính sách kinh tế đi vào thực tiễn và phát huy hiệu quả, bộ máy nhà nước cần được kiện toàn theo hướng tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Điều này không chỉ đòi hỏi đổi mới tổ chức bộ máy, mà còn gắn với nâng cao năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Cần áp dụng mạnh mẽ công nghệ số trong quản lý kinh tế vĩ mô, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung, phân tích và dự báo kịp thời để điều chỉnh chính sách linh hoạt, hạn chế tác động tiêu cực của biến động thị trường trong và ngoài nước.

Bốn là, kiểm soát chặt chẽ và minh bạch hóa các hoạt động kinh tế. Một môi trường kinh tế trong sạch, công bằng là điều kiện quan trọng để ngăn ngừa sự tha hóa về đạo đức trong kinh doanh. Nhà nước cần tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế, nhất là trong những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực như tài chính, ngân hàng, bất động sản, thương mại điện tử... Cùng với đó, cần công khai, minh bạch hóa thông tin về các hoạt động kinh tế, tạo cơ chế để người dân, báo chí và xã hội tham gia giám sát. Việc kết hợp kiểm soát từ trên xuống với giám sát từ dưới lên sẽ góp phần xây dựng niềm tin xã hội, củng cố các chuẩn mực ĐĐCD trong môi trường kinh tế thị trường.

Năm là, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế gắn với bảo vệ lợi ích quốc gia và giá trị đạo đức xã hội. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự lan tỏa của những giá trị, chuẩn mực đạo đức khác nhau là điều khó tránh khỏi. Do đó, Nhà nước cần có chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế chủ động, linh hoạt và có chọn lọc. Việc ký kết và thực thi các hiệp định thương mại, đầu tư phải đi đôi với xây dựng hàng rào pháp lý, kỹ thuật nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, ngăn chặn hành vi vi phạm đạo đức trong kinh doanh xuyên biên giới. Đồng thời, cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp và người dân về trách nhiệm xã hội, ý thức công dân và tuân thủ chuẩn mực đạo đức trong quá trình hội nhập.

Thứ hai, phát triển đồng bộ, hài hòa các thành phần kinh tế và hoàn thiện thị trường lao động theo định hướng XHCN.

Phát triển hài hòa, đồng bộ các thành phần kinh tế vừa là yêu cầu khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, vừa là điều kiện quan trọng để củng cố nền tảng vật chất và lan tỏa các giá trị ĐĐCD. Mỗi thành phần kinh tế, dù là nhà nước, tập thể, tư nhân hay có vốn đầu tư nước ngoài, đều giữ vai trò nhất định trong việc thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, qua đó hình thành môi trường xã hội

thuận lợi cho việc thực hành và phát triển đạo đức. Do đó, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo đảm sự bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh giữa các khu vực kinh tế; phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển đúng hướng. Thực hiện nhất quán quan điểm được nêu trong Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII, coi kinh tế tư nhân là “một trong những động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân”, Nhà nước cần xây dựng hành lang pháp lý minh bạch, ổn định, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận nguồn lực vốn, đất đai, khoa học - công nghệ, mở rộng hợp tác quốc tế và nâng cao năng lực cạnh tranh. Cùng với đó, phải tăng cường cơ chế giám sát, kiểm soát quyền lực kinh tế, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực như trốn thuế, gian lận thương mại, vi phạm quyền lợi người lao động hay gây ô nhiễm môi trường. Khi các thành phần kinh tế vận hành theo đúng định hướng, công bằng và trong sạch, môi trường kinh doanh minh bạch sẽ hình thành, qua đó nuôi dưỡng lối sống trung thực, tôn trọng pháp luật, đề cao trách nhiệm xã hội là những giá trị cốt lõi của ĐĐCD trong nền kinh tế thị trường.

Song song với đó, cần xây dựng và phát triển thị trường lao động công bằng, văn minh, hiệu quả. Thị trường lao động không chỉ là không gian phân bổ nguồn nhân lực mà còn là môi trường rèn luyện, biểu hiện và phát triển ĐĐCD trong lao động và sản xuất. Nhà nước cần xây dựng cơ chế thị trường lao động hiện đại, công khai, minh bạch, bảo đảm mọi công dân có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận việc làm và được hưởng thành quả lao động tương xứng. Cần thiết lập hệ thống thông tin thị trường lao động thống nhất, chính xác, giúp người lao động và doanh nghiệp kết nối thuận lợi; hoàn thiện các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động theo hướng “lấy con người làm trung tâm” của sự phát triển. Đồng thời, phải phát huy vai trò của các tổ chức công đoàn, hiệp hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội trong bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người lao động; xây dựng cơ chế đối thoại xã hội và hòa giải tranh chấp lao động mang tính nhân văn, dân chủ và hợp pháp. Khi người lao động được đối xử công bằng, tôn trọng, được bảo vệ và thụ hưởng thành quả lao động xứng đáng, họ sẽ có động lực phấn đấu, tuân thủ pháp luật, đề cao kỷ luật, trách nhiệm, hình thành và củng cố những chuẩn mực đạo đức tích cực trong sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

Thứ ba, thúc đẩy xây dựng ĐĐCD trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, doanh nghiệp không chỉ có nghĩa vụ tạo ra lợi nhuận mà còn phải gắn chặt hoạt động của mình với trách nhiệm xã hội. Để thực hiện điều này, trước hết cần xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp chú trọng lòng ghép giáo dục đạo đức, ý thức pháp luật và trách nhiệm cộng đồng vào trong quy trình sản xuất, kinh doanh. Điều này có thể thực hiện thông qua việc ban hành bộ quy tắc ứng xử doanh nghiệp, áp dụng chuẩn mực đạo

đức nghề nghiệp cũng như đưa tiêu chí “trách nhiệm xã hội” trở thành điều kiện bắt buộc trong hoạt động đánh giá, xếp hạng và cấp phép kinh doanh.

Bên cạnh đó, cần coi bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là một trong những thước đo quan trọng của ĐĐCD trong sản xuất, kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên đầu tư công nghệ xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, đồng thời tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức cho người lao động về trách nhiệm bảo vệ môi trường sống. Khi doanh nghiệp đặt lợi ích cộng đồng song hành cùng lợi ích kinh tế, các giá trị ĐĐCD sẽ được củng cố trong đời sống lao động sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Mặt khác, để tránh tình trạng “vùng trắng” trong giáo dục đạo đức, cần thúc đẩy sự kết nối chặt chẽ giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội - Doanh nghiệp. Các chương trình giáo dục ĐĐCD trong doanh nghiệp phải được gắn kết với giáo dục ở nhà trường và định hướng từ xã hội, đồng thời nhận được sự đồng hành, ủng hộ từ gia đình. Chỉ khi xây dựng được một môi trường tổng thể, liên thông và đồng bộ, việc giáo dục ĐĐCD trong hoạt động sản xuất, kinh doanh mới phát huy hiệu quả, góp phần hình thành thể hệ công dân có ý thức xã hội, trách nhiệm cộng đồng và bản lĩnh hội nhập.

4.3.3. Nhóm giải pháp về giáo dục đạo đức công dân

Trong quan hệ với nhân cách công dân nói chung và phương diện đạo đức của nhân cách nói riêng, cơ chế thị trường, môi trường chính trị - xã hội mới chỉ tồn tại như là điều kiện đối với sự phát triển của công dân và đạo đức của họ. Hơn nữa, suy cho cùng ĐĐCD phải được biểu hiện ở hành vi cụ thể của những công dân cụ thể, được điều chỉnh bởi các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD. Vì vậy, giáo dục đạo đức là yêu cầu tất yếu, là giải pháp trực tiếp nhất, quyết định nhất để chuyển thể các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD của xã hội thành những phẩm chất đạo đức của cá nhân công dân, thành tình cảm và tri thức đạo đức, thành niềm tin và ý chí, thành trách nhiệm và nghĩa vụ, thành nhu cầu và động cơ bên trong của cá nhân, thành năng lực thực hiện và đánh giá đạo đức. Do đó, giáo dục ĐĐCD phải được tiến hành thường xuyên, liên tục ở cả 3 môi trường: Gia đình - Nhà trường - Xã hội trên cơ sở đổi mới đồng bộ cả nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục và tự giáo dục theo hướng thiết thực, hiệu quả.

4.3.3.1. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức giáo dục đạo đức công dân

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội được nảy sinh trên cơ sở tồn tại xã hội. Do đó, nội dung, hình thức giáo dục ĐĐCD cần được lồng ghép chặt chẽ với nhau, vừa phù hợp với thực tiễn tồn tại xã hội, vừa phản ánh và qua đó có tác dụng cải tạo tồn tại xã hội.

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của công dân trong giải quyết vấn đề lợi ích.

Trong điều kiện thực tiễn của nước ta hiện nay, với chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước

mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, yếu tố quan trọng hàng đầu đó là phải phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Sức mạnh đó chỉ được phát huy khi mỗi công dân nhận thức rõ vấn đề lợi ích, thấy rõ sự thống nhất lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội. Vì vậy, trong giáo dục ĐĐCD cần phải trang bị cho mọi công dân những tri thức, hiểu biết về vấn đề lợi ích, vấn đề quyền và nghĩa vụ công dân, đề cao trách nhiệm công dân... từ đó củng cố niềm tin, thúc đẩy hành động tự giác của mỗi công dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “... chúng ta cần phải có giáo dục đạo đức công dân để mọi người hiểu rõ: Lợi ích chung của nước nhà và lợi ích riêng của người dân là nhất trí; quyền lợi của công dân và nghĩa vụ của công dân là nhất trí; đã là người chủ của nước nhà thì phải phụ trách đối với Tổ quốc” [94, tr.259].

Giáo dục công dân hiểu rõ về vấn đề lợi ích và tính ưu việt trong nguyên tắc giải quyết vấn đề lợi ích dưới chế độ XHCN. Nếu như ở các chế độ phi vô sản, đặc biệt là chế độ tư bản con người tìm kiếm lợi ích cá nhân bằng mọi giá, kể cả trả đũa lên lợi ích của xã hội, coi việc tìm kiếm lợi nhuận là điều kiện sống còn của mỗi cá nhân. Cho nên cái gọi là “lợi ích chung”, lợi ích xã hội thực chất là lợi ích của giai cấp thống trị. Do đó, tuyệt đại đa số nhân dân lao động bị áp bức, bóc lột, buộc phải phục tùng cho cái gọi là “lợi ích chung” đó, bởi vì điều kiện căn bản đem lại lợi ích cho cá nhân công dân là quyền sở hữu tư liệu sản xuất lại nằm trong tay giai cấp thống trị. Vì vậy, trong các xã hội phi vô sản không có cơ sở cho sự dung hòa giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Trong chế độ mới, “lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thoả mãn” [99, tr.610]. Thông qua việc so sánh, đối chiếu bằng những lý lẽ và dẫn chứng thuyết phục ấy không chỉ giúp công dân nâng cao nhận thức, hiểu biết mà còn hình thành cách ứng xử hợp đạo lý làm người của người công dân trong chế độ XHCN, khẳng định tính ưu việt của chế độ XHCN, một xã hội mà “mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình” [99, tr.610].

Cần làm cho mọi công dân hiểu rõ, mỗi cá nhân đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình mình, trong khi mỗi người lại là thành viên của cộng đồng xã hội. Nếu không có cái riêng của con người nữa thì xã hội sẽ mất hết ý nghĩa, mất cơ sở tồn tại. Song không phải chế độ nào, lợi ích cá nhân, lợi ích xã hội cũng có sự hài hòa, thống nhất. Do đó, cần giáo dục cho mọi công dân hiểu rõ yêu cầu đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết. Đặc biệt, nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên CNXH, về cơ bản lợi ích chung và lợi ích riêng là nhất trí, nhưng trong quá trình phát triển ở những điều kiện, hoàn cảnh nhất định vẫn không tránh khỏi những mâu thuẫn, xung đột.

Cho nên, cách ứng xử của những công dân có đạo đức đó là phải đặt lợi ích chung lên trên hết, trước hết. Lợi ích chung được bảo đảm là cơ sở bảo đảm lợi ích của mỗi cá nhân.

Thứ hai, nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân trong giải quyết mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ công dân. Đạo đức công dân được hình thành thông qua quá trình giải quyết quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ của công dân. Do đó, giáo dục công dân về quyền và nghĩa vụ cũng như cách thức giải quyết hài hòa mối quan hệ trên chính là nhằm phát huy cao nhất năng lực làm chủ, tính tích cực, sáng tạo của từng đối tượng thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mỗi người cần ý thức rõ danh dự, lương tâm và trách nhiệm của bản thân mình, từ đó giữ cho bản thân mình luôn luôn trong sáng, có bản lĩnh, có lòng nhân ái và sự khoan dung, độ lượng; mặt khác, phải ý thức được sự tồn tại của các cá nhân khác trong cộng đồng, ý thức về cuộc sống của cộng đồng, của dân tộc và nhân loại để trên cơ sở đó ý thức về nghĩa vụ và quyền lợi, về trách nhiệm cá nhân với tập thể, xã hội.

Thứ ba, chú trọng giáo dục ý thức “thượng tôn Hiến pháp và pháp luật” cho các đối tượng công dân. Đây vừa là chuẩn mực đạo đức quan trọng, vừa là nội dung chủ yếu trong giáo dục ĐĐCD. Do đó, các chủ thể cần chú trọng giáo dục, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật và rèn luyện ý thức tôn trọng pháp luật cho các đối tượng công dân. Trước yêu cầu tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, đặt ra đòi hỏi ngày càng cao của việc thực thi pháp luật của công dân. Do đó, cần thực thi một nền tư pháp dân chủ, công bằng với tinh thần “tất cả mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ”, “không có vùng cấm, không có ngoại lệ” trong thực thi pháp luật. Trong đó, các chủ thể cần đặc biệt chú trọng giáo dục tinh thần “phụng công thủ pháp, chí công vô tư” của đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật, nhất là cán bộ tư pháp.

Thứ tư, chú trọng đẩy mạnh nội dung giáo dục “công dân số”, “công dân toàn cầu”, “công dân học tập” cho các đối tượng công dân. Trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số hiện nay, các chủ thể cần chú trọng đẩy mạnh giáo dục “công dân số”, “công dân toàn cầu”, “công dân học tập” đồng bộ và toàn diện. Đây là những yêu cầu khách quan trong việc xây dựng con người Việt Nam vừa mang bản sắc dân tộc, vừa có đủ năng lực hội nhập và làm chủ tương lai. Trong đó, “công dân số” là những người có khả năng làm chủ công nghệ, biết sử dụng không gian mạng một cách văn minh, an toàn, có trách nhiệm với cộng đồng; “công dân toàn cầu” là những công dân biết tôn trọng sự đa dạng văn hóa, có tư duy cởi mở, năng lực hợp tác quốc tế và ý thức trách nhiệm chung trước các vấn đề toàn cầu; “công dân học tập” là những công dân có khả năng tự học suốt đời, không ngừng cập nhật tri thức và kỹ năng mới để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của thời đại. Để hiện thực hóa các yêu cầu đó, trách nhiệm của Nhà nước và toàn xã hội cần tham

gia xây dựng môi trường lành mạnh, khuyến khích công dân chủ động tiếp cận tri thức, rèn luyện kỹ năng số, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế và phát triển tư duy học tập suốt đời. Việc phối hợp giữa chính sách, chương trình giáo dục, hoạt động truyền thông và các phong trào xã hội sẽ tạo điều kiện cho công dân hình thành bản lĩnh, trách nhiệm và năng lực thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thời đại. Chỉ khi có sự chung tay và đồng thuận cao, việc giáo dục những hình mẫu công dân mới mới thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển đất nước bền vững.

Thứ năm, nội dung, phương pháp giáo dục ĐĐCD cần phù hợp với từng đối tượng công dân cụ thể, nhất là đối tượng cán bộ, đảng viên và học sinh, sinh viên.

Cán bộ, đảng viên và học sinh, sinh viên là hai đối tượng có vai trò rất quan trọng đối với việc củng cố, hoàn thiện và lan tỏa các chuẩn mực ĐĐCD. Sự phát triển ĐĐCD của hai đối tượng này có tác dụng chi phối, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống đạo đức xã hội. Là bộ phận công dân ưu tú nhất, đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng cần phải được giáo dục và tự giác tự giáo dục ĐĐCD. Sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong tu dưỡng rèn luyện có ảnh hưởng rất lớn đến các đối tượng công dân khác. Do đó, nếu không tự giác tu dưỡng, rèn luyện, tự giác vươn lên thì mọi hoạt động giáo dục đều không đem lại kết quả. Ngoài phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn tốt, thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức của mọi công dân, lực lượng này còn phải tích cực chuyển hóa những chuẩn mực đó thành ý thức, tình cảm, tập tục, thói quen làm cơ sở để xác lập được văn hóa ĐĐCD cho các đối tượng công dân.

Trong các đối tượng công dân, học sinh, sinh viên là lớp công dân trẻ, giữ vai trò là rường cột của đất nước, là tương lai, tiền đồ của dân tộc. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên” [90, tr.216]. Do đó, nội dung giáo dục cần tập trung vào những nội dung chủ yếu như: Giáo dục tinh thần yêu lao động và chấp hành kỷ luật lao động, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần quốc tế, giáo dục chủ nghĩa nhân đạo, ý thức tôn trọng pháp luật và những tính cách đạo đức cao quý của công dân (như: ngay thẳng, trung thực...). Bên cạnh đó, cần hướng dẫn, tổ chức cho học sinh hăng say lao động, biết quý trọng giá trị của lao động, tự giác làm tròn nghĩa vụ của mình với nhà nước và xã hội, dám đấu tranh với những bất công trong lao động. Nhà trường cần gắn việc tăng cường giáo dục tinh thần yêu lao động với giáo dục chủ nghĩa tập thể. Bởi vì, nguyên tắc của chủ nghĩa tập thể “mình vì mọi người, mọi người vì mình” chính là cơ sở thúc đẩy cá nhân nỗ lực cố gắng hăng say lao động vì mình và vì mọi người. Giáo dục tinh thần yêu lao động phải gắn với giáo dục kỷ luật lao động. Chính điều đó giúp hình thành ở các em ý thức tôn trọng những quy định chung trong lao động tập thể, làm tiền đề cho ý thức chấp hành nghiêm Luật lao động.

4.3.3.2. Biện pháp giáo dục đạo đức công dân phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả

Giáo dục ĐĐCD là quá trình diễn ra lâu dài, với sự tham gia của nhiều tổ chức, lực lượng khác nhau, trên cơ sở bám sát đặc điểm của từng đối tượng công dân. Tuy nhiên, dù thuộc chủ thể hay đối tượng công dân nào cũng cần tiến hành đồng bộ, thiết thực, hiệu quả các biện pháp giáo dục sau:

Thứ nhất, tối ưu hóa quá trình giáo dục ĐĐCD trong gia đình, nhà trường và xã hội.

Sự hình thành nhân cách công dân được thực hiện trong cả ba môi trường: Gia đình, Nhà trường và Xã hội. Đây là những không gian sinh tồn và phát triển cơ bản của mọi công dân. Do đó, tối ưu hóa quá trình giáo dục ĐĐCD ở các môi trường ấy chính là biện pháp hữu hiệu nhất để nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐCD.

Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi ươm mầm những nhân cách đầu tiên của công dân. Trong xã hội dân chủ, càng cần đến giáo dục đạo đức trong gia đình. Mỗi người không chỉ tìm thấy ở gia đình niềm vui, ý nghĩa trong sáng của cuộc sống, điểm tựa vững vàng và nguồn sinh lực mạnh mẽ để bước vào xã hội mà còn thu nhận từ gia đình những chuẩn mực đạo đức cao quý của người công dân để vững vàng bước ra ngoài xã hội với địa vị người làm chủ. Do đó, nội dung giáo dục đạo đức trong gia đình hiện nay không chỉ tập trung vào việc giáo dục cách ứng xử của các thành viên trong gia đình “trên kính, dưới nhường” và lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ mà cần tập trung giáo dục con em mình biết tôn trọng lợi ích xã hội và những nguyên tắc của đời sống xã hội, giáo dục tình cảm yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu CNXH. Đồng thời, gia đình cần rèn luyện cho con em mình những tính cách cần thiết của người công dân như: tính ngay thẳng, lòng trung thực, dũng cảm, khiêm tốn, thái độ tự chủ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đặc biệt là ý thức tôn trọng pháp luật. Muốn vậy, cha mẹ và người lớn trong gia đình phải nêu gương sáng về nhân cách, lối sống, để thế hệ sau noi theo bằng sự thống nhất giữa lời nói và việc làm. Trong gia đình cần xây dựng nền nếp, quy tắc ứng xử nhân ái, dân chủ và tôn trọng lẫn nhau. Giáo dục đạo đức nên gắn liền với sinh hoạt hằng ngày, từ lao động, học tập đến quan hệ với hàng xóm, cộng đồng, qua đó hình thành trách nhiệm công dân từ những việc làm nhỏ nhất. Đồng thời, gia đình cần tăng cường đối thoại, lắng nghe, định hướng giá trị đúng đắn thay vì áp đặt; phối hợp chặt chẽ với nhà trường và xã hội để thống nhất mục tiêu và phương pháp giáo dục; hướng dẫn, quản lý con em sử dụng internet, mạng xã hội một cách tích cực, tránh xa ảnh hưởng tiêu cực; từng bước trang bị cho các em tri thức pháp luật, thói quen tôn trọng hương ước làng xã, quy định xã hội.

Bên cạnh đó, khi xây dựng đạo đức, lối sống, bên cạnh việc giáo dục các chuẩn mực ĐĐCD tốt đẹp, yêu cầu xây dựng chế độ mới cũng đòi hỏi gia đình phát huy vai trò tích cực trong việc ngăn chặn những mặt trái của ĐĐCD như: tham nhũng, buôn lậu, trôn

thuế, lối sống hưởng thụ, lười động... Tham nhũng đang trở thành quốc nạn, là bài toán khó đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Trong khi hầu hết các vụ việc tham nhũng chủ yếu được phát hiện, bị tố giác nhờ dư luận xã hội... thì hầu như có rất ít các vụ án được phát giác từ trong gia đình, thậm chí có không ít thành viên trong gia đình còn tiếp tay cho thân nhân mình thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật. Đây là những hạn chế của giáo dục đạo đức trong gia đình bắt nguồn từ quan niệm lệch chuẩn về vấn đề lợi ích của không ít gia đình hiện đại cần được khắc phục và chấn chỉnh kịp thời.

Là một môn học đặc thù, chủ yếu nhằm trang bị cho học sinh, sinh viên những tri thức và kỹ năng ứng xử của công dân trong quan hệ với Nhà nước và xã hội, việc nâng cao chất lượng dạy và học môn Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị trong các cấp học, ngành học là yêu cầu cấp thiết. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh rằng nhiệm vụ của ngành giáo dục “... không những dạy đọc, dạy viết, mà còn phải chú trọng dạy đạo đức công dân” [95, tr.126]. Điều này khẳng định rằng mục tiêu của giáo dục không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức, mà còn phải hình thành ở người học những chuẩn mực giá trị và trách nhiệm công dân. Để thực hiện yêu cầu đó, cần trước hết khắc phục triệt để thái độ coi thường, xem nhẹ môn học của cả người dạy và người học. Đây là một thách thức lớn, đòi hỏi phải gắn liền với quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay. Việc đổi mới môn học cần được tiến hành đồng bộ trên tất cả các khâu: chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên; xác định nội dung, chương trình giảng dạy theo hướng khoa học, hiện đại, thiết thực, phù hợp với từng cấp học, ngành học; đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; cải tiến hình thức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo tiêu chí năng lực và phẩm chất thay vì chỉ chú trọng truyền đạt lý thuyết. Đồng thời, hệ thống tài liệu nghiên cứu, giáo trình, học liệu điện tử cũng cần được biên soạn công phu, cập nhật, bảo đảm vừa có tính chuẩn mực, vừa gần gũi với thực tiễn đời sống xã hội, qua đó khắc phục tình trạng hình thức, kém tác dụng trong giảng dạy và học tập.

Giáo dục ĐĐCD trong môi trường xã hội cần gắn với phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Họ sẽ là đầu tàu, “đảng viên đi trước, làng nước theo sau” tạo ra sức hấp dẫn, thuyết phục của các phong trào thi đua, các chương trình, đề án triển khai của các cấp chính quyền. Tuy nhiên, đúng như V.I. Lênin từng nói về một loại kẻ thù nguy hiểm ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức của người cán bộ, đảng viên đó là căn bệnh “kiêu ngạo cộng sản”. Nó làm cho người đảng viên “tưởng rằng chỉ bằng những pháp lệnh cộng sản là có thể giải quyết được tất cả nhiệm vụ của mình” [79, tr.217]. Đặc biệt, nước ta đi lên CNXH từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, do đó tư duy tiểu nông vẫn còn tồn tại dai dẳng trong nhận thức và hành động của các đối tượng công dân, trong đó có đội ngũ cán

bộ, đảng viên. Tính kiêu ngạo đi liền với sự thiếu hiểu biết dẫn đến nhận thức cán bộ, đảng viên bị hạn chế, thậm chí lệch lạc, không đầy đủ làm suy giảm niềm tin của quần chúng. Để loại bỏ căn bệnh này, Đảng, Nhà nước cần đẩy mạnh học tập lý luận chính trị cho đội ngũ này. Trong các nội dung đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên cần giáo dục ĐĐCD, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phụng sự Nhân dân.

Thứ hai, phát huy vai trò của tự phê bình và phê bình trong giáo dục ĐĐCD.

Tự phê bình và phê bình trước hết là yêu cầu và phương thức xây dựng đạo đức của mọi công dân. Là người chủ của chế độ mới, nếu không thường xuyên tự phê bình và phê bình để không ngừng nâng cao đạo đức, mọi công dân sẽ tự từ bỏ quyền lực và lợi ích của mình. Thông qua tự phê bình và phê bình, mỗi công dân sẽ nhận thức rõ ưu điểm của bản thân và của các cá nhân khác để không ngừng trau dồi, học tập đồng thời thấy rõ những hạn chế, yếu kém, lệch lạc để cùng nhau khắc phục. Phát huy vai trò tự phê bình và phê bình chính là quá trình hình thành dư luận xã hội tích cực trong rèn luyện đạo đức. Trong điều kiện tác động đa chiều, đan xen, cả tích cực và tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa và kinh tế thị trường đòi hỏi từng công dân phải biết phân tích rõ ràng *cái gì đúng, cái gì sai*. Xác định bản chất đúng sai của một vấn đề là rất quan trọng vì điều này không những đòi hỏi phải có vốn trí thức và hiểu biết nhất định mà còn phải đứng trên quan điểm lập trường vì cái chung, lợi ích chung chứ không phải vì lợi ích cá nhân. Khi đã hiểu rõ đúng sai thì phải phê bình cái sai và ủng hộ cái đúng. Cũng nhờ hiểu đúng sai nên mới phân biệt công - tư, thiện - ác, lợi - hại, rồi nghiêm chỉnh phê bình và thật thà tự phê bình để giúp nhau sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, để cùng nhau tiến bộ.

Mỗi công dân phải thể hiện thái độ kiên quyết, không để bản thân bị chi phối hay dung túng bởi những khuyết điểm, sai lầm nảy sinh trong đời sống xã hội. Thay vào đó, cần tích cực ủng hộ, cổ vũ những hành động đúng đắn, gương mẫu; đồng thời dũng cảm, kiên quyết đấu tranh để khắc phục sai lầm, hạn chế sự lan rộng của những biểu hiện tiêu cực gây hại đến lợi ích chung. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nơi nào sai lầm, ai sai lầm, thì lập tức sửa chữa. Kiên quyết chống thói nể nang và che giấu, chống thói trước mặt thì nể, kể lể sau lưng” [88, tr.308]. Theo Người, sự thẳng thắn, công tâm và tinh thần trách nhiệm của mỗi công dân trong việc phát hiện, phê bình và sửa chữa khuyết điểm không chỉ góp phần xây dựng tập thể trong sạch, vững mạnh, mà còn là một biểu hiện quan trọng của ĐĐCD trong xã hội mới.

Thứ ba, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục ĐĐCD với giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và toàn thể dân tộc. Đồng thời, đây còn là “*chất đề kháng*” hữu hiệu nhất trong

cuộc đấu tranh phòng ngừa nguy cơ suy thoái đạo đức của mỗi công dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ chính trị” [99, tr.611]. Lý luận Mác - Lênin không phải những tín điều trong kinh thánh mà bản thân nó đã chứa đựng trong đó ý nghĩa nhân văn, đạo đức và có sức cảm hóa mạnh mẽ, khơi dậy ý thức đạo đức của mỗi công dân. Do đó, ngay cả việc học ấy cũng là một hành vi đạo đức, “là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình, có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được” [100, tr.670].

Với vai trò cải tạo thế giới, lý luận Mác - Lênin chỉ trở thành vũ khí vật chất to lớn khi nó thâm nhập vào trong các đối tượng công dân, được mọi công dân tự giác thừa nhận và vận dụng trong các phong trào hành động cách mạng. Do đó, để tránh những biểu hiện hình thức, giáo điều trong giáo dục lý luận Mác - Lênin, tổ chức Đảng, các cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội cần lựa chọn nội dung học tập phù hợp, sát thực tế, gắn với từng đối tượng công dân cụ thể, với đặc thù nghề nghiệp của từng công dân, tích cực bồi dưỡng cho công dân phương pháp học lý luận. Theo Hồ Chí Minh, học tập lý luận Mác - Lênin “là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học để mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn” [99, tr.611].

Thứ tư, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục ĐĐCD với tăng cường kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của kỷ luật Đảng, coi đó là yếu tố quyết định sức mạnh và uy tín của tổ chức Đảng. Người khẳng định: “Không giữ vững kỷ luật của Đảng, không kiên quyết chấp hành chính sách và nghị quyết của Đảng, không thiết tha quan tâm đến lợi ích của Đảng - là trái với nghĩa vụ của đảng viên” [92, tr.284]. Từ tư tưởng ấy, có thể thấy việc tăng cường kỷ luật Đảng không chỉ nhằm xây dựng Đảng thực sự “là đạo đức, là văn minh”, mà còn có tác động to lớn đến giáo dục ĐĐCD trong xã hội. Bởi lẽ, quần chúng chỉ thực sự tin Đảng, yêu Đảng và tự giác làm tròn bổn phận công dân khi mỗi đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, trở thành tấm gương sáng về đạo đức, lối sống và tinh thần trách nhiệm.

Cùng với đó, việc xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức có ý nghĩa quyết định trong việc làm trong sạch bộ máy Nhà nước, đồng thời khẳng định tính nghiêm minh của pháp luật. Cơ chế lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm cần được mở rộng và nâng cao chất lượng như một hình thức giám sát dân chủ hữu hiệu. Cơ chế này không chỉ góp phần ngăn chặn, loại bỏ nguy cơ “tha hóa

quyền lực” ngay từ sớm, từ xa, mà còn giúp đội ngũ cán bộ, nhất là những người đứng đầu, tự soi rọi, nâng cao ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân.

Thực chất, niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức chính là “mệnh lệnh đạo đức” buộc mỗi cán bộ phải giữ gìn danh dự, nhân phẩm và uy tín chính trị của mình. Khi niềm tin ấy bị suy giảm hoặc đánh mất thì đó cũng là cơ sở chính đáng để Đảng và Nhà nước xem xét việc luân chuyển, miễn nhiệm, thậm chí bãi nhiệm cán bộ. Do đó, muốn phát huy hiệu quả cơ chế này, Đảng và Nhà nước phải thực sự tin dân, dựa vào dân và tôn trọng sự sáng suốt, công tâm của nhân dân thể hiện qua lá phiếu giám sát. Chính sự kết hợp chặt chẽ giữa kỷ luật Đảng, pháp luật Nhà nước và niềm tin, sự giám sát của nhân dân mới tạo nên sức mạnh bền vững để giáo dục và phát huy ĐĐCD trong điều kiện hiện nay.

Thứ năm, phát huy vai trò nêu gương nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ĐĐCD.

Nêu gương về đạo đức trước hết là một yêu cầu đối với cán bộ, đảng viên và những người đứng đầu các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội. Việc nêu gương đạo đức của cán bộ, đảng viên có tác dụng giáo dục quần chúng rất lớn. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở và yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên “Tự mình phải chính trước, mới giúp được người khác chính” [91, tr.130]. Ngược lại, sự thiếu rèn luyện, tu dưỡng, đặc biệt là sự thoái hóa, biến chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hành vi đạo đức, lối sống, ý thức kỷ luật, pháp luật của công dân. Cán bộ, đảng viên xưa nay vẫn được xã hội thừa nhận là bộ phận tinh hoa của dân tộc lẽ dĩ nhiên họ phải là những tấm gương mẫu mực về ĐĐCD để quần chúng noi theo. Vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên không chỉ dừng lại ở tấm gương tự giáo dục đạo đức mà còn có trách nhiệm giúp đỡ quần chúng tự giáo dục, rèn luyện. Trên địa bàn cư trú, nơi công tác, trong công việc cũng như trong sinh hoạt đời thường cán bộ, đảng viên đều có thể nêu gương bằng lời nói, việc làm “sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, tự giác tham gia giữ gìn trật tự chung, bảo vệ tài sản chung... Do đó, để có được những tấm gương sáng cho quần chúng học tập và noi theo, đội ngũ cán bộ, đảng viên, phải không ngừng rèn luyện, tu dưỡng, tự mình gương mẫu “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”; tư tưởng và hành động của từng đảng viên phải thống nhất, nếu không “khác nào một mớ cắt rời, “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” sẽ không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng. Lời nói và việc làm của đảng viên rất quan hệ đến sự nghiệp cách mạng, vì nó ảnh hưởng lớn đến quần chúng” [96, tr.606].

Trong truyền thống dân tộc Việt Nam, nêu gương luôn được coi trọng và đề cao, bởi trong tâm thức của người Việt Nam một tấm gương đạo đức thực tế có sức cảm hóa mạnh mẽ, có thể làm thay đổi nhận thức, hành vi của cả cộng đồng. Điều đó cho thấy, nêu gương không chỉ mang ý nghĩa đạo đức cá nhân, mà còn là phương thức giáo dục hiệu

quả, trực tiếp và giàu sức thuyết phục. Do vậy, tại các cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, cần quan tâm phát hiện, lựa chọn, tôn vinh và nhân rộng những tấm gương “người tốt, việc tốt” trong mọi tầng lớp nhân dân, để từ đó hình thành cơ chế tự giáo dục, tự điều chỉnh trong cộng đồng. Họ phải thể hiện đầy đủ những phẩm chất ĐĐCD (yêu nước, tôn trọng lợi ích chung, thượng tôn Hiến pháp, pháp luật....); có những hành động, việc làm cụ thể, thiết thực đem lại lợi ích cho cộng đồng (giúp đỡ người khó khăn, bảo vệ môi trường, tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh trật tự, tích cực trong hoạt động từ thiện...). Đặc biệt, họ phải là những công dân có khả năng lan tỏa những hành động nhân văn, nghĩa tình và khơi dậy khát vọng sống tốt, sống đẹp trong cộng đồng. Khi những tấm gương sống động được lan tỏa, mỗi cá nhân sẽ thấy rõ trách nhiệm của mình, từ đó tự giác rèn luyện, phấn đấu hoàn thiện nhân cách công dân. Đây cũng là quan điểm xuyên suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giáo dục ĐĐCD. Người khẳng định: “Những gương người tốt, việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để xây dựng con người. Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn” [100, tr.655].

4.3.3.3. Đẩy mạnh tự giáo dục, rèn luyện đạo đức phù hợp với từng đối tượng công dân

Hiệu quả giáo dục ĐĐCD phải trực tiếp được thể hiện thông qua việc tiếp thu và tự giác thực hiện của từng công dân. Sẽ là sai lầm khi cho rằng, trong tình hình hiện nay, khi đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng cao, quyền tự do, dân chủ không ngừng được mở rộng thì việc tự giáo dục, rèn luyện đạo đức của công dân càng có điều kiện thuận lợi và dễ thực hiện. Thực tế cho thấy, dưới tác động của cơ chế thị trường, nếu không kiên định tự giáo dục, rèn luyện theo những chuẩn mực ĐĐCD thì công dân rất dễ rơi vào suy thoái đạo đức trước áp lực của đồng tiền và những cám dỗ lợi ích.

Để nâng cao hiệu quả tự giáo dục đạo đức của công dân, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội cần trang bị kiến thức toàn diện về đạo đức cho công dân như: ĐĐCD là gì? Tiêu chí nào để đánh giá một công dân có đạo đức? Phương thức rèn luyện, hoàn thiện ĐĐCD như thế nào?... Nói cách khác, cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐCD. Trên cơ sở những kiến thức, hiểu biết đó cần nhân rộng những tấm gương điển hình tiêu biểu về ĐĐCD giúp họ có dịp quan sát, học tập, nhất là trong điều kiện nhận thức hiểu biết của các đối tượng công dân trong xã hội không đồng đều. Những tấm gương đó phải thực sự tiêu biểu, toàn diện cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tri thức hiểu biết, tác phong sinh hoạt, phù hợp với từng đối tượng công dân trong xã hội. Họ chính là những “mẫu đạo đức công dân” lý tưởng để mỗi người tự học tập, noi theo. Muốn vậy, phải phát huy vai trò của các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng trong

việc: giáo dục tư tưởng, phê phán, lên án các biểu hiện tiêu cực về đạo đức và nhân rộng các tấm gương ĐĐCD. Thông qua các phương tiện truyền thông, nhà nước cần làm tốt công tác định hướng giá trị tránh tô hồng hoặc bôi đen thực trạng ĐĐCD dẫn đến những nhận thức lệch lạc, sai trái.

Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình trong tự giáo dục ĐĐCD theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tự phê bình và phê bình không những là vũ khí sắc bén mà còn là động lực bên trong giúp cho mỗi công dân phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, không ngừng vươn lên hoàn thiện về phẩm chất đạo đức, lối sống. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ đạo đức của mỗi người không tự nhiên mà có, đã làm việc thì không tránh khỏi khuyết điểm, sai lầm. Điều quan trọng là khi có lỗi lầm phải biết sửa chữa và phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Thực tế hiện nay, tự phê bình và phê bình gắn liền với lợi ích của mỗi người, nếu không kiên quyết đấu tranh ngăn ngừa thì tư tưởng giấu giếm khuyết điểm, bao che, né tránh sẽ lấn át tính tự giác, trung thực trong tự phê bình và phê bình. Để duy trì nền nếp và có chiều sâu biện pháp quan trọng là cần đẩy mạnh sinh hoạt tự phê bình và phê bình về đạo đức, lối sống. Phương pháp tự phê bình và phê bình cần được tiến hành từ trên xuống dưới, từ trong tổ chức đảng đến quần chúng; mỗi người phải thực hiện “phê bình mình trước, phê bình người sau”; thái độ tự phê bình và phê bình phải trung thực, mực thước; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trong đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân; đồng thời, phải có cơ chế tăng cường sự giám sát của quần chúng và công luận; có phương pháp xem xét, xử lý đúng khuyết điểm, sai lầm của tập thể, cá nhân và được kết luận kịp thời, công khai rộng rãi.

Tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐCD phải gắn liền với phát huy vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể. Theo Hồ Chí Minh, quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐCD phải được coi như một quá trình “luyện vàng”. Vì vậy, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, rèn luyện ĐĐCD trong giai đoạn hiện nay cần phải có sự nỗ lực của cả hai phía: cá nhân công dân và sự giáo dục, bồi dưỡng của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương mà công dân sinh hoạt, học tập công tác.

Đối với cá nhân công dân: Cần nhận thức sâu sắc rằng, phẩm chất ĐĐCD không phải là kết quả tự nhiên, sẵn có, mà là sản phẩm của một quá trình học tập, tu dưỡng và rèn luyện công phu, nghiêm túc và liên tục. Do đó, để nâng cao ĐĐCD, mỗi người cần xác lập cho mình những biện pháp cụ thể, phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp, hoàn cảnh sống và trình độ nhận thức nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình học tập và rèn luyện đạo đức. Phẩm chất ĐĐCD của từng cá nhân công dân được thể hiện trước hết ở lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng, sẵn sàng vượt qua khó khăn, thử thách trong công việc và cuộc sống. Công dân có đạo đức cần có ý chí phấn đấu

không ngừng, tinh thần dũng cảm, chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, phát huy cao nhất năng lực và trí tuệ để hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, mọi nhận thức và hành vi của cá nhân phải luôn xuất phát từ động cơ trong sáng, lấy lợi ích chung của cộng đồng, tập thể, đất nước làm tiêu chuẩn định hướng. Bên cạnh đó, công dân có đạo đức cần kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện vi phạm kỷ luật, pháp luật, thiếu trách nhiệm cộng đồng, tham nhũng, lãng phí, cơ hội, vụ lợi và các hành vi lệch chuẩn khác. Tự giáo dục đạo đức cũng đồng nghĩa với việc thường xuyên nhìn lại bản thân, nỗ lực khắc phục hạn chế, không ngừng học tập để nâng cao trình độ, hoàn thiện nhân cách đạo đức.

Đối với các cơ quan, đơn vị: Đây là những chủ thể có vai trò tổ chức, quản lý và định hướng quá trình giáo dục, rèn luyện đạo đức cần nhận thức rõ vai trò định hướng, điều chỉnh của mình trong việc thúc đẩy tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐCD. Trước hết, các cơ quan, đơn vị cần nắm chắc thực trạng phẩm chất đạo đức của từng cá nhân trong tập thể, trên cơ sở đó xác định rõ những tiêu chí cụ thể, thiết thực về ĐĐCD phù hợp với chức trách, nhiệm vụ và đặc điểm của từng môi trường. Việc đề ra tiêu chí phải bảo đảm tính định hướng, khả thi, có tính gợi mở và động viên cao; đồng thời cần gắn liền với hệ thống kiểm tra, giám sát hiệu quả để phát hiện, kịp thời uốn nắn lệch lạc, cổ vũ tích cực. Quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức cần được gắn chặt với tinh thần tự phê bình và phê bình. Các cấp ủy, người đứng đầu cần khuyến khích từng cá nhân xây dựng kế hoạch phấn đấu cụ thể, thiết thực, với các mục tiêu rõ ràng, các bước đi vững chắc; đồng thời lựa chọn phương pháp rèn luyện linh hoạt, năng động, tránh rơi vào hình thức chủ nghĩa, phô trương hoặc cầu an, đối phó. Đồng thời, cần quán triệt sâu sắc tư tưởng “xây đi đôi với chống”, lấy “xây” là chính, tức là vừa phải tích cực xây dựng những chuẩn mực ĐĐCD, vừa phải kiên quyết đấu tranh, loại bỏ những biểu hiện tiêu cực, thoái hóa về đạo đức trong đơn vị.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, đánh giá, biểu dương và khen thưởng cần được thường xuyên quan tâm chú trọng kịp thời, thường xuyên. Tự giáo dục là một quá trình mang tính tự giác cao nhưng để đảm bảo sự đúng hướng và tạo động lực tích cực cho cá nhân rất cần sự quan tâm theo dõi, kiểm tra, đánh giá từ phía các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là từ cộng đồng xã hội với tư cách là môi trường giám sát rộng lớn và khách quan. Theo Hồ Chí Minh, không có sự giám sát nào khách quan, đầy đủ và trung thực hơn sự đánh giá của Nhân dân. Bởi vì, “Nhân dân ta rất tốt, việc gì họ hiểu thì họ hết sức làm, họ vui lòng làm, thậm chí phải hy sinh, dân cũng vui lòng hy sinh” [97, tr.438] Thực tiễn quản lý xã hội ở nước ta hiện nay cho thấy, phần lớn các vụ vi phạm pháp luật, các hành vi sai trái, phản đạo đức bị phát hiện là do quần chúng tố giác và

phản ánh. Điều đó càng khẳng định vai trò to lớn của dư luận xã hội trong việc kiểm soát và điều chỉnh hành vi ĐĐCD. Vì vậy, cần tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tốt vai trò của xã hội, của nhân dân trong việc góp ý, giám sát ĐĐCD, trên cơ sở đảm bảo tính dân chủ, minh bạch, công bằng và vì lợi ích chung của cộng đồng.

Mặt khác, để khuyến khích tinh thần tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức cần đặc biệt chú trọng đến việc biểu dương, khen thưởng những cá nhân có nỗ lực, tiến bộ trong tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Trong điều kiện mới hiện nay, công dân thực hiện tốt các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực đạo đức không chỉ thể hiện nghĩa vụ, trách nhiệm công dân mà còn là biểu hiện của sự trưởng thành về tư tưởng chính trị, về ý thức xã hội. Những ghi nhận, lời khen đúng lúc có thể trở thành động lực thúc đẩy công dân tiếp tục phát huy những phẩm chất đạo đức tốt đẹp; đồng thời, những lời góp ý, phê bình chân thành sẽ giúp cá nhân nhận ra thiếu sót và có hướng khắc phục kịp thời. Ngược lại, sự thờ ơ, thiếu quan tâm từ phía xã hội, nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội có thể dẫn đến tình trạng cá nhân cảm thấy nản chí, thiếu động lực phấn đấu, thậm chí đánh mất niềm tin vào các giá trị đạo đức mà họ theo đuổi.

4.3.4. Nhóm giải pháp về xây dựng môi trường đạo đức công dân

Môi trường ĐĐCD là hệ thống tổng hợp các yếu tố cấu thành điều kiện khách quan và chủ quan, thường xuyên và trực tiếp quy định đến quá trình hình thành, phát triển các chuẩn mực ĐĐCD, bao gồm tổng thể các yếu tố như: hệ giá trị ĐĐCD; các thiết chế văn hóa... cũng như cơ chế vận hành, tổ chức thực hiện các chuẩn mực đạo đức trong thực tiễn đời sống xã hội. Các yếu tố này, trong mối tương tác biện chứng tạo nên không gian văn hóa, đạo đức có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự phát triển phẩm chất đạo đức, ý thức công dân và hành vi thực hiện nghĩa vụ đạo đức của công dân trong xã hội. Để phát huy tối đa vai trò của các yếu tố trên, cần tập trung triển khai hiệu quả một số giải pháp cơ bản sau:

4.3.4.1. *Đẩy mạnh dân chủ hóa kết hợp tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội*

Sự thống nhất giữa phát huy quyền làm chủ của nhân dân và giữ nghiêm kỷ cương xã hội chính là tạo cơ sở chính trị - xã hội cho việc chuyển những yêu cầu, đòi hỏi mang tính tất yếu của xã hội thành nhu cầu tự giác trong mỗi công dân. Dấu hiệu đầu tiên của sự hình thành và phát triển những năng lực đạo đức của công dân là ở chỗ: trong động cơ hành vi đạo đức cá nhân có yêu cầu của xã hội. Vì vậy, quá trình chuyển những yêu cầu xã hội thành nhu cầu động cơ bên trong con người nhờ phát huy quyền làm chủ của công dân và giữ nghiêm kỷ cương xã hội sẽ trở thành nhu cầu kết nối giữa cá nhân và xã hội, làm phát triển tình cảm, mối quan tâm đến người khác cũng như trách nhiệm, nghĩa vụ với nhà nước. Mặt khác, nước ta bước vào xã hội hiện đại với một hành trang thiếu truyền

thống pháp quyền, cơ sở kinh tế, xã hội cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền đang được xây dựng, còn non yếu cùng với những hạn chế, yếu kém, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện. Vì vậy, việc đẩy mạnh dân chủ hóa kết hợp tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội cần được tiến hành đồng bộ, với những biện pháp cụ thể như:

Thứ nhất, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam với vai trò là “bà đỡ” để các chuẩn mực đạo đức được thực thi, củng cố, phát triển và hoàn thiện.

Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân, lấy liên minh công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng cộng sản lãnh đạo, nhà nước thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước vừa có chức năng điều tiết lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia quan hệ thị trường, vừa có chức năng điều tiết lợi ích nói chung của mọi công dân trên phạm vi toàn xã hội. Sự khác biệt giữa các lợi ích hiện nay là một thực tế phải chấp nhận, nhưng “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” là mục tiêu mà mọi công dân cần hướng tới, là điểm tương đồng để giải quyết các quan hệ lợi ích. Vì vậy, sự điều tiết các lợi ích từ phía Nhà nước phải được thực hiện thông qua một hệ thống pháp luật có hiệu lực đối với mọi công dân.

Một là, nâng cao chất lượng ban hành pháp luật.

Pháp luật chính là cơ sở định hình xã hội dân chủ. Xây dựng một xã hội dân chủ lại càng cần phải tăng cường pháp luật, giữ vững kỷ cương xã hội. Thông qua các quy định về quyền và nghĩa vụ quy định trong pháp luật, các quyền cơ bản của công dân, mà đặc biệt là quyền tự do phát triển cá nhân được xác định, các thành viên của xã hội được bảo vệ. Sẽ không đảm bảo được dân chủ, công bằng, văn minh khi một thành viên của xã hội bị xâm hại về lợi ích hay lợi ích của Nhà nước bị xâm hại bởi một cá nhân mà không phải gánh chịu một trách nhiệm pháp lý nào. Cũng không thể có dân chủ, công bằng, văn minh khi hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, còn tồn tại những văn bản quy phạm pháp luật vô lý được ban hành gây thiệt hại cho Nhà nước và công dân mà không có trách nhiệm pháp lý rõ ràng. Đồng thời, Nhà nước phải đảm bảo được vị trí tối thượng của pháp luật trong đời sống xã hội, đáp ứng được yêu cầu đời sống hiện đại trong nước và quốc tế. Vì vậy, phải xây dựng được một hệ thống pháp luật “dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo” [38, tr.48].

Đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng pháp luật theo hướng coi trọng quyền con người, quyền công dân và lợi ích hợp pháp của các chủ thể xã hội, bảo đảm pháp luật không chỉ là công cụ quản lý nhà nước mà còn là cơ chế bảo vệ, khuyến khích và định hướng hành vi xã hội phù hợp với chuẩn mực đạo đức. Quá trình xây dựng pháp luật phải được thực hiện trên cơ sở khoa học, dự báo đúng yêu cầu phát triển, xuất phát từ thực tiễn đời sống, đồng thời bảo đảm tính kế thừa và hội nhập quốc tế. Trong đó, cần tăng cường tham vấn ý kiến của Nhân dân, các tổ chức xã hội, giới chuyên gia, các doanh nghiệp trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, qua đó vừa nâng cao tính dân chủ, vừa bảo đảm tính khả thi. Đồng thời, phải xây dựng một quy trình lập pháp nghiêm ngặt, minh bạch, gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ quan có thẩm quyền; khắc phục tình trạng cục bộ ngành, lợi ích nhóm, ban hành văn bản pháp luật mang tính chắp vá, thiếu đồng bộ, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Thường xuyên chú trọng rà soát, đánh giá, xem xét, bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm kịp thời loại bỏ những quy định lạc hậu, mâu thuẫn, chồng chéo, không đúng thẩm quyền, không minh bạch, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động của chính sách, pháp luật.

Tăng cường công tác thẩm định, phản biện xã hội, đánh giá tác động chính sách trước và sau khi ban hành, kịp thời phát hiện những quy định bất hợp lý để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, bảo đảm pháp luật luôn phù hợp với sự vận động của thực tiễn và yêu cầu hội nhập quốc tế. Trong điều kiện sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0, đòi hỏi các cơ quan nhà nước đẩy mạnh số hóa, hiện đại hóa hoạt động xây dựng và thi hành pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận cho mọi công dân. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc công bố, tra cứu, giải thích và áp dụng pháp luật không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn tạo điều kiện thuận lợi để người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách đầy đủ, đúng đắn. Song song với đó, phải củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác pháp luật, bảo đảm phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, bởi họ chính là nhân tố trực tiếp quyết định chất lượng và hiệu quả của hệ thống pháp luật.

Hai là, thực thi pháp luật nghiêm minh, không có “vùng cấm”, không có ngoại lệ.

Vai trò của ĐĐCD chỉ được đảm bảo và khuyến khích trong môi trường xã hội lành mạnh, trong đó xã hội không chỉ coi trọng pháp luật mà còn đòi hỏi việc thực thi pháp luật một cách nghiêm minh, mọi công dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Đây là một điều kiện cần thiết để ngăn chặn sự xuống cấp về đạo đức, loại trừ hiện tượng phản ĐĐCD ra khỏi đời sống xã hội, qua đó thúc đẩy việc hình thành chuẩn mực “tuân thủ Hiến pháp và pháp luật”. Do đó, cần xây dựng một cơ chế thực thi pháp luật

đồng bộ, minh bạch, đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Việc thi hành pháp luật phải được coi là nhiệm vụ chính trị trọng yếu của cả hệ thống chính trị, trong đó từng cơ quan, tổ chức, cán bộ, đảng viên phải nêu gương, gắn trách nhiệm giải trình với hiệu quả thực thi.

Thực hiện các biện pháp đồng bộ, toàn diện, căn bản tạo sự chuyển biến thực chất trong công tác thực thi pháp luật. Trước hết, cần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật như tư pháp, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán..., bảo đảm sự độc lập, khách quan và công tâm trong thực thi nhiệm vụ. Mọi hành vi vi phạm pháp luật, suy thoái về đạo đức, lối sống, dù xuất phát từ bất cứ cá nhân, tổ chức nào, cũng phải được phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời, không có ngoại lệ. Tăng cường công khai, minh bạch trong quá trình thực thi pháp luật, đặc biệt là trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, nhằm loại bỏ nguy cơ bao che, dung túng, “nhẹ trên, nặng dưới”. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để giám sát, công bố công khai thông tin xử lý vi phạm, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân và răn đe, phòng ngừa vi phạm. Bên cạnh đó, phải gắn thực thi pháp luật nghiêm minh với việc xử lý trách nhiệm người đứng đầu. Nếu để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật kéo dài, có hệ thống mà không được phát hiện, ngăn chặn, thì phải xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, từ đó khắc phục tình trạng “nhờn luật” và tâm lý buông lỏng kỷ cương. Đặc biệt, để công tác thực thi pháp luật tự giác, nghiêm minh, hạn chế tình trạng lạm quyền, lạm quyền, trục lợi cần phát huy vai trò giám sát của nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội. Khi người dân thực sự được tạo điều kiện tham gia giám sát quyền lực, lên tiếng trước các hành vi vi phạm, thì tính công khai, minh bạch và nghiêm minh của pháp luật mới được bảo đảm trên thực tế.

Thứ hai, thực hiện tốt cơ chế vận hành quyền lực Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt, nhân dân làm chủ.

Đây là nội dung cốt lõi thể hiện nguyên tắc tổ chức phân công quyền lực, đồng thời là cơ sở đẩy mạnh dân chủ hóa gắn liền với giữ nghiêm kỷ cương xã hội ở nước ta. Do đó, vấn đề mấu chốt để thực hiện nguyên tắc này đó là phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và bảo đảm các thành tố trong hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tránh chồng chéo hoặc bao biện làm thay. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khoá XIII của Đảng chỉ rõ: “Nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn giữa Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ” [43, tr.38]. Thực hiện chủ trương trên đòi hỏi phải tiến hành các biện pháp nhằm tích cực hóa vai trò của các chủ thể và coi trọng sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành tố.

Một là, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng là yếu tố then chốt, giữ vai trò quyết định hiệu quả thực thi cơ chế vận hành quyền lực ở nước ta. Do đó, cần chú

trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, sức chiến đấu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp; không ngả nghiêng, dao động trong bất cứ tình huống nào. Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Nâng cao năng lực cầm quyền và bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng có hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển. Cùng với đó cần tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng gắn đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Hai là, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”, quá trình tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đang được triển khai đồng bộ, toàn diện, quyết liệt “chỉ bàn làm không bàn lùi” và thu được những kết quả bước đầu quan trọng. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, công cuộc tổ chức sắp xếp bộ máy nhà nước pháp quyền theo hướng tinh, gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả cần được tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ với yêu cầu mới là bộ máy vận hành trơn tru, bảo đảm hiệu năng, hiệu lực quản lý và mục tiêu kiến tạo phát triển trên cơ sở áp dụng máy móc, công nghệ mới trong chỉ đạo điều hành và thực thi công vụ. Cùng với đó, bộ máy nhà nước cần nâng cao trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch trong mọi hoạt động; xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền. Đồng thời, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước có năng lực, phẩm chất, tư cách đạo đức tốt, gương mẫu, tiên phong, tận tụy, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích của tập thể, xã hội.

Cần đổi mới mạnh mẽ tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng tinh gọn, hiệu quả, hoạt động thực chất, tránh hình thức. Do đó, phải hoàn thiện cơ chế để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội thực sự có vị thế, bảo đảm tính độc lập tương đối trong giám sát và phản biện xã hội; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này tập hợp, phản ánh đầy đủ, trung thực ý chí, nguyện vọng, lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Cùng với đó, cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Mặt trận, đoàn thể, bảo đảm vừa có bản lĩnh chính trị, vừa am hiểu

pháp luật, có năng lực đối thoại, tranh luận, thuyết phục, đủ sức làm “cầu nối” giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Chú trọng đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận theo hướng tăng cường đối thoại trực tiếp, ứng dụng công nghệ số, phát huy các kênh thông tin đa chiều, tạo diễn đàn dân chủ để Nhân dân tham gia đóng góp ý kiến vào các chủ trương, chính sách lớn. Đồng thời, phát huy cơ chế phối hợp đồng bộ giữa Mặt trận, các đoàn thể với cơ quan dân cử, cơ quan hành pháp và tư pháp để các ý kiến giám sát, phản biện có giá trị thực tiễn và được tiếp thu nghiêm túc.

Hoàn thiện cơ chế dân chủ, nâng cao năng lực làm chủ của nhân dân. Tập trung xây dựng các văn bản pháp luật liên quan đến quyền làm chủ của người dân. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, quy chế, quy định để công dân được phát huy quyền làm chủ của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảng, Nhà nước phải bảo đảm và phát huy được quyền làm chủ thực sự của người dân, nhất là quyền tham gia xây dựng đường lối, chính sách, quyền lựa chọn người đại diện cho mình và quyền sở hữu tài sản hợp pháp. Đổi mới nhận thức và hành động về mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, trong đó phải đặt người dân vào vị trí trung tâm trong mọi hoạt động của hệ thống chính trị.

4.3.4.2. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mạnh mẽ việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong đời sống xã hội

Xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã trở thành mạch nguồn tư tưởng, văn hóa, đạo đức nuôi dưỡng, bồi đắp trí tuệ, nhân cách, phẩm giá con người Việt Nam. Giá trị trường tồn, bất diệt của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chính là thể hiện ở sự nêu gương. Mỗi tổ chức và cá nhân tự soi, tự sửa để hoàn thiện nhân cách trên hành trình kiến tạo đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Thông qua việc biểu dương, nhân rộng các cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến, giàu lòng yêu nước, tận tụy, hăng hái tham gia công việc chung, sáng tạo trong lao động, dũng cảm trong bảo vệ Tổ quốc... sẽ hình thành những “chuẩn mực sống” cụ thể, gần gũi và có sức thuyết phục, cảm hóa mạnh mẽ đối với quần chúng. Những hình mẫu đó là những “mệnh lệnh không lời” có giá trị giáo dục vượt thời gian, giúp mỗi công dân tự soi rọi, điều chỉnh và nâng cao ý thức trách nhiệm đạo đức của mình trong từng hành vi cụ thể. Hiệu quả của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh sẽ được phát huy cao nhất khi được triển khai có chiều sâu, gắn với đặc thù của từng lĩnh vực, từng đối tượng công dân:

Thứ nhất, đối với các cơ quan nhà nước. Việc học và làm theo Bác cần gắn chặt với chuẩn mực đạo đức công vụ. Tư tưởng “cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư” của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải trở thành nguyên tắc ứng xử, tạo nên văn hóa công sở lấy

dân là gốc, đề cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân. Phong cách gần dân, sát dân, lắng nghe dân và tận tụy với dân của Hồ Chí Minh là chuẩn mực giúp cán bộ, công chức xác lập lý tưởng ĐĐCD dựa trên tinh thần liêm chính, minh bạch, không cửa quyền, không lạm dụng chức vụ quyền hạn trong thực thi công vụ, luôn thấm nhuần phương châm việc gì ích nước, lợi dân dù nhỏ mấy cũng cố gắng làm, việc gì có hại cho dân, cho nước dù nhỏ mấy cũng phải tránh.

Thứ hai, đối với lực lượng vũ trang. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chính là phương thức chủ đạo để giữ vững bản chất cách mạng, bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức người quân nhân cách mạng. Những giá trị như trung với Đảng, hiếu với dân, kỷ luật tự giác và nghiêm minh, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì Tổ quốc... không chỉ là đòi hỏi của nhiệm vụ chính trị, mà còn là những biểu hiện sinh động của ĐĐCD trong môi trường quân sự. Việc nêu gương và lan tỏa các điển hình trong học Bác sẽ góp phần hình thành hệ chuẩn đạo đức tiêu biểu trong phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái như tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thờ ơ, vô cảm, thực dụng, chạy theo thành tích, thoái thác nhiệm vụ... trong lực lượng này. Đúng như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Phải làm sao cho trong quân đội ta không có tham ô lãng phí” [95, tr.629].

Thứ ba, đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Việc học và làm theo Bác cần hướng đến hình thành chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu khoa học. Tinh thần tự học, học suốt đời, lòng yêu khoa học, sự chính trực trong nghiên cứu và giảng dạy, cùng với phong cách giản dị, khiêm tốn và cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần được xem là kim chỉ nam để giáo viên, giảng viên và học sinh, sinh viên rèn luyện, nâng cao phẩm chất nhân cách công dân. Qua đó, từng bước hình thành lớp trí thức mới vừa giỏi chuyên môn, vừa mẫu mực về đạo đức, gắn bó sâu sắc với sứ mệnh phục vụ cộng đồng và đất nước.

Thứ tư, đối với các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, kinh doanh. Tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh về lao động, tiết kiệm, liêm khiết và trách nhiệm xã hội là nền tảng cho việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp trong thời kỳ kinh tế thị trường. Việc học tập không chỉ góp phần chống lại tình trạng gian lận thương mại, cạnh tranh không lành mạnh, mà còn giúp định hướng hình thành chuẩn mực ĐĐCD trong kinh doanh như: làm ăn chân chính, trách nhiệm với sản phẩm, trung thực với khách hàng, sẻ chia với cộng đồng... Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh doanh nghiệp ngày càng đóng vai trò lớn trong sự phát triển KT-XH.

Thứ năm, đối với các tổ chức đoàn thể, các địa phương. Việc học tập và làm theo Bác phải gắn với việc giữ gìn truyền thống đoàn kết, nghĩa tình, nhân văn sâu sắc trong

cộng đồng dân cư. Các mô hình như “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”... các phong trào xây dựng “nông thôn mới”... cần tiếp tục được nhân rộng, vừa như là công cụ giáo dục đạo đức, vừa là môi trường thực hành ĐĐCD. Qua đó, xây dựng cộng đồng dân cư gắn bó, sống nghĩa tình, giàu lòng nhân ái, có khả năng đề kháng trước các biểu hiện tha hóa đạo đức, suy giảm niềm tin xã hội.

4.3.4.3. Tổ chức và phát huy hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước gắn với xây dựng đạo đức công dân

Trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh, việc tổ chức và phát huy hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước gắn với xây dựng ĐĐCD giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây là một phương thức hiệu quả để hiện thực hóa các giá trị đạo đức trong đời sống thực tiễn, hình thành môi trường đạo đức tích cực trong xã hội. Thông qua các phong trào thi đua yêu nước, công dân được khơi dậy ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, tinh thần lao động sáng tạo, ý thức chấp hành pháp luật và chuẩn mực xã hội, từ đó góp phần hình thành các phẩm chất đạo đức như: cần cù, trung thực, trách nhiệm, đoàn kết, yêu nước và phụng sự Nhân dân.

Một là, đa dạng hóa các phong trào thi đua yêu nước, coi đó là môi trường thực tiễn đặc biệt để giáo dục, rèn luyện và phát huy các chuẩn mực ĐĐCD.

Thông qua các phong trào thi đua, công dân được trải nghiệm và rèn luyện trong môi trường có tính cạnh tranh tích cực, tạo ra áp lực dư luận lành mạnh, qua đó thúc đẩy sự chuyển biến về nhận thức và hành vi đạo đức. Đồng thời, phong trào thi đua còn có tác dụng lan tỏa cảm hứng từ những cá nhân tiêu biểu - những người dám nghĩ, dám làm, dám hy sinh, vượt khó, sống nhân văn, liêm chính. Việc phát hiện, tôn vinh và nhân rộng hàng triệu gương điển hình tiên tiến từ các phong trào không chỉ mang giá trị biểu dương, mà còn tạo nên “hiệu ứng nêu gương xã hội” mạnh mẽ, tác động ngược trở lại tới nhận thức và hành vi của cộng đồng. Đây là cơ chế đặc biệt quan trọng trong giáo dục ĐĐCD, bởi hành vi đạo đức không chỉ được hình thành từ tri thức lý luận, mà chủ yếu được củng cố thông qua học tập, quan sát và noi theo trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, các phong trào thi đua yêu nước gắn với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương, qua đó góp phần cụ thể hóa và hiện thực hóa các chuẩn mực ĐĐCD trong những điều kiện, hoàn cảnh xã hội khác nhau. Nhờ đó, chuẩn mực ĐĐCD trở nên đa dạng, gần gũi, gắn liền với đời sống thường nhật, đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Để phát huy đầy đủ giá trị đạo đức của phong trào thi đua yêu nước, cần tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức tổ chức phong trào theo hướng thiết thực, sâu sắc, tránh bệnh thành tích và chủ nghĩa hình thức. Cụ thể, phong trào phải xuất phát từ nhu cầu,

động lực nội sinh của tập thể và cá nhân, được tổ chức dân chủ, sáng tạo, có cơ chế đánh giá, tổng kết thường xuyên; qua đó kịp thời phát hiện, nhân rộng gương điển hình tiên tiến, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giáo dục, rèn luyện ĐĐCD.

Hai là, gắn kết phong trào thi đua với việc xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến về ĐĐCD và công tác biểu dương, khen thưởng

Thi đua chỉ thực sự phát huy giá trị giáo dục khi được gắn liền với quá trình phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng và nhân rộng các mô hình, tấm gương điển hình tiên tiến. Những điển hình này chính là “hình mẫu đạo đức sống động”, có sức lan tỏa mạnh mẽ, khơi dậy sự đồng cảm, truyền cảm hứng và tạo sức thuyết phục xã hội sâu rộng. Quá trình tuyên truyền, nhân rộng gương điển hình phải được tiến hành bài bản, đi vào chiều sâu, tránh bệnh hình thức, gắn chặt chẽ với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tạo nền tảng lý luận và phương pháp luận của công tác giáo dục ĐĐCD. Trong thực tiễn, nhiều mô hình đã chứng minh tính hiệu quả và sức thuyết phục cao như: “Công an nhân dân học tập và làm theo Sáu điều Bác Hồ dạy”, “Quân đội học tập và làm theo gương Bác”, “Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi”, “Gia đình văn hóa tiêu biểu”, “Doanh nghiệp vì cộng đồng” hay các tấm gương học sinh nghèo vượt khó, người khuyết tật vươn lên sống có ích... Đây là những minh chứng sống động cho sự hình thành và củng cố các chuẩn mực ĐĐCD trong điều kiện mới. Ở cấp cơ sở, những mô hình như “Khu dân cư không có tệ nạn xã hội”, “Chi bộ bốn tốt”, “Tổ dân phố văn hóa”, “Gia đình văn hóa”... nếu được tổng kết, đánh giá và lựa chọn nhân rộng một cách khoa học sẽ góp phần tạo hiệu ứng xã hội tích cực, thúc đẩy việc xây dựng ĐĐCD trên phạm vi toàn quốc.

Bên cạnh đó, các chủ thể cần gắn kết chặt chẽ giữa thi đua với khen thưởng nhằm tạo động lực phát triển các chuẩn mực ĐĐCD. Một trong những hạn chế lớn ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị, công tác thi đua còn mang tính hình thức, khen thưởng không đúng đối tượng, hình thức. Do đó, cần đổi mới nội dung, phương thức thi đua theo hướng thiết thực, hiệu quả, sát với thực tiễn và nhu cầu xã hội; đồng thời, lấy việc rèn luyện đạo đức, cống hiến cho cộng đồng và quốc gia làm một trong những tiêu chí quan trọng trong bình xét danh hiệu thi đua. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc tôn vinh, lan tỏa và tạo dư luận tích cực cho các điển hình tiên tiến. Các tấm gương đạo đức không chỉ cần được tuyên dương trong hội nghị, mà phải được kể lại bằng hình ảnh, câu chuyện gần gũi, dễ nhớ để trở thành “tấm gương soi chiếu” cho đông đảo quần chúng noi theo.

Ba là, phát huy vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là trách nhiệm thi đua của người đứng đầu.

Để phong trào thi đua yêu nước thực sự trở thành “trường học đạo đức sống động”, phải đặc biệt coi trọng vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đây là lực lượng nòng cốt, vừa là chủ thể lãnh đạo, tổ chức, vừa là người truyền cảm hứng, dẫn dắt bằng hành động gương mẫu, tinh thần trách nhiệm và sự tận tụy với Nhân dân. Do đó, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu càng phải nêu cao tinh thần gương mẫu, đi đầu trong mọi phong trào thi đua, coi đó là chuẩn mực đạo đức và là phương thức giáo dục hiệu quả nhất.

Trong thực tiễn, nếu người đứng đầu không trực tiếp gương mẫu, không sâu sát với phong trào thi đua thì dễ dẫn đến hình thức, thiếu chiều sâu và giảm hiệu quả lan tỏa. Bởi vậy, cần xây dựng cơ chế đánh giá mức độ tham gia thi đua của cán bộ, đảng viên gắn với rèn luyện đạo đức, trách nhiệm xã hội và tinh thần phụng sự Nhân dân. Đồng thời, phải coi kết quả tham gia và hiệu quả đóng góp trong phong trào thi đua là một trong những tiêu chí quan trọng trong đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, sử dụng và khen thưởng cán bộ, đảng viên. Đây chính là cách thức cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về nêu gương, đồng thời “chuẩn hóa” vai trò dẫn dắt đạo đức của đội ngũ cán bộ, góp phần xây dựng ĐĐCD trong bối cảnh mới.

4.3.4.4. Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông và dư luận xã hội trong xây dựng đạo đức công dân

Báo chí, truyền thông và dư luận xã hội giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành, củng cố và phát triển các chuẩn mực ĐĐCD trong xã hội hiện đại. Thông qua chức năng thông tin, định hướng, phản biện và giám sát xã hội, báo chí và truyền thông không chỉ phản ánh hiện thực đời sống xã hội mà còn góp phần kiến tạo môi trường đạo đức tích cực, tạo áp lực, dư luận xã hội tích cực thúc đẩy hành vi đạo đức và kìm hãm các biểu hiện lệch chuẩn về đạo đức, lối sống.

Thứ nhất, phát huy vai trò của báo chí, truyền thông trong tuyên truyền, lan tỏa giá trị ĐĐCD và các gương điển hình tiên tiến.

Trong bối cảnh bùng nổ thông tin và sự phát triển nhanh chóng của truyền thông đa phương tiện, đặc biệt là mạng xã hội, việc tuyên truyền, giáo dục ĐĐCD thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng trở nên thiết yếu và có sức lan tỏa mạnh mẽ. Báo chí và truyền thông cần chủ động đẩy mạnh các nội dung tuyên truyền về đạo đức, nhân cách, lối sống tốt đẹp thông qua việc nêu gương các cá nhân, tập thể tiêu biểu trong học tập, lao động, công tác, sẵn sàng hy sinh vì cộng đồng và lợi ích quốc gia - dân tộc. Nhiều chương trình truyền hình như “Việc tử tế” (VTV1), “Người tốt quanh ta” (HTV)... đã góp phần khơi dậy, cổ vũ những hành động đẹp trong cộng đồng. Hình ảnh những chiến sĩ bộ đội

dầm mình trong nước lũ, những y bác sĩ nơi tuyến đầu chống dịch, hay những người dân thầm lặng hỗ trợ nhau vượt khó khăn, hoạn nạn... được báo chí lan tỏa đã thực sự trở thành “tấm gương đạo đức sống” giáo dục trực tiếp đến nhận thức và hành vi của công dân. Đồng thời, báo chí cần thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, tinh thần phản biện xã hội, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống, những hành vi vi phạm chuẩn mực ĐĐCD. Việc phản ánh các vụ việc như: gian lận thi cử, tiêu cực trong quản lý đất đai, tham nhũng trong ngành y tế, hay các hành vi bạo hành, vô cảm nơi công sở, trường học... chính là minh chứng rõ ràng về vai trò phản biện xã hội của báo chí trong việc bảo vệ giá trị đạo đức và chuẩn mực xã hội.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động của các cơ quan báo chí, truyền thông, khắc phục tình trạng thương mại hóa nội dung thông tin.

Trong điều kiện kinh tế thị trường và xu thế truyền thông “giật gân, câu view”, một bộ phận báo chí có xu hướng chạy theo thị hiếu tầm thường, thậm chí cố sù cho lối sống lệch chuẩn, gây tổn hại đến môi trường đạo đức xã hội. Điển hình như một số kênh YouTube, TikTok lan truyền nội dung phản cảm, bôi nhọ hình ảnh cơ quan công quyền hoặc “thần tượng hóa” các hiện tượng tiêu cực như “giang hồ mạng”, “streamer thiếu chuẩn mực”... đã và đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhận thức của giới trẻ. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về báo chí, truyền thông, bảo đảm tính minh bạch, chặt chẽ và hiệu lực trong quản lý các loại hình truyền thông hiện đại, nhất là trên không gian mạng.

Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực báo chí, văn hóa, giáo dục với các tổ chức chính trị - xã hội nhằm định hướng nội dung truyền thông phục vụ mục tiêu xây dựng và củng cố các giá trị ĐĐCD. Việc kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi đưa tin sai sự thật, phản văn hóa, xúc phạm thuần phong mỹ tục hoặc đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời và nghiêm minh.

Thứ ba, chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm công dân cho đội ngũ báo chí, truyền thông.

Đội ngũ những người làm báo, truyền thông giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc kiến tạo, định hướng và lan tỏa dư luận xã hội. Vì vậy, yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, ĐĐCD đối với họ cần được coi là nhiệm vụ trung tâm trong quá trình đào tạo, tuyển dụng và sử dụng. Để thực hiện tốt điều này, cần thường xuyên tổ chức bồi dưỡng lý luận chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và kỹ năng làm báo hiện đại gắn với đề cao trách nhiệm xã hội, nhất là kiến tạo môi trường trong sạch để ươm mầm nhân cách công dân tương lai.

Đặc biệt, phải khẳng định rõ vai trò của người làm báo không chỉ là “người đưa tin” mà còn là “người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, văn hóa”, có sứ mệnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, xuyên tạc, đồng thời truyền cảm hứng tích cực, khẳng định và lan tỏa các giá trị đạo đức tốt đẹp trong đời sống xã hội và điều chỉnh những biểu hiện lệch lạc về chuẩn mực ĐĐCD của các đối tượng. Cùng với đó, cần xây dựng cơ chế kiểm soát, đánh giá chặt chẽ nhằm phòng ngừa, khắc phục tình trạng thông tin sai lệch, giật gân, chạy theo lợi ích thị trường, làm suy giảm niềm tin xã hội.

Tiểu kết chương 4

Xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay là yêu cầu tất yếu trong quá trình phát triển đất nước, phản ánh sâu sắc mục tiêu xây dựng xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Tuy nhiên, ĐĐCD không chỉ là phẩm chất cá nhân mà còn là yếu tố cấu thành nền tảng vững chắc cho đời sống tinh thần xã hội. Việc xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh không thể tách rời sự nghiệp xây dựng một xã hội phồn vinh, hạnh phúc, nơi mỗi công dân không chỉ thực hiện nghĩa vụ mà còn thấm nhuần trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Quá trình này đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của các chủ thể trong xã hội, từ Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, của từng gia đình, nhà trường, xã hội đến từng cá nhân công dân.

Các nhóm giải pháp đưa ra trong chương này không chỉ là những biện pháp kỹ thuật mà còn là những chiến lược dài hạn giúp hình thành nền tảng đạo đức vững chắc cho công dân trong kỷ nguyên mới. *Nhóm giải pháp về nhận thức* có tính chất nền tảng, khi chúng ta hiểu rằng chỉ có sự thay đổi trong tư duy, nhận thức đúng đắn về trách nhiệm và nghĩa vụ công dân mới có thể tạo ra những thay đổi thực chất trong hành động của mỗi công dân. Đổi mới tư duy về ĐĐCD không chỉ được đẩy mạnh trong hệ thống chính trị mà còn phải lan tỏa tới toàn xã hội, từ đó tạo dựng một nền tảng đạo đức chung cho cả cộng đồng. *Nhóm giải pháp về thể chế, pháp chế* khẳng định vai trò của một hệ thống pháp lý hoàn chỉnh, công bằng, minh bạch trong việc xây dựng ĐĐCD. Một môi trường pháp lý và chính trị ổn định, trong sạch, vì dân sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của mình. Đồng thời, hạn chế những hành vi sai trái, vô tổ chức, tạo ra sự minh bạch trong đời sống xã hội. *Nhóm giải pháp về giáo dục ĐĐCD* không chỉ dừng lại ở việc giáo dục trong nhà trường mà phải được thực hiện liên tục, xuyên suốt trong mọi môi trường từ gia đình, nhà trường đến cộng đồng xã hội. Việc nâng cao năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức của mỗi công dân sẽ là chìa khóa để xây dựng một xã hội phát triển bền vững, nơi mà đạo đức không chỉ là lý thuyết mà là hành

động thực tiễn, không chỉ là ý chí của đảng cầm quyền và nhà nước mà là nhu cầu phát triển tự thân của từng công dân. Cuối cùng, *nhóm giải pháp về xây dựng môi trường ĐĐCD* nhấn mạnh tầm quan trọng của một môi trường xã hội lành mạnh, nơi các giá trị đạo đức được khuyến khích và phát huy mạnh mẽ. Việc đẩy mạnh dân chủ hóa gắn liền với việc nâng cao kỷ luật và kỷ cương trong xã hội sẽ giúp củng cố niềm tin của công dân vào hệ thống chính trị, khuyến khích họ đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển chung.

Những giải pháp này không phải là phép cộng đơn thuần về số học mà là một quá trình liên tục, đan xen, hỗ trợ, bổ sung cho nhau. Mỗi nhóm giải pháp đều có vai trò quan trọng trong việc tạo dựng một xã hội dân chủ, nơi mà mọi công dân đều bình đẳng và tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ, từ đó đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Sự thành công của nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD sẽ không chỉ là một chiến lược cách mạng mà còn là yếu tố quyết định, tác động trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của xã hội, góp phần thực hiện ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một đất nước hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, trong đó mỗi công dân đều có điều kiện phát huy toàn diện năng lực sáng tạo, đều được bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân.

KẾT LUẬN

Xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay là một nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa chiến lược trong tiến trình xây dựng xã hội dân chủ và trực tiếp hiện thực hóa mục tiêu xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện. Trên cơ sở tiếp cận hệ thống và toàn diện, luận án đã tập trung làm sáng tỏ những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD; phân tích thực trạng xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam; đồng thời đề xuất yêu cầu và giải pháp khả thi nhằm đẩy mạnh xây dựng ĐĐCD trong bối cảnh mới.

Thứ nhất, luận án khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐĐCD là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ hệ thống tư tưởng chính trị của Người, thể hiện tính cách mạng, khoa học và nhân văn sâu sắc. Tư tưởng đó bao hàm hệ thống những quan điểm về mục tiêu, chủ thể, nội dung, phương thức xây dựng ĐĐCD gắn bó mật thiết với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội và con người mới. Hồ Chí Minh luôn coi xây dựng ĐĐCD không chỉ là vấn đề hình thành, củng cố, phát triển các chuẩn mực đạo đức cho các đối tượng công dân mà còn là một chiến lược cách mạng nhằm xây dựng nên những công dân ưu tú, công dân kiểu mẫu, đóng góp công sức, trí tuệ vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và dân tộc.

Thứ hai, trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp, đặc biệt là điều tra xã hội học và phân tích dữ liệu định lượng, luận án đã đánh giá một cách toàn diện, khách quan thực trạng xây dựng ĐĐCD ở nước ta. Kết quả nghiên cứu chỉ rõ: Bên cạnh những thành tựu to lớn, khẳng định những chuyển biến tích cực trong đẩy mạnh xây dựng ĐĐCD như: Đã hình thành được các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức cơ bản cho từng nhóm công dân trên các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội; ban hành được hệ thống nghị quyết, chỉ thị, quy định nhằm ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái về đạo đức. Cùng với đó, các phương thức xây dựng đạo đức công dân cơ bản được chú trọng triển khai, góp phần làm cho các chuẩn mực đạo đức ngày càng được củng cố, phát triển và hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, quá trình xây dựng ĐĐCD vẫn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập đáng kể như: Chưa xây dựng được những nguyên tắc, chuẩn mực ĐĐCD chung và các biện pháp cụ thể để ngăn chặn và xử lý những biểu hiện suy thoái ĐĐCD; một số chính sách, pháp luật còn thiếu đồng bộ, tồn tại nhiều hạn chế, bất cập; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, biểu dương, khen thưởng và xử lý vi phạm đạo đức chưa thực sự chặt chẽ; chưa tạo lập được môi trường xã hội thực sự trong sạch, lành mạnh tạo thuận lợi để công dân yên tâm tu dưỡng, rèn luyện đạo đức. Đặc biệt, hiện tượng suy thoái ĐĐCD diễn biến phức tạp đến mức đáng lo ngại. Từ thực trạng trên đã đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải

quyết như: thách thức trong việc thu hẹp khoảng cách giữa chuẩn mực đạo đức và hành vi công dân thực tế; sự thiếu đồng bộ giữa nội dung giáo dục ĐĐCD và môi trường đạo đức xã hội; bất cập giữa nhận thức về quyền và ý thức về nghĩa vụ của công dân; sự bất cập giữa yêu cầu kế thừa truyền đạo đức dân tộc với các chuẩn mực ĐĐCD hiện đại; khó khăn trong việc xác lập ranh giới giữa tính hợp pháp và tính hợp đạo trong ứng xử đạo đức của công dân. Những mâu thuẫn, hạn chế này vừa phản ánh những yếu kém, bất cập trong quá trình xây dựng ĐĐCD hiện nay, vừa thể hiện tính tất yếu của việc phải tiếp tục đổi mới nhận thức, hoàn thiện cơ chế, chính sách và phương thức giáo dục, rèn luyện ĐĐCD để đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Thứ ba, trên cơ sở kết quả nghiên cứu tư tưởng, lý luận và tổng kết thực tiễn, luận án đưa ra dự báo những nhân tố tác động, đồng thời đề xuất yêu cầu xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh như: Xây dựng đạo đức công dân phải phù hợp với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, phải gắn kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc với tiếp thu tinh hoa đạo đức công dân của nhân loại, phải đồng bộ và góp phần xây dựng và hoàn thiện hệ giá trị con người Việt Nam thời kỳ mới; cần có sự tham gia tích cực, chủ động của các chủ thể, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, Nhà nước quản lý. Trên cơ sở đó, luận án kiến nghị một hệ thống giải pháp mang tính đồng bộ và khả thi, kết nối chặt chẽ giữa đổi mới nhận thức, hoàn thiện thể chế, pháp chế, xây dựng môi trường đạo đức lành mạnh và nâng cao hiệu quả giáo dục cùng với tự giáo dục đạo đức của công dân. Điểm nhấn quan trọng là yêu cầu kết hợp hài hòa giữa giáo dục đạo đức với cải cách thể chế; giữa vai trò điều chỉnh, định hướng của các thiết chế xã hội với sự tự giác, chủ động rèn luyện của mỗi công dân. Các nhóm giải pháp không chỉ đáp ứng yêu cầu trước mắt trong bối cảnh hiện nay mà còn hướng tới kiến tạo nền tảng ĐĐCD bền vững, góp phần bảo đảm sự phát triển ổn định và lâu dài của xã hội Việt Nam trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên đây là những kết quả nghiên cứu ban đầu của luận án. Tuy nhiên, do tính phức tạp, rộng lớn của vấn đề nghiên cứu cũng như giới hạn về thời gian, điều kiện triển khai, luận án vẫn còn những điểm cần tiếp tục được làm rõ, mở rộng và hoàn thiện trong các nghiên cứu tiếp theo.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Trung Thành (2015), “Đẩy mạnh giáo dục đạo đức công dân ở Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học Chính trị*, số 7, tr.13-16.
2. Nguyễn Trung Thành (2020), “Xây dựng đạo đức công dân ở Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh - thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Thông tin Khoa học chính trị*, số 01 (18), tr.39-41.
3. Nguyễn Trung Thành (2022), “Hồ Chí Minh với xây dựng đạo đức công dân”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 9, tr.37-40.
4. Nguyễn Trung Thành (2023), “Tám gương rèn luyện đạo đức công dân của Hồ Chí Minh với việc xây dựng đạo đức công dân ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số chuyên đề, tr.158-165.
5. Nguyễn Trung Thành (2023), “Giữ vững và tăng cường nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 18, tr.3-8.
6. Nguyễn Trung Thành (2024), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về “Thượng tôn Hiến pháp, pháp luật” và ý nghĩa trong xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 10, tr.3-10.
7. Nguyễn Trung Thành (2025), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức công dân”, *Tạp chí Khoa học Chính trị*, số 02, tr.20-25.
8. Nguyễn Trung Thành (2025), “Trách nhiệm và nghĩa vụ thuế của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 67, tr.73-80.
9. Nguyễn Trung Thành (2025), “Đẩy mạnh dân chủ hóa gắn liền với giữ nghiêm kỷ cương xã hội trong xây dựng đạo đức công dân ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 388, tr.62-66.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Anh (2009), *Mãi mãi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Lê Thị Vân Anh (2014), *Giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng vùng Tây Bắc trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Long Anh, Minh Sơn (2024), *Hơn 50% tân binh của Vĩnh Phúc tự nguyện viết đơn lên đường nhập ngũ*, tại trang <https://giaoducthoidai.vn/hon-50-tan-binh-cua-vinh-phuc-tu-nguyen-viet-don-len-duong-nhap-ngu-post672706.html> [truy cập ngày 22/2/2024]
4. Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2013), *Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh qua tác phẩm Đạo đức cách mạng*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Ban Chỉ đạo Quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (2020), *Báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch số 1239/KH-BCĐ389 ngày 13/12/2017 của Ban Chỉ đạo 389 quốc gia*, Hà Nội.
6. Ban Chủ nhiệm Đề tài KX.02.11/21-25 (2024), Hội thảo khoa học “*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng, phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Đảng về đạo đức hiện nay*”, tại trang <https://hcma.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=18228>[truy cập 04/05/2024]
7. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương (2022) “*Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới*”, *Hội thảo khoa học cấp quốc gia*, Lưu hành nội bộ, Hà Nội.
8. Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2023), “*Xây dựng chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới*”, *Hội thảo khoa học cấp quốc gia*, Lưu hành nội bộ, Hà Nội.
9. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2017), *Quyết định 1808/QĐ-BHXH ngày 11 tháng 10 năm 2017 “về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, viên chức quản lý thuộc hệ thống bảo hiểm xã hội Việt Nam”*, Hà Nội.
10. Hoàng Chí Bảo (2016), *Văn hóa đạo đức Hồ Chí Minh*, NXB Hà Nội, Hà Nội
11. Trần Văn Bính (2010), *Di sản Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
12. Trần Văn Bính (2018), “*Thử đi tìm nguyên nhân của sự xuống cấp về đạo đức*”, tại trang <https://tcnn.vn/news/detail/41843/Thu-di-tim-nguyen-nhan-cua-su-xuong-cap-ve-dao-duc.html>, [truy cập ngày 14/12/2018]

13. Bộ Chính trị (2020), *Kết luận 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị*, tại trang <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vanhua-xa-hoi/Ket-luan-76-KL-TW-2020-thuc-hien-Nghi-quyet-33-NQ-TW-xay-dung-con-nguoidap-ung-yeu-cau-phat-trien-444754.aspx>, [truy cập ngày 05/7/2025]
14. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2008), *Quyết định “Ban hành quy định về đạo đức nhà giáo”*, Số 16/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2008, tại trang https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyiet-dinh-16-2008-QD-BGDDDT-quy-dinh-ve-dao-duc-nha-giao-64951.aspx?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 07/6/2025]
15. Bộ Tư pháp (2022), *Báo cáo tổng kết thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 - 2021” theo Quyết định số 471/QĐ-TTg*, Hà Nội.
16. Bộ Y tế (1996), *Quyết định “về việc ban hành “quy định về y đức”*, Số 2088/BYT-QĐ, ngày 6 tháng 11 năm 1996, tại trang https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Quyiet-dinh-2088-BYT-QD-Quy-dinh-ve-Y-duc-40182.aspx?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 07/6/2025]
17. Bộ Y tế (2015), *Quyết định “về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện “đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”*, Số 2151/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 6 năm 2015, tại trang https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyiet-dinh-2151-QD-BYT-2015-Doi-moi-thai-do-phuc-vu-can-bo-y-te-tao-su-hai-long-cua-nguoi-benh-278214.aspx?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 07/6/2025]
18. Ngô Thành Can (chủ biên) (2020), *Đạo đức công chức trong thực thi công vụ (tái bản lần thứ 3, có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
19. Chính phủ Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2019), *Quyết định số 471/QĐ-TTg ngày 26/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2019 - 2021”*, Hà Nội.
20. Chính phủ Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2023), *Dự thảo “Báo cáo kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV”*, Hà Nội.
21. Chính phủ Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2025), *Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật đất đai (sửa đổi)*, số 139, BC-CP, Hà Nội.
22. Thành Chung (2024), *Tiếp nhận 1.495 tỉ đồng ủng hộ, chuyển hỗ trợ 1.035 tỉ đồng cho các tỉnh bị bão lũ*, Báo Tuổi trẻ online, Hà Nội, tại trang <https://tuoitre.vn/tiep->

- nhân-1-495-ti-dong-ung-ho-chuyen-ho-tro-1-035-ti-dong-cho-cac-tinh-bi-bao-lu-20240919202111089.htm [truy cập ngày 19/09/2024]
23. Nguyễn Cúc (2020), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng*, Tạp chí Quản lý Nhà nước điện tử, tại trang <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/07/09/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-dao-duc-cach-mang>, [truy cập ngày 09/07/2020].
 24. Mai Thị Dung (2014), *Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc trong xây dựng lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học.
 25. Đinh Xuân Dũng (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
 26. Thành Duy (chủ biên) (1996), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 27. Trần Sỹ Dương (2016), *Sự xuống cấp đạo đức xã hội hiện nay - vấn đề và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 28. Đảng bộ Quân đội (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 29. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 3, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 30. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Chỉ thị “về tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học”*, số 34-CTTW, ngày 30 tháng 5 năm 1998, tại trang https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Chi-thi-34-CT-TW-tang-cuong-cong-tac-chinh-tri-tu-tuong-cung-co-to-chuc-dang-doan-the-quan-chung-cong-tac-phat-trien-dang-vien-truong-hoc-69844.aspx?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 07/6/2025]
 31. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
 32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá XII về Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*, Số 26-NQ/TW, ngày 19 tháng 5 năm 2018, tại trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-xii/nghi-quyet-so-26-nqtw-ngay-1952018-hoi-nghi-lan-thu-bay-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-tap-trung-xay-dung-doi-374>, [truy cập ngày 07/6/2025]
 33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Nghị quyết hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương khóa XI “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”*, số 04-KH/TW, ngày 16/11/2016, tại trang <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ke-hoach-so-04-khtw-ngay-16112016-cua-bo-chinh-tri-thuc-hien-nghi-quyet-hoi-nghi-lan-thu-tu-ban-chap-hanh-trung-uong-khoa-2981>, [truy cập ngày 07/6/2025]
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Quy định số 08-QĐi/TW “Về trách nhiệm nêu gương của CB,ĐV, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ Chính trị về “Đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (2023), *Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội, tại trang <https://baochinhpheu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-68-nq-tw-ve-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-102250505122337909.htm>, [truy cập ngày 5/5/2025]

46. Tấn Đăng (2022), *Mọi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cơ chế*, Báo Vietnamnet, Hà Nội, tại trang <https://moha.gov.vn/nguyen-cuu-trao-doi/moi-quyen-luc-phai-duoc-kiem-soat-chat-che-bang-co-d735-t42860.html> [truy cập ngày 22/08/2024]
47. Nguyễn Tài Đông (chủ nhiệm) (2022), *Xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ đảng viên ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
48. Lê Quý Đức, Hoàng Chí Bảo (đồng chủ biên) (2007), *Văn hóa đạo đức ở nước ta hiện nay - Vấn đề và giải pháp*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
49. Hồng Giang, *Chủ động tham mưu, phối hợp hoàn thiện pháp luật hình sự*, Cổng thông tin điện tử Bộ Công an, Hà Nội, tại trang <https://bocongan.gov.vn/tin-hoat-dong-cua-bo/chu-dong-tham-muu-phoi-hop-hoan-thien-phap-luat-hinh-su-t41761.html>, [truy cập ngày 11/10/2024]
50. Võ Nguyên Giáp (chủ biên) (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Võ Nguyên Giáp (chủ biên) (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Trần Văn Giàu (2015), *Hồ Chí Minh chân dung một tâm hồn và trí tuệ vĩ đại*, NXB Tp. Hồ Chí Minh.
53. Hải Hà (2024), *Vi phạm pháp luật của trẻ vị thành niên diễn biến phức tạp*, Báo Thanh tra điện tử, Hà Nội, tại trang <https://thanhtra.com.vn/theo-dong-thoi-cuoc/vi-pham-phap-luat-cua-tre-vi-thanh-nien-dien-bien-phuc-tap-227289>, [truy cập 08/07/2024]
54. Đỗ Thanh Hải (2017), *Giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay*, tạp chí Cộng sản điện tử, tại trang <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nguyen-cu/-/2018/44831/giai-quyet-tot-moi-quan-he-giua-loi-ich-ca-nhan-va-dao-duc-xa-hoi-o-nuoc-ta-hien-nay.aspx>, [truy cập ngày 11/05/2023]
55. Bùi Ngọc Hanh (2022), *Tiếp tục đổi mới hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp Quốc hội và phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*, Tạp chí cộng sản điện tử, Hà Nội, tại trang https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/ky-nguyen-moi/-/2018/825784/view_content, [truy cập ngày 22/08/2024]
56. Lê Thị Hằng (2024), *Tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh soi sáng, định hướng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay*, Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn/tu-tuong-tam-guong-dao-duc-ho-chi-minh-soi-sang-dinh-huong-cong-tac-xay-dung-chinh-don-dang-hien-nay-6191.html> [truy cập ngày 27/6/2024]

57. Lê Hiệp (2024), *Tổng Bí thư, Chủ tịch nước: Nhìn thẳng vào sự thật, không tô hồng, không bôi đen*, Tạp chí Thanh niên điện tử, tại trang <https://thanhnien.vn/tong-bi-thu-chu-tich-nuoc-nhin-thang-vao-su-that-khong-to-hong-khong-boi-den-18524083015230433.htm>, [truy cập ngày 30/8/2024]
58. Nguyễn Thị Hoài (2018), *Giáo dục đạo đức cho sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Đại học khoa học xã hội và Nhân văn.
59. Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Giáo trình Đạo đức học* (Dùng cho hệ cử nhân chính trị), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
60. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), *Hội thảo khoa học cấp quốc gia: “60 năm tác phẩm Đạo đức cách mạng - giá trị lý luận và thực tiễn đối với công tác xây dựng Đảng hiện nay”*, Lưu hành nội bộ, Hà Nội.
61. Hội Luật gia Việt Nam, UNDP (2016), *Báo cáo “Chỉ số công lý 2015”*, Hà Nội.
62. Trần Thị Hợi (2019), *Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam về đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.
63. Trần Thị Hợi (2023), *Bảo vệ bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức*, Tạp chí Lý luận Chính trị điện tử, Hà Nội, tại trang <https://lyluanchinhtri.vn/bao-ve-ban-chat-cach-mang-khoa-hoc-va-nhan-van-cua-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-dao-duc-6358.html>, [truy cập ngày 11/8/2023].
64. Trịnh Duy Huy (2009), *Xây dựng đạo đức mới trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Nguyễn Thu Huyền (2017), *Đạo đức Hồ Chí Minh định hướng giá trị đạo đức trong thời đại mới*, Tạp chí Tổ chức Nhà nước điện tử, tại trang <https://tcnn.vn/news/detail/38176/Dao-duc-Ho-Chi-Minh-dinh-huong-gia-tri-dao-duc-trong-thoi-dai-moi.html> [truy cập ngày 21/10/2017]
66. J.J. Rousseau (1992), *Bàn về khế ước xã hội*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
67. Lê Trung Kiên, *Luận chứng phản bác những luận điệu xuyên tạc, sai trái hiện nay về hình ảnh và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Cộng sản điện tử, tại trang https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich/chi-tiet/asset_publisher/YqSB2JpnYto9/content/luan-chung-phan-bac-nhung-luan-dieu-xuyen-tac-sai-trai-hien-nay-ve-hinh-anh-va-tu-tuong-ho-chi-minh, [truy cập ngày 25/10/2023].
68. Lại Quốc Khánh (2009), *Biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

69. Lại Quốc Khánh, Phạm Thị Thúy Vân (2019), “Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào việc xây dựng các chuẩn mực đạo đức cách mạng”, *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 4-2019, tr.32-38.
70. Phạm Thị Khánh (2023), *Giáo dục lòng nhân ái cho con cái của gia đình Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học xã hội.
71. Thanh Khê (2024), *Luật chồng chéo, ai chèo chống?*, *Báo Quân đội nhân dân điện tử*, tại trang <https://ct.qdnd.vn/chuyen-de/luat-chong-cheo-ai-cheo-chong-531139>, [truy cập ngày 30/06/2024].
72. Vũ Khiêu (2012), *Hồ Chí Minh ngôi sao sáng mãi trên bầu trời Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Vũ Khiêu (2020), *Học tập đạo đức Bác Hồ* (Tái bản lần thứ năm), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
74. Vũ Khiêu (chủ biên) (2000), *Đạo đức và pháp luật trong triết lý phát triển ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
75. Đinh Xuân Lâm (2001), *Giá trị trường tồn của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong lòng nhân loại tiến bộ*, NXB Lao động, Hà Nội.
76. Tô Lâm, *Bài phát biểu tại Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030*, tại trang <https://baochinhphu.vn/phat-bieu-cua-tong-bi-thu-to-lam-tai-dai-hoi-dai-bieu-mat-tran-to-quoc-viet-nam-lan-thu-nhat-nhiem-ky-20252030-102250923112306025.htm>, [truy cập ngày 04/11/2025]
77. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 37, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
78. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 41, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
79. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 44, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
80. Đỗ Hoàng Linh (2019), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề đạo đức cách mạng”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 5, năm 2019.
81. Lê Văn Lợi, Trần Thị Thu Hiền (đồng chủ biên) (2021), *Xây dựng đạo đức xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
82. Phạm Đức Lương (2020), *Giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cho sinh viên Trường Đại học Cảnh sát nhân dân hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học xã hội.
83. C.Mác và Ph.Ăngghen (1997), *Toàn tập*, tập 13, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
85. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
87. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
88. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

89. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
90. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
91. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
92. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
93. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
94. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
95. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
96. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
97. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
98. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 13, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
99. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 14, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
100. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
101. Montesquieu (1996), *Tinh thần pháp luật*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
102. Lại Xuân Môn, *Nâng cao chất lượng nghiên cứu, học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới*, tại trang <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/825417/nang-cao-chat-luong-nghien-cuu%2C-hoc-tap%2C-quan-triet-nghi-quyet-cua-dang%2C-dap-ung-yeu-cau-nhiem-vu-trong-giai-doan-moi.aspx>, [truy cập ngày 05/7/2025]
103. Phùng Văn Mùi (2010), *Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức công dân*, Báo Dân trí điện tử, tại trang <https://dantri.com.vn/ban-doc/hoc-tap-tu-tuong-ho-chi-minh-ve-dao-duc-cong-dan-1284787028.htm>, [truy cập ngày 16/01/2026].
104. Lương Thị Thuý Nga (2019), *Giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên Đại học Thái Nguyên hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
105. Nguyễn Nguyên, *Điểm môn Giáo dục công dân cao, sao đạo đức của học sinh lại đang có vấn đề?*, Báo Giáo dục điện tử, tại trang <https://giaoduc.net.vn/diem-mon-giao-duc-cong-dan-cao-sao-dao-duc-cua-hoc-sinh-lai-dang-co-van-de-post200917.gd>, [truy cập ngày 06/7/2025]
106. Phạm Văn Nhuận (2008), *Giáo dục, rèn luyện đạo đức cách mạng theo tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong Quân đội hiện nay*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
107. Nguyễn Thị Hoài Phương (2014), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

108. Lý Việt Quang (2017), “*Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh - nền tảng tinh thần cho xây dựng nền đạo đức mới trong hiện tại và tương lai ở Việt Nam*”, *Tạp chí Cộng sản*, (896), tr.11-18.
109. Đào Duy Quát (2004), *Về giáo dục đạo đức cách mạng trong cán bộ, đảng viên hiện nay: thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết 847 về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân”*, Hà Nội
111. Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
112. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2014), *Luật cán bộ, công chức (sửa đổi, bổ sung 2019)*, Số 25/VBHN-VPQH, ngày 19 tháng 06 năm 2014, tại trang https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-Hon-nhan-va-gia-dinh-2014-238640.aspx?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 07/07/2025]
113. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2018), *Luật Công an nhân dân*, Luật Số 37/2018/QH14, ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trang https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-Cong-an-nhan-dan-384487.aspx?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 07/6/2025]
114. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2019), *Luật cán bộ, công chức (sửa đổi, bổ sung 2019)*, Số 25/VBHN-VPQH, ngày 16 tháng 12 năm 2019, tại trang https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Van-ban-hop-nhat-25-VBHN-VPQH-2019-Luat-Can-bo-cong-chuc-439157.aspx?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 07/6/2025]
115. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2019), *Luật cán bộ, công chức (sửa đổi, bổ sung 2019)*, Số 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trang https://m.thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/Luat-giao-duc-2019-367665.aspx?utm_source=chatgpt.com, [truy cập ngày 07/6/2025]
116. Nguyễn Duy Quý (2006), *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Bùi Hoài Sơn (2019), *Ngăn chặn sự xuống cấp đạo đức trong xã hội: Tiếp cận từ văn hóa*, tạp chí Tuyên giáo điện tử, số ra ngày 04/3/2019.
118. Tòa án nhân dân Tối cao (2021), *Báo cáo của Chánh án tòa án nhân dân tối cao về công tác của các tòa án tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá XV*, Số 46/BC-TA, Hà Nội.
119. Tòa án nhân dân Tối cao (2022), *Báo cáo của Chánh án tòa án nhân dân tối cao về công tác của các tòa án tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá XV*, Số 75/BC-TA, Hà Nội.
120. Tòa án nhân dân Tối cao (2023), *Báo cáo của Chánh án tòa án nhân dân tối cao về công tác của các tòa án tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khoá XV*, Số 110/BC-TA, Hà Nội.

121. Tổng cục Thống kê (2020), *Báo cáo năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011-2020: thực trạng và giải pháp*, Hà Nội.
122. Tổng cục Thuế (2021), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác thuế; triển khai nhiệm vụ, giải pháp công tác thuế các năm 2021*, Hà Nội.
123. Tổng cục Thuế (2022), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác thuế; triển khai nhiệm vụ, giải pháp công tác thuế các năm 2022*, Hà Nội.
124. Tổng cục Thuế (2022), *Cục quản lý nợ và cường chế nợ thuế, Báo cáo chuyên đề về công tác quản lý nợ và cường chế nợ thuế năm 2022*, Hà Nội.
125. Tổng cục Thuế (2023), *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác thuế; triển khai nhiệm vụ, giải pháp công tác thuế các năm 2023*, Hà Nội.
126. Tổng cục Thuế (2023), *Cục quản lý nợ và cường chế nợ thuế, Báo cáo chuyên đề về công tác quản lý nợ và cường chế nợ thuế năm 2023*, Hà Nội.
127. *Từ điển Luật học* (1999), NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
128. *Từ điển Triết học* (1986), NXB Tiến bộ, Mátxcova.
129. Phạm Thanh Tuấn (2023), “Thực trạng và đề xuất giải pháp tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh trong hệ thống giáo dục quốc dân hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt 2, tr.144.
130. Hà Thanh (2024), *Năm 2024, Hà Nội có 3.700 công dân lên đường nhập ngũ*, Báo Tuổi trẻ online, Hà Nội, tại trang <https://tuoitre.vn/nam-2024-ha-noi-co-3700-cong-dan-len-duong-nhap-ngu-20240222111918662.htm>, [truy cập ngày 22/2/2024]
131. Nguyễn Thảo (2021), *Công bố danh sách 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV*, Báo Quân đội nhân dân điện tử, Hà Nội, tại trang <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/cong-bo-danh-sach-499-nguoi-trung-cu-dai-bieu-quoc-hoi-khoa-xv-662104>, [truy cập ngày 10/6/2023]
132. Lê Cao Thắng (chủ biên) (2018), *Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho công nhân trong các khu công nghiệp, khu chế xuất - lý luận và thực tiễn*, NXB Lao động, Hà Nội.
133. Mạch Quang Thắng (2017), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
134. Nguyễn Thế Thắng (2002), *Tìm hiểu tư tưởng đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh*, NXB Lao động, Hà Nội.
135. Vũ Quang Thọ (2015), *Lối sống công nhân Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hóa*, Đề tài khoa học cấp Quốc gia, KX.03.15/11-15, 12/2015.
136. Lê Thị Thuỷ (2000), *Vai trò của đạo đức với sự hình thành nhân cách người Việt Nam trong điều kiện đổi mới hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

137. Nguyễn Thị Thủy (2018), *Giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Khoa học xã hội.
138. Võ Thị Phương Thủy (2007), *Đạo đức công dân*, Báo Quân đội nhân dân điện tử, tại trang <https://www.qdnd.vn/phong-su-dieu-tra/ky-su/dao-duc-cong-dan-452156>, [truy cập ngày 16/1/2026].
139. Lê Thúy (2025), *Hỗ trợ người dân Thổ Nhĩ Kỳ và Syria khắc phục hậu quả động đất*, Báo Nhân dân điện tử, Hà Nội, tại trang <https://nhandan.vn/ho-tro-nguoi-dan-tho-nhi-ky-va-syria-khac-phuc-hau-qua-dong-dat-post742148.html>, [truy cập 09/03/2023]
140. Đào Thị Trang (2018), *Giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong xây dựng lối sống cho sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Báo chí Tuyên truyền.
141. Nguyễn Phú Trọng (2020), “Nguyên tắc trung thành và xuất sắc sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, Báo Quân đội nhân dân điện tử, số 21233, ngày 19/5/2020.
142. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư tại Hội nghị văn hóa toàn quốc*, tại trang <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phutrong-tai-hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc.html>, [truy cập ngày 08/9/2025]
143. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
144. Nguyễn Xuân Trung (chủ biên) (2020), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng vào phòng, chống suy thoái đạo đức của cán bộ, đảng viên trong công tác xây dựng Đảng hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
145. Trần Minh Trường, Ngô Thị Hảo (2023), “Giá trị bền vững của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số tháng 6.
146. Huỳnh Khái Vinh (chủ biên) (2001), *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
147. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Đối tượng: Cán bộ, đảng viên)

Đồng chí thân mến!

Để có cơ sở dữ liệu nhằm đánh giá “*Xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay*”, chúng tôi trân trọng kính mời Đồng chí tham gia trả lời phiếu trưng cầu ý kiến này.

Để trả lời phiếu, Đồng chí đánh dấu “X”, hoặc tự ghi theo chỉ dẫn của từng câu hỏi, với nguyên tắc lần lượt từ trên xuống và mong muốn Đồng chí **KHÔNG** bỏ sót câu hỏi nào.

Các thông tin mà Đồng chí cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học và được bảo đảm tính **khuyết danh** khi công bố.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác quý báu của Đồng chí!

I. THÔNG TIN NHÂN KHẨU - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Năm sinh (Ghi rõ):.....		4. Giới tính:	
2. Dân tộc:		- Nam	☐
- Dân tộc Kinh	☐	- Nữ	☐
- Dân tộc ít người (ghi rõ):.....	☐	- Khác	☐
3. Trình độ học vấn		5. Chức vụ công tác:	
- Dưới đại học	☐	- Cán bộ lãnh đạo của Đảng	☐
- Đại học	☐	- Cán bộ quản lý của Nhà nước	☐
- Sau đại học	☐	- Vừa là cán bộ lãnh đạo, vừa là quản lý	☐
		- Không phải giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	☐

II. NỘI DUNG TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Câu hỏi 1: Đồng chí cho biết, ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh được hiểu là gì?

1	Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước	☐
2	Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa các cá nhân công dân với nhau	☐
3	Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh các	☐

	mối quan hệ xã hội	
4	Ý kiến khác.....	

Câu hỏi 2: Đồng chí cho biết, mục tiêu xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam là gì?

1	Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh	☐
2	Xây dựng con người mới XHCN	☐
3	Góp phần củng cố và phát triển hệ thống các chuẩn mực ĐĐCD phù hợp với bản chất dân chủ của chế độ mới	☐
4	Giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa ĐĐCD của nhân loại	☐
5	Ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái ĐĐCD	☐
6	Ý kiến khác:.....	

Câu hỏi 3: Đồng chí cho biết mức độ cần thiết của những chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh dưới đây?

	Chuẩn mực đạo đức	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân	☐	☐	☐
2	Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật	☐	☐	☐
3	Yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động	☐	☐	☐
4	Trách nhiệm với công việc chung	☐	☐	☐
5	Đóng thuế đúng số, đúng kỳ	☐	☐	☐
6	Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	☐	☐	☐
7	Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung	☐	☐	☐
8	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 4: Đồng chí cho biết mức độ cần thiết của các phương thức xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh dưới đây?

	Phương thức	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Thông qua giáo dục - đào tạo	☐	☐	☐
2	Thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng và lao động sản xuất	☐	☐	☐
3	Thông qua quá trình tự giác tu dưỡng đạo đức của công dân	☐	☐	☐
4	Thông qua các phong trào thi đua yêu nước	☐	☐	☐
5	Thông qua tăng cường pháp chế XHCN	☐	☐	☐
6	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 5: Đồng chí đánh giá mức độ hiệu quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay như thế nào?

1	Rất hiệu quả	☐
2	Hiệu quả	☐
3	Bình thường	☐
4	Không hiệu quả	☐

Câu hỏi 6: Đồng chí đánh giá mức độ quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

1	Quan tâm rất lớn	☐
2	Quan tâm lớn	☐
3	Quan tâm bình thường	☐
4	Chưa quan tâm	☐

Câu hỏi 7: Đồng chí đánh giá mức độ quan tâm của cán bộ, đảng viên đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

1	Quan tâm rất lớn	☐
2	Quan tâm lớn	☐
3	Quan tâm bình thường	☐
4	Chưa quan tâm	☐

Câu hỏi 8: Theo Đồng chí, những thành tựu trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay đã đạt được ở mức độ nào?

	Thành tựu	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	Xây dựng được các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản cho các đối tượng công dân	☐	☐	☐	☐
2	Xây dựng được hệ thống các nghị quyết, chỉ thị, quy định để ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức	☐	☐	☐	☐
3	Chú trọng thực hiện các phương thức xây dựng ĐĐCD trong các cấp, các ngành	☐	☐	☐	☐
4	Các chuẩn mực ĐĐCD ngày càng được củng cố, phát triển và hoàn thiện	☐	☐	☐	☐
5	Ý kiến khác.....				

Câu hỏi 9: Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết ban hành các nguyên tắc, chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

1	Rất cần thiết	☐
2	Cần thiết	☐
3	Không cần thiết	☐
4	Khó trả lời	☐

Câu hỏi 10: Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái ĐĐCD?

1	Rất cần thiết	☐
2	Cần thiết	☐
3	Không cần thiết	☐
4	Khó trả lời	☐

Câu hỏi 11: Đồng chí đánh giá như thế nào về ý thức tuân thủ các nghị quyết, chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái đạo đức của cán bộ, đảng viên hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 12: Đồng chí đánh giá như thế nào về kết quả thực hiện các phương thức xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

	Phương thức xây dựng	Rất tốt	Tốt	Chưa tốt
1	Đề cao trách nhiệm nêu gương đạo đức của các đối tượng công dân	☐	☐	☐
2	Giáo dục ĐĐCD	☐	☐	☐
3	Lao động sản xuất và phát triển kinh tế	☐	☐	☐
4	Các đợt sinh hoạt chính trị và các phong trào thi đua yêu nước	☐	☐	☐
5	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 13: Đồng chí đánh giá như thế nào về hiệu quả giáo dục ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong gia đình, nhà trường, xã hội ở Việt Nam hiện nay?

	Môi trường giáo dục	Rất tốt	Tốt	Chưa tốt
1	Giáo dục ĐĐCD trong gia đình	☐	☐	☐
2	Giáo dục ĐĐCD trong Nhà trường	☐	☐	☐
3	Giáo dục ĐĐCD trong xã hội	☐	☐	☐

Câu hỏi 14: Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ chuyển biến của ý thức ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

	Ý thức ĐĐCD	Mức độ		
		Chuyển biến nhanh	Chuyển biến chậm	Không chuyển biến
1	Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân	☐	☐	☐
2	Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật	☐	☐	☐
3	Yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động	☐	☐	☐
4	Trách nhiệm với công việc chung	☐	☐	☐
5	Đóng thuế đúng số, đúng kỳ	☐	☐	☐
6	Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	☐	☐	☐
7	Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung	☐	☐	☐

Câu hỏi 15: Đồng chí đánh giá như thế nào về tinh thần yêu nước và ý thức đề cao trách nhiệm cộng đồng của người dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 16: Đồng chí đánh giá như thế nào về ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 17: Đánh giá về tinh thần yêu lao động và chấp hành nghiêm kỷ luật lao động của công dân Việt Nam hiện nay

Tốt	☐
Khá	☐
Trung bình	☐
Yếu	☐

Câu hỏi 18: Đồng chí đánh giá như thế nào về ý thức giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 19: Đồng chí đánh giá như thế nào về ý thức chấp hành chính sách thuế của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 20: Đồng chí đánh giá như thế nào về ý thức bảo vệ Tổ quốc của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 21: Đồng chí đánh giá như thế nào về tinh thần quốc tế của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 22: Đồng chí cho biết nguyên nhân của những thành tựu trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam là gì (chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân)?

	Nguyên nhân	Mức độ		
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1	Tác động tích cực của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường định hướng XHCN	☐	☐	☐
2	Nhà nước pháp quyền XHCN được không ngừng xây dựng và hoàn thiện	☐	☐	☐
3	Đảng, Nhà nước và toàn xã hội luôn quan tâm, chú trọng đến xây dựng ĐĐCD	☐	☐	☐
4	Nhận thức, trách nhiệm của công dân về xây dựng đạo đức	☐	☐	☐
5	Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông	☐	☐	☐
6	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 23: Đồng chí đánh giá như thế nào về mức độ nghiêm trọng của những hạn chế về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

	Nội dung hạn chế	Mức độ		
		Rất nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Không nghiêm trọng
1	Việc thể chế hóa và triển khai xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém, bất cập	☐	☐	☐
2	Việc triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị, quy định về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức còn chưa đồng bộ, hiệu quả thấp.	☐	☐	☐
3	Một số phương thức xây dựng ĐĐCD chưa được vận dụng phù hợp với thực tiễn và đặc điểm đối tượng	☐	☐	☐
4	Hiện tượng suy thoái ĐĐCD diễn biến phức tạp đến mức đáng lo ngại	☐	☐	☐
5	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 24: Đánh giá của Đồng chí về mức độ nghiêm trọng của những suy thoái về ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay?

	Nội dung hạn chế	Mức độ		
		Rất nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Không nghiêm trọng
1	Tinh thần yêu nước, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc của một bộ phận công dân chưa được phát huy đầy đủ	☐	☐	☐
2	Ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của một bộ phận công dân còn hạn chế	☐	☐	☐
3	Kỷ luật lao động nhìn chung lỏng lẻo, năng suất lao động thấp	☐	☐	☐
4	Trách nhiệm công dân trong tham gia công việc chung của xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng	☐	☐	☐
5	Hành vi trốn thuế, buôn lậu, làm hàng giả ngày càng tinh vi, phổ biến đe dọa sự phát triển lành mạnh của đời sống KT-XH đất nước.	☐	☐	☐
6	Hiện tượng trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc có chiều hướng gia tăng	☐	☐	☐
7	Tư tưởng dân tộc vị kỷ, cực đoan còn tồn tại ở một bộ phận công dân	☐	☐	☐
8	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 25: Đồng chí thường làm gì khi chứng kiến những biểu hiện suy thoái ĐĐCD?

1	Đóng góp chân thành, thẳng thắn trong sinh hoạt	☐
2	Đóng góp riêng	☐
3	Mặc kệ	☐
4	Khó trả lời	☐

Câu hỏi 26: Đồng chí đánh giá như thế nào về ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 27: Thái độ của Đồng chí khi được người khác đóng góp ý kiến về vấn đề đạo đức?

1	Tiếp thu, sửa chữa	☐
2	Tiếp thu, không sửa chữa	☐
3	Không tiếp thu, không sửa chữa	☐
4	Khó trả lời	☐

Câu hỏi 28: Đồng chí cho biết nguyên nhân của những hạn chế trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam là gì (chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân)?

	Nguyên nhân hạn chế	Mức độ		
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1	Mặt trái của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường tác động tiêu cực	☐	☐	☐
2	Hệ thống pháp luật, chính sách về KT- XH thiếu đồng bộ	☐	☐	☐
3	Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về xây dựng ĐĐCD chưa thực sự đầy đủ, toàn diện và sâu sắc	☐	☐	☐
4	Sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của một bộ phận công dân	☐	☐	☐
5	Sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống.	☐	☐	☐
6	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 29: Theo Đồng chí, những mâu thuẫn đặt ra từ thực trạng xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

1	Thách thức trong việc thu hẹp khoảng cách giữa chuẩn mực đạo đức và hành vi đạo đức thực tế của công dân	☐
2	Thiếu đồng bộ giữa nội dung giáo dục ĐĐCD và môi trường đạo đức xã hội	☐
3	Bất cập giữa nhận thức về quyền và ý thức về nghĩa vụ của công dân	☐
4	Bất cập giữa yêu cầu kế thừa truyền thống đạo đức dân tộc với tiếp thu các chuẩn mực ĐĐCD hiện đại	☐
5	Khó khăn trong việc xác lập ranh giới giữa tính hợp pháp và tính hợp đạo trong ứng xử đạo đức của công dân	☐
6	Ý kiến khác:.....	

Câu hỏi 30: Đồng chí đánh giá về mức độ cần thiết của những giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

	Giải pháp	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
I	Nhóm giải pháp về nhận thức			
1.1	Đổi mới tư duy của Đảng, Nhà nước về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh	☐	☐	☐
1.2	Nâng cao nhận thức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	☐	☐	☐
1.3	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân	☐	☐	☐
1.4	Ý kiến khác:.....			
II	Nhóm giải pháp về thể chế, pháp chế			
2.1	Thể chế hóa các chuẩn mực ĐĐCD trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội	☐	☐	☐
2.2	Phát huy vai trò của pháp luật trong điều chỉnh các chuẩn mực ĐĐCD	☐	☐	☐
2.3	Khắc phục những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế	☐	☐	☐
2.4	Ý kiến khác:.....			
III	Nhóm giải pháp về xây dựng môi trường ĐĐCD			

3.1	Đẩy mạnh dân chủ hóa kết hợp với tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội	☐	☐	☐
3.2	Tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong xã hội	☐	☐	☐
3.3	Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong xây dựng ĐĐCD	☐	☐	☐
3.4	Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông và dư luận xã hội trong xây dựng ĐĐCD	☐	☐	☐
3.5	Ý kiến khác:.....			
IV	Nhóm giải pháp về giáo dục ĐĐCD			
4.1	Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức giáo dục ĐĐCD	☐	☐	☐
4.2	Biện pháp giáo dục ĐĐCD phải đồng bộ, thiết thực hiệu quả	☐	☐	☐
4.3	Đẩy mạnh tự giáo dục, rèn luyện đạo đức phù hợp với từng đối tượng công dân	☐	☐	☐
4.4	Ý kiến khác:.....			

Phụ lục 2
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Đối tượng: Cán bộ, đảng viên)

I. THÔNG TIN NHÂN KHẨU - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tỷ lệ độ tuổi

Độ tuổi	SL	%
Từ 18 đến dưới 30 tuổi	104	27,0
Từ 30 đến dưới 45 tuổi	124	32,2
Từ 45 đến 60 tuổi	157	40,8
Tổng cộng	385	100,0

2. Tỷ lệ dân tộc

Dân tộc	SL	%
Kinh	260	67,5
Ít người	125	32,5
Tổng cộng	385	100,0

3. Tỷ lệ học vấn

Học vấn	SL	%
- Dưới đại học	55	14,3
- Đại học	150	39,0
- Trên đại học	180	46,7
Tổng cộng	385	100,0

4. Tỷ lệ giới tính

Giới tính	SL	%
Nam	205	53,2
Nữ	180	46,8
Khác	0	0
Tổng cộng	385	100,0

5. Tỷ lệ chức vụ

Chức vụ	SL	%
- Cán bộ lãnh đạo của Đảng	100	26,0
- Cán bộ quản lý của Nhà nước	125	32,5
- Vừa là cán bộ lãnh đạo, vừa là quản lý	75	19,5
- Không phải là cán bộ lãnh đạo, quản lý	85	22,0
Tổng cộng	385	100,0

II. NỘI DUNG TRUNG CẦU Ý KIẾN

Câu hỏi 1: Nhận thức về quan niệm ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Quan niệm	SL	Tỷ lệ
Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước	261	67,8
Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa các cá nhân công dân với nhau	32	8,3
Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội	90	23,4
Ý kiến khác: + Định hướng nhận thức và hành vi của công dân trong mối quan hệ với Nhà nước + Là những chuẩn mực được luật hóa nhằm điều chỉnh hành vi của công dân trong quan hệ với Nhà nước	02	0,5

Câu hỏi 2: Nhận thức về mục tiêu xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam

Mục tiêu	SL	Tỷ lệ
Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh	332	86,2
Xây dựng con người mới XHCN	320	83,1
Giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa ĐĐCD của nhân loại	297	77,7
Nhằm ngăn chặn, đẩy lùi những tàn dư đạo đức của chế độ cũ và chủ nghĩa cá nhân	311	86,0
Ý kiến khác	0	0

Câu hỏi 3: Đánh giá về sự cần thiết của những chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Chuẩn mực ĐĐCD	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân	312	81,0	60	15,6	13	3,4
Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật	315	81,8	65	16,9	05	1,3

Yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động	298	77,4	84	21,8	03	0,8
Trách nhiệm với công việc chung	281	73,0	94	24,4	10	2,6
Đóng thuế đúng số, đúng kỳ	299	77,7	79	20,5	07	1,8
Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	300	78,0	61	15,8	24	6,2
Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung	349	90,6	29	7,5	07	1,8
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 4: Đánh giá về sự cần thiết của các phương thức xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Phương thức	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
	SL	%	SL	%	SL	%
Thông qua giáo dục - đào tạo	270	70,1	105	27,3	10	2,6
Thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng và lao động sản xuất	265	68,8	88	22,9	32	8,3
Thông qua quá trình tự giác tu dưỡng đạo đức của công dân	341	88,6	29	7,56	15	3,96
Thông qua các phong trào thi đua yêu nước	346	89,9	20	5,2	19	4,9
Thông qua tăng cường pháp chế XHCN	350	90,9	31	8,1	04	1,0
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 5: Đánh giá về mức độ hiệu quả xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Rất hiệu quả	301	78,2
Hiệu quả	21	5,5
Bình thường	02	0,5
Không hiệu quả	61	15,8

Câu hỏi 6: Đánh giá mức độ quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Quan tâm rất lớn	355	92,2
Quan tâm lớn	15	3,9
Quan tâm bình thường	05	1,3
Chưa quan tâm	10	2,6

Câu hỏi 7: Đánh giá mức độ quan tâm của cán bộ, đảng viên đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Quan tâm rất lớn	331	86,0
Quan tâm lớn	32	8,3
Quan tâm bình thường	20	5,2
Chưa quan tâm	02	0,5

Câu hỏi 8: Đánh giá về những thành tựu trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Thành tựu	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Xây dựng được các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản cho các đối tượng công dân	341	88,6	10	2,6	05	1,3	29	7,5
Xây dựng được hệ thống các nghị quyết, chỉ thị, quy định để ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức	350	90,9	23	6,0	02	0,5	10	2,6
Chú trọng thực hiện các phương thức xây dựng đạo đức công dân trong các cấp, các ngành	361	93,8	15	3,9	05	1,3	04	1,0
Các chuẩn mực ĐĐCD ngày càng được củng cố, phát triển và hoàn thiện	370	96,1	07	1,8	06	1,6	02	0,5
Ý kiến khác	0	0	0	0	0		0	0

Câu hỏi 9: Đánh giá về mức độ cần thiết ban hành các nguyên tắc, chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Rất cần thiết	331	86,0
Cần thiết	30	7,8
Không cần thiết	23	6,0
Khó trả lời	01	0,2

Câu hỏi 10: Đánh giá về mức độ cần thiết ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái ĐĐCD

Mức độ	SL	%
Rất cần thiết	364	94,6
Cần thiết	03	0,8
Không cần thiết	17	4,4
Khó trả lời	01	0,2

Câu hỏi 11: Đánh giá về ý thức tuân thủ các nghị quyết, chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái đạo đức của cán bộ, đảng viên hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	334	86,7
Khá	21	5,5
Trung bình	20	5,2
Yếu	10	2,6

Câu hỏi 12: Đánh giá về kết quả thực hiện các phương thức xây dựng đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Phương thức xây dựng	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%
Đề cao trách nhiệm nêu gương đạo đức của các đối tượng công dân	148	38,4	152	39,5	85	22,1
Giáo dục ĐĐCD	166	43,1	197	51,2	22	5,7
Lao động sản xuất và phát triển kinh tế	206	53,5	126	32,7	53	13,8
Các đợt sinh hoạt chính trị và các phong trào thi đua yêu nước	221	57,4	112	29,1	52	13,5
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 13: Đánh giá về hiệu quả giáo dục ĐĐCD trong gia đình, nhà trường, xã hội ở Việt Nam hiện nay

Môi trường giáo dục	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%
Giáo dục ĐĐCD trong gia đình	280	72,7	88	22,9	17	4,4
Giáo dục ĐĐCD trong nhà trường	279	72,5	31	8,0	75	19,5
Giáo dục ĐĐCD trong xã hội	200	51,9	100	26,0	35	9,1

Câu hỏi 14: Đánh giá về mức độ chuyển biến của ý thức ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Ý thức ĐĐCD	Mức độ					
	Chuyển biến nhanh		Chuyển biến chậm		Không chuyển biến	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân	359	93,3	22	5,7	04	1,0
Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật	325	84,4	45	11,7	15	3,9
Yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động	299	77,7	69	17,9	17	4,4
Trách nhiệm với công việc chung	300	77,9	50	13,0	35	9,1
Đóng thuế đúng số, đúng kỳ	180	46,7	140	36,4	65	16,9
Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	285	74,0	60	15,6	40	10,4
Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung	250	64,9	122	31,7	13	3,4
Ý kiến khác	0		0		0	

Câu hỏi 15: Đánh giá về tinh thần yêu nước và ý thức đề cao trách nhiệm cộng đồng của người dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	352	91,4
Khá	20	5,2
Trung bình	10	2,6
Yếu	03	0,8

Câu hỏi 16: Đánh giá về ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	354	91,9
Khá	10	2,6
Trung bình	10	2,6
Yếu	11	2,9

Câu hỏi 17: Đánh giá về tinh thần yêu lao động và chấp hành nghiêm kỷ luật lao động của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	101	35,4
Khá	40	14,7
Trung bình	90	31,6
Yếu	54	18,9

Câu hỏi 18: Đánh giá về ý thức giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	151	39,2
Khá	51	13,2
Trung bình	102	26,5
Yếu	81	21,0

Câu hỏi 19: Đánh giá về ý thức chấp hành chính sách thuế của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	166	43,1
Khá	52	13,5
Trung bình	105	27,3
Yếu	62	16,1

Câu hỏi 20: Đánh giá về ý thức bảo vệ Tổ quốc của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	242	62,8
Khá	43	11,2
Trung bình	80	20,8
Yếu	20	5,2

Câu hỏi 21: Đánh giá về tinh thần quốc tế của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	201	52,2
Khá	30	7,8
Trung bình	80	20,8
Yếu	74	19,2

Câu hỏi 22: Đánh giá về nguyên nhân của những thành tựu trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam (chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân)

Nguyên nhân	Mức độ					
	Rất quan trọng		Rất quan trọng		Không quan trọng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tác động tích cực của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường định hướng XHCN	351	91,2	22	5,7	12	3,1
Nhà nước pháp quyền XHCN được không ngừng xây dựng và hoàn thiện	360	93,5	12	3,1	13	3,4
Đảng, Nhà nước và toàn xã hội luôn quan tâm, chú trọng đến xây dựng ĐĐCD	371	96,4	12	3,1	02	0,5
Nhận thức về xây dựng đạo đức của phần lớn công dân được nâng lên	367	95,3	05	1,3	13	3,4
Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông	372	96,6	10	2,6	03	0,8
Ý kiến khác: + Môi trường văn hóa ngày càng củng cố và phát triển lành mạnh	01	0,3	0	0	0	0

Câu hỏi 23: Đánh giá về mức độ hạn chế về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Nội dung hạn chế	Mức độ					
	Rất hạn chế		Hạn chế		Không hạn chế	
	SL	%	SL	%	SL	%
Việc thể chế hóa và triển khai xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD còn bộc lộ một số hạn chế	154	40,0	91	23,6	140	36,4
Việc triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị, quy định về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức còn chưa đồng bộ, hiệu quả thấp.	177	46,0	101	26,2	107	27,8
Một số phương thức xây dựng ĐĐCD chưa được vận dụng phù hợp với thực tiễn và đặc điểm đối tượng	170	44,1	70	18,2	145	37,7
Hiện tượng suy thoái ĐĐCD diễn biến phức tạp đến mức đáng lo ngại	243	63,1	100	26,0	42	10,9
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 24: Đánh giá về mức độ nghiêm trọng của hiện tượng suy thoái về ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Nội dung hạn chế	Mức độ					
	Rất nghiêm trọng		Nghiêm trọng		Không nghiêm trọng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần yêu nước, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc của một bộ phận công dân chưa được phát huy đầy đủ	229	59,5	77	20,0	79	20,5
Ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của một bộ phận công dân còn hạn chế	211	54,8	87	22,6	87	22,6
Kỷ luật lao động nhìn chung lỏng lẻo, năng suất lao động thấp	206	53,5	106	27,5	73	19,0
Trách nhiệm công dân trong tham gia công việc chung của xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng	270	70,1	97	25,2	18	4,7
Hành vi trốn thuế, buôn lậu, làm hàng giả ngày càng tinh vi, phổ biến đe dọa sự phát triển lành mạnh của đời sống KT-XH đất nước.	251	65,2	87	22,6	47	12,2
Hiện tượng trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc có chiều hướng gia tăng	285	74,0	25	6,5	75	19,5
Tư tưởng dân tộc vị kỷ, cực đoan còn tồn tại ở một bộ phận công dân	187	48,	40	10,4	158	41
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 25: Hành động của bản thân khi chứng kiến những biểu hiện suy thoái ĐĐCD

Hành động	SL	%
Đóng góp chân thành, thẳng thắn trong sinh hoạt	200	51,9
Đóng góp riêng	146	37,9
Mặc kệ	31	8,1
Khó trả lời	08	2,1

Câu hỏi 26: Đánh giá về ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của công dân ở Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Rất tốt	205	53,2
Tốt	121	31,4
Trung bình	11	2,9
Yếu	48	12,5

Câu hỏi 27: Hành động của bản thân khi được người khác đóng góp ý kiến về vấn đề đạo đức

Hành động	SL	%
Tiếp thu, sửa chữa	361	93,8
Tiếp thu, không sửa chữa	19	4,9
Không tiếp thu, không sửa chữa	02	0,5
Khó trả lời	03	0,8

Câu hỏi 28: Đánh giá về nguyên nhân của những hạn chế trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam

Nguyên nhân	Mức độ					
	Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Mặt trái của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường	365	94,8	10	2,6	10	2,6
Hệ thống pháp luật, chính sách về kinh tế - xã hội chưa đồng bộ	352	91,4	20	5,2	13	3,4
Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về xây dựng ĐĐCD	331	86,0	40	10,4	14	3,6
Sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của một bộ phận công dân	257	66,7	110	28,6	18	4,7
Sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống.	347	90,1	13	3,4	25	6,5
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 29: Theo Đồng chí, những vấn đề đặt ra từ thực trạng xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

Vấn đề đặt ra	SL	%
Thách thức trong việc thu hẹp khoảng cách giữa chuẩn mực đạo đức và hành vi đạo đức thực tế của công dân	366	95,1
Thiếu đồng bộ giữa nội dung giáo dục ĐĐCD và môi trường đạo đức xã hội	371	96,4
Bất cập giữa nhận thức về quyền và ý thức về nghĩa vụ của công dân	361	93,8
Bất cập giữa yêu cầu kế thừa truyền thống đạo đức dân tộc với tiếp thu các chuẩn mực ĐĐCD hiện đại	377	97,9
Khó khăn trong việc xác lập ranh giới giữa tính hợp pháp và tính hợp đạo trong ứng xử đạo đức của công dân	313	81,3
Ý kiến khác	0	0

Câu hỏi 30: Đánh giá về mức độ cần thiết của những giải pháp xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Giải pháp	Mức độ					
	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
	SL	%	SL	%	SL	%
Nhóm giải pháp về nhận thức						
Đổi mới tư duy của Đảng, Nhà nước về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh	340	88,3	30	7,8	15	3,9
Nâng cao nhận thức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	350	90,9	21	5,5	14	3,6
Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân	361	93,8	21	5,4	03	0,8
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0
Nhóm giải pháp về thể chế, pháp chế						
Thể chế hóa các chuẩn mực ĐĐCD trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội	341	88,6	11	2,8	33	8,6
Phát huy vai trò của pháp luật trong điều chỉnh các chuẩn mực đạo đức công dân	281	73,0	52	13,5	52	13,5
Khắc phục những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế	343	89,1	31	8,0	11	2,9
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Nhóm giải pháp về xây dựng môi trường ĐĐCD						
Đẩy mạnh dân chủ hóa kết hợp với tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội	290	75,3	60	15,6	35	9,1
Tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”	275	71,4	85	22,1	25	6,5
Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong xây dựng ĐĐCD	371	96,4	13	3,4	01	0,2
Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông và dư luận xã hội trong xây dựng ĐĐCD	311	80,8	40	10,4	34	8,8
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0
Nhóm giải pháp về giáo dục ĐĐCD						
Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức giáo dục ĐĐCD	333	86,5	40	10,4	12	3,1
Biện pháp giáo dục ĐĐCD phải đồng bộ, thiết thực, hiệu quả	342	88,8	22	5,7	21	5,5
Đẩy mạnh tự giáo dục, rèn luyện đạo đức phù hợp với từng đối tượng công dân	310	80,5	10	2,6	65	16,9
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Phụ lục 3
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Đối tượng: Người dân)

Quý vị thân mến!

Để có cơ sở dữ liệu nhằm đánh giá “*Xây dựng đạo đức công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay*”, chúng tôi trân trọng kính mời Quý vị tham gia trả lời phiếu trưng cầu ý kiến này.

Để trả lời phiếu, Quý vị đánh dấu “X”, hoặc tự ghi theo chỉ dẫn của từng câu hỏi, với nguyên tắc lần lượt từ trên xuống và mong muốn Quý vị **KHÔNG** bỏ sót câu hỏi nào.

Các thông tin mà Quý vị cung cấp chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học và được bảo đảm tính **khuyết danh** khi công bố.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác quý báu của Quý vị!

I. THÔNG TIN NHÂN KHẨU - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Năm sinh (Ghi rõ):.....		4. Giới tính:	
2. Dân tộc:		- Nam	☐
- Dân tộc Kinh	☐	- Nữ	☐
- Dân tộc ít người (ghi rõ):.....		- Khác	☐
3. Trình độ học vấn		5. Nghề nghiệp:	☐
- Dưới đại học	☐	- Nông dân	☐
- Đại học	☐	- Công nhân	☐
- Sau đại học	☐	- Nghề khác (ghi rõ).....	

II. NỘI DUNG TRƯNG CẦU Ý KIẾN

Câu hỏi 1: Quý vị cho biết, ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh được hiểu là gì?

1	Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước	☐
2	Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa các cá nhân công dân với nhau	☐
3	Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội	☐
4	Ý kiến khác.....	

Câu hỏi 2: Quý vị cho biết, mục tiêu xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

1	Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh	☐
2	Xây dựng con người mới XHCN	☐
3	Góp phần củng cố và phát triển hệ thống các chuẩn mực ĐĐCD phù hợp với bản chất dân chủ của chế độ mới	☐
4	Giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa ĐĐCD của nhân loại	☐
5	Ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái ĐĐCD	☐
6	Ý kiến khác:.....	

Câu hỏi 3: Quý vị cho biết mức độ cần thiết của những chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh dưới đây?

	Chuẩn mực đạo đức	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân	☐	☐	☐
2	Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật	☐	☐	☐
3	Yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động	☐	☐	☐
4	Trách nhiệm với công việc chung	☐	☐	☐
5	Đóng thuế đúng số, đúng kỳ	☐	☐	☐
6	Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	☐	☐	☐
7	Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung	☐	☐	☐
8	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 4: Quý vị cho biết mức độ cần thiết của các phương thức xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh dưới đây?

	Phương thức xây dựng	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Thông qua giáo dục - đào tạo	☐	☐	☐
2	Thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng và lao động sản xuất	☐	☐	☐
3	Thông qua quá trình tự giác tu dưỡng đạo đức của công dân	☐	☐	☐
4	Thông qua các phong trào thi đua yêu nước	☐	☐	☐

5	Thông qua tăng cường pháp chế XHCN	☐	☐	☐
6	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 5: Quý vị đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay như thế nào?

1	Rất hiệu quả	☐
2	Hiệu quả	☐
3	Bình thường	☐
4	Không hiệu quả	☐

Câu hỏi 6: Quý vị đánh giá mức độ quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

1	Quan tâm rất lớn	☐
2	Quan tâm lớn	☐
3	Quan tâm bình thường	☐
4	Chưa quan tâm	☐

Câu hỏi 7: Quý vị đánh giá mức độ quan tâm của người dân đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

1	Quan tâm rất lớn	☐
2	Quan tâm lớn	☐
3	Quan tâm bình thường	☐
4	Chưa quan tâm	☐

Câu hỏi 8: Theo Quý vị, những thành tựu trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay đã đạt được ở mức độ nào?

	Thành tựu	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
1	Đã xây dựng được các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản cho các đối tượng công dân	☐	☐	☐	☐
2	Đã xây dựng được hệ thống các nghị quyết, chỉ thị, quy định để ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức	☐	☐	☐	☐
3	Đã chú trọng thực hiện các phương thức xây dựng ĐĐCD trong các cấp, các ngành	☐	☐	☐	☐

4	Các chuẩn mực ĐĐCD ngày càng được củng cố, phát triển và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	☐	☐	☐	☐
5	Ý kiến khác.....				

Câu hỏi 9: Quý vị đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết ban hành các nguyên tắc, chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay?

1	Rất cần thiết	☐
2	Cần thiết	☐
3	Không cần thiết	☐
4	Khó trả lời	☐

Câu hỏi 10: Quý vị đánh giá như thế nào về mức độ cần thiết ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái ĐĐCD?

1	Rất cần thiết	☐
2	Cần thiết	☐
3	Không cần thiết	☐
4	Khó trả lời	☐

Câu hỏi 11: Quý vị đánh giá như thế nào về ý thức tuân thủ các nghị quyết, chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái đạo đức của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 12: Quý vị đánh giá như thế nào về kết quả thực hiện các phương thức xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

	Phương thức xây dựng	Rất tốt	Tốt	Chưa tốt
1	Đề cao trách nhiệm nêu gương đạo đức của các đối tượng công dân	☐	☐	☐
2	Giáo dục ĐĐCD	☐	☐	☐
3	Lao động sản xuất và phát triển kinh tế	☐	☐	☐
4	Các đợt sinh hoạt chính trị và các phong trào thi đua yêu nước	☐	☐	☐

Câu hỏi 13: Quý vị đánh giá như thế nào về hiệu quả giáo dục ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong gia đình, nhà trường, xã hội ở Việt Nam hiện nay?

	Môi trường giáo dục	Rất tốt	Tốt	Chưa tốt
1	Giáo dục ĐĐCD trong gia đình	☐	☐	☐
2	Giáo dục ĐĐCD trong Nhà trường	☐	☐	☐
3	Giáo dục ĐĐCD trong xã hội	☐	☐	☐

Câu hỏi 14: Quý vị đánh giá như thế nào về mức độ chuyển biến của ý thức ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

	Ý thức ĐĐCD	Mức độ		
		Chuyển biến nhanh	Chuyển biến chậm	Không chuyển biến
1	Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân	☐	☐	☐
2	Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật	☐	☐	☐
3	Yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động	☐	☐	☐
4	Trách nhiệm với công việc chung	☐	☐	☐
5	Đóng thuế đúng số, đúng kỳ	☐	☐	☐
6	Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	☐	☐	☐
7	Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung	☐	☐	☐

Câu hỏi 15: Quý vị đánh giá như thế nào về tinh thần yêu nước và ý thức đề cao trách nhiệm cộng đồng của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 16: Quý vị đánh giá như thế nào về ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 17: Đánh giá về tinh thần yêu lao động và chấp hành nghiêm kỷ luật lao động của công dân Việt Nam hiện nay

Tốt	☐
Khá	☐
Trung bình	☐
Yếu	☐

Câu hỏi 18: Quý vị đánh giá như thế nào về ý thức giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 19: Quý vị đánh giá như thế nào về ý thức chấp hành chính sách thuế của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 20: Quý vị đánh giá như thế nào về ý thức bảo vệ Tổ quốc của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 21: Quý vị đánh giá như thế nào về tinh thần quốc tế của công dân Việt Nam hiện nay?

1	Tốt	☐
2	Khá	☐
3	Trung bình	☐
4	Yếu	☐

Câu hỏi 22: Quý vị cho biết nguyên nhân của những thành tựu trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam là gì (chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân)?

	Nguyên nhân	Mức độ		
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1	Tác động tích cực của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường định hướng XHCN	☐	☐	☐
2	Nhà nước pháp quyền XHCN được không ngừng xây dựng và hoàn thiện	☐	☐	☐
3	Đảng, Nhà nước và toàn xã hội luôn quan tâm, chú trọng đến xây dựng ĐĐCD	☐	☐	☐
4	Nhận thức về xây dựng đạo đức của phần lớn công dân được nâng lên	☐	☐	☐
5	Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông	☐	☐	☐
6	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 23: Quý vị đánh giá như thế nào về mức độ nghiêm trọng của những hạn chế về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

	Nội dung hạn chế	Mức độ		
		Rất nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Không nghiêm trọng
1	Việc thể chế hóa và triển khai xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD còn bộc lộ một số hạn chế	☐	☐	☐
2	Việc triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị, quy định về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức còn chưa đồng bộ, hiệu quả thấp.	☐	☐	☐
3	Một số phương thức xây dựng ĐĐCD chưa được vận dụng phù hợp với thực tiễn và đặc điểm đối tượng	☐	☐	☐
4	Hiện tượng suy thoái ĐĐCD diễn biến phức tạp đến mức đáng lo ngại	☐	☐	☐
5	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 24: Đánh giá của Quý vị về mức độ nghiêm trọng của những suy thoái về ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay?

	Nội dung hạn chế	Mức độ		
		Rất nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Không nghiêm trọng
1	Tinh thần yêu nước, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc của một bộ phận công dân chưa được đề cao	☐	☐	☐
2	Ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của một bộ phận không nhỏ công dân còn hạn chế	☐	☐	☐
3	Tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật có chiều hướng gia tăng với tốc độ đáng báo động, nhất là xu hướng “trẻ hóa tội phạm”.	☐	☐	☐
4	Trách nhiệm công dân trong tham gia công việc chung của xã hội chưa được phát huy thường xuyên	☐	☐	☐
5	Hành vi trốn thuế, buôn lậu, làm hàng giả ngày càng tinh vi, phổ biến đe dọa sự phát triển lành mạnh của đời sống kinh tế - xã hội đất nước.	☐	☐	☐
6	Hiện tượng trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc ngày càng phổ biến	☐	☐	☐
7	Tư tưởng dân tộc vị kỷ, cực đoan còn tồn tại ở một bộ phận công dân	☐	☐	☐
8	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 25: Quý vị thường làm gì khi chứng kiến những biểu hiện suy thoái ĐĐCD?

1	Đóng góp chân thành, thẳng thắn trong sinh hoạt	☐
2	Đóng góp riêng	☐
3	Mặc kệ	☐
4	Khó trả lời	☐

Câu hỏi 26: Quý vị đánh giá như thế nào về ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

1	Rất tốt	☐
2	Tốt	☐
3	Trung bình	☐
4	Chưa tốt	☐

Câu hỏi 27: Thái độ của Quý vị khi được người khác đóng góp ý kiến về vấn đề đạo đức?

1	Tiếp thu, sửa chữa	☐
2	Tiếp thu, không sửa chữa	☐
3	Không tiếp thu, không sửa chữa	☐
4	Khó trả lời	☐

Câu hỏi 28: Quý vị cho biết nguyên nhân của những hạn chế trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam là gì (chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân)?

	Nguyên nhân	Mức độ		
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1	Mặt trái của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường	☐	☐	☐
2	Hệ thống pháp luật, chính sách về kinh tế - xã hội chưa đồng bộ	☐	☐	☐
3	Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về tầm quan trọng của xây dựng ĐĐCD	☐	☐	☐
4	Sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của một bộ phận công dân	☐	☐	☐
5	Sự chống phá của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”	☐	☐	☐
6	Ý kiến khác:.....			

Câu hỏi 29: Theo Quý vị, những vấn đề đặt ra từ thực trạng xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

1	Thách thức trong việc thu hẹp khoảng cách giữa chuẩn mực đạo đức và hành vi đạo đức thực tế của công dân	☐
2	Thiếu đồng bộ giữa nội dung giáo dục đạo đức công dân và môi trường đạo đức xã hội	☐
3	Bất cập giữa nhận thức về quyền và ý thức về nghĩa vụ của công dân	☐
4	Bất cập giữa yêu cầu kế thừa truyền thống đạo đức dân tộc với tiếp thu các chuẩn mực đạo đức công dân hiện đại	☐
5	Khó khăn trong việc xác lập ranh giới giữa tính hợp pháp và tính hợp đạo trong ứng xử đạo đức của công dân	☐
6	Ý kiến khác:.....	

Câu hỏi 30: Quý vị đánh giá về mức độ cần thiết của những giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay?

	Giải pháp	Mức độ		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
I	Nhóm giải pháp về nhận thức			
1.1	Đổi mới tư duy của Đảng, Nhà nước về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh	☐	☐	☐
1.2	Nâng cao nhận thức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	☐	☐	☐
1.3	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân	☐	☐	☐
1.4	Ý kiến khác:.....	☐	☐	☐
II	Nhóm giải pháp về thể chế, pháp chế			
2.1	Thể chế hóa các chuẩn mực đạo đức công dân trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội	☐	☐	☐
2.2	Phát huy vai trò của pháp luật trong điều chỉnh các chuẩn mực đạo đức công dân	☐	☐	☐
2.3	Khắc phục những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế	☐	☐	☐
2.4	Ý kiến khác:.....			
III	Nhóm giải pháp về xây dựng môi trường ĐĐCD			
3.1	Đẩy mạnh dân chủ hóa kết hợp với tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội	☐	☐	☐
3.2	Xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến về ĐĐCD	☐	☐	☐
3.3	Đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong xã hội	☐	☐	☐
3.4	Ý kiến khác:.....			
IV	Giải pháp về giáo dục ĐĐCD			
4.1	Đổi mới nội dung, hình thức giáo dục ĐĐCD	☐	☐	☐
4.2	Triển khai đồng bộ các biện pháp giáo dục ĐĐCD	☐	☐	☐
4.3	Đẩy mạnh tự giáo dục, tự rèn luyện ĐĐCD	☐	☐	☐
4.4	Ý kiến khác:.....			

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Quý vị!

Phụ lục 4
KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
(Đối tượng: Người dân)

I. THÔNG TIN NHÂN KHẨU - XÃ HỘI CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tỷ lệ độ tuổi

Độ tuổi	SL	%
Dưới 18 tuổi	103	26,7
Từ 18 đến 60 tuổi	197	51,1
Trên 60 tuổi	85	22,2
Tổng cộng	385	100,0

2. Tỷ lệ nghề nghiệp

Độ tuổi	SL	%
Nội trợ/Lao động tự do	73	18,9
Học sinh, sinh viên	172	44,6
Công nhân	75	19,4
Nông dân	65	17,1
Tổng cộng	385	100,0

3. Tỷ lệ học vấn

Độ tuổi	SL	%
Tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông	189	49,0
Cao đẳng, Đại học	141	36,6
Trên đại học	55	14,4
Tổng cộng	385	100,0

4. Tỷ lệ giới tính

Độ tuổi	SL	%
Nam	184	47,8
Nữ	201	52,2
Khác	0	0
Tổng cộng	385	100,0

5. Tỷ lệ dân tộc

Dân tộc	SL	%
Kinh	277	71,9
Ít người	108	28,1
Tổng cộng	385	100,0

II. NỘI DUNG TRUNG CẦU Ý KIẾN

Câu hỏi 1: Nhận thức về khái niệm ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Quan niệm	SL	%
Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước	254	66,0
Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh mối quan hệ giữa các cá nhân công dân với nhau	81	21,0
Là nguyên tắc, chuẩn mực do Nhà nước đặt ra nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội	50	13,0
Ý kiến khác	0	0

Câu hỏi 2: Nhận thức về mục tiêu xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Mục tiêu	SL	%
Xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh	210	54,5
Xây dựng con người mới XHCN	261	67,8
Góp phần củng cố và phát triển hệ thống các chuẩn mực ĐĐCD phù hợp với bản chất dân chủ của chế độ mới	251	65,2
Giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa ĐĐCD của nhân loại	211	54,8
Nhằm ngăn chặn, đẩy lùi những tàn dư đạo đức của chế độ cũ và chủ nghĩa cá nhân	250	64,9
Ý kiến khác	0	0

Câu hỏi 3: Đánh giá về mức độ cần thiết của những chuẩn mực ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Chuẩn mực đạo đức	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân	211	54,8	130	33,7	44	11,5
Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật	231	60	125	32,4	29	7,6
Yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động	221	57,4	132	34,2	32	8,4
Trách nhiệm với công việc chung	120	31,1	232	60,2	33	8,7
Đóng thuế đúng số, đúng kỳ	125	32,4	225	58,2	35	9,4
Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	189	49,1	147	38,1	49	12,8
Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung	310	80,5	52	13,5	23	6,0
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 4: Đánh giá về mức độ cần thiết của các phương thức xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Mức độ	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
	SL	%	SL	%	SL	%
Thông qua giáo dục - đào tạo	299	77,6	75	19,4	21	3,2
Thông qua thực tiễn đấu tranh cách mạng và lao động sản xuất	265	68,8	88	22,8	32	8,3
Thông qua quá trình tự giác tu dưỡng đạo đức của công dân	332	86,2	39	10,1	14	3,7
Thông qua các phong trào thi đua yêu nước	300	77,9	66	17,1	19	5,0
Thông qua tăng cường pháp chế XHCN	380	98,7	01	0,2	04	1,1
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 5: Đánh giá về hiệu quả xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Rất hiệu quả	289	75,1
Hiệu quả	19	4,9
Bình thường	03	0,8
Không hiệu quả	74	19,2

Câu hỏi 6: Đánh giá về mức độ quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Quan tâm rất lớn	301	78,2
Quan tâm lớn	25	6,5
Quan tâm bình thường	19	4,9
Chưa quan tâm	40	10,4

Câu hỏi 7: Đánh giá của người dân về sự quan tâm của người dân đối với nhiệm vụ xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Quan tâm rất lớn	81	21,0
Quan tâm lớn	201	52,2
Quan tâm bình thường	56	14,5
Chưa quan tâm	47	12,3

Câu hỏi 8: Đánh giá về thành tựu xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Thành tựu	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đã xây dựng được các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản cho các đối tượng công dân trên các lĩnh vực trọng yếu của đời sống xã hội	273	70,9	43	11,1	05	1,4	64	16,6
Đã xây dựng được hệ thống các nghị quyết, chỉ thị, quy định để ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái đạo đức	298	77,4	46	11,9	02	0,5	39	10,2
Đã chú trọng thực hiện các phương thức xây dựng ĐĐCD cơ bản	235	61,0	76	19,7	05	1,4	69	17,9
Các chuẩn mực ĐĐCD ngày càng được củng cố, phát triển và hoàn thiện đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	221	57,4	67	17,4	19	4,9	78	20,3
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 9: Đánh giá về sự cần thiết ban hành các nguyên tắc, chuẩn mực ĐĐCD hiện nay

Mức độ	SL	%
Rất cần thiết	287	74,5
Cần thiết	23	6,0
Không cần thiết	69	17,9
Khó trả lời	06	1,6

Câu hỏi 10: Đánh giá về sự cần thiết ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái ĐĐCD

Mức độ	SL	%
Rất cần thiết	287	74,5
Cần thiết	52	13,5
Không cần thiết	42	10,9
Khó trả lời	04	1,1

Câu hỏi 11: Đánh giá về ý thức tuân thủ các chỉ thị, quy định về phòng, chống suy thoái đạo đức của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	280	72,7
Khá	60	15,6
Trung bình	40	13,4
Yếu	05	1,3

Câu hỏi 12: Đánh giá về kết quả thực hiện các phương thức xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh của Việt Nam hiện nay

Phương thức xây dựng	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%
Đề cao trách nhiệm nêu gương đạo đức của các đối tượng công dân	75	19,4	150	38,9	160	41,7
Giáo dục ĐĐCD	89	23,1	201	52,2	95	24,7
Lao động sản xuất và phát triển kinh tế	55	14,2	175	45,4	155	40,4
Các đợt sinh hoạt chính trị và các phong trào thi đua yêu nước	113	29,3	201	52,2	71	18,5
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 13: Đánh giá về hiệu quả giáo dục ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong gia đình, nhà trường, xã hội ở Việt Nam hiện nay

Môi trường giáo dục	Rất tốt		Tốt		Chưa tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%
Giáo dục ĐĐCD trong gia đình	190	49,3	105	27,3	90	23,4
Giáo dục ĐĐCD trong Nhà trường	203	52,7	108	28,0	74	19,3
Giáo dục ĐĐCD trong xã hội	89	23,1	190	49,3	106	27,6

Câu hỏi 14: Đánh giá về mức độ chuyển biến của ý thức ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Ý thức ĐĐCD	Mức độ					
	Chuyển biến nhanh		Chuyển biến chậm		Không chuyển biến	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần yêu nước, ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân	330	85,7	45	11,6	10	2,7
Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật	205	53,2	100	26,7	80	20,1
Yêu lao động, tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động	198	51,4	101	26,2	86	22,4
Trách nhiệm với công việc chung	177	46,0	110	28,5	98	25,5
Đóng thuế đúng kỳ, đúng số	127	33,0	190	49,3	68	17,7
Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc	252	65,4	125	32,5	08	2,1
Tinh thần quốc tế trong sáng, thủy chung	320	83,1	23	5,9	42	11,0
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 15: Đánh giá về tinh thần yêu nước và ý thức đề cao trách nhiệm cộng đồng của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	331	85,9
Khá	19	4,9
Trung bình	25	6,5
Yếu	10	2,7

Câu hỏi 16: Đánh giá về ý thức tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	161	41,7
Khá	50	13,0
Trung bình	100	26,0
Yếu	74	19,3

Câu hỏi 17: Đánh giá về tinh thần yêu lao động và chấp hành nghiêm kỷ luật lao động của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	91	31,9
Khá	30	10,5
Trung bình	120	31,2
Yếu	44	11,4

Câu hỏi 18: Đánh giá về ý thức giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	165	42,7
Khá	31	8,0
Trung bình	107	27,7
Yếu	82	21,6

Câu hỏi 19: Đánh giá về ý thức chấp hành chính sách thuế của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	137	35,5
Khá	42	10,9
Trung bình	98	25,4
Yếu	108	28,2

Câu hỏi 20: Đánh giá về ý thức bảo vệ Tổ quốc của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	150	49,3
Khá	23	5,9
Trung bình	100	25,9
Yếu	72	18,9

Câu hỏi 21: Đánh giá về tinh thần quốc tế của công dân Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Tốt	200	51,9
Khá	43	11,2
Trung bình	80	20,8
Yếu	62	16,1

Câu hỏi 22: Đánh giá về nguyên nhân của những thành tựu trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam (chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân)

Nguyên nhân	Mức độ					
	Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tác động tích cực của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường	345	89,6	23	5,9	17	4,5
Nhà nước pháp quyền XHCN được không ngừng xây dựng và hoàn thiện	300	77,9	50	12,9	35	9,2
Đảng, Nhà nước và toàn xã hội luôn quan tâm, chú trọng đến xây dựng ĐĐCD	351	91,1	18	4,6	16	4,1
Nhận thức về xây dựng đạo đức của phần lớn công dân được nâng lên	357	89,6	14	5,2	14	5,2
Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông	251	65,1	43	11,1	91	23,8
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 23: Đánh giá mức độ hạn chế về xây dựng ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Nội dung hạn chế	Mức độ					
	Rất hạn chế		Hạn chế		Không hạn chế	
	SL	%	SL	%	SL	%
Việc thể chế hóa và triển khai xây dựng các nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực ĐĐCD còn bộc lộ một số hạn chế	53	13,7	170	44,1	162	42,2
Việc triển khai thực hiện một số nghị quyết, chỉ thị, quy định về ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái đạo đức còn chưa đồng bộ, hiệu quả thấp.	63	16,3	206	53,5	116	30,2
Một số phương thức xây dựng ĐĐCD chưa được vận dụng phù hợp với thực tiễn và đặc điểm đối tượng	90	23,3	170	44,1	125	32,6
Hiện tượng suy thoái ĐĐCD diễn biến phức tạp đến mức đáng lo ngại	201	52,2	100	25,9	84	21,9
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 24: Đánh giá về mức độ nghiêm trọng của hiện tượng suy thoái về ĐĐCD ở Việt Nam hiện nay

Nội dung hạn chế	Mức độ					
	Rất nghiêm trọng		Nghiêm trọng		Không nghiêm trọng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tinh thần yêu nước, trách nhiệm phụng sự Tổ quốc của một bộ phận công dân chưa được phát huy đầy đủ	240	62,3	101	26,3	44	11,4
Ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của một bộ phận công dân còn hạn chế	206	53,5	95	24,6	84	21,9
Kỷ luật lao động nhìn chung lỏng lẻo, năng suất lao động thấp	226	58,7	65	16,8	94	24,5
Trách nhiệm công dân trong tham gia công việc chung của xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng	231	60,0	78	20,2	76	19,8
Hành vi trốn thuế, buôn lậu, làm hàng giả ngày càng tinh vi, phổ biến đe dọa sự phát triển lành mạnh của đời sống KT-XH đất nước.	221	57,4	76	19,8	98	22,8
Hiện tượng trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc có chiều hướng gia tăng	276	71,6	23	5,9	96	22,5
Tư tưởng dân tộc vị kỷ, cực đoan còn tồn tại ở một bộ phận công dân	150	39,0	60	15,6	75	19,5
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 25: Hành động của bản thân khi chứng kiến những biểu hiện suy thoái ĐĐCD

Hành động	SL	%
Đóng góp chân thành, thẳng thắn trong sinh hoạt	181	47,0
Đóng góp riêng	176	45,7
Mặc kệ	20	5,2
Khó trả lời	08	2,1

Câu hỏi 26: Đánh giá về ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của công dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Mức độ	SL	%
Rất tốt	90	23,4
Tốt	105	27,3
Trung bình	89	23,1
Chưa tốt	101	26,2

Câu hỏi 27: Hành động của bản thân khi được người khác đóng góp ý kiến về vấn đề đạo đức

Thái độ	SL	%
Tiếp thu, sửa chữa	316	82,1
Tiếp thu, không sửa chữa	49	12,7
Không tiếp thu, không sửa chữa	10	2,6
Khó trả lời	10	2,6

Câu hỏi 28: Đánh giá về nguyên nhân của những hạn chế trong xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam (chỉ ra mức độ quan trọng của từng nguyên nhân)

Nguyên nhân hạn chế	Mức độ					
	Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Mặt trái của toàn cầu hóa và kinh tế thị trường tác động tiêu cực	346	89,8	20	5,2	19	5,0
Hệ thống pháp luật, chính sách về KT- XH thiếu đồng bộ	298	75,1	41	10,6	46	11,9
Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về xây dựng ĐĐCD chưa thực sự đầy đủ, toàn diện và sâu sắc	315	81,8	46	11,9	24	6,2
Sự thiếu tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của một bộ phận công dân	355	92,2	12	3,1	18	4,7
Sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, đạo đức, lối sống.	331	86,0	23	5,9	31	8,1
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0

Câu hỏi 29: Những vấn đề đặt ra từ thực trạng xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay

Vấn đề đặt ra	SL	%
Thách thức trong việc thu hẹp khoảng cách giữa chuẩn mực đạo đức và hành vi đạo đức thực tế của công dân	373	96,8
Thiếu đồng bộ giữa nội dung giáo dục ĐĐCD và môi trường đạo đức xã hội	356	92,4
Bất cập giữa nhận thức về quyền và ý thức về nghĩa vụ của công dân	341	88,5
Bất cập giữa yêu cầu kế thừa truyền thống đạo đức dân tộc với tiếp thu các chuẩn mực đạo đức công dân hiện đại	379	98,4
Khó khăn trong việc xác lập ranh giới giữa tính hợp pháp và tính hợp đạo trong ứng xử ĐĐCD	319	82,8
Ý kiến khác	0	0

Câu hỏi 30: Đánh giá về những giải pháp xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam hiện nay (đánh giá về mức độ quan trọng của từng giải pháp)

Giải pháp	Mức độ					
	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
	SL	%	SL	%	SL	%
Nhóm giải pháp về nhận thức						
Đổi mới tư duy của Đảng, Nhà nước về xây dựng ĐĐCD theo tư tưởng Hồ Chí Minh	321	83,3	41	10,6	23	6,1
Nâng cao nhận thức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	311	80,7	31	8,1	43	11,2
Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân	382	99,2	01	0,3	02	0,5
Ý kiến khác	0	00	0	0	0	0
Nhóm giải pháp về thể chế, pháp chế						
Thể chế hóa các chuẩn mực đạo đức công dân trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội	334	86,8	12	3,1	39	10,1
Phát huy vai trò của pháp luật trong điều chỉnh các chuẩn mực đạo đức công dân	278	72,2	65	16,8	42	11
Khắc phục những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế	353	91,6	31	8,1	01	0,3
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0
Nhóm giải pháp về xây dựng môi trường ĐĐCD						
Đẩy mạnh dân chủ hóa kết hợp với tăng cường kỷ luật, kỷ cương xã hội	219	56,9	150	39,0	16	4,1
Tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong xã hội	231	60,0	135	35,1	19	4,9
Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong xây dựng ĐĐCD	364	94,5	20	5,2	01	0,3
Phát huy vai trò của báo chí, truyền thông và dư luận xã hội trong xây dựng ĐĐCD	221	57,4	34	8,8	30	7,8
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0
Nhóm giải pháp về giáo dục ĐĐCD						
Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức giáo dục đạo đức công dân	310	80,5	20	5,2	55	14,3
Biện pháp giáo dục đạo đức công dân phải đồng bộ, thiết thực hiệu quả	311	80,7	32	8,3	42	11
Đẩy mạnh tự giáo dục, rèn luyện đạo đức phù hợp với từng đối tượng công dân	350	90,9	10	2,6	25	6,5
Ý kiến khác	0	0	0	0	0	0